

# ERICH MARIA REMARQUE

Tiểu thuyết



## Lên LISBON

LÊ KHÁNH dịch

NGHỆ SĨ BẢN  
VĂN HỌC

vh  DONGA

# **ĐÊM LISBON**



Nguyên tác: **The Night in Lisbon**

Tác giả: **Erich Maria Remarque**

Dịch giả: **Lê Khánh**

Phát hành: **Đông A**

Xuất bản: **NXB Văn Học - 2017**

---

**ebook©vctvegroup**

# TOC

- [CHƯƠNG 1](#)
- [CHƯƠNG 2](#)
- [CHƯƠNG 3](#)
- [CHƯƠNG 4](#)
- [CHƯƠNG 5](#)
- [CHƯƠNG 6](#)
- [CHƯƠNG 7](#)
- [CHƯƠNG 8](#)
- [CHƯƠNG 9](#)
- [CHƯƠNG 10](#)
- [CHƯƠNG 11](#)
- [CHƯƠNG 12](#)
- [CHƯƠNG 13](#)
- [CHƯƠNG 14](#)
- [CHƯƠNG 15](#)
- [CHƯƠNG 16](#)
- [CHƯƠNG 17](#)
- [CHƯƠNG 18](#)
- [• CHÚ THÍCH •](#)

# CHƯƠNG 1

Tôi chăm chú nhìn con tàu buông neo trên sông Tagus, đèn thấp sáng rực rỡ. Mặc dầu tôi ở lại Lisbon đã được một tuần lễ, tôi vẫn chưa quen được với cái ánh sáng rực rỡ vô tư lự của nó. Ở những miền đất nước mà tôi đã ra đi, thành phố tối đen như hầm mỏ than, và ngọn đèn lồng trong bóng đêm còn kinh khiếp hơn bệnh dịch thời Trung Cổ. Và đó là châu Âu của thế kỷ hai mươi.

Đó là con tàu chở hành khách; nó đang được chất hàng. Tôi biết nó sẽ ra khơi vào chiều ngày hôm sau. Trong ánh sáng gay gắt của những bóng điện trần, những thùng thịt, cá, thực phẩm đóng hộp, bánh mì và rau tươi đang được đưa xuống hầm chứa hàng. Công nhân bốc dỡ đưa hành lý lên tàu, nâng những thùng, những kiện hàng lên tàu một cách lặng lẽ, tưởng như chúng nhẹ tênh. Con tàu đang được chuẩn bị để làm một cuộc hành trình - như con tàu cứu rỗi vào thời Hồng thủy. Nó đúng là một thuyền cứu rỗi. Bất kỳ chiếc tàu nào rời châu Âu vào những tháng đó của năm 1942 cũng là một tàu cứu rỗi. Đỉnh Ararat <sup>[1]</sup> xưa kia nay là nước Hoa Kỳ, và nước lũ dâng cao lên từng ngày. Đã lâu nó ào vào nước Đức và nước Áo, nay nó làm chìm ngập Ba Lan và Praha; rồi đến lượt Amsterdam, Brussels, Copenhagen, Oslo và Paris. Tiếp theo là các thành phố nước Ý đã nghe nó thấm rĩ vào, và cả Tây Ban Nha cũng không thoát được. Bờ biển Bồ Đào Nha trở thành niềm hy vọng cuối cùng của những người tị nạn mà công lý, tự do và lòng khoan dung đối với họ có giá trị hơn cả quê hương và cuộc sống. Nơi đây là cửa ngõ vào Hoa Kỳ. Nếu bạn không đến đó được, tức là bạn hết thời, bạn sẽ phải mòn mỏi tiêu hao trong đám rừng rậm của những tòa lãnh sự, đồn cảnh sát, và những cơ quan chính phủ, nơi đây hộ chiếu bị từ chối, công việc làm ăn và giấy phép cư trú không thể có, cả một rừng chằng chịt những trại tập trung, cả một hệ thống giấy tờ thủ tục hành chánh, nổi cô đơn, nhớ nhà và sự lãnh đạm khô héo của mọi người. Như thường lệ trong thời chiến, sợ hãi và ưu phiền, cả đến sinh mạng cá thể

của con người cũng không còn có nữa. Chỉ một điều duy nhất là đáng kể: một tờ giấy thông hành có giá trị.

Tối hôm ấy tôi đến sòng bạc Casino Estoril để đánh bạc. Tôi còn giữ được một bộ quần áo tươm tất nên họ để tôi vào. Đây là cố gắng cuối cùng và tuyệt vọng của tôi để thách đố số phận. Giấy phép cư trú tại Bồ Đào Nha của chúng tôi trong vài ngày nữa là hết hạn, mà tôi và Ruth chẳng có giấy hộ chiếu nào khác. Khi ở Pháp, chúng tôi đã vạch kế hoạch và liệt kê danh sách các chuyến tàu có thể đi New York. Con tàu bỏ neo tại sông Tagus này là chiếc sau cùng có ghi trên danh sách của chúng tôi. Vé tàu thì đã bán ra từ nhiều tháng nay; mà chúng tôi lại không có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ, và còn thiếu hơn ba trăm đô la để mua vé. Ít ra tôi cũng cố gắng nâng số tiền này lên bằng cách còn có thể được đối với một người nước ngoài tại Lisbon, đó là đánh bạc. Thật là một ý nghĩ điên rồ vì nếu tôi đánh bạc có ăn đi nữa thì cũng phải có thêm một phép lạ chúng tôi mới lên tàu được. Nhưng trong lúc hiểm nguy và tuyệt vọng, bạn thường tin tưởng vào phép màu, nếu không bạn sẽ chìm luôn.

Tôi đã thua mất năm mươi sáu đô la trong số sáu mươi hai đô la chúng tôi còn lại.

Đêm đã về khuya và bến tàu thì gần như hoang vắng. Nhưng một lát sau tôi nhận ra có một người đàn ông cách tôi không xa. Lúc đầu thì hắn thả bộ phát phơ, sau đó hắn dừng lại và cũng bắt đầu chăm chú nhìn ra con tàu. Lại một kẻ tị nạn bị bỏ rơi, tôi chợt nghĩ, và không chú ý đến hắn nữa, cho đến lúc tôi có cảm giác là hắn đang nhìn tôi. Dân tị nạn không bao giờ đánh mất nỗi lo sợ đối với cảnh sát, dù là trong giấc ngủ hoặc trong lúc chẳng có gì phải sợ hãi cả. Bởi thế nên tôi quay đi, giả vờ như đứng đưng chán chường và bắt đầu chậm rãi rời khỏi cầu tàu, như một người chẳng có gì phải lo sợ cả.

Một lúc sau, tôi lại nghe tiếng bước chân đằng sau. Tôi vẫn tiếp tục đi mà không vội vã, vừa tự hỏi làm sao tôi có thể báo cho Ruth biết tin nếu tôi rủi bị bắt. Những ngôi nhà màu tùng lam ở cuối cầu tàu ngái ngủ như những con bướm đêm, đối với tôi thật vẫn còn quá xa để tôi có thể chạy đến đó và biến mất trong mấy đường phố quanh co chằng chịt.

Giờ đây thì hắn đã đứng ngay bên cạnh tôi.

— Ông là người Đức? - Hắn hỏi tôi bằng tiếng Đức.

Tôi lắc đầu và tiếp tục bước đi.

— Người Áo?

Tôi cũng không trả lời. Tôi nhìn những ngôi nhà màu tùng lam đang tiến lại gần một cách quá chậm chạp. Tôi thừa biết có những cảnh sát viên người Bồ Đào Nha nói tiếng Đức rất thạo.

— Tôi không phải là cảnh sát. - Gã đàn ông nói.

Tôi không tin lời hắn. Hắn mặc thường phục, nhưng đã có năm bảy lần những người mặc thường phục bắt tôi ở châu Âu. Tôi có giấy tờ tùy thân, vốn là một tác phẩm không đến nỗi tệ lắm do một giáo sư dạy toán người gốc thành phố Praha ở Paris thực hiện, nhưng nếu bị kiểm tra kỹ thì chắc sẽ không chút giá trị gì.

— Tôi thấy ông nhìn con tàu, - Người đàn ông nói, - Điều đó khiến tôi nghĩ rằng...

Tôi đứng dưng nhìn hắn ta. Thật tình thì hắn chẳng có vẻ gì là cảnh sát cả, nhưng người đàn ông mặc thường phục mới đây đã tóm cổ tôi ở Bordeaux lần vừa rồi cũng có vẻ thảm hại như Lazarus<sup>[1]</sup> khi ra khỏi mồ sau ba ngày, ấy thế mà hắn lại là kẻ tàn bạo nhất trong đám. Hắn đã bắt tôi, dẫu hắn biết qua hôm sau quân Đức sẽ có mặt tại đó, và đời tôi kể như chấm dứt nếu không có tên cai ngục tốt bụng thả tôi ra vài giờ sau đó.

— Ông muốn đi New York không? - Người đàn ông hỏi.

Tôi không trả lời; chỉ cần hai mươi thước nữa thôi, và nếu cần, tôi có thể đánh gục hắn rồi tẩu thoát.

— Đây là hai vé để đáp thuyền tàu đó. - Người đàn ông nói và cho tay vào túi.

Tôi trông thấy hai tấm vé. Dưới ánh đèn yếu ớt, tôi không thể đọc trong ấy viết những gì. Nhưng chúng tôi đã ở vào một khoảng cách khá đủ và bây giờ nếu dừng lại thì cũng chẳng sao.

— Tất cả những điều này có nghĩa gì thế? - Tôi hỏi hắn bằng tiếng Bồ Đào Nha; tôi đã học được ít câu ngôn ngữ đó.

— Ông có thể dùng hai tấm vé đó. - Người đàn ông bảo. - Tôi không cần đến nữa.

— Ông không cần đến chúng sao? Ông muốn nói gì vậy?

— Tôi không cần đến vé tàu nữa.

Tôi nhìn chòng chọc vào người đàn ông. Tôi không thể hiểu nổi. Quả thật hẳn chẳng có vẻ gì là cảnh sát cả. Nếu muốn bắt tôi thì hẳn có thể làm việc đó mà không cần đến những ngón nghề hoa hòe hoa sói như vậy. Nếu mấy tấm vé kia có giá trị, tại sao hẳn không thể sử dụng được? Và tại sao hẳn lại biểu tôi? Có một cái gì đó bắt đầu run rẩy trong tôi.

Sau cùng tôi đáp bằng tiếng Đức:

— Tôi không thể mua những tấm vé ấy được. Chúng rất đắt, bằng cả một gia sản. Tại Lisbon này, có những kẻ dư của nhiều tiền; họ có thể trả bất cứ giá nào ông muốn. Ông đã gặp không đúng người rồi. Tôi chẳng có tiền.

— Tôi không muốn bán. - Người đàn ông đáp.

Tôi nhìn lại những tấm vé.

— Mấy vé ấy thật hay giả?

Hắn chìa cho tôi những tấm vé, chẳng nói một lời. Chúng kêu sột soạt giữa mấy ngón tay tôi. Quả thật chúng là những tấm vé thật. Có những tấm vé này, đó là sự khác nhau giữa sự hủy diệt và cứu rỗi. Cho dầu tôi không sử dụng được vì không có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ, thì sáng hôm sau, chúng tôi vẫn có thể cố gắng xin dấu nhập cảnh, hay ít ra cũng có thể bán vé lại. Như thế có nghĩa là tôi có thể kéo dài cuộc sống thêm sáu tháng nữa.

— Quả thật tôi không hiểu? - Tôi nói.

— Ông có thể dùng những tấm vé đó, - Hẳn đáp lại, - Mà chẳng phải trả bất cứ một thứ gì. Sáng mai đây tôi sẽ rời Lisbon. Chỉ có một điều kiện.

Đôi tay tôi chùng xuống. Tôi hiểu rằng đây là một câu chuyện quá đẹp nên khó trở thành sự thật.

— Điều kiện gì? - Tôi hỏi.

— Đêm nay tôi không muốn phải cô đơn.

— Ông muốn tôi ở lại với ông?

— Vâng. Cho đến sáng ngày mai.

— Có thể thôi sao?

— Vâng, chỉ có thể.

— Chẳng có gì khác nữa sao?

— Không, chẳng có gì khác nữa.

Tôi nhìn hắn, bán tính bán nghi. Dĩ nhiên, tôi cũng hiểu người ta trong hoàn cảnh chúng tôi có thể rã rời, chán nản; đôi khi nỗi cô đơn là điều không thể chịu đựng được. Tôi hiểu rõ nỗi sợ hãi, sự trống vắng tấn công những kẻ mà đối với họ thế giới đã biến thành một khoảng cô quạnh, và tôi cũng biết sự có mặt của một người, dù là hoàn toàn xa lạ, còn có thể cứu được người ta khỏi tự vẫn. Nhưng trong những tình cảnh như thế người ta giúp lẫn nhau là chuyện thường tình, chẳng cần đưa ra một đền đáp nào cả. Mà lại là một sự đền đáp như thế.

— Ông ở đâu? - Tôi hỏi.

Hắn khoát tay ra dấu không có:

— Chẳng có nơi nào cho dân tị nạn tìm chút khuây khỏa sao? Một nơi giống quán Café de la Rose ở Paris chẳng hạn?

— Tôi không muốn đến đó. Chẳng có một quán rượu nào còn mở cửa nữa sao?

— Chắc phải có chứ?

Tôi biết quán Café de la Rose. Ruth và tôi đã ngủ tại đó trong suốt hai tuần lễ. Chủ nhân để cho bạn ở đấy bao lâu cũng được với giá tiền một tách cà phê thôi. Bạn cứ trải vài tờ báo ra và nằm ngủ ngay nơi sàn nhà. Tôi chưa bao giờ ngủ trên bàn; ngủ dưới sàn nhà thì không còn rơi xuống đâu nữa.

— Tôi chẳng biết quán nào cả. - Tôi đáp.

Điều này không đúng, nhưng ta không thể đưa người có hai vé tàu đến một nơi mà nhiều người dám bỏ mất linh hồn để có được chúng.

— Tôi chỉ biết có một chỗ. - Người đàn ông nói, - Ta có thể đến đó thử. May ra nó còn mở cửa.

Hắn tiến gần một chiếc taxi đơn độc và nhìn tôi.

— Cũng được vậy. - Tôi nói.



Chúng tôi bước lên xe và hấn cho người lái xe một địa chỉ. Tôi muốn cho Ruth biết đêm hôm đó tôi không về, nhưng khi bước lên chiếc taxi tối om và hôi hám, tôi bị vây bủa bởi một niềm hy vọng quá mãnh liệt và khủng khiếp đến nỗi đầu óc tôi tưởng như quay cuồng. Có thể tất cả chuyện này là thật; có thể là mạng sống của chúng tôi chưa đến lúc tận cùng và điều không thể lại có thể xảy đến; có lẽ chúng tôi sắp được cứu thoát. Một khi ý tưởng này đi sâu vào tâm não, tôi lại đâm ra lo sợ người khách lạ biến mất khỏi tầm mắt mình, dẫu chỉ trong giây phút.

Chúng tôi đi lòng vòng quanh quảng trường Praca do Comércio, một nơi trông có vẻ là hí trường, và một lát sau, chúng tôi đến khu gồm những ngõ hẻm chằng chịt và nhiều bậc thang. Tôi không biết khu này của thành phố Lisbon. Lâu nay tôi chỉ quen thuộc với những giáo đường và viện bảo tàng; chẳng phải vì tôi quá yêu Thượng đế hay nghệ thuật, mà vì trong giáo đường hay viện bảo tàng chẳng ai hỏi đến giấy tờ bạn cả. Trước mặt đáng Ki-tô đóng đinh trên thập giá và trước các bức danh họa, bạn vẫn còn là con người chứ không phải là một kẻ nào đó với mớ giấy tờ khả nghi.

Chúng tôi xuống taxi và tiếp tục lần lên những đường bậc thang và những con phố quanh co. Đây đây phảng phất mùi cá, mùi tỏi, mùi hoa đêm, mùi nắng đã tắt lịm và mùi của giấc ngủ. Dưới vầng trăng đang nhô lên, lâu đài thánh George vươn lên cao khỏi bóng đêm từ một phía, và ánh trăng tuôn tràn trên mấy lối nấc thang. Tôi đi quanh quất và nhìn xuống cảng. Dưới kia là con sông, mà con sông là tự do và cuộc sống; nó chảy ra đại dương, mà đại dương có nghĩa là Hoa Kỳ.

Tôi dừng bước, lặng lẽ.

— Tôi mong ông không đùa với tôi đấy chứ? - Tôi nói.

— Không. - Người đàn ông trả lời.

— À, tôi muốn nói là đùa cợt với những tấm vé đó.

Hấn đã bỏ những tấm vé tàu vào túi khi đến cầu tàu.

— Không. - Hấn trả lời. - Tôi không đùa đâu.

Hấn chỉ về hướng một khu nhà nhỏ nhắn đóng khung trong vòm cây.

— Đó là nơi tôi muốn nói đến. Quán này vẫn còn mở cửa. Không ai chú ý đến chúng ta đâu. Hầu hết khách ăn uống đều là người nước ngoài. Họ sẽ nghĩ chúng ta ra đi ngày mai và chúng ta uống mừng đêm cuối cùng ở Bồ Đào Nha trước khi đáp tàu thủy.

Nhà hàng thuộc loại tiệm ăn đêm với một sàn nhảy bé tí xíu và một hàng hiên để phục vụ du khách đến và đi. Có ai đó đang chơi đàn ghi ta và ở cuối phòng một cô gái đang hát một bài dân ca ai oán Bồ Đào Nha. Ngoài hàng hiên, phần lớn những dãy bàn đã có người ngoại quốc ngồi rồi. Có một thiếu phụ mặc dạ phục và một người đàn ông mặc smoking. Chúng tôi tìm được một cái bàn ở phía cuối hàng hiên. Từ đây ta có thể trông xuống thành phố Lisbon, những nhà thờ trong ánh sáng mờ nhạt, những đường phố, hải cảng, những cầu tàu và chiếc tàu “cứu rỗi”.

— Ông có tin vào sự sống lại sau khi chết không? - Người đàn ông có những tấm vé hỏi.

Tôi ngước nhìn lên. Tôi chờ đợi bất cứ mọi chuyện trừ câu hỏi này. Sau cùng, tôi nói:

— Tôi cũng không biết nữa. Trong những năm gần đây, tôi mãi lo lắng về việc làm sao sống còn được trước khi chết. Tôi sẽ nghĩ đến vấn đề kia một khi đến được Hoa Kỳ. - Tôi nói thêm, có ý nhắc hấn mấy tấm vé tàu hấn hứa cho tôi.

— Còn tôi thì không. - Hấn bảo.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi sẵn sàng nghe bất cứ chuyện gì nhưng không tài nào chịu nổi một cuộc tranh luận. Tôi quá mệt mỏi. Bên dưới kia, con tàu nằm chờ đợi.

Người đàn ông ngồi đó hồi lâu, như thể ngủ mà mắt vẫn mở. Đến lúc người chơi ghi ta bước ra hàng hiên thì hấn vội thức dậy.

— Tôi tên là Schwarz. - Hấn nói, - Đó không phải là tên thật của tôi đâu, chỉ là cái tên trên thẻ thông hành của tôi thôi. Nhưng tôi đã quen với nó rồi. Với cái tên ấy đêm nay thì cũng ổn thôi. Ông ở Pháp có lâu không?

— Mãi đến lúc họ không cho phép tôi lưu lại đó nữa.

— Bị giam ư?

— Vâng, khi chiến tranh bùng nổ, như mọi người.

Người đàn ông gật gù.

— Chúng tôi cũng thế. Tôi đã hạnh phúc. - Giọng hắn chùng xuống và mặt ngoảnh đi. - Tôi rất hạnh phúc, tưởng như tôi chưa bao giờ nghĩ có thể được hạnh phúc đến như vậy.

Tôi ngạc nhiên quay người lại. Thật tình hắn chẳng có vẻ gì là người muốn nói chuyện bằng giọng điệu như thế. Trông hắn có vẻ khó tả và kín đáo.

— Lúc nào thế? Trong trại tập trung hả? - Tôi hỏi.

— Không phải đâu. Trước kia nữa.

— Vào năm 1939? Tại Pháp?

— Đúng vậy. Mùa hè trước khi chiến tranh bùng nổ. Đến nay tôi vẫn không hiểu tại sao cứ sự lại xảy ra như thế. Chính vì vậy mà giờ đây tôi cần phải nói chuyện với một ai đó. Ở đây, tôi chẳng quen biết ai cả. Nhưng nếu tôi được kể với ai về chuyện đó, tôi có thể hồi tưởng lại một cách dễ dàng. Trong trí tôi nó sẽ rõ nét hơn. Và nó sẽ còn lại đó. Thật ra, tôi chỉ cần...

Bỗng nhiên, hắn ngừng lại. Một lát sau, hắn lại hỏi:

— Ông hiểu chứ?

— Vâng, chẳng có gì khó hiểu cả ông Schwarz ạ.

— Không tài nào hiểu nổi đâu, ông ơi. - Đột nhiên hắn trả lời một cách giận dữ. - Nàng nằm đó, trong phòng đóng kín cửa sổ, trong một cỗ quan tài góm ghiếc; nàng đã chết, nàng không còn sống nữa! Ai hiểu được điều đó chẳng? Chẳng ai cả. Cả ông lẫn tôi đều không thể hiểu. Chẳng ai cả, và kẻ nào đó bảo rằng y hiểu được, kẻ đó là một tên khoác lác.

Tôi chẳng nói gì và chờ đợi. Tôi đã từng ngồi tiếp chuyện với một người trong hoàn cảnh tương tự. Nhưng mất mát, thua thiệt thật khó mà chịu đựng nổi khi bạn không có lấy một quê hương riêng cho bạn. Chẳng có gì để nâng đỡ bạn, và cái đất nước xa lạ kia lại càng trở nên xa lạ một cách khủng khiếp hơn. Bản thân tôi đã có kinh nghiệm về chuyện này ở Thụy Sĩ, khi hay tin bố mẹ tôi đã bị giết và hỏa thiêu trong một trại tập trung. Cái ý nghĩ về đôi mắt mẹ tôi trong ngọn lửa lò hỏa thiêu vẫn ám ảnh tôi mãi.

— Tôi chắc rằng, - Schwarz nói một cách điềm tĩnh hơn, - Ông cũng đã ném qua những nỗi phập phồng, kinh hãi của người dân tị nạn là như thế nào rồi.

Tôi gật đầu. Người hầu bàn mang ra cho chúng tôi một bát đầy tôm. Đột nhiên tôi mới nhớ tôi chưa ăn gì kể từ bữa cơm trưa. Tôi ngập ngừng nhìn về phía Schwarz.

— Mời ông cứ tự nhiên dùng bữa đi. - Hấn nói, - Còn tôi, tôi chờ.

Hấn kêu rượu chát và thuốc lá. Tôi ăn thật nhanh. Tôm tươi được ướp gia vị thật tuyệt.

— Bỏ lỗi cho tôi nhé. - Tôi nói, - Quả thật là tôi rất đói.

Tôi vừa ăn vừa quan sát Schwarz. Hấn ngồi đó, thản nhiên nhìn xuống cái sân khấu bao la mang tên Lisbon mà không nôn nóng hoặc giận dữ gì. Chính điều này khiến tôi bỗng nhiên có đôi chút cảm tình đối với hấn. Dường như hấn nhận ra, dầu sách dạy lịch sự có nói gì về vấn đề này, người ta vẫn có thể thấy đói ngay cả trong sự hiện diện của nỗi bất hạnh mà chẳng thấy cảm xúc gì cả. Nếu bạn chẳng làm được điều gì có ích hơn, ít ra bạn cũng có thể dùng nốt bữa ăn của bạn trước khi người ta dẹp nó đi. Bởi điều này có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Tôi đẩy đĩa thức ăn qua một bên và đốt một điếu thuốc. Đã lâu lắm tôi chưa được hút thuốc. Tôi đã phải nhịn thuốc hầu có thêm chút ít tiền để đánh bạc.

— Nỗi lo sợ hốt hoảng đã nhập vào tôi mùa xuân năm 1939. - Schwarz nói, - Hơn năm nay nay tôi là dân tị nạn. Mùa thu năm 1938 ông ở đâu?

— Ở Paris.

— Tôi cũng thế. Nhưng rồi thì tôi bỏ cuộc. Đạo ấy là ngay trước lúc ký thỏa ước Munich<sup>[\*]</sup>. Nỗi khiếp sợ của tôi rồi tự nhiên cũng qua đi. Tuy vậy, tôi vẫn tiếp tục lẩn trốn và cảnh giác vì thói quen, nhưng nay tôi đã bỏ cuộc rồi. Chiến tranh sẽ nổ ra và người Đức sẽ đến đây bắt tôi. Âu đó cũng là số phận của tôi. Tôi đành chịu vậy.

Tôi gật đầu.

— Đó là vào hồi có làn sóng tự sát. Quả thật là lạ. Một năm rưỡi sau khi quân Đức đến thật sự thì những vụ tự tử lại ít hơn.

Tiếp đó là thỏa ước Munich. - Schwarz tiếp, - Mùa thu năm ấy, chúng tôi lại được sống thoải mái hơn. Cuộc sống thật là ngọt ngào, nhẹ nhàng, thanh thản, nên chúng tôi đâm ra thiếu cảnh giác. Năm ấy, quả thật hàng cây dẻ lại trổ hoa một lần nữa ở Paris, ông còn nhớ chứ? Việc này đã khắc sâu vào tâm trí tôi rồi. Một lần nữa tôi lại cảm thấy tôi là con người, và điều tệ hơn nữa là tôi lại hành động như một con người cho nên cảnh sát bắt tôi và giam tôi trong bốn tuần lễ về tội nhập cảnh bất hợp pháp. Ở đâu thì cũng diễn ra cái màn cũ đó. Chúng tôi qua biên giới tại Basel, rồi người Thụy Sĩ đẩy tôi trở lại, người Pháp lại tống tôi trở ra tại một địa điểm khác. Tôi bị bắt nhốt lần nữa, chắc ông cũng biết cái thủ tục luẩn quẩn đó, cái trò đánh cờ bằng con người.

— Vâng, tôi biết. Nếu là mùa đông thì chẳng vui thú gì. Chỉ có nhà lao Thụy Sĩ là đàng hoàng nhất. Được sưởi ấm như khách sạn.

Tôi lại tiếp tục ăn. Với những kỷ niệm khó chịu, vẫn có một khía cạnh tốt: chúng khiến ta nghĩ ta được hạnh phúc trong khi chỉ một lúc trước đó ta lại tin vào điều trái ngược hẳn. Hạnh phúc chỉ là vấn đề mức độ. Khi nhận thức được như vậy, ít khi bạn hoàn toàn khổ sở.

Tôi đã được sung sướng trong nhà tù Thụy Sĩ chỉ vì không phải là nhà tù Đức. Nhưng giờ đây, trước mặt tôi là một người đàn ông đang ngồi nói chuyện với tôi, tưởng như hẳn được hạnh phúc mặc dầu đâu đây, tại Lisbon này, có một cỗ quan tài đã được dựng lên trong một căn phòng thiếu không khí.

— Lần vừa rồi, lúc thả tôi ra, họ bảo sẽ tống tôi về Đức lại nếu bắt được tôi mà không có giấy tờ. - Schwarz nói, - đó chỉ là một lời hăm dọa, nhưng nó vẫn làm cho tôi lo sợ. Tôi bắt đầu tự hỏi sẽ phải làm gì nếu chuyện đó xảy ra thực sự. Ban đêm tôi bắt đầu mơ thấy tôi ở Đức với bọn lính SS đang săn đuổi tôi. Giấc mơ ấy thường đến với tôi đến mức tôi đâm ra sợ những lúc phải ngủ thiếp. Có bao giờ sự thể này xảy đến với ông không?

— Tôi có thể viết cả một luận án về vấn đề này. - Tôi đáp.

— Có một đêm tôi mơ thấy đang ở Osnabruck<sup>[\*]</sup>, một thành phố nơi tôi đã từng sống và vợ tôi thì đang sống. Tôi đứng trong phòng nàg và nhận ra nàg ồm. Nàg gày như sậy và khóc sụt mướt. Tôi bừng tỉnh dậy, toát mồ hôi lạnh. Trong năm năm, tôi không gặp nàg và cũng không nhận được tin tức gì của nàg. Tôi cũng chẳng viết thư cho nàg nữa. Vì tôi không biết thư từ của nàg có bị mở ra kiểm duyệt không. Trước khi tôi ra đi, nàg có hứa sẽ làm đơn xin ly dị. Tôi nghĩ như thế nàg sẽ được dễ dãi hơn. Và trong nhiều năm nay, tôi tưởng nàg đã làm việc này rồi.

Schwarz im lặng một hồi. Tôi không hỏi hấn vì sao bỏ nước Đức ra đi. Có vô số lý do nhưng chẳng có lý do nào vững cả, vì tất cả đều trái với lẽ thường. Làm nạn nhân, thật chẳng có vui thú gì. Hoặc hấn là dân Do Thái, hay thuộc một đảng chính trị chống lại chế độ, hoặc có những kẻ thù nay đã bước lên địa vị có thể lực. Ở Đức, có hàng tá lý do để bị ném vào trại tập trung hoặc bị hành quyết.

— Tôi đã tìm được cách trở lại Paris. - Schwarz nói, - Nhưng mộng ấy vẫn không để tôi yên. Nó cứ trở về với tôi mãi. Trong lúc ấy, ảo tưởng do thỏa ước Munich tạo nên đã tan vỡ. Vào đầu xuân, ai ai cũng biết sẽ có chiến tranh. Bạn có thể đánh hơi thấy nó, y như bạn đánh hơi có lửa trước khi bạn trông thấy nó. Chỉ có những nhà ngoại giao mới nhắm mắt lại và mơ những giấc mơ khao khát là sẽ có một thỏa ước Munich thứ hai hoặc thứ ba hoặc bất cứ là gì nhưng không phải chiến tranh. Chưa lúc nào lại có nhiều người tin vào phép màu như ở thời đại chúng ta đến thế, trong khi thật ra chẳng có phép màu nào cả.

— Có chứ. - Tôi nói, - Nếu không, chúng ta đâu còn sống đến ngày nay.

— Đúng vậy. Đó là những phép màu riêng tư. Bản thân tôi cũng có được một phép màu như thế. Câu chuyện bắt đầu từ Paris. Đạo ấy, bỗng đâu tôi lại thừa hưởng được một giấy thông hành có giá trị. Đó là tấm thông hành mang tên Schwarz. Nó là của một người Áo tôi gặp tại quán Café de la Rose. Anh ta chết đi và để lại cho tôi tấm thông hành đó cùng tiền bạc của anh ấy. Anh mới đến chỉ ba tuần lễ trước đó. Tôi gặp tại viện bảo tàng

Louvres<sup>[\*]</sup>, đang ngắm những tác phẩm của các họa sĩ phái ấn tượng. Đôi khi tôi cũng đến đó để cho những dây thần kinh tôi được lắng xuống. Khi bạn ngắm những phong cảnh bình yên ngập nắng, bạn không thể ngờ một giống người có khả năng sáng tạo những bức tranh như thế lại sắp sửa gây ra cuộc chiến tranh tàn hại - một ảo tưởng xoa dịu đưa huyết áp ta xuống trong vài tiếng đồng hồ. Người đàn ông với tấm thông hành mang tên Schwarz thường đứng ngắm những bức tranh hoa sen và giáo đường của Monet<sup>[\*]</sup>. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện với nhau và anh ta cho biết sau vụ Anschluss<sup>[\*]</sup>, anh đã tìm đường trốn khỏi nước Áo bằng cách bỏ lại tài sản của mình, gồm bộ sưu tập các bức danh họa của phái ấn tượng. Bộ sưu tập này đã bị Nhà nước tịch thu. Anh ta chẳng luyến tiếc gì. Chừng nào những bức tranh ấy được trưng bày ở viện bảo tàng, thì anh ta còn có thể chiêm ngưỡng chúng như của riêng mình mà không phải lo lắng hỏa hoạn hay trộm cắp. Và lại, trong những viện bảo tàng của Pháp có những bức tranh còn đẹp hơn những bức tranh anh có thể có. Thay vì bị ràng buộc vào bộ sưu tập tầm thường của riêng mình như người cha bị gán bó vào gia đình, với bổn phận phải thích cái của mình hơn, nay anh ta có tất cả những bức tranh trong các viện bảo tàng công cộng mà khỏi phải cố gắng hay trách nhiệm gì cả. Anh ta là một người đàn ông kỳ quặc, trầm tĩnh, dễ thương, vui tính, mặc dù đã phải gánh chịu tất cả mọi tai ương. Anh ta mang theo mình rất ít tiền, nhưng có giấu được một số tem cũ. Tem là vật nhỏ nhất có thể giấu được dễ dàng hơn kim cương. Thật khó mà bước đi trên kim cương nếu bạn giấu nó trong giày và bạn bị gọi ra khỏi tàu để kiểm tra. Bạn không thể bán được trừ khi bạn chấp nhận bán lỗ nhiều, và người ta sẽ hỏi bạn nhiều câu hỏi. Còn tem thì dành cho người sưu tầm. Mà những nhà sưu tầm thì không đến nỗi tò mò lắm.

— Bằng cách nào mà anh ta có thể đem ra ngoài được? - Tôi hỏi với một sự chú ý mà mọi dân tị nạn đều có.

— Anh ta mang theo một ít thư từ cũ, bề ngoài có vẻ vô hại và giấu những con tem đó dưới lớp giấy lót của phong bì. Nhân viên hải quan kiểm soát thư từ chứ không kiểm soát phong bì.

— Không tệ lắm. - Tôi nói.

— Anh ta cũng mang theo hai bức chân dung của Ingres<sup>[\*]</sup>. Đó là những bức họa bằng bút chì. Anh lồng chúng vào những khung mạ vàng góm ghiếc và bảo là chân dung cha mẹ mình. Anh nhét hai bức họa của Degas<sup>[\*]</sup> giữa bức chân dung và lớp giấy phía sau lưng.

— Không tệ lắm. - Tôi lại nói.

— Đến tháng tư, anh ta bị đau tim. Anh để lại tấm thông hành, số tem còn lại, cùng những bức họa cho tôi. Anh ta còn để lại cho tôi địa chỉ những người có thể mua tem. Sáng hôm sau, khi tôi tạt qua thăm anh ta, thì anh đã chết trên giường, nét mặt bị sự im lặng thay đổi đến mức tôi khó lòng nhận ra anh được. Tôi lấy số tiền anh ta còn lại, một bộ áo quần và đồ lót. Ngày hôm trước đó, anh đã bảo tôi làm như thế; anh muốn thà để lại những tư trang của mình cho một người bạn cùng số phận còn hơn cho lão chủ nhà.

— Ông có sửa lại giấy thông hành không? - Tôi hỏi.

— Tôi chỉ thay đổi tấm ảnh và năm sinh. Schwarz lớn hơn tôi hai mươi tuổi. Tên chúng tôi trùng nhau, còn họ thì khác.

— Ai làm việc đó? Brunner phải không?

— Một người nào đó, dân Munich.

— Đúng là Brunner, chuyên gia về giấy thông hành. Brunner được mọi người biết đến nhờ tài ngụy tạo giấy tờ tùy thân. Ông ta đã giúp cho không biết bao nhiêu người, nhưng chính bản thân ông khi bị bắt chẳng có một mảnh giấy tờ nào cả. Ông ta là người tin dị đoan. Ông nghĩ mình là người đáng kính và là kẻ làm phúc cho thiên hạ, và tin chắc chẳng có chuyện gì xảy đến cho ông chừng nào mà ông không vận dụng nghệ thuật của mình cho chính lợi ích của bản thân. Ông ta đã từng làm sở hữu chủ một nhà in nhỏ ở Munich.

— Thế bây giờ ông ta ở đâu? - Tôi hỏi. - Ông ấy chẳng ở Lisbon sao?

— Tôi chẳng rõ, nhưng điều ấy có thể là có, nếu ông còn sống.

— Thật là chuyện buồn cười. - Schwarz đê nhị nói, - Khi tôi nắm được tấm giấy thông hành, tôi lại không dám sử dụng nó.



Thêm vào đó, tôi phải mất dăm ba ngày để làm quen với cái tên mới của tôi. Tôi cứ nhắc đi nhắc lại cái tên ấy cho chính mình. Khi qua khu phố Champs Elysées<sup>[\*]</sup>, tôi cứ lẩm bẩm cái tên, ngày và nơi sinh mới. Tôi ngồi trong viện bảo tàng chăm chú nhìn mấy bức tranh của Renoir<sup>[\*]</sup>, và nếu chỉ có mình tôi lúc đó thì tôi lại diễn tập cuộc đối thoại tưởng tượng. Một giọng nghiêm khắc: “Schwarz!” Rồi tôi nhảy nhồm dậy trả lời: “Dạ, có tôi”. Hoặc là tôi gầm gừ: “Tên gì?” Và tôi lại đáp như cái máy: “Josef Schwarz, sinh tại Wiener Neustadt, ngày 22 tháng sáu năm 1898”. Tôi còn thực tập ngay cả trước khi đi ngủ. Tôi không muốn bị đánh thức bởi một tên cảnh sát và khai tên họ sai trước khi lấy lại bình tĩnh. Tôi phải quên hẳn cái tên cũ của tôi. Có sự khác biệt giữa việc không có giấy thông hành và có một giấy thông hành giả. Tầm thông hành giả nguy hiểm hơn nhiều. Tôi đã bán hai bức tranh của Ingres và nhận được một số tiền ít hơn là số tiền tôi mong đợi, nhưng giờ đây, tôi đã có tiền, và có nhiều hơn là tôi đã được thấy từ lâu. Sau đó, có một đêm tôi nảy ra ý nghĩ vẫn ám ảnh tôi mãi về sau này. Lẽ nào tôi chẳng thể đi Đức được với tấm thông hành này. Trông nó gần giống như thật, và tại sao lại có người nào đó ở biên giới lại sinh nghi? Thế thì tôi có thể gặp lại vợ tôi. Tôi có thể bớt nỗi lo sợ về nàng. Tôi có thể...

Schwarz nhìn tôi:

— Chắc ông cũng biết qua cái cảm giác đó. Nỗi lo sợ của dân tị nạn dưới dạng thuần khiết nhất. Cái cảm giác bị bóp nghẹt ở dạ dày, cuống họng và ở phía sau con người. Tất cả những gì ta cố gắng chôn vùi đi từ nhiều năm nay, tất cả những gì ta cố quên đi, mà ta tránh xa như bệnh dịch hạch, lại hồi sinh trở lại. Đối với dân tị nạn, ký ức là một chứng bệnh nguy hiểm chết người, nó chính là thứ ung thư của tâm hồn. Tôi cố nhận chìm nó xuống vùng quên lãng. Tôi vẫn tiếp tục đi xem những bức tranh thanh thần và yên tĩnh, những danh họa của Sisley và Pissarro<sup>[\*]</sup> và Renoir. Tôi lưu lại hàng giờ tại viện bảo tàng, nhưng điều này có một tác dụng ngược lại đối với tôi. Mấy bức tranh không còn làm cho tôi yên lòng nữa. Chúng bắt đầu gào thét, thách đố, nhắc nhở tôi về một vùng quê hương lúc bấy giờ

chưa bị chứng phung hủi nâu<sup>[\*]</sup> tàn phá, về những buổi chiều ở những con phố với các lối đi um tùm tử đinh hương, về những buổi hoàng hôn vàng chói trên thị trấn cổ xưa, về những tháp chuông rong rêu xanh thẫm với hàng đàn chim én bay quanh, và nhắc về vợ tôi. Tôi là một người bình thường, chẳng có đức tính gì đặc biệt. Trong bốn năm, tôi đã sống với vợ tôi như hầu hết mọi người, nghĩa là một cách bình thường, vui vẻ, song chẳng có đam mê gì lớn lao. Sau vài tháng đầu, mối quan hệ giữa chúng tôi đã biến thành cái mà người đời thường gọi là một cuộc hôn nhân hạnh phúc, một mối quan hệ giữa những người chỉ biết nghĩ đến nhau mà không kỳ vọng gì quá đáng. Những giấc mơ đó của chúng tôi nay đã thuộc về dĩ vãng, nhưng chúng tôi không luyến tiếc chúng nữa. Chúng tôi là những kẻ biết điều. Và chúng tôi rất mực yêu thương nhau. Giờ đây tôi nhìn mọi sự dưới một thứ ánh sáng mới mẻ. Tôi bắt đầu tự trách tôi. Hôn nhân của chúng tôi mà tầm thường như vậy cũng do lỗi tại tôi. Tôi làm cho mọi việc đổ nát. Tôi đã sống vì cái gì đây? Giờ tôi đang làm gì đây? Tôi đã lê thân xuống vực sâu, tôi đã sống như cỏ cây. Sự thể kéo dài trong bao lâu? Chừng nào nó kết thúc? Chiến tranh sẽ đến, và nước Đức chắc chắn sẽ chiến thắng. Chẳng có một nước nào được chuẩn bị đầy đủ cả. Rồi sau đó là gì? Tôi có thể đưa thân xác này đến đâu, giả sử như tôi vẫn còn thì giờ và sức lực? Tôi sẽ chết đói trong một trại tập trung nào đây? Người ta sẽ đặt tôi vào bức tường nào đây để bắn tôi, nếu tôi được may mắn? Tám thông hành kia đáng lẽ tạo cho tôi sự an tâm thì lại đưa tôi đến chỗ tuyệt vọng. Tôi lang thang khắp các phố mãi đến lúc mệt lử. Thế mà tôi lại không ngủ được, và có khi nào tôi thiếp đi thì những giấc mơ kia lại đánh thức tôi dậy. Tôi lại thấy vợ tôi trong những hầm giam của bọn Gestapo<sup>[\*]</sup>; tôi lắng nghe tiếng nàng kêu cứu trong sân khách sạn tôi ở; và có một hôm, trước khi bước chân vào quán Café de la Rose, tưởng như tôi đã thấy khuôn mặt nàng in trong tấm kính phía bên kia cửa ra vào. Nàng quay mặt về phía tôi trong giây lát, khuôn mặt nàng xanh xao, đôi mắt xa vắng, rồi nàng tan biến đi. Tôi trông thấy nàng quá rõ ràng đến nỗi tôi chắc chắn quả thật nàng có mặt tại đó. Tôi chạy vào phòng sau. Như thường lệ, phòng này đông người, nhưng trong

đó không có nàng. Trong mấy ngày liền, tôi bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ nàng đã đến Paris và đang tìm tôi. Đã bao nhiêu lần tôi trông thấy nàng rẽ vào góc phố; tôi trông thấy nàng ngồi trên chiếc ghế trong công viên Luxembourg<sup>[\*]</sup>, và khi tôi đến nơi thì lại là một khuôn mặt lạ hoắc ngẩng lên nhìn tôi kinh ngạc; nàng băng qua quảng trường La Concorde<sup>[\*]</sup> vừa đúng lúc dòng xe sắp sửa lãn bánh trở lại, và lần này đích thị là nàng, vẫn dáng đi của nàng, vẫn điệu bộ nàng cân bằng hai vai. Tôi lại còn tưởng đã nhận ra được chiếc áo nàng mặc, nhưng khi người cảnh sát giao thông chặn dòng xe lại và tôi có thể đuổi theo nàng thì nàng lại biến mất, bị cái mồm đen ngòm của tàu điện ngầm nuốt chửng. Tôi vội chạy xuống cầu thang và cũng chỉ vừa đúng lúc để trông thấy ánh đèn đuôi của đoàn tàu đang lùi xa trong bóng đêm. Tôi tâm sự với một người bạn. Anh ấy tên Leser. Anh ta bán vé và trước kia là y sĩ ở Breslau<sup>[\*]</sup>. Anh khuyên tôi không nên sống cô độc lâu như vậy. “Hãy tự kiếm cho mình một người đàn bà đi”. Anh bảo vậy. Cũng chẳng ích gì. Ông cũng biết những rắc rối do những nỗi thống khổ, cô đơn và sợ hãi sinh ra. Ta khao khát sức ấm của con người, một giọng nói, một dáng hình nào đó; ấy thế mà ta thức giấc trong một căn phòng kỳ lạ, ghê rợn, và có cảm giác như đã rơi khỏi quả đất này. Trong cảnh hiu quạnh, phiền muộn, ta rất biết ơn vì được nghe tiếng thở bên tai, nhưng lúc đó trí tưởng tượng của ta lại bắt đầu hoạt động trở lại, và trong chốc lát, chẳng còn lại gì cả ngoài cái cảm giác khó chịu là đã tự mình chửi rửa mình. Giờ đây, khi tôi nói đến chuyện này, thì nghe có vẻ vô lý và mâu thuẫn. Nhưng lúc đó thì khác hẳn. Tất cả những khắc khoải đó của tôi đã làm rõ thêm một điều là tôi phải trở về. Tôi phải gặp lại vợ tôi. Có thể nàng hiện đang sống với một kẻ nào đó, đã bao lâu rồi ai mà biết được. Nhưng chẳng hề hấn gì. Tôi cần gặp nàng. Đối với tôi, điều đó có vẻ hoàn toàn hợp lý. Mỗi ngày qua rõ ràng chiến tranh là điều không thể tránh khỏi. Hitler đã chẳng phải mất thì giờ để nuốt lời cam kết chịu nhận lấy miền nam vùng Sudelenland<sup>[\*]</sup> và buông tha phần còn lại của nước Tiệp Khắc đó sao? Hiển nhiên, hấn cũng sẽ làm như vậy đối với Ba Lan. Như thế có nghĩa là chiến tranh rồi, vì Anh và Pháp cũng là đồng minh của Ba Lan. Và đây không còn là vấn đề tháng, tuần,

hoặc ngày nữa. Với tôi, cũng thế. Tôi phải quyết định nhanh. Cả cuộc đời của tôi tùy thuộc vào đó. Và tôi đã quyết định. Tôi đã quyết định. Tôi đã quyết định trở về. Những gì sẽ xảy ra sau đó, tôi chẳng biết. Mà tôi cũng chẳng quan tâm. Nếu chiến tranh bùng nổ thì dẫu sao tôi cũng hết thời. Tôi có làm việc rò rỉ này thì cũng thế thôi. Một sự yên tĩnh đến với tôi trong những ngày cuối cùng. Đạo ấy là tháng năm, và những luống hoa uất kim ượng ở bồn binh Rond Point nở rục rỡ. Những buổi tối được tắm trong ánh sáng trắng bạc và bóng xanh của những bức tranh phái ấn tượng. Đằng sau cái giá lạnh của những ngọn đèn đường đầu tiên là vòm trời xanh nhạt vươn lên cao, và qua dãy mái máy tòa cao ốc của báo chí là những băng chữ sáng rục nhấp nháy chạy dài báo hiệu chiến tranh cho những ai biết đọc. Trước tiên, tôi đến Thụy Sĩ. Tôi phải thử dùng hộ chiếu của mình tại một địa điểm an toàn trước khi hoàn toàn tin tưởng vào nó. Nhân viên biên phòng người Pháp dừng dựng trao lại tôi tấm hộ chiếu. Điều đó, tôi đã đoán trước. Chỉ có ở những nước dưới chế độ độc tài mới khó lòng thoát khỏi. Nhưng khi người tuần cảnh Thụy Sĩ đến thì tôi cảm thấy bên trong tôi có cái gì lao xao, như chiếc lá bắt đầu chao đảo lung liêng vào một ngày vắng gió. Nhân viên tuần cảnh nhìn vào tấm hộ chiếu của tôi. Hắn là một gã đàn ông lực lưỡng, đôi vai rộng và hôi mùi khói thuốc điếu. Khi hắn đứng ở ngưỡng cửa toa xe, thân hình hắn che khuất cả ánh sáng và trong thoáng chốc tôi có cảm giác là tự do của tôi bị hắn ngáng lại không cho ra, và toa xe đã biến thành phòng biệt giam ở nhà lao. Sau đó, hắn trả lại tôi tấm hộ chiếu.

“Ông quên không đóng dấu vào đây.” Tôi nói, cả người nhẹ nhõm nên những câu nói của tôi đã tuôn ra nhanh hơn tôi định.

Gã nhân viên tuần cảnh mỉm cười:

“Đừng lo. Tôi sẽ đóng dấu cho. Có sao đâu?”

“Thưa không. Nhưng đối với tôi đó là một thứ kỷ niệm”.

Gã đóng dấu rồi bỏ đi. Tôi cần môi suy nghĩ: Thật tôi đã quá lo sợ. Sau đó, tôi thấy với con dấu, hộ chiếu của tôi trông có vẻ thật. Ở Thụy Sĩ, tôi phải mất một ngày để xem tôi có nên đáp xe lửa vào nước Đức không. Sau cùng, tôi nghĩ là nên. Tôi không

rõ những giấy thông hành của người Đức, hoặc ngay cả của những người trước kia là dân Áo trở về quê hương có bị kiểm soát đặc biệt chặt chẽ không. Có lẽ là không; nhưng tôi vẫn nghĩ nên vượt biên giới một cách không chính thức. Đến Zurich, tôi đến nhà bưu điện chính như tôi đã làm lần đầu tiên, khi tôi đến đây nhiều năm trước đây. Tại quầy phát thư chính, bạn gần như chắc chắn sẽ gặp người quen, những kẻ vô gia cư, không giấy phép cư trú, họ có thể cho bạn biết tin tức. Từ đó tôi đến quán Café Greif, kiểu như quán Café de la Rose ở Paris. Tôi đã gặp một số người lén trốn qua được biên giới, nhưng chẳng ai thực tình biết cách vượt biên giới để trở về Đức. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Ngoài tôi ra, còn ai lại muốn trở về Đức? Tôi nhận ra điều đó qua cung cách họ nhìn tôi, và khi họ thấy tôi không nói đùa, thì họ cố lảng tránh. Bất cứ ai có dự định trở về chắc phải là một kẻ phản bội, bởi vì ai còn muốn trở về nếu không chấp nhận chế độ? Và nếu một người có thể làm được việc đó thì sau đó y còn có thể làm những gì nữa? Hẳn còn có thể phản bội ai nữa và những gì nữa? Tôi đơn độc. Họ lánh xa tôi như thể tôi là một tên sát nhân mà tôi không cách gì giải thích; khi nghĩ đến việc tôi sẽ làm, tôi kinh hãi đến toát mồ hôi. Làm sao có thể giải thích việc này với bất cứ ai khác? Vào buổi sáng hôm thứ ba, lúc sáu giờ cảnh sát đến lôi tôi ra khỏi giường. Rõ ràng là một trong số người tôi quen biết đã tố cáo tôi. Họ xét hộ chiếu của tôi một cách ngờ vực. Họ bắt tôi về để thẩm tra. Thật may là lúc bảy giờ tám hộ chiếu có đóng dấu, bởi tôi có thể chứng minh tôi đã nhập cảnh một cách hợp pháp và mới chỉ được ba ngày thôi. Tôi không bao giờ quên được buổi sáng tinh mơ hôm đó khi cảnh sát dẫn tôi qua các phố. Hôm ấy là một ngày tạnh ráo, quang đãng, những tháp chuông và nóc nhà thờ nổi bật rõ nét trên vòm trời trong như được cắt từ kim loại ra. Từ một lò bánh mì toát ra mùi bánh mì nóng và tất cả nguồn an ủi trên đời này như gói trọn trong hương vị đó. Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ?

Tôi gạt đầu:

— Thế giới chưa bao giờ đẹp bằng lúc ta bị nhốt trong nhà lao. Bằng lúc ta sắp sửa từ giã nó. Phải chi ta giữ được mãi cái cảm giác đó.

— Tôi cũng có cùng cái cảm giác ấy.

— Ông có thể giữ nó mãi được không?

— Tôi chẳng biết nữa. - Schwarz chậm rãi trả lời, - Đó là điều tôi muốn hiểu. Nó lọt qua khỏi mấy ngón tay tôi, mà dẫu tôi có giữ được nó chẳng nữa, thì liệu tôi có giữ nó được trọn vẹn không? Có thể nào tôi lấy lại nó được, mảnh liệt hơn trước và giữ được nó mãi mãi không? Ngay giờ đây là lúc nó không còn đổi thay gì nữa? Bao giờ cũng thế, phải chẳng chúng ta thường để mất những gì mà ta tưởng có thể nắm giữ được? Phải chăng ta mất nó vì nó chuyển động? Và phải chăng nó chỉ đứng yên đấy là khi nào nó đã ra đi và không còn đổi thay gì nữa? Và chỉ khi ấy nó mới thực sự là của ta?

Mắt hắn nhìn tôi chăm chăm, bất động. Đó là lần đầu tiên hắn nhìn thẳng vào mặt tôi. Hai con ngươi hắn mở lớn hơn. Hắn là một kẻ cuồng tín hoặc một tên điên, tôi nghĩ thế.

Người thiếu phụ mặc dạ phục ngồi ở bàn kế bên đứng dậy. Qua hàng hiên, nàng nhìn xuống thành phố và hải cảng.

— Mình ơi, tại sao ta phải trở về. - Nàng nói với gã đàn ông mặc smoking màu trắng, - Phải chi chúng ta ở lại đây được! Em chẳng muốn trở về Mỹ chút nào cả.

## CHƯƠNG 2

Cảnh sát Zurich, - Schwarz nói tiếp, - Giữ tôi lại chỉ một ngày. Nhưng đó là một ngày khốn đốn cho tôi. Tôi lo họ sẽ xem lại tấm hộ chiếu của tôi. Một cú điện thoại đến Vienna là đủ. Hoặc nếu họ cho một chuyên gia đến, thì anh ta sẽ phát hiện ra chỗ giả mạo ngay. Đến chiều, tôi yên tâm hơn. Dẫu có chuyện gì đi nữa, tôi nghĩ vậy, âu đó cũng là một cách phán quyết của Thượng đế. Quyết định ở ngoài tầm tay tôi. Nếu họ tống tôi vào nhà lao, chắc là tôi sẽ phải từ bỏ ý định trở về Đức. Nhưng mãi xế chiều họ thả tôi ra và cho tôi hiểu rằng tôi phải rời Thụy Sĩ càng sớm càng tốt. Tôi quyết định đi qua ngã nước Áo. Tôi từng quen với biên giới của nước Áo và cảm thấy chắc chắn nó không được canh gác cẩn mật như nước Đức. Có kẻ nào lại muốn đi vào đó đâu? Thực sự thì có lý do nào biên giới này lại được canh phòng nghiêm ngặt hơn biên giới kia? Có ai lại muốn vào? Và ngược lại, có thể là có nhiều người muốn thoát ra khỏi. Tôi đáp tàu đi Oberriet, dự định tìm cách vượt biên giới tại một nơi nào đó trong vùng phụ cận. Tôi muốn chờ gặp một ngày có mưa, nhưng trong hai ngày liên tiếp trời vẫn quang đãng. Tôi ra đi vào đêm thứ ba, sợ rằng ở lại lâu quá người ta chú ý. Đêm ấy sao sáng tỏ đầy trời, và cảnh vật yên tĩnh tưởng chừng như nghe được cả cây cối nảy mầm. Vào những lúc hiểm nguy người ta lại có một thứ thị lực khác. Không phải là sức tập trung đặc biệt của cặp mắt, mà là một cái gì đó tỏa khắp thân, như thể ta có thể nhìn thấy bằng làn da của ta, nhất là về đêm. Thính giác của ta cũng như tỏa ra từ làn da của ta và tưởng như ta có thể nghe thấy những tiếng động nhỏ nhất. Ta há mồm ra để lắng nghe, và mồm của ta cũng như thể nghe được và thấy được. Tôi không bao giờ quên được cái đêm ấy. Tôi cảnh giác bằng mọi thứ thịt của tôi, mọi giác quan đều thức tỉnh cao độ. Tôi đã chuẩn bị để đối phó với mọi tình huống, song chẳng sợ sệt chút nào. Tôi có cảm giác như mình đang qua một cây cầu cao từ bên này đời sống qua bên kia đời sống, và tôi biết rằng chiếc cầu sẽ tan biến sau lưng tôi như làn khói bạc mà chẳng bao giờ tôi có thể trở lại. Tôi đang đi từ lý trí qua cảm

giác, từ an toàn qua mạo hiểm, từ thực tế đến ước mơ. Tôi hoàn toàn cô đơn, nhưng lần này, nỗi cô đơn không phải là một đản vật; có một chút gì thần nhiệm trong đó. Tôi đến sông Rhin<sup>[\*]</sup>, nơi đây là đoạn đầu sông, không rộng lắm. Tôi cởi áo quần và gói lại để có thể đội lên đầu. Thật là một cảm giác phi thường khi tôi trần truồng tuột xuống nước. Nước đen sẫm, rất lạnh và vô cùng kỳ lạ. Tưởng như tôi đang hụp xuống sông Lethe<sup>[\*]</sup> để uống lấy niềm lãng quên. Phải trần truồng mà vượt qua sông thật là một điều có ý nghĩa tượng trưng, nó đập mạnh vào tâm tưởng tôi, tưởng như đã để lại tất cả mọi thứ đằng sau mình. Tôi lau khô người, mặc quần áo rồi tiếp tục đi. Qua một ngôi làng, tôi nghe tiếng chó sủa. Tôi chẳng biết đường biên giới chạy như thế nào, nên tôi men theo mép con đường lộ bao quanh một khu rừng. Trong hồi lâu tôi chẳng gặp một ai. Tôi đi bộ mãi đến hừng đông. Sương rơi nặng hạt và một con bò đang đứng ở bìa khu rừng thưa. Cứ thế tôi đi mãi đến khi tôi nghe tiếng dân làng đánh xe ngựa qua đó. Thế là tôi tìm một nơi ẩn nấp cách con lộ không xa. Tôi sợ họ sinh nghi, thắc mắc vì sao tôi lại dậy sớm như thế này và lại đến từ hướng biên giới. Mãi về sau tôi thấy hai nhân viên hải quan đi xe đạp. Tôi nhận ra đồng phục của họ. Giờ đây tôi đã ở trên đất Áo. Nước Áo chỉ thuộc về nước Đức trong có một năm thôi.

Thiếu phụ mặc dạ phục rời sân hiên cùng với người đi theo. Đôi vai nàng rám nắng đậm, dáng tầm thước, cao hơn gã đàn ông cùng đi với nàng. Vài khách du lịch chậm rãi đi thơ thẩn xuống những bậc thang. Họ tản bộ như những người chưa từng bị săn đuổi, không phải đảo mắt nhìn quanh.

— Tôi có mang theo ít bánh mì thịt. - Schwarz nói, - Và một dòng suối nước uống được. Đến trưa tôi lại đi tiếp. Mục tiêu của tôi là thành phố Feldkirch, mà tôi biết đó là một nơi nghỉ mát. Ở đó một người lạ mặt chẳng khiến ai chú ý đến. Đến đó tôi đáp chuyến tàu đầu tiên ra khỏi vùng biên giới nguy hiểm. Tôi ngược lên toa xe. Hai tên lính SA<sup>[\*]</sup> mặc quân phục đã ngồi vào chỗ rồi. Kinh nghiệm của tôi về lực lượng cảnh sát ở châu Âu tỏ ra có lợi cho tôi, nếu không tôi đã rút lui rồi. Và như thế tôi cứ bước lên toa ngồi vào một góc kê bên một tên mặc bộ đồ bằng



vải len thô, súng dựng bên cạnh. Kể từ năm nay, đây là lần đầu tiên tôi gặp gỡ với cái mà tôi cho chính là sự kinh hoàng. Những tuần lễ trước, tôi cũng thường hình dung ra cảnh này, nhưng thực tế thì lại khác hẳn. Đích thị là thể xác tôi chứ không phải đầu óc tôi phản ứng; dạ dày tôi hóa đá, và tôi cảm thấy miệng mình như cái bàn nạo. Người thợ săn và hai tên lính SA đang kháo chuyện với nhau về một quả phụ nào đó tên Pfundner. Bà này nghe chuyện ra có vẻ là một thứ đàn bà góa dễ dãi, cứ xét theo chuyện tình ái lãng nhăng mà họ kể thật chi tiết. Một lúc sau họ bắt đầu ăn bánh mì kẹp giảm bông.

“Ông đi về đâu, ông bạn?” Người thợ săn hỏi tôi.

“Trở về Bregenz”, Tôi đáp. “Vâng, tôi đi nghỉ phép”. Tôi do dự một lúc. Nếu bảo là từ Vienna đến như có ghi trong hộ chiếu, thì họ có thể nhận ra rằng tôi có giọng nói êm ái của dân thành Vienna. Nên tôi đáp: “Từ Hanover. Tôi sống tại đó đã hơn ba mươi năm nay.”

“Hanover! Chà, xa quá nhỉ?”

“Vâng, quả thật là xa. Nhưng có ai muốn đi nghỉ phép gần nhà đâu?”

Người thợ săn cười:

“Đúng vậy thật. Với thời tiết này ông bạn gặp may đấy!”

Tôi cảm thấy áo sơ mi dính chặt vào lưng tôi: “Vâng, thời tiết tuyệt thật. Nhưng nóng chẳng khác gì giữa mùa hè.”

Cả ba lại quay về câu chuyện quả phụ Pfundner. Qua vài ga sau, cả ba bước xuống tàu và trong toa còn lại mình tôi. Đoàn tàu đi qua một trong những vùng đẹp nhất của châu Âu, nhưng tôi chẳng nhìn thấy được bao nhiêu. Một cảm giác hồi tiếc, sợ hãi và tuyệt vọng hầu như không chịu đựng nổi đè nặng lên tôi. Trời đất ơi, tại sao tôi lại vượt biên giới thế này? Thật tôi không hiểu nổi. Tôi ngồi bất động trong góc toa nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi là một người tù, và chính tôi đã để cho cửa đóng lại sau lưng. Tôi cứ vẫn vờ với cái ý nghĩ nên rời khỏi đoàn tàu và tìm cách trở về Thụy Sĩ trong đêm. Nhưng không thể được. Bàn tay trái tôi nắm chặt trong túi tấm hộ chiếu của Schwarz vừa mới chết, như nó có thể tăng thêm sức mạnh cho tôi. Tôi cứ tự nhủ thầm là bây giờ thoát ra chẳng có lợi gì, và càng đi sâu vào nội

địa tôi càng được an toàn hơn. Tôi quyết định đi thâu đêm. Trên tàu có thể là bạn không bị sách nhiễu giấy tờ như trong khách sạn. Trong cơn kinh hoàng, ta luôn luôn có cảm tưởng đang đứng dưới ánh đèn sân khấu và dưới kia thiên hạ chẳng có việc gì làm ngoài việc theo dõi bạn. Tôi nhắm mắt lại. Ngồi lại một mình trong toa giữa nôi kinh hoàng đó, tôi lại càng muốn chấp nhận thua cuộc. Song tôi lại nhận thức nếu tôi nhượng bộ, một phen bây giờ sẽ dài thành một thước khi thực sự lâm nguy. Để tự trấn an, tôi cứ bảo thầm chẳng ai thèm chú ý đến mình đâu, đối với chế độ mình chẳng nghĩa lý gì hơn một xèng cát trong hoang mạc, chẳng có dấu vết gì khả nghi một cách rõ nét cả. Điều này cũng đúng thôi, tất nhiên. Trông tôi chẳng khác gì mấy với những người chung quanh. Người Aryan<sup>[\*]</sup> với mái tóc hung chỉ là một huyền thoại do Đức dựng nên mà thôi. Cứ nhìn Hitler, Goebbels<sup>[\*]</sup>, Hess<sup>[\*]</sup> cũng những tên đầu sỏ còn lại thì đủ rõ, cả bọn đều là những phản chứng rành rành về sự lừa bịp trắng trợn của chúng. Đến Munich, lần đầu tiên tôi không nán lại trong nhà ga để ẩn nấp mà gắng gượng thả bộ loang quanh trong một tiếng đồng hồ. Bởi là dân lạ trong thành phố nên tôi tin ở đây cũng chẳng ai biết đến tôi. Tôi nghỉ chân ăn trưa tại quán Franziskanerbrau. Tiệm ăn đông người. Tôi ngồi một mình lắng tai nghe. Ít phút sau một người đàn ông béo mập ướt đầm mồ hôi đến ngồi cùng bàn tôi. Hắn gọi rượu bia và thịt bò nấu chín và lật tờ báo ra. Cho đến nay tôi không có dịp đọc báo Đức. Nay, để bù lại tôi mua những hai tờ. Từ bao năm nay tôi không đọc tiếng Đức, và tôi lấy làm lạ khi mọi người quanh tôi nói thứ tiếng này. Những xã luận thật quá tệ, đầy rẫy những dối trá khát máu và kiêu căng. Theo nó, cả thế giới bên ngoài được xem như là thoái hóa; xảo trá và ngu xuẩn, nước Đức đến chiếm đóng là phải. Mà mấy tờ báo ấy không phải là thứ lá cải địa phương; trước kia chúng đã từng nổi tiếng. Tôi nhìn kỹ người đàn ông ngồi cùng bàn. Hắn vừa ăn uống vừa đọc báo một cách thích thú. Tôi đảo mắt nhìn quanh. Cũng rất nhiều thực khách đọc báo, và ở họ, tôi chẳng thấy ai tỏ vẻ chán ghét, ghê tởm cả. Nó đã trở thành một món ăn thường ngày của họ. Đối với họ nó cũng tự nhiên như rượu bia họ uống vậy thôi. Tôi tiếp tục đọc mãi đến lúc giữa những mục tin vắn, tôi đọc thấy mẫu

tin về thành phố Osnabruck<sup>[\*]</sup>. Một căn nhà ở phố Lotter bị cháy rụi. Tôi có thể hình dung lại con phố thật rõ ràng. Con đường này bắt đầu từ ngoại vi vòng thành lũy tại Cổng Heger và dẫn ra ngoài thành phố. Đột nhiên tôi cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết tại một đất nước xa lạ. Tâm trí tôi bỗng bênh trôi giữa trạng thái kích động và sự hững hờ buông xuôi, nhưng chẳng bao lâu tôi cũng quen đi. Tôi lại còn cảm thấy an toàn là đằng khác. Sự nguy hiểm sẽ tăng dần khi tôi đến gần Osnabruck, điều này tôi biết rõ: ở đây sẽ có nhiều người còn nhớ đến tôi. Để khỏi lôi cuốn sự chú ý nơi các khách sạn, tôi mua một cái va li rẻ tiền và các thứ thường dùng cho một chuyến đi ngắn ngày. Sau đó, tôi đáp xe lửa. Tôi vẫn chưa rõ là sẽ bắt liên lạc với vợ tôi bằng cách nào, và cứ vài phút lại nghĩ ra một kế hoạch mới. Chắc tôi đến phải trông cậy vào vận may thôi. Tôi cũng không biết nàng đã chịu nhượng bộ gia đình vốn gồm toàn những người ủng hộ trung kiên chế độ mà lấy chồng khác chưa. Đọc báo xong, tôi nghĩ rằng đối với một người bình thường sẽ không phải mất nhiều thì giờ mới tin vào những điều mình đọc trong báo, nhất là khi chẳng có gì để so sánh. Báo chí nước ngoài đều bị kiểm duyệt nghiêm ngặt ở Đức. Đến Munster<sup>[\*]</sup> tôi tới một khách sạn hạng trung. Tôi không thể tiếp tục cái cảnh ban đêm thì thức còn ban ngày lại ngủ lay ngủ lắt đó đây. Tôi đành liêu mạng đăng ký phòng tại khách sạn, nơi đây việc tôi đến chắc chắn sẽ được báo cáo với cảnh sát. Ông biết Munster chứ?

— Có biết qua đôi chút. - Tôi đáp, - Đó là một thành phố cổ kính với rất nhiều giáo đường, là nơi hòa ước Westphalia<sup>[\*]</sup> đã được ký kết chứ gì?

Schwarz gật đầu:

— Vâng, tại Munster và Osnabruck năm 1648. Sau ba mươi năm chiến tranh. Còn cuộc chiến tranh này, ai biết được nó sẽ kéo dài đến bao lâu?

— Cứ theo đà này thì không bao lâu đâu. Người Đức đã mất có bốn tuần để chinh phục nước Pháp.

Anh hầu bàn đến cho biết tiệm sắp đóng cửa, và mọi người đã ra về cả rồi.

— Chẳng còn nơi nào mở cửa sao? - Schwarz hỏi.

Ở Lisbon, cuộc sống về đêm chẳng có là bao nhiêu, anh hầu bàn cho chúng tôi biết. Nhưng đến lúc Schwarz giới thiệu cho anh ta ít tiền trà nước thì anh lại đổi giọng, bảo có biết một nơi rất kín đáo, một hộp đêm của người Nga rất lịch sự.

— Liệu họ có cho chúng tôi vào không? - Tôi hỏi.

— Tất nhiên là có ạ, thưa ông. Tôi chỉ có ý muốn nói là các bà đến đó rất lịch sự. Thuộc đủ mọi quốc tịch. Có cả người Đức nữa.

— Tiệm ấy mở cửa chừng bao lâu?

— Còn khách là còn mở. Vào giờ này luôn luôn có khách. Ngay lúc này thì rất nhiều người Đức.

— Người Đức hạng nào?

— Người Đức.

— Thuộc hạng có tiền chứ?

— Dĩ nhiên. - Anh hầu bàn cười. - Nơi đó không rẻ đâu. Nhưng rất vui nhộn. Ông chỉ cần bảo là Manuel chỉ đến. Sau đó ông không phải nói gì thêm nữa.

— Theo lệ, ta phải nói với họ dăm ba điều gì chứ?

— Không ạ. Người gác cửa sẽ đưa cho ông một thẻ hội viên với một cái tên nào đó. Chỉ là một thủ tục.

— Nghe được đấy.

Schwarz trả tiền. Chúng tôi lần bước xuống những bậc thang. Những căn nhà mờ nhạt ngủ yên, như dựa vào vai nhau. Qua cửa sổ, ta có thể nghe được tiếng thở than, tiếng ngáy và hơi thở của những người chẳng phải lo lắng gì về giấy hộ chiếu. Bước chân của chúng tôi vang lên trong đêm vắng.

— Ánh đèn kia kìa. - Schwarz nói, - Nó cũng khiến ông hoảng hốt đấy chứ?

— Vâng, chúng ta vẫn còn quen với cái châu Âu không có ánh đèn. Tôi đinh ninh có ai đó đã quên tắt đèn và máy bay có thể đến tấn công bất cứ giây phút nào.

Schwarz dừng lại.

— Ánh sáng mà ta được ban cho như một món quà của Thượng đế. - Hắn nói với một niềm cảm xúc. - Bởi vì trong ta còn có chút gì của Thượng đế. Và giờ đây, chúng ta che giấu

nó đi vì chúng ta đang giết hại cái “chút gì đó” của Thượng đế trong ta.

— Theo chỗ tôi còn nhớ câu chuyện, - Tôi nói, - Thần thánh không cho loài người lửa. Chính Prometheus<sup>[\*]</sup> đã đánh cắp nó. Ngược lại thần thánh cho loài người bệnh xơ gan mãn tính.

Schwarz nhìn tôi:

— Tôi không còn đùa cợt cách đây đã lâu. Chừng nào người ta còn bông đùa được, chừng ấy họ còn có thể thu hẹp tầm vóc của sự việc và nhìn chuyện đời bằng con mắt khác.

— Có thể là như vậy. - Tôi nói, - Nhưng nếu bông đùa mà để lại một tia hy vọng thì có hơn không.

— Ông nói đúng. Tôi quên mất rằng ông đang tìm cách trốn thoát. Làm sao một người đang tìm cách trốn thoát cảnh ngộ hiện tại lại có thể bận tâm để ý đến tầm vóc của sự việc?

— Ừa, thế ra ông không đang tìm cách trốn thoát đó sao?

Schwarz lắc đầu:

— Không trốn nữa. Tôi đang đi trở về.

— Về đâu? - Tôi ngạc nhiên hỏi. Tôi không thể tin rằng hẳn có ý nói là trở về Đức lần thứ hai.

## CHƯƠNG 3

Hộp đêm này là một trong những nơi điển hình mà người Bạch Nga đang khai thác khắp nơi trên lãnh thổ châu Âu kể từ sau Cách mạng 1917. Đâu đâu cũng là những người hầu bàn như nhau, tất cả với phong cách thượng lưu đã quen rồi, cũng những bản hợp ca gồm những người trước đây là sĩ quan ngự lâm, cùng những giá biểu cao và những cái không khí sầu muộn thể lương.

Ngoài ra nơi nào cũng dùng thứ ánh sáng mờ ảo, mà tôi lại trông cậy vào thứ ánh sáng này. Đúng như anh hầu bàn đã cho biết có cả người Đức nữa, nhưng dứt khoát họ không phải là dân tị nạn. Có lẽ họ là điệp viên, nhân viên lãnh sự quán Đức hoặc của các hãng thương mại Đức.

— Người Nga đã thành công hơn chúng ta trong việc tự tạo cho họ một chỗ đứng. - Schwarz nói, - Thật ra thì họ đi trước ta những năm mươi năm. Năm mươi năm lưu lạc tha hương là một quãng thời gian dài, tích lũy kinh nghiệm cả một đời người.

— Họ là dân tị nạn đợt đầu tiên. - Tôi đáp lại, - Lúc bấy giờ thiên hạ vẫn còn thương xót họ. Họ được cấp giấy phép lao động, cũng như các thứ giấy tờ khác một cách dễ dàng, cứ như họ là những nhà thám hiểm Bắc Cực không bằng. Còn khi chúng ta đến thì "nguồn thương hại dự trữ" đã vơi cạn đi rồi. Chúng ta trở thành một gánh nặng phiền toái, y như một lũ mối mọt; chẳng có mấy ai có được một lời tử tế với chúng ta. Chúng ta không được quyền lao động, không được quyền sống, thậm chí cũng không có được một mảnh giấy tùy thân.

Ngay từ lúc đặt chân đến chốn này, tôi đã cảm thấy bực dọc, khó chịu rồi. Có lẽ đó là sự phản ứng đối với căn phòng bí bưng, màn buông bốn phía, với cái ý thức rằng quanh đây lúc nào cũng có quân Đức, với sự kiện là tôi ngồi quá cách xa cửa ra vào không tiện đường tháo chạy lúc cần. Đã lâu tôi có thói quen ngồi gần cửa ra, ở bất cứ nơi nào tôi đến. Tôi cũng bực mình vì từ chỗ tôi ngồi, tôi không trông thấy được chiếc tàu. Rất

có thể là nó đã nhận được một hiệu lệnh nào đó và đã nhổ neo trước thời hạn ngay trong đêm đó.

Schwarz có vẻ như đọc được ý nghĩ của tôi. Hắn lục túi, đặt mấy tấm vé xuống trước mặt tôi:

— Cầm lấy. Tôi không phải là tên chủ ác nghiệt đâu. Cứ cầm lấy mà đi, nếu ông thích.

Tôi hơi thẹn:

— Ông hiểu làm tôi rồi. Tôi có đủ thì giờ. Tất cả thì giờ trên cõi đời này.

Schwarz không đáp. Hắn chờ đợi. Tôi lấy hai tấm vé cho vào túi.

— Tôi đã thu xếp. - Hắn nói tiếp như chẳng có chuyện gì xảy ra, - Để đáp chuyến tàu lửa đi Osnabruck sớm ngay tối hôm ấy. Chỉ đến lúc đó tôi mới tin là tôi đã vượt qua biên giới được rồi. Từ đây đến lúc đó, thiên hạ và mọi thứ, dẫu ngay trên quê hương tôi, cũng vẫn còn là xa lạ đối với tôi. Nhưng đến lúc bấy giờ mỗi gốc cây bên đường mới mở lòng tâm sự với tôi. Tôi từng quen với những xóm làng mà chúng tôi thường chạy xe qua. Thuở còn là học sinh, tôi thường cùng bè bạn tổ chức những cuộc du ngoạn qua đó; tôi cũng đã từng đưa Helen qua đó vào những tuần đầu chúng tôi mới quen nhau. Tôi yêu mến cảnh đồng quê ấy, cũng như tôi yêu mến các thành phố với những nóc nhà và mảnh vườn của nó. Cho đến lúc đó, nỗi lo sợ trong tôi mới chỉ là trừu tượng, vu vơ và kết lại thành một khối. Những chuyện xảy ra đã khiến tôi tê liệt, hóa đá. Tôi chưa bao giờ thấy cần phân tích nỗi khiếp sợ ấy, cần hiểu nó trong từng chi tiết nhỏ, nói đúng ra, tôi cũng ngại làm một việc như thế. Giờ thì bỗng nhiên những sự vật không đâu cũng đều có ý nghĩa, cũng cất lên tiếng nói với tôi, nhưng sự vật chẳng có ăn nhập gì với nỗi lo sợ kia, tuy vẫn nằm trong nó. Đồng quê không thay đổi, nó vẫn thế. Mấy nóc chuông nhà thờ vẫn còn giữ lại lớp óng ánh xanh mượt, dịu dàng trong ánh nắng chiều; dòng sông vẫn soi bóng nền trời. Tôi hồi tưởng lại những ngày tôi đi câu cá và mơ đến những cuộc phiêu lưu trên những vùng đất xa lạ. Vâng! Tất cả những thứ ấy nay tôi đã trải qua cả, nhưng chúng không hẳn như tôi đã tưởng tượng. Những đồng cỏ với đàn bướm

bướm, đàn chuồn chuồn lượn quanh trước nay vẫn không thay đổi; những sườn đồi với cây cối và hoa dại cũng vẫn thế. Chúng vẫn y như hồi tôi còn thơ ấu. Tuổi trẻ của tôi nằm trong lòng chúng, chôn chặt vào đáy nếu tôi muốn nhìn việc đời bằng cái nhìn như vậy, hoặc sẵn sàng hồi sinh lại, nếu tôi cố làm ra vẻ lạc quan hơn. Và chẳng có gì làm cảnh vật hồng đi. Từ trên toa tàu, tôi chỉ trông thấy lác đác dăm ba người, không bóng dáng lính tráng, chỉ có đồng nội lẳng chìm dần trong ánh hoàng hôn. Hồng, huệ, thược dược nở đều trong những mảnh vườn tí hon của trường ga. Chúng vẫn như thế tự thuở bao giờ. Nạn phung hủi không làm chúng tàn lụi đi. Chúng leo theo hàng rào gỗ mắt cáo như bên Pháp, và trên đồng cỏ thần thơ từng đàn bò y như trong đồng cỏ bên Thụy Sĩ, những đàn bò nâu, đen, trắng - không có hình chữ thập ngoặc - với những cặp mắt già nua nhẩn nại. Giữa một nông trang nào đó, tôi chợt thấy một chú cò đang chao cánh và từng đàn chim sẻ vỗ cánh bay như chúng vẫn bay ở bất cứ nơi đâu và tự bao giờ cũng vẫn thế. Chỉ có con người là thay đổi. Tôi biết thế, nhưng tối hôm ấy, tôi không chứng kiến được điều đó mà cũng không hiểu ra được. Mặt khác, con người cũng không thay đổi một cách đều đặn như nhau như tôi đã nghĩ một cách rồ dại. Toa tàu đầy khách, vội đi rồi lại đông nghẹt. Vào giờ này, ít thấy lính tráng, phần đông là dân thường, và chuyện trò giữa họ với nhau thì cũng không khác mấy với những mẫu chuyện tôi thường nghe ở Pháp và Thụy Sĩ: thời tiết, nắng mưa, mùa màng, gặt hái, những biến cố trong ngày và nỗi sợ chiến tranh. Đến họ cũng thế, cũng sợ chiến tranh. Chỉ một điểm khác nhau là ở bên ngoài nước Đức thì ai cũng nghĩ chính các nước khác áp đặt cuộc chiến tranh đó lên đất nước Đức. Hầu hết ai ai cũng mong muốn hòa bình, như họ vẫn muốn điều này ngay trước khi chiến tranh bùng nổ. Đoàn tàu dừng lại. Cùng với đám đông tôi chen lấn ra cửa. Bên trong nhà ga chẳng thay đổi gì kể từ ngày tôi thấy nó lần cuối cùng, có điều trông nó hẹp hơn và bẩn đi. Khi tôi đi vào quảng trường Bahuhofsplatz, những điều tôi hình dung trước đây bỗng tan biến mất. Bóng đêm đang rủ xuống, không khí ẩm ướt như sau cơn mưa. Quanh tôi, tôi chẳng còn thấy gì. Tất cả đều rung động trong tôi; và kể từ lúc đó tôi nhận thức tôi đang lâm nguy.



Đồng thời tôi lại có cảm giác là chẳng có gì xảy đến với tôi. Như thể tôi đang ở dưới cái vòm bằng thủy tinh, nó bảo vệ tôi nhưng có khả năng vỡ tan từng mảnh bất cứ lúc nào. Tôi trở lại quầy vé mua một vé về lại Munster. Tôi không sống tại Osnabruck được. Nguy hiểm quá. “Chuyến tàu chót mấy giờ?” Tôi hỏi người bán vé ngồi sau quầy trong ánh điện vàng vọt. Cái đầu hói của ông ta lấp lánh giống như một tượng Phật tĩnh lễ hoàn toàn bình thản, không quản mọi thăng trầm của thế tục. “Có một chuyến chín giờ hai mươi và một chuyến khác lúc mười một giờ mười hai phút.” Tôi bước đến chiếc máy bán vé tự động mua một vé ra sân ga. Tôi muốn có sẵn nó trong tay để phòng trường hợp tôi cần biến nhanh trước giờ tàu. Theo nguyên tắc, sân ga là nơi ẩn náu lộ liễu nhất, nhưng thường bạn có nhiều nơi để chọn, ở Osnabruck có ba nơi, bạn có thể nhảy lên đoàn tàu nào sắp sửa khởi hành, giải thích với người phục vụ rằng bạn lên nhầm tàu, bạn trả khoản tiền sai biệt rồi đến trạm kế thì bước xuống. Tôi quyết định ghé nhà một người bạn cũ, mà tôi biết không phải là người ủng hộ chế độ. Chỉ cần nghe giọng nói trên máy điện thoại cũng có thể biết anh ấy có thể giúp tôi được hay không. Tôi ngại gọi thẳng cho vợ tôi, vì không chắc vợ tôi sống một mình. Tôi đứng trong phòng điện thoại với cuốn danh bạ trước mặt. Lúc lật những góc trang bụi đất bám đầy và nhàu nát, tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi tưởng như nghe được nó. Tôi lại còn sợ người khác cũng nghe được nên tôi cúi người xuống để khỏi bị nhận diện. Không suy nghĩ và rất tình cờ, tôi gặp ngay mẫu tự đầu trong tên trước kia của tôi. Tôi gặp tên vợ tôi, số điện thoại vẫn như cũ, nhưng địa chỉ đã đổi khác. Trước kia là quảng trường Rissmuller nay đổi là quảng trường Hitler. Lúc trông thấy địa chỉ, tưởng chừng ngọn đèn buồn thảm trong phòng điện thoại sáng lên hơn một trăm lần. Tôi ngược nhìn lên, tràn ngập bởi cái cảm giác bên ngoài là đêm đen và tôi đang đứng trong phòng kính ánh sáng chói chang, hoặc giữa chùm ánh đèn pha rọi. Một lần nữa, tính chất điên rồ của việc làm của tôi làm tôi choáng váng mãnh liệt. Tôi ra khỏi phòng điện thoại và băng qua nhà ga chìm trong bóng tối lờ mờ. Từ trên những tấm bích chương cổ động, những bộ mặt hân hoan màu xanh da trời của tổ chức “Sức mạnh bằng niềm vui” nhìn

xuống tôi một cách đầy đe dọa. Và chuyển tàu đã vào ga. Một đám hành khách đang leo lên thang cấp. Một tên lính SS bước ra khỏi đám đông đi về phía tôi. Tôi không chạy. Có lẽ hẳn chỉ tìm một người nào đó thôi. Nhưng hẳn lại dừng ngay trước mặt tôi và nhìn thẳng vào mặt:

“Xin lỗi, anh có lửa không?”

“Lửa hả?” Tôi lặp lại, rồi đáp nhanh, “Vâng, có chứ, có diêm đây.” Tôi cho tay vào túi lục tìm.

“Diêm làm gì?” Tên SS ngạc nhiên nói, “Điều thuốc anh đang cháy mà.”

Tôi cũng không nhớ ra rằng tôi đang hút thuốc. Tôi chìa điều thuốc cho hẳn. Hẳn châm lửa vào đầu điều thuốc rồi rít.

“Anh hút thứ gì vậy?” Hẳn hỏi, “Khói thuốc như xì gà.”

“Thuốc Gauloise đấy mà. Tôi có mua vài gói trước khi qua biên giới. Quà của một người bạn.” Tôi nói, “Loại thuốc lá đen của Pháp. Anh ta mang từ Pháp về. Tôi cũng thấy khói nặng.”

Tên SS bật cười:

“Tốt nhất là bỏ hút. Như Quốc trưởng<sup>[\*]</sup>. Nhưng không dễ đâu, nhất là vào lúc này.” Hẳn chào rồi bỏ đi.

Schwarz mỉm cười nhẹ:

— Khi tôi còn là một con người được quyền đi đâu tùy thích, tôi vẫn thường nghi ngờ về cái lối các nhà văn mô tả sự kinh hoàng làm tim nạn nhân ngừng đập, chân tay không cử động được, từng đợt sóng lạnh như băng chạy dài theo cột sống, toàn thân vã đẫm mồ hôi, rặt là những lối viết khuôn sáo vụng về, tôi nghĩ thế. Có thể như vậy thật. Nhưng đấy cũng là sự thật. Nó đúng như cảm giác của tôi lúc ấy. Thuở còn thơ ngây những điều này chắc phải làm tôi bật cười.

Một người hầu bàn tiến lại gần chúng tôi:

— Các ngài không thích có bạn ngồi cùng bàn sao?

— Không.

Y nghiêng mình về phía tôi:

— Trước khi từ chối, xin các ngài hãy quay lại nhìn hai phụ nữ kia kìa.

Tôi nhìn về phía họ. Một trong hai người có vẻ rắn khỏe. Cả hai đều mặc áo dạ phục sát sao. Tôi không trông thấy được mặt của họ.

— Không. - Tôi trả lời.

— Họ là những thiếu nữ đứng đắn đấy. Cô bên phải là người Đức.

— Cô ấy bảo anh đến đây?

— Không. - Người hầu bàn đáp lại với nụ cười ngây thơ làm tiêu tan hết mọi ngờ vực, - Đó là do ý kiến riêng của tôi, vậy thôi.

— Tốt, thế thì hãy chôn kỹ nó đi. Và thay vào đó, hãy mang ra cho chúng tôi cái gì để ăn đi.

— Hẳn muốn gì thế? - Schwarz hỏi.

— Muốn kết chúng ta với cháu ngoại của Mata Hari<sup>[\*]</sup>. Ông đã biếu hẳn món tiền nước quá hậu chứ gì?

— Tôi chưa trả tiền. Ông nghĩ họ là gián điệp?

— Có thể. Nhưng chỉ vì một động lực duy nhất trên thế giới này: Tiền.

— Người Đức hả?

— Một trong hai ả, người hầu bàn đã nói vậy.

— Ông nghi ả được phái đến để dụ người Đức hồi hương?

— Tôi nghi lắm. Chuyện này họ đã làm nhiều trong hàng ngũ người Nga.

Tôi gọi người hầu bàn mang ra đĩa bánh tráng thịt vì rượu uống đã bốc lên rồi. Tôi muốn giữ đầu đủ sáng suốt.

— Ông không ăn sao? - Tôi hỏi Schwarz.

Gã lắc đầu, xa vắng:

— Tôi không nghĩ là những điều thuốc kia có thể tố cáo tôi, chuyện ấy chưa bao giờ xảy ra đến với tôi cả. - Hẳn nói. - Tôi bèn xem lại tư trang của tôi. Hộp diêm tôi cũng mua ở Pháp. Tôi ném nó đi cùng số thuốc diếu còn lại. Rồi tôi mới nhớ sự ra ràng tám hộ chiếu của tôi có mang con dấu nhập cảnh và hộ chiếu của Pháp. Trường hợp có bị hỏi đến, tôi có thể giải thích lý do tại sao tôi có thuốc diếu của Pháp. Tôi toát mồ hôi và tức giận mình đã quá lo sợ. Tôi trở lại phòng điện thoại. Tôi phải

chờ. Một người đàn bà đeo tấm phù hiệu to tướng của đảng gọi liên tiếp hai số và gào vào máy cả tràng mệnh lệnh. Số thứ ba không có người đáp. Người đàn bà bước ra, vẻ quan trọng, giận dữ.

“Tôi gọi số điện thoại của anh bạn tôi.” Một giọng đàn bà trả lời ở đầu máy.

“Làm ơn cho tôi nói chuyện với bác sĩ Martens.” Tôi thấy giọng nói tôi khản hẳn đi.

“Ai ở đầu dây đây?” Người đàn bà hỏi.

“Một người bạn của bác sĩ Martens.” Tôi không nói tên tôi ra được. Giọng nói ở đầu dây kia có thể là của vợ hoặc của cô giúp việc, nhưng nếu tin vào họ thì thật là sai lầm.

“Xin cho biết quý danh.” Người đàn bà nói.

“Tôi là bạn của bác sĩ Martens,” tôi trả lời. “Xin cứ bảo cho như thế. Có việc gấp.”

“Rất tiếc.” Người đàn bà đáp, “Nếu ông không cho biết tên, tôi không thể báo được.”

“Thì bà hãy đặt một ngoại lệ cho tôi đi.” Tôi nói, “Bác sĩ đang chờ tôi gọi cho ông ấy mà.”

“Nếu thế thì chắc chắn là ông có thể cho tôi biết tên.” Tôi cố moi óc suy nghĩ ra một cái tên nào đó, nhưng vô vọng. Sau đó, có tiếng ống nghe gác lên máy. Tôi đứng trong nhà ga xám xịt, lộng gió. Hành động đầu tiên của tôi thoạt trông có vẻ đơn giản nhưng đã tỏ ra sai lầm và tôi không còn biết phải làm gì sau đó. Có thể là tôi phải đánh nước liều gọi thẳng cho Helen bởi vì người nhà nàng có thể nhận ra giọng nói của tôi. Tôi cũng có thể khai ra một cái tên khác, nhưng tên nào đây? Bác sĩ Martens, lúc đó tôi không nghĩ ra được một tên nào khác, tôi phân vân. Bỗng một ý nghĩ vụt lóe lên như thể nó đến với tôi trong khoảnh khắc dạo tôi mới lên mười. Tại sao không gọi bác sĩ Martens và tự xưng là anh vợ tôi? Martens biết anh ấy rất rõ và ghét cay ghét đắng anh ta từ mười năm nay. Cũng giọng đàn bà ấy trả lời.

“Georg Jurgens đây. Cho tôi gặp bác sĩ Martens.”

“Có phải ông đã gọi lúc nãy?”

“Trung tá Jurgens. Tôi muốn nói chuyện với bác sĩ Martens và ngay lập tức.”

“Vâng ạ.” Người đàn bà đáp, “Xin chờ chút.”

Schwarz nhìn tôi:

— Ông có quen với cái tiếng vo vo trong ống nghe khi ông thắp thỏm chờ đợi quyết định về mạng sống của mình trên điện thoại chưa?

Tôi gật đầu:

— Cũng không hẳn là ông chờ đợi mạng sống của ông đâu. Có thể là ông đang trông đợi cái khoảng trống rỗng mà chính ông tìm cách xua đuổi đi đấy.

Schwarz kể tiếp câu chuyện:

— “Bác sĩ Martens đây.” Sau cùng tôi nghe tiếng trả lời. Tôi lại rơi vào cái tâm trạng đã có một lần có thể khiến tôi phải bật cười. Cổ họng tôi khô khản.

“Rudolf,” tôi thì thào.

“Xin lỗi!”

“Rudolf.” Tôi nhắc lại, “Tôi là bà con của Helen Jurgens.”

“Tôi chẳng hiểu gì cả. Có phải ngài tiểu đoàn trưởng Jurgens đó không?”

“Không, tôi gọi giùm ông ấy. Cho Helen Jurgens. Ông không hiểu sao?”

“Tôi chẳng hiểu tí gì cả.” Giọng nói trong máy dậm ra bực tức, “Tôi đang bận khám bệnh.”

“Tôi không thể đến phòng mạch của anh được sao, Rudolf? Anh bận lắm sao?”

“Ông có ý gì đây? Tôi không quen ông, mà ông lại...”

“Ồ, cái lão Shatterhand.” Tôi nói. Thành linh tôi đã nhớ lại những tên mà chúng tôi dùng để gọi nhau hồi bé trong lúc chơi trò người da đỏ, những tên rút ra ở những cuốn tiểu thuyết của Karl May mà chúng tôi đã ngấu nghiến thưở còn mười hai tuổi. Trong một lúc, tôi chẳng nói gì. Rồi Martens hỏi khẽ:

“Gì vậy?”

“Winnetou.” Tôi đáp, “Anh đã quên những tên cũ ấy rồi ư? Lại nhỉ? Đó là những cuốn tiểu thuyết mà Quốc trưởng thích nhất

đấy.”

“Đúng thế,” Martens đáp. Ai cũng biết rằng kẻ đã khơi mào cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai này có ở cạnh giường ngủ ba bốn chục cuốn trong tuyển tập của Karl May. Và ai cũng biết rằng những cuốn sách này nói về người da đỏ, người săn bầy thú, những sách mà bất cứ đứa trẻ mười lăm tuổi bình thường nào ít ra cũng cho là buồn cười lố bịch, thì Quốc trưởng lại ưa thích nhất.

“Winnetou?” Martens nhắc lại giọng ngờ vực.

“Vâng, tôi cần gặp anh.”

“Tôi... không hiểu... Anh ở đâu?”

“Ở đây thôi. Osnabruck. Ta gặp nhau tại đâu đây?”

“Tôi đang khám bệnh.” Martens nói một cách máy móc.

“Thế thì tôi ốm. Vậy tôi có thể đến nhờ anh khám chứ?”

“Thế là thế nào?” Martens nói giọng cho thấy là ông đã quyết định phải làm gì rồi, “Nếu ông muốn thì cứ đến gặp tôi, việc gì phải mất công gọi điện thoại?”

“Lúc nào?”

“Tốt nhất là bảy giờ rưỡi. Bảy giờ rưỡi,” Ông nhắc lại, “Đừng đến trước.”

“Được. Bảy giờ rưỡi tôi sẽ đến gặp anh.” Tôi đặt ống điện thoại xuống. Mồ hôi ướt đầm mình. Tôi ra khỏi phòng điện thoại. Một nửa vầng trăng chọt hiện lên giữa những đám mây. Còn đúng một tuần nữa sẽ là trăng tròn, tôi tính nhẩm. Thời điểm thuận lợi để vượt biên giới. Tôi nhìn lên đồng hồ. Tôi còn bốn mươi lăm phút nữa. Tốt hơn nên rời khỏi nhà ga. Những kẻ luẩn quẩn quanh ga luôn có vẻ khả nghi. Tôi đi vào con đường tối và ít người lai vãng nhất. Đường này dẫn đến dãy thành lũy cổ. Một đoạn đã bị san bằng bên trên có trồng cây. Phần kia, dọc theo sông, vẫn còn như trước. Tôi lần theo bức thành ấy, băng qua một công trường rồi đi qua trước nhà thờ Sacred Heart. Từ trên cao bức thành ta có thể nhìn qua sông, thấy những nóc nhà và tháp chuông của thành phố. Mái vòm kiểu ba rốc của giáo đường lấp lánh dưới ánh trăng chập chờn. Cảnh vật này tôi từng quen thuộc. Nó được in lại trên cả ngàn tấm bưu thiếp. Tôi cũng từng quen với cái mùi vị nước sông và mùi

cây gia trên đại lộ chạy dọc theo bờ thành. Có những cặp tình nhân ngồi đong đưa trên những chiếc băng đặt giữa những hàng cây, nhìn ra sông và thành phố. Tôi ngồi lên một băng còn trống để giết thời gian nửa tiếng đồng hồ còn lại trước khi đến gặp Martens. Chuông nhà thờ bắt đầu đổ. Mang sẵn tâm trạng khắc khoải nên hồi chuông ngân vang khiến tôi càng dao động mạnh. Giống như ta chứng kiến một trận đấu quần vợt vô hình. Một trong hai đấu thủ là cái “tôi” trước đây, cái “tôi” run sợ và không dám nghĩ đến hoàn cảnh hiện tại của mình. Còn đấu thủ kia là cái “tôi” bây giờ, cái “tôi” táo bạo, dám đánh liều cuộc sống tưởng như không còn lối thoát nào khác, một cuộc thi đấu điên rồ diễn ra dưới mắt quan sát của một trọng tài thụ động, khách quan vốn từ thâm tâm chỉ muốn cho cái “tôi” bây giờ thắng cuộc. Tôi nhớ mãi khoảng thời gian nửa tiếng đó với từng chi tiết. Tôi lại còn nhớ cả nỗi kinh ngạc của chính tôi làm sao tôi lại có thể nhìn vào bản thân tôi bằng một cái nhìn phân tích như thế được. Như thể tôi đang ở trong một căn phòng bốn bề có kính soi bao quanh. Những tấm kính này phát ra phản ảnh của tôi chập chờn trong vô vàn khoảng trống rỗng, và đằng sau mỗi phản ảnh như vậy tôi lại phát hiện ra một cái khác nhìn qua vai cái trước. Những tấm kính trông cũ và mờ, và tôi không tài nào nhận ra cái nét mặt trên ấy là ưu tư, buồn thảm hay tràn trề hy vọng. Trong bóng tối lấp lánh màu bạc, những hình ảnh ấy nhạt nhòa đi. Một người đàn bà ngồi xuống cạnh tôi. Tôi chẳng biết bà ấy muốn gì và tôi băn khoăn tự hỏi phải chăng cái chế độ tàn bạo này giờ đây cũng biến những sự vật này thành những bài tập quân sự? Thế nên tôi đứng dậy bỏ đi. Tôi nghe rõ tiếng cười của người đàn bà sau lưng tôi, và tôi không bao giờ quên được cái giọng cười nhẹ nhàng, khinh miệt và ái ngại của người thiếu phụ vô danh dưới chân tường Herrenteich tại thành phố Osnabruck ngày nào.

## CHƯƠNG 4

**P**hòng đợi vắng người. Trên ngăn kê gần cửa sổ là lọ cây cảnh lá dai khô như những mẩu da thuộc. Trên bàn la liệt những tạp chí bìa in hình những yếu nhân trong đảng, binh lính, một phân đội thanh niên Hitler. Tôi nghe những bước chân vội vã rồi Martens hiện ra ở bậc cửa. Anh nhìn tôi, lấy kính ra và chớp mắt. Trong phòng đợi ánh sáng mờ mờ. Thoạt tiên anh ta không nhận ra tôi, có lẽ vì hàng ria mép.

“Tôi đây, anh Rudolf à.” Tôi nói, “Josef đây.”

Anh làm hiệu cho tôi nói nhỏ.

“Anh từ đâu đến đây?” Anh thì thào.

Tôi nhún vai.

“Điều đó có gì quan trọng đâu? Điều quan trọng là tôi đã đến đây. Anh phải giúp tôi mới được.” Tôi nói.

Anh nhìn tôi. Đôi mắt cận thị của anh trong vùng ánh sáng lờ mờ đó trông chẳng khác gì mắt cá trong chậu.

“Anh có được phép ở đây không?”

“Tôi tự cho phép mình.”

“Anh vượt biên bằng cách nào?”

“Chẳng có gì quan trọng. Tôi đến đây để gặp Helen.”

Anh há hốc miệng nhìn tôi kinh ngạc:

“Thế ra anh đến đây là vì vậy?”

“Vâng!” - Tôi đáp. Tôi bỗng cảm thấy yên ổn lạ thường. Tôi chỉ run sợ khi nào tôi còn cô đơn. Giờ thì bao nhiêu lo sợ ấy đã tan biến rồi. Vấn đề của tôi lúc này là trấn an anh bạn của mình đang ở trong tình trạng dao động.

“Để gặp Helen?” Anh hỏi.

“Vâng, để gặp Helen. Và anh phải giúp tôi.”

“Trời đất!” Anh kêu lên.

“Sao? Nàng chết rồi à?” Tôi hỏi.

“Không cô ấy còn sống.”

“Nàng vẫn còn ở trong thành phố này chứ?”



“Vâng. Hay nói cho đúng, cách đây một tuần lễ cô ấy còn ở đây.”

“Ta có thể nói chuyện ở đây không?”

Martens gật đầu:

“Tôi đã bảo nhân viên nhận bệnh đi nơi khác rồi. Nếu bệnh nhân có đến tôi cũng bảo họ đi thôi. Tôi không mời anh về nhà được. Tôi đã cưới vợ. Cách đây hai năm. Mong anh hiểu...”

“Vâng, tôi hiểu.” Ngay cả bà con ruột thịt cũng không nên tin cậy dưới Đế chế Ngàn năm này. Hành động tố cáo được các vị cứu tinh của nước Đức xem là một đức tính dân tộc. Về điều này tôi đã có chút ít kinh nghiệm đầu tay. Chính anh vợ tôi đã tố cáo tôi.

“Vợ tôi đang ở trong đảng.” Martens nói nhanh, “Nhưng chúng tôi không bao giờ,” Anh nhìn tôi vẻ hơi ngượng, “Không bao giờ đề cập đến những chuyện như thế này. Tôi không nắm chắc là bên trong nhà tôi nghĩ gì. Mời anh vào đây vậy.”

Anh mở cửa bước vào phòng mạch rồi khóa trái nó lại.

“Cứ để cửa mở.” Tôi nói, “Đóng cửa còn khả nghi hơn khi người ta trông thấy chúng ta.”

Anh vặn trả lại chìa khóa trong ổ khóa rồi nhìn tôi:

“Này, Josef, vì Chúa, anh hãy nói thật đi, anh tính làm gì ở đây? Anh bí mật đến đây phải không?”

“Đúng. Nhưng anh không phải giấu tôi đâu. Tôi đang trọ tại một khách sạn ở ngoại ô. Tôi đến gặp anh vì anh là người duy nhất có thể báo cho Helen biết tôi có mặt ở đây. Đã năm năm nay tôi không nhận được tin tức gì của nàng. Tôi không rõ nàng có chuyện gì không. Tôi cũng không biết nàng đã lấy chồng khác chưa. Không biết nàng...”

“Và chính vì thế mà anh đến đây?”

“Đúng thế.” Tôi ngạc nhiên đáp lại, “Còn vì cái gì nữa?”

“Chúng tôi phải giấu anh đi. Đêm nay anh có thể nghỉ trên đi văng này. Tôi sẽ đánh thức anh trước bảy giờ. Đến bảy giờ chị giúp việc đến dọn dẹp. Sau tám giờ anh có thể trở lại. Bệnh nhân không đến trước mười một giờ đâu.”

“Nàng tái giá rồi chứ?”

“Ai? Helen hả? Tôi cũng không nghĩ là anh chị đã ly dị rồi.”

“Nàng sống ở đâu? Vẫn trong căn hộ đạo ấy chứ?”

“Tôi chắc thế.”

“Có ai cùng sống với nàng không?”

“Anh muốn nói gì?”

“Mẹ, anh chị em hay một người bà con nào đó chẳng hạn?”

“Tôi không rõ.”

“Nhờ anh xem lại giúp.” Tôi nói, “Và cũng nhờ anh báo cho nàng biết tôi có mặt ở đây.”

“Tại sao anh không đích thân nói cho cô ấy?” Martens hỏi, “Có điện thoại mà.”

“Giả sử nàng không sống một mình thì sao? Cái gì sẽ xảy ra nếu anh nàng có mặt tại đó? Lão ấy đã một lần tố cáo tôi rồi mà.”

“Đúng thế thật. Biết được anh ở đây chắc thế nào cô ấy cũng kinh ngạc như tôi. Và điều đó có thể làm lộ cô ấy ra.”

“Tôi không biết rõ nàng nghĩ gì về tôi, Rudolf ạ. Đã năm năm rồi, còn gì? Và chúng tôi mới lấy nhau được bốn năm thôi. Năm năm lâu hơn bốn năm chứ, mà thời gian xa cách ảnh hưởng tai hại hơn thời gian sum họp.”

Anh gật đầu tán đồng.

“Tôi thật không hiểu anh.” Anh nói.

“Tôi biết. Chính tôi, tôi cũng không hiểu tôi nữa là. Chúng ta có những cuộc sống khác nhau.”

“Tại sao anh không viết thư cho cô ấy?”

“Giờ thì những chuyện ấy làm sao giải thích cho anh hiểu, Rudolf. Thôi, cứ đi gặp Helen đi. Hãy tìm cách nói cho nàng rõ. Xem nàng nghĩ như thế nào? Nếu anh thấy có thể làm được, thì hãy bảo nàng rằng tôi có mặt ở đây và hỏi nàng xem chúng tôi có thể gặp nhau bằng cách nào.”

“Anh muốn tôi đi vào lúc nào?”

“Ngay bây giờ.” Tôi ngạc nhiên nói, “Sao lại phải chờ đợi?”

Anh nhìn quanh quất:

“Trong lúc chờ đợi, anh đi đâu? Đây không phải là nơi an toàn. Có thể nhà tôi cho người nhà xuống đây kiếm tôi. Thường

thì tôi hay lên lầu sau những giờ làm việc; nhà tôi đã quen như thế rồi. Tôi có thể khóa cửa lại để anh trong đó, song như thế lại có vẻ khả nghi lắm.”

“Tôi không thích bị khóa đâu.” Tôi nói, “Sao anh không bảo chị ấy là anh có người bệnh phải khám.”

“Tôi sẽ bảo như thế khi tôi trở lên lầu. Như thế đơn giản hơn.”

Tôi nhận thấy mắt anh chớp chớp lên, và trong thoáng chốc mắt trái của anh nháy lên một cách ranh mãnh khiến tôi nhớ lại những ngày thơ ấu giữa chúng tôi.

“Tôi sẽ chờ trong nhà thờ. Ngày nay nhà thờ an toàn chẳng khác gì vào thời Trung cổ. Chừng nào tôi có thể ghé trở lại?”

“Trong một tiếng nữa. Cứ xưng tên là Otto Sturn. Còn tôi gặp lại anh bằng cách nào? Anh hãy đến một nơi nào đó có điện thoại có phải tốt hơn không?”

“Những nơi có điện thoại rất nguy hiểm.”

“Vâng có lẽ đúng đấy!” Anh đứng ngần ngừ một lúc, “Vâng, có lẽ anh đúng. Nếu tôi không trở lại, anh cứ gọi tiếp, hoặc để lại ít chữ cho biết anh ở đâu.”

“Được.”

Tôi đội mũ lên.

“Josef.” Anh gọi giật.

Tôi quay người lại.

“Ngoài kia ra sao?” Anh hỏi, “Anh hiểu tôi muốn nói gì chứ? Không... Không thiếu gì cả chứ?”

“Không thiếu gì cả ư?” Tôi đáp, “Vâng, gần đúng như thế. Không thiếu gì cả. Nhưng không hẳn thế đâu. Thế còn ở đây thì sao? Chắc là đủ mọi thứ, chỉ thiếu một điều, lại còn là điều quan trọng nhất.”

“Thế là không tốt rồi.” Anh nói, “Không tốt Josef ạ. Vì đây chỉ là cái vỏ khoác ngoài thôi.”

Tôi đi theo những đường vắng nhất đến ngôi thánh đường. Cũng không xa lắm. Đến phố Krahn, một đại đội lính diễu hành ngay qua mặt tôi. Họ hát một bài tôi không biết. Quảng trường Dom lính càng đông hơn. Cách đó không xa, cạnh ba cây thập tự của ngôi Nhà thờ Nhỏ, một đám vài trăm người tụ tập lại,

phần đông mặc đồng phục đảng Quốc xã. Nghe giọng nói, tôi ngược lên nhìn diễn giả, nhưng chẳng thấy ai. Sau mắt tôi sáng lên khi thấy một cái loa phóng thanh gắn dựa vào một cái bục. Nó đứng đấy, dưới một ngọn đèn, trần trụi và đơn độc, đúng là một cái máy tự động, gào lên đòi quyền chiếm lại từng tấc đất cho nước Đức, cho nước đại Đức, đòi quyền báo thù. Hòa bình của thế giới, nó gầm lên như thế, chỉ có thể bảo vệ bằng một đường lối duy nhất: thế giới phải làm đúng ý muốn của nước Đức. Đó là cách hợp lẽ phải và công bằng. Gió lại nổi lên, và những cành cây đong đưa in bóng chập chờn lên những khuôn mặt quanh đó, lên cái máy đang tru tréo và những bức tượng đá im lìm trên tường nhà thờ phía sau đó: Chúa Ki-tô đóng đinh trên cây thập giá giữa hai tên trộm. Nét mặt những người nghe chú ý tập trung cao độ và rạng rỡ hẳn lên. Họ tin những cái máy kia đang gào thét vào mặt họ. Trong trạng thái thôi miên lạ lùng, họ vỗ tay hoan hô cái giọng vô hồn ấy mà cứ tưởng như là của người thật. Cảnh quan này gây trong tôi một ấn tượng mãnh liệt điển hình cho cái xu hướng quý quyết hung hãn của quần chúng Đức trong thời đại chúng ta, điển hình cho đám đông cuồng loạn kinh hoàng chỉ biết nghe theo khẩu hiệu. Dù những khẩu hiệu ấy đến với họ từ bên trái hay bên phải cũng chẳng hề gì, miễn chúng đỡ cho họ cái công việc nặng nhọc là phải suy nghĩ lồi thoi và khỏi phải gánh lấy trách nhiệm. Trong nhà thờ tôi không ngờ lại thấy nhiều người đến thế. Rồi tôi sực nhớ vào đạo thánh năm, tối nào cũng có thánh lễ. Trong một lúc tôi tự hỏi vào một nhà thờ Tin lành có hơn không, nhưng tôi cũng không biết ở đó buổi tối họ có mở cửa không. Tôi lách mình ngồi vào chiếc ghế dài có dựa gần cửa ra vào. Trên bàn thờ ánh nến sáng rực, nhưng phần còn lại trong nhà thờ thì chỉ lờ mờ sáng, và không dễ gì nhận diện ra tôi được. Vị linh mục đi quanh nhà thờ giữa khói hương nghi ngút, và ánh nến chói lòa hai bên có hai cậu giúp lễ mặc áo lễ đỏ, ngoài khoác áo thụng trắng, một trong hai người lác chiếc đỉnh trầm. Qua tiếng đàn oóc gan và những bài thánh ca, tôi có cảm giác cũng những khuôn mặt biến dạng rạng rỡ như lúc nãy ở bên ngoài kia. Cũng những cặp mắt thoát trần của những người mộng du, chất ngất niềm tin không chút thắc mắc và khao khát bình an không trách

nhệm. Không khí trong nhà thờ hiền hòa, êm ái. Nhưng tôn giáo này, vốn dạy ta yêu người, mến Chúa, không phải lúc nào cũng hiền hòa, êm ái như thế này đâu. Qua bao nhiêu thế kỷ dài đắm chìm trong tăm tối, nó cũng đã làm đổ biết bao nhiêu máu. Đến lúc hết bị sát hại thì đến phiên nó đi sát hại người khác, bằng lửa, bằng gươm, bằng tra tấn hành hạ. Chính anh của Helen nêu rõ điểm này khi lão nói với tôi trong trại tập trung: “Chúng tôi chỉ tiếp tục áp dụng những phương pháp của các bạn thôi. Tòa án Dị giáo [1] của các bạn, với những cách tra tấn cả nó nhân danh Chúa, dạy chúng tôi cách phải đối xử với kẻ thù của niềm tin. Thật tình mà nói, chúng tôi không đến nỗi tàn ác thế. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt chúng tôi mới thiêu sống người.” Lúc hắn nói với tôi điều này là lúc tôi đang bị treo trên cây thập tự, đó là một cách êm ái của họ để lấy tin tức ở đám tù nhân. Vị linh mục nâng chén thánh tích bằng vàng trên bàn thờ lên và ban phép lành cho đám con chiên. Tôi ngồi thật yên, nhưng cứ tưởng như được tắm gội trong hương trầm ấm áp, bồng bênh giữa niềm an ủi quang minh. Rồi bài thánh ca cuối cùng trỗi dậy: “Đêm nay xin Chúa bảo vệ che chở cho con.” Bài thánh ca này tôi đã từng ca hồi còn bé. Đạo ấy bóng tối ban đêm làm tôi sợ hãi, giờ đây chính ánh sáng lại làm tôi kinh hoàng. Thiên hạ bắt đầu ra về. Tôi còn mười lăm phút nữa để chờ đợi. Tôi nhích người vào góc cạnh cây cột lớn đỡ mái vòm của thánh đường. Vừa lúc đó, tôi trông thấy Helen. Thoạt tiên tôi không nhận ra nàng, vì tôi không trông mong gặp nàng tại đây. Sau đó, lúc nàng bước lên vài bước qua trước mặt tôi đến một nơi thưa người hơn, tôi mới nhận ra nàng khi nàng khẽ nhích vai để chen lên phía trước. Tưởng như nàng không va chạm vào người ai cả, mà chỉ lướt nhẹ vào giữa đám đông thôi. Bỗng nhiên nàng đứng đấy, nổi hẳn lên giữa gian chính rộng bao la của giáo đường, thật rõ nét trước hàng nền và khoảng bóng tối xanh đỏ của những cửa sổ cao lớn kiểu Rô-ma. Trông nàng gầy, ốm, mong manh và lạc lõng. Tôi đứng dậy, tìm cách bắt gặp cái nhìn của nàng. Tôi không dám vẫy tay ra hiệu. Vẫn còn đông người quá; làm thế người ta có thể để ý đến mắt. Nàng vẫn còn sống, đó là ý nghĩ đầu tiên của tôi. Nàng không chết và không bệnh hoạn. Đôi khi ta lấy làm ngạc nhiên sao lại

có những sự việc vẫn y nguyên như trước kia, sao một người nào đó lại có thể còn đó. Nàng bước vội đến chỗ ca đoàn. Tôi lách người ra khỏi ghế và đi theo nàng. Đến hàng rào chắn song nơi rước lễ, nàng dừng lại nhìn quanh. Nàng quan sát cẩn thận những người đang còn quỳ ở hàng ghế rồi thông thả quay trở xuống. Nàng chắc chắn sẽ tìm ra tôi trong một hàng ghế nào đó, tới mức nàng bước tới cạnh tôi, gần tới mức chúng tôi có thể chạm vào người nhau được. Tôi bước theo nàng. Khi nàng dừng lại lần nữa, tôi dừng lại ngay sau lưng nàng.

“Helen.” Tôi nói, “Đừng đi lòng vòng như thế. Hẵng ra ngoài kia đi. Anh sẽ theo em. Đừng để cho người ta thấy chúng mình đấy.”

Người nàng run lên như bị kích động mạnh, song nàng vẫn tiếp tục bước. Tại sao nàng lại dẫn thân đến chốn này? Chúng tôi đang có nguy cơ bị nhận diện. Nhưng chính tôi lại cũng không ngờ lại có đồng người đến thế. Tôi thấy nàng rào bước trước mặt tôi, còn tôi thì nóng lòng muốn ra khỏi giáo đường càng nhanh càng tốt. Nàng mặc một bộ đồ đen, đội một chiếc mũ thật nhỏ. Nàng giữ đầu thẳng, hơi nghiêng về một phía như thể lắng nghe tiếng bước chân tôi. Tôi đi tụt lại đằng sau vài bước, chỉ giữ khoảng cách đủ để khỏi mất dấu nàng. Kinh nghiệm đã dạy tôi rằng ta có thể bị lộ diện chỉ vì theo sát một người nào đó quá mức. Nàng bước qua trước bệ đại chừa nước thánh và ra bằng cửa chính. Rồi nàng rẽ sang trái. Dọc theo giáo đường là một lối đi lát đá phiến, ngăn cách với khu vườn bao quanh giáo đường bằng những sợi dây xích sắt gắn vào hàng trụ đúc bằng sa thạch. Nàng nhảy qua hàng rào dây xích, bước vài bước vào trong bóng tối, dừng lại, rồi đi lòng vòng một hồi. Khi tôi nói rằng vào lúc ấy tôi cảm thấy chính đây là cuộc sống của tôi, cuộc sống trọn vẹn của tôi đang đi chập chờn phía trước tôi mà lại dường như cách xa tôi, rồi đột nhiên nó quay lại với tôi, thì đó cũng là một lối nói rập khuôn, vừa đúng lại vừa không đúng sự thật. Đúng thế, tôi cảm nhận nó, nhưng nó lại không phải tất cả những gì tôi cảm nhận. Tôi đi về hướng Helen, hướng về khuôn mặt âm u, nhạt nhòa của nàng, hướng về đôi mắt, khoe miệng của nàng và để lại sau tôi những gì đã xảy ra. Những năm chúng tôi phải xa cách nhau không

phải đã tan biến đi, chúng vẫn còn đó, nhưng giống như tôi đã đọc thấy chúng trên những trang sách chứ không phải chính tôi đã trải qua.”

“Anh từ đâu đến?” Helen hỏi bằng một giọng gần như là thù địch trước khi tôi bước theo kịp nàng.

“Từ Pháp.” Tôi đáp.

“Và họ để anh vào sao?”

“Không. Anh vượt biên giới một cách bất hợp pháp.”

Hầu hết là những câu hỏi Martens đã hỏi tôi.

“Tại sao?” Nàng hỏi.

“Để gặp em.”

“Anh không nên về mới phải.”

“Anh biết vậy. Anh cũng đã từng nói với chính mình điều đó ngày này qua ngày khác.”

“Thế tại sao anh lại trở về?”

“Nếu anh biết tại sao thì anh đã không có mặt ở đây rồi.”

Tôi không dám hôn nàng. Nàng đứng ngay trước mặt tôi, nhưng người cứng nhắc, tưởng chừng như nàng có thể gãy đổ nếu tôi chạm đến người nàng. Tôi không biết lúc ấy nàng đang nghĩ gì, nhưng điều đáng nói là tôi đã gặp lại được nàng, nàng vẫn còn sống, và bây giờ thì tôi có thể yên tâm ra đi, hoặc chờ xem những gì sẽ xảy ra.

“Anh không biết?” Nàng lại hỏi.

“Ngày mai anh sẽ biết. Hoặc tuần tới. Hoặc sau này.”

Tôi nhìn lại nàng. Mà biết cái gì mới được? Hiểu biết chỉ như hạt bụi, cộng rác, một cụm bèo bọt chờn vờn trên đầu ngọn sóng. Một thoáng gió nhẹ cũng có thể cuốn nó phăng đi, nhưng ngọn sóng thì còn lại mãi mãi.

“Thế là anh đã trở về.” Nàng nói.

Mặt nàng không còn nét cứng nhắc và đã trở lại dịu dàng, thùy mị. Nàng bước gần lại một bước. Tôi nắm cánh tay nàng, và đôi bàn tay nàng đặt lên ngực tôi như để giữ khoảng cách giữa tôi và nàng vậy. Tôi có cảm giác mình đứng đối diện với nàng khá lâu, cô đơn trong khu vườn âm u lộng gió. Âm thanh ngoài đường nghe lảng xuống, như cách với chúng tôi bằng

một bức tường thủy tinh. Ở đằng cuối công viên về bên trái tôi, cách khoảng trăm bước, là Hí viện Quốc gia, đèn thấp sáng rực với những bậc thang cấp trắng toát. Rồi trong một lúc, tôi còn nhớ rõ điều này, tôi hơi ngạc nhiên là các vở kịch vẫn tiếp tục được trình diễn và rạp hát vẫn chưa bị biến thành trại lính hoặc nhà tù. Một tốp người đi qua chúng tôi. Một người trong bọn cất tiếng cười vang, có kẻ lại nhìn quanh chúng tôi.

“Đi nào, anh.” Helen bảo thềm, “Ta không ở đây được đâu.”

“Đi đâu bây giờ?”

“Về nhà của anh.”

Tôi tưởng tôi nghe nhầm.

“Đâu?” Tôi hỏi lại.

“Về nhà của anh. Chứ còn về đâu nữa?”

“Người ta có thể nhận ra anh trên cầu thang. Cũng những người đã sống trong nhà như trước kia chứ?”

“Vâng, nhưng họ sẽ không thấy anh đâu.”

“Thế còn chị giúp việc?”

“Em sẽ cho cô ấy nghỉ tối nay.”

“Còn sáng ngày mai?”

Helen nhìn tôi:

“Anh đến từ nơi xa xôi như thế để hỏi em những câu hỏi ấy sao?”

“Anh trở về không phải để bị bắt và đưa đi trại tập trung, Helen à.”

Sau rồi nàng cũng mỉm cười.

“Này Josef.” Nàng nói, “Anh chẳng thay đổi tí nào. Làm sao anh về được đến đây?”

“Chính anh, anh cũng không biết nữa.” Tôi đáp và cũng mỉm cười theo. Tôi nhớ có những lần trong quá khứ nàng cũng lấy cái giọng bực tức ấy đối với thái độ thông thái rờm của tôi. Kỷ niệm này khiến tôi tạm quên nỗi hiểm nguy đang đe dọa tôi. “Nhưng anh đã về đây.” Tôi nói.

Nàng lắc đầu, và tôi thấy đôi mắt nàng ứa lệ.

“Chưa đâu, anh ạ.” Nàng đáp, “Chưa đâu. Bây giờ cứ đi tiếp, nếu không, có thể họ bắt chúng ta thật đấy. Trông cứ như là em



đang gậy gổ với anh vậy.”

Chúng tôi băng qua công viên.

“Ngay bây giờ anh không thể đi với em được.” Tôi nói, “Trước hết em phải cho chị giúp việc đi đã. Anh đã lấy một phòng khách sạn ở Munster rồi. Ở đây chẳng ai biết anh đâu, và anh nghĩ anh nên lưu lại tại đó.”

Nàng đứng phắt lại, hỏi:

“Trong bao lâu?”

“Anh không biết.” Tôi đáp, “Anh chẳng bao giờ tính trước được chuyện gì cả. Anh chỉ biết là anh muốn gặp em và có thể một hôm nào đó anh sẽ trở lại.”

“Lại vượt biên giới?”

“Tất nhiên.”

Nàng cúi đầu và tiếp tục bước đi. Tôi nghĩ tôi phải hạnh phúc lắm, nhưng tôi lại không cảm nhận được như vậy. Chỉ về sau ta mới cảm nhận được niềm hạnh phúc đó. Vâng, bây giờ, bây giờ đây tôi mới biết lúc bấy giờ tôi thật hạnh phúc.

“Anh phải gọi điện cho Martens.”

“Anh có thể gọi anh ấy từ nhà của anh.” Helen nói lại.”

Mỗi lúc nghe nàng nói “nhà của anh” tim tôi cứ nhảy thót lên. Nàng làm như vậy là cũng có chủ ý. Tôi chẳng biết vì sao.

“Anh có hứa với Martens sẽ gọi anh ấy trong một tiếng đồng hồ nữa. Có nghĩa là bây giờ. Nếu anh không gọi, anh ấy lại nghĩ có chuyện gì không hay đã xảy ra. Rồi anh ấy đâm ra hành động bậy bạ. Anh ấy biết anh sẽ gặp em.”

Tôi nhìn đồng hồ. Đáng lẽ tôi đã phải gọi anh ta mười lăm phút trước rồi.

“Anh sẽ gọi anh ta ở quán nước gần nhất.” Tôi nói, “Chỉ mất một giây thôi.”

“Trời đất, Josef.” Helen giận dữ nói, “Thật tình anh chẳng thay đổi chút nào. Anh còn rởm hơn trước kia nữa đó.”

“Có thể là như vậy.” Tôi nói, “Nhưng nhờ kinh nghiệm mà anh biết rằng những tai họa nào có thể xảy ra cho ta nếu ta không chịu để ý đến những chi tiết nhỏ. Và anh cũng từng biết qua cái

tâm trạng đợi chờ trong khi tai họa đang rình rập chung quanh mình.”

Tôi nắm lấy tay nàng:

“Nếu anh không rờm như em nói, Helen à, thì chắc anh không sống được đến hôm nay.”

Nàng siết mạnh tay tôi.

“Em biết chứ!” Nàng thì thầm, “Nhưng anh không hiểu em lo sợ có chuyện gì xảy đến cho anh nếu em để anh một mình dẫu chỉ trong một phút hay sao?”

Tôi cảm thấy lòng mình được sưởi lại bằng tất cả hơi ấm của cuộc đời.

“Chẳng có gì xảy ra đâu, Helen ạ.”

Nàng mỉm cười và ngẩng đầu lên.

“Thôi, anh đi gọi điện thoại đi. Nhưng chớ vào quán nước. Đằng kia có phòng điện thoại. Họ đã xây cất thêm một phòng trong thời gian anh đi vắng. Ở đấy an toàn hơn quán nước.”

Tôi bước vào phòng điện thoại bằng kính. Helen đứng ngoài. Tôi gọi Martens. Đường dây bận. Chờ đợi một lúc, tôi gọi lại. Đường dây vẫn còn bận. Tôi đâm lo. Qua lớp kính phòng điện thoại tôi thấy Helen rảo bước lui tới một cách thận trọng. Tôi đi về phía nàng nhưng nàng không trông thấy tôi. Nàng đang dõ theo đường phố nhưng lại cố làm ra vẻ như không, cùng một lúc đóng vai lính gác và thần hộ mệnh, trong bộ đồ rất vừa vặn với nàng mà đến lúc bấy giờ tôi mới nhận ra. Trong lúc chờ đợi, tôi còn nhận ra nàng có dùng son. Trong ánh đèn vàng, son ngả màu đen. Tôi nhớ ra trong nước Đức mới, son phấn không được chấp nhận. Phải gọi đến lần thứ ba, Martens mới trả lời.

“Nhà tôi dùng điện thoại.” Anh giải thích, “Trong gần nửa tiếng đồng hồ. Tôi không thể giành máy được.”

“Bây giờ chị ấy ở đâu?”

“Trong nhà bếp. Tôi phải để nhà tôi nói chuyện, anh hiểu chứ?”

“Vâng, tất nhiên. Mọi sự đều êm xuôi. Cảm ơn anh, Rudolf. Hãy quên rằng anh đã gặp tôi.”

“Anh đang ở đâu?”

“Ngoài phố. Cảm ơn, Rudolf. Giờ thì tôi chẳng cần gì cả. Tôi đã gặp cái tôi đang tìm kiếm. Chúng tôi đang đứng bên nhau.” Tôi nhìn Helen qua bức tường bằng kính và muốn gác ống điện thoại.

“Anh đã biết anh sẽ ở lại đâu chưa?” Martens hỏi.

“Tôi nghĩ là biết. Xin anh chớ bận tâm. Hãy quên buổi tối hôm nay đi. Cứ xem như là một giấc mơ ấy thôi.”

“Nếu tôi còn giúp gì được cho anh, xin cứ cho tôi biết.” Anh nói giọng ngập ngừng, “Lúc đầu thì vì tôi quá ngỡ ngàng đấy thôi. Anh hiểu cho chứ?”

“Vâng, Rudolf, tôi hiểu. Nếu cần gì, tôi sẽ báo anh hay.”

“Nếu anh muốn ngủ lại đêm tại nhà... ta có thể nói chuyện nhiều hơn.”

Tôi mỉm cười.

“Vâng, để xem. Bây giờ tôi phải gác máy đây.”

“Phải đấy, tất nhiên.” Anh nói nhanh, “Bỏ lỗi cho tôi nghe. Chúc anh mọi điều may mắn, Josef. Thật tình đấy.”

“Cảm ơn anh, Rudolf.”

Tôi bước ra khỏi phòng điện thoại ngọt ngào. Một cơn gió mạnh suýt thổi bay mũ của tôi. Helen chạy ùa đến tôi.

“Ta về nhà ngay thôi. Em đâm ra lây cái thói cẩn thận của anh. Cứ tưởng như có cả trăm con mắt đứng ngoài vùng bóng tối mà nhìn chúng mình vậy.”

“Vẫn còn chị giúp việc cũ đấy chứ?”

“Ai? Lena ấy hả? Chị ấy là do thám của anh em. Anh ấy muốn biết anh có viết thư cho em không. Hoặc là em có viết thư cho anh không.”

“Thế còn người giúp việc hiện nay?”

“Chị này thì điếc và chẳng để ý gì đến những việc em làm. Được một ngày nghỉ cuối tuần là chị ta sung sướng lắm rồi. Chị ấy chẳng nghĩ ngợi gì đâu.”

“Em chưa cho chị ấy đi chứ?”

Nàng mỉm cười là trông nàng thật đẹp.

“Còn phải xem anh có thực ở lại không đã chứ?”

“Em nên cho chị ta đi trước khi anh về nhà.” Tôi nói, “Không nên để chị ta trông thấy chúng mình. Ta không thể đi đến một nơi nào khác sao?”

“Ở đâu?”

“Ừ, ở đâu nhỉ?” Helen bật cười, “Chúng mình như hai đứa trẻ đôi mươi đứng đây mà băn khoăn không biết có thể lén lút gặp nhau tại nơi vào vì cha mẹ nghĩ họ còn quá nhỏ bé. Ta đi đâu được bây giờ? đến Công viên Castle chẳng? Tám giờ người ta đóng cửa. Ngồi trên ghế ở công viên thành phố ư? Hay vào một tiệm bánh? Thật mạo hiểm quá!”

Nàng nói có lý. Đây là những chi tiết nhỏ mà tôi không nghĩ đến, bạn cũng thế thôi.

“Phải, đúng thế!” Tôi nói, “Mà chúng ta thì đứng đây như cặp tình nhân đôi mươi.” Tôi nhìn nàng. Nàng hai mươi chín tuổi, song chẳng thay đổi bao nhiêu. Khoảng thời gian năm năm mới đây lướt qua trên nàng như nước đổ lên da hải cẩu, chẳng để lại dấu vết gì. “Thì anh đến đây y như một chàng thiếu niên đôi tám.” Tôi nói, “Thật là nghịch lý hết sức. Nhưng anh chẳng buồn nghĩ tới đâu. Anh cũng không còn nhớ ra là em lấy anh hoặc lấy một người nào khác nữa cơ đấy.”

Nàng không trả lời. Mái tóc nâu của nàng ngời lên trong ánh điện đường.

“Em đi về cho chị giúp việc nghỉ!” Nàng nói, “Nhưng em không thích để anh một mình ngoài phố như thế này. Rất có thể anh sẽ biến đi cũng đột ngột như khi anh đến vậy. Anh đi đâu trong lúc chờ đợi?”

“Nơi mà em đã tìm thấy anh đó. Tại một giáo đường. Anh có thể trở lại ngôi giáo đường lúc này. Giáo đường là nơi an toàn, Helen à. Anh đã trở thành chuyên gia về những giáo đường và viện bảo tàng của Pháp, Thụy Sĩ và Ý rồi.”

“Anh nhớ trở lại trong nửa tiếng nữa.” Nàng bảo khế, “Anh vẫn còn nhớ mấy cửa sổ ở nhà chúng mình chứ?”

“Anh còn nhớ mà.” Tôi nói.

“Nếu cửa sổ mở một góc tức là an toàn và anh có thể lên được. Nếu thấy đóng, anh hãy đợi để em mở nó đã.”

Tôi vụt nhớ lại những ngày tôi còn thơ ấu, thuở tôi thường chơi trò mọi Da đở với Martens. Đạo ấy, tín hiệu chúng tôi dùng là ánh đèn nơi cửa sổ. Lão Shatterhand hoặc Winnetou thì chờ ở bên dưới. Phải chăng cuộc đời tự nó lặp lại? Có gì thực sự có thể tái diễn lại được chăng?

“Tốt!” Tôi nói, và bắt đầu bước đi.

“Anh đi đâu?”

“Anh đi xem thử nhà thờ St. Mary có còn mở cửa không. Nếu trí nhớ không đánh lừa anh thì ngôi giáo đường này là một điển hình thanh cao của lối kiến trúc Gô-tíc. Anh đã học được cách đánh giá những sự vật như thế rồi.”

“Thôi đừng nói năng tầm phào nữa.” Nàng bảo, “Để anh đi một mình cũng đủ khiến em lo lắng rồi.”

“Này, Helen!” Tôi đáp lại, “Anh cũng đã học cách tự lo lấy thân rồi.”

Nàng lắc đầu. Nét dửng cảm đã biến đi trên khuôn mặt nàng.

“Thế chưa đủ đâu.” Nàng nói, “Chưa đủ đâu. Em sẽ làm gì đây nếu anh không trở về?”

“Em chẳng làm gì được. Số điện thoại của em vẫn thế, phải không?”

“Vâng.”

Tôi sờ lên vai nàng.

“Helen.” Tôi nói, “Rồi mọi sự sẽ tốt lành thôi em ạ.”

Nàng gật đầu.

“Để em đưa anh đến nhà thờ St. Mary. Em muốn được an tâm là anh đã đến đó.”

Chúng tôi bước đi trong im lặng. Không xa lắm. Helen từ giã tôi, không nói một lời nào. Tôi nhìn theo nàng lúc nàng băng qua bãi chợ cũ. Nàng bước đi nhanh không nhìn lại phía sau. Tôi đứng chân trong bóng tối bên dưới cổng chính. Bên phải là tòa thị chính khuất trong bóng đêm, trừ những khuôn mặt tượng đá thấp thoáng dưới ánh trăng. Năm 1618, kết thúc cuộc chiến tranh Ba mươi năm được tuyên bố trên bực thềm bên ngoài tòa thị chính này. Đến năm 1933 nền Đế chế Ngàn năm cũng được mở đầu tại đây. Tôi thắc mắc không biết có còn được sống để

chứng kiến sự loan báo nó kết thúc không! Tôi còn rất ít hy vọng. Tôi không tìm cách bước vào bên trong nhà thờ. Đột nhiên tôi thấy không chịu nổi với cái ý nghĩ phải lẩn trốn. Tôi vẫn còn giữ ý định là phải thận trọng, nhưng từ lúc gặp lại Helen, tôi không còn muốn hành động như con thú bị săn đuổi, trừ trường hợp tôi phải làm như vậy. Tuy thế, ở đây lâu chắc cũng không an toàn, nên tôi bắt đầu lang thang đây đó. Cái thành phố này, trước thì có vẻ nguy hiểm, vừa quen thuộc lại vừa xa lạ, nay bỗng sống dậy. Tôi cảm nhận điều này vì bản thân tôi cũng đang hồi sinh. Tôi chợt nghĩ ra rằng cuộc sống vô danh của tôi trong năm năm gần đây, trước dường như trống vắng là thế, tựa như một cuộc chiến đấu để sống còn, thật ra đâu đến nỗi vô dụng. Nó đã nhào nặn con người tôi, và giờ đây, tựa như một đài hoa vừa nở trong đêm, ý nghĩa cuộc sống mà trước đây tôi chưa từng biết đến, vụt bừng sáng trong tôi. Chẳng có gì là lãng mạn cả. Nhưng đây là một điều mới mẻ phấn khích, như thể một đóa hoa miền nhiệt đới màu sắc rực rỡ, to lớn, bằng thép, kỳ diệu vừa xuất hiện trên một cây hoa bình thường vốn chỉ có thể nảy ra vài nụ không ra gì. Tôi ra đến bờ sông, đứng chân trên cầu, và nhìn xuống hàng rào ở mặt nước. Bên trái tôi là một tháp canh thời Trung cổ, nay được dùng làm nhà giặt. Những cửa sổ tháp đèn sáng, và các cô gái vẫn còn làm việc. Ánh đèn tỏa ra khắp mặt sông lấp lánh từng cụm sáng rộng lớn. Bức tường đen đúa phủ đầy cây gia nổi bật trên nền trời cao rộng, và về bên phải trải rộng ra là những khu vườn và bóng ngôi giáo đường. Tôi đứng lặng yên, tâm hồn hoàn toàn bình thản. Chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng sóng nước vỗ bờ và tiếng lao xao của mấy cô gái giặt áo bên sau cửa sổ. Tôi không nghe ra được họ đang nói gì. Tất cả những gì tôi nghe được dường như chỉ là những âm thanh của loài người chưa uốn nắn thành từ ngữ, chỉ là những tín hiệu của sự hiện diện con người, nhưng chưa phải là những từ ngữ hoàn chỉnh dùng làm tín hiệu cho sự dối trá, phản bội, ngu xuẩn, nỗi cô đơn đau nhức đến điên cuồng, những âm bội khó nghe làm biến dạng cái được xem là một giai điệu thuần khiết. Tôi hít thở, và tưởng chừng như tôi đang thở cùng một nhịp với sóng nước ngoài sông. Trong một hồi lâu bất tận, tôi lại còn cảm thấy tôi

như là một thành phần của chiếc cầu, rằng nước đang trôi chảy trong tôi cùng với nhịp thở. Cảm nhận này có vẻ tự nhiên quá, và tôi chẳng lấy làm ngạc nhiên. Tôi chẳng suy nghĩ gì nữa. Những ý nghĩ của tôi đã rơi vào vô thức như hơi thở của tôi và sóng nước của con sông. Có ánh đèn che khuất di chuyển nhanh qua hàng cây gia bên trái tôi. Tôi để mắt theo dõi, và tôi lại nghe tiếng nói xôn xao của các cô gái đi giặt áo. Tôi nhận ra là có một lúc tôi đã không nghe thấy tiếng họ. Rồi tôi lại nghe thoảng mùi hoa cây gia theo gió từ bên kia sông đưa sang. Ánh đèn di động vụt tắt và cùng lúc những khung cửa sổ sau lưng tôi tối sầm lại. Trong phút chốc mặt nước đen như mực, rồi tôi trông thấy ánh trăng trước đó bị đèn nhà giặt lấp khuất trải dài thành tia dát bạc lên mặt sông. Giờ chỉ còn lại ánh trăng lung linh dịu dàng muôn vẻ muôn hình chứ không phải là cái thứ ánh đèn vàng vọt, thô thiển trước đó. Tôi chợt liên tưởng đến cuộc đời của tôi, trong đó nhiều năm trước đây ánh sáng đã bị dập tắt, và tôi băn khoăn có thể nào sẽ có vô vàn ánh sáng dịu dàng xuất hiện lại, như ánh trăng lấp lánh ngoài sông kia. Cho đến lúc ấy, tôi chỉ ý thức được sự mất mát của tôi, và tôi chưa có dịp nào để đèn bù lại được. Tôi rời chiếc cầu và đi lui tới giữa hai hàng cây tối sầm trên thành lũy cho đến hết nửa tiếng đồng hồ. Đêm càng về khuya mùi hương hoa gia càng đậm đà hơn, và ánh trăng rải bạc trên mái nhà và tháp chuông. Cứ như là cả thành phố này đang tìm đủ cách trong quyền năng của nó để cho tôi thấy tôi đã dựng đứng lên một màn dối trá rằng tôi chẳng còn hy vọng gì tìm ra một nơi ẩn náu tránh tai họa bất cứ tại đâu, rằng tôi có thể trở về nhà tâm hồn thanh thản sau một chuyến đi vô định, để trở về lại cái tôi như trước. Không cần phải đề phòng chống lại cảm giác đó vì giờ đây trong tôi đã có sẵn cái bản năng cảnh giác lúc nào cũng nhìn tứ phía. Đã rất nhiều lần tôi bị bắt tại Paris, Rome và tại nhiều thành phố khác trong cùng một tâm trạng như hôm nay, đầu hàng trước vẻ đẹp và tự ru mình vào cõi bình an bằng những ảo ảnh của tình yêu, thông cảm và lãng quên. Nhưng bọn cảnh sát thì không bao giờ lãng quên. Ánh trăng và hương cây gia không có quyền phép biến bỏ câu mời nên thánh được. Các giác quan tôi báo động một cách cẩn trọng như đôi cánh dơi. Tôi tìm đường về Quảng

trường Hitler. Ngôi nhà nằm ngay góc đường, nơi có con đường đi vào quảng trường. Phố tôi ở trước kia vẫn mang tên cũ. Cửa sổ để mở. Tôi nhớ lại câu chuyện giữa nàng Hero và người tình Leander và câu chuyện cổ tích có chàng hoàng tử và nàng công chúa, theo đó hoàng tử bị chết chìm vì bà nữ tu tắt đèn. Tôi không là hoàng tử, tôi nghĩ thế. Người Đức có rất nhiều chuyện cổ tích hay, tuy nhiên, hay có lẽ cũng chính vì lý do ấy, mà họ có những trại tập trung thảm khốc ghê tởm nhất thế giới. Tôi ung dung băng qua đường, nhưng đây không phải là sông Hellespont<sup>[\*]</sup> mà cũng chẳng phải là một biển phương bắc. Vừa đến cửa vào, tôi thấy có người đi xuống hành lang. Quá muộn để quay lưng lại, tôi cứ tiếp tục bước về phía cầu thang với dáng điệu của người biết rõ nơi mình muốn đến. Đó là một người đàn bà luống tuổi mà trước kia tôi chưa từng gặp. Tim tôi ngừng đập.

Schwarz cười mỉm, đây lại là một khuôn mẫu mà bạn không tin cho đến lúc nào bạn cảm nhận nó.

— Tôi không nhìn quanh quất. Tôi nghe cửa nhà đóng sầm lại, và tôi chạy nhanh lên mấy bậc cầu thang. Cửa vào đóng hờ. Tôi đẩy cửa và gặp Helen.

“Có ai thấy anh không?” Nàng hỏi.

“Có, một người đàn bà lớn tuổi.”

“Không đội mũ chứ?”

“Phải, không mũ.”

“Chắc là bà giúp việc. Phòng bà ở trên gác mái. Em cho bà ấy nghỉ đến chiều thứ hai. Thời gian ấy bà tha hồ mà trang điểm. Bà cứ nghĩ rằng thiên hạ chẳng có việc làm nào khác hơn là việc bình phẩm lối chưng diện của bà.”

“Thôi, em chớ thối mắc về bà ta nữa.” Tôi nói, “Dẫu có đúng là bà hay không thì bà cũng đã không nhận ra anh. Anh biết ngay nếu có người nào nhận ra mình.”

Helen đem áo mưa và mũ tôi ra cất ở phòng ngoài.

“Đừng để ở đây.” Tôi bảo, “Người ta có thể trông thấy. Cất vào trong tủ đi.”

“Chẳng có ai đến đâu.” Helen nói rồi bước vào phòng khách. Trước khi đi theo nàng, tôi xoay chìa khóa trong ổ.



Trong những năm đầu lưu lạc tha hương, tôi vẫn thường tưởng nhớ đến mái nhà gia đình tôi, và cũng đã tìm cách quên nó đi. Nay trở về đứng dưới mái nhà này, thì tôi lại chẳng cảm nhận gì nhiều. Nó tác động đến tôi cũng y như một bức ảnh một dạo là của tôi và nhắc tôi nhớ lại khoảng thời gian nào đó trong cuộc đời thôi. Tôi đứng ở thềm cửa. Hầu như chẳng có gì thay đổi. Chiếc trường kỷ và mấy cái ghế dựa đã được bọc lại.

“Anh còn nhớ trước kia chúng màu xanh lục cơ mà?” Tôi hỏi.

“Không, màu xanh biển.” Helen nói.

Schwarz quay lại với tôi:

— Sự thật cũng có cuộc sống riêng của chúng, và thật là khủng khiếp khi ta so sánh với cuộc sống của chúng ta.

— Việc gì phải so sánh? Tôi hỏi.

— Thế anh thì không sao?

— Có chứ, nhưng bằng cách khác. Tôi chỉ bám vào cái tôi mà thôi. Lúc tôi lâm cảnh đói ở bến tàu, tôi tự so sánh tôi với một cái tôi tưởng tượng, cái tôi này lại mắc chứng ung thư ngoài cái bao tử rỗng. Thế là tôi sung sướng được dăm ba phút vì tôi chỉ đói chứ không bị ung thư.

— Ung thư? Schwarz hỏi và nhìn tôi chăm chú. - Cái gì khiến ông nghĩ đến nó?

— Vâng, tôi cũng có thể nghĩ đến bệnh giang mai hoặc lao, nhưng ung thư nghe có vẻ hợp lý nhất.

— Hợp lý? - Schwarz lại cứ nhìn vào tôi chăm chặp, - Chẳng có gì hợp lý về ung thư cả. Nó là điều không thể nghĩ ra được.

— Đúng thôi. - Tôi nói với giọng hòa giải, - Tôi chỉ lấy nó làm ví dụ thôi.

— Nó chỉ là điều không thể hiểu được. Có thể thôi.

— Về tất cả những chứng bệnh hiểm nghèo thì điều đó cũng đúng thôi, ông Schwarz ạ.

Hắn trầm ngâm gật đầu.

— Ông còn đói chứ? - Một lúc sau hắn lại hỏi.

— Không. Tại sao?

— Thì ông vừa nhắc đến cái đói đó.

— Tôi đã ăn cơm tối đến hai lần kể từ khi cùng ngồi với ông.

Hắn im lặng không nói gì. Sau một hồi, hắn nói giọng điềm tĩnh hơn:

— Máy chiếc ghế dựa lúc bấy giờ là màu vàng. Chúng đã được bọc vải lại. Đó là tất cả những gì đã xảy ra trong nhà tôi trong năm năm, trong lúc tôi phải chịu bao nhiêu thăng trầm mai mỉa của số phận. Có những việc đòi thật phi lý. Ý tôi muốn nói là vậy đó.

— Vâng. - Tôi nói, - Một người chết đi, nhưng cái giường của hắn vẫn còn đó. Căn nhà của hắn vẫn còn đó. Đồ đạc vẫn nguyên như trước kia. Phải chi ta có thể phá hủy nốt chúng đi!

— Không, nếu đối với chúng ta chúng chẳng có ý nghĩa gì.

— Đúng vậy. Tôi nói, - Mặt khác, sinh mạng con người đâu có quan trọng đến thế?

— Không à? - Schwarz nói, và trên khuôn mặt gã ngược lên nhìn tôi, tôi thấy thoáng nét thống khổ quằn quại, - Không quan trọng à? Không, tất nhiên là không rồi. Nhưng mà này, ông hãy bảo tôi biết, nếu cuộc đời không quan trọng thì nó là cái gì?

— Chẳng là gì cả. - Tôi đáp tuy vẫn nhận thức rõ điều tôi mới nói vừa đúng lại vừa không đúng, - Chính bản thân chúng ta tạo cho sự vật cái tính chất quan trọng.

Schwarz nhấp vội một hớp rượu sẫm.

— Mà tại sao lại không? - Hắn lớn tiếng hỏi, - Hãy nói cách khác tại sao ta không nên khiến chúng trở thành quan trọng?

— Không, tôi không thể giải thích với ông được điều đó. Dẫu sao đó chỉ là một cách nói ngớ ngẩn thôi. Chính tôi đây cũng coi cuộc đời khá quan trọng.

Tôi nhìn đồng hồ. Quá hai giờ sáng ít phút. Ban nhạc đang chơi nhạc khiêu vũ, một bản tăng gô. Những nốt nhạc vẫn gọn, nghẽn lại của chiếc kèn nhắc tôi nhớ đến tiếng còi xa xăm của con tàu đang rời bến. Chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa là rạng đông, tôi nghĩ thế; đến lúc đó tôi có thể thoát khỏi nơi đây. Tôi sờ lại hai tấm vé trong túi. Chúng vẫn nằm ở đó. Tôi gần như cứ ngỡ là đánh mất chúng rồi. Thứ âm nhạc xa lạ, rượu, căn phòng buông màn, và giọng nói của Schwarz tạo nên cái không khí thần thời, hư hư thực thực ấy.

— Tôi vẫn còn đứng ở thềm cửa phòng khách, - Schwarz kể tiếp, Helen nhìn tôi hỏi: “Căn nhà của anh nay xa lạ với anh đến thế nào?”

Tôi lắc đầu bước tới vài bước. Tôi tự nhiên cảm thấy bối rối lạ lùng. Đồ đạc trong phòng dường như vươn tay ra đón nhận tôi, nhưng tôi không còn thuộc về chúng nữa. Mà cũng có thể là tôi cũng không còn là của Helen nữa.

“Mọi cái vẫn như xưa.” Tôi nói nhanh, giọng sôi nổi tuyệt vọng, “Mọi cái vẫn như xưa Helen ạ.”

“Không đâu.” Nàng đáp lại, “Chẳng có gì là như xưa cả. Tại sao anh trở về? Vì cái đó chẳng? Thế thì mọi thứ đâu còn là như xưa?”

“Không.” Tôi nói, “Anh biết không thể như thế được. Nhưng ta không sống được trong căn nhà này sao? Những năm tháng ấy giờ đâu cả rồi?”

“Không có đây đâu. Và chúng không nằm trong mớ áo quần cũ chúng ta đã vứt bỏ. Hay là anh nghĩ khác?”

“Không. Anh bán khoản không cho riêng anh. Những tự thuở nào em vẫn ở đây. Anh bán khoản vì em đó.”

Helen nhìn tôi một cách lạ lùng.

“Tại sao trước kia anh không bao giờ nghĩ về chuyện đó?” Nàng nói.

“Trước kia?” Tôi chưa hiểu, hỏi lại, “Ý em muốn nói gì? Anh không thể trở về sớm hơn được.”

“Em không muốn nói như vậy. Em muốn nói là trước khi anh bỏ đi kia.”

Tôi thật không hiểu nàng muốn nói gì.

“Thế đáng lẽ ra anh phải hỏi gì, Helen?”

Nàng không trả lời ngay. Rồi nàng nói nhanh:

“Tại sao anh không hỏi em cùng đi với anh?”

Tôi trở mắt nhìn nàng.

“Đi với anh? Rời bỏ mái nhà của em? Bỏ gia đình em? Bỏ tất cả mọi thứ mà em yêu mến?”

“Em căm ghét gia đình em.”

Tôi thật hoàn toàn kinh ngạc.

“Em không biết được bên kia là như thế nào đâu.” Sau cùng tôi thì thầm.

“Thì anh cũng không. Mà đúng vậy”.

“Anh không muốn đưa em rời khỏi nơi đây.” Tôi nói giọng yếu ớt.

“Em cũng căm ghét chốn này luôn.” Nàng đáp, “Em căm ghét mọi thứ ở đây. Tại sao anh trở về?”

“Lúc ấy em đâu có căm ghét như thế này?”

“Tại sao anh trở về?” Nàng nhắc lại câu hỏi. Nàng đứng ở đầu kia phòng, ngăn cách với tôi bằng những chiếc ghế vàng và bằng hơn năm năm. Mặt tôi bừng bừng ác cảm đáng cay. Thời gian tôi bỏ trốn, cung cách cư xử của tôi hoàn toàn tự nhiên. Làm sao tôi có thể lôi cuốn Helen vào những hiểm nguy bất định của một kiếp sống phiêu bạt? Giờ đây tôi mới nhận ra rằng có lẽ tôi đã xúc phạm nàng sâu sắc bằng cách trốn chạy bỏ lại một mình nàng. “Josef, tại sao anh trở về?”

Tôi rất muốn nói rằng tôi đã trở về chỉ vì nàng mà thôi. Nhưng lúc bấy giờ tôi chẳng nói được gì. Chuyện đâu phải dễ gì. Nay tôi đã được thấy điều mà trước kia tôi chưa từng thấy. Điều cuốn hút tôi trở về chính là sự liêu lĩnh tuyệt vọng, một sự liêu lĩnh trầm lặng mà mãnh liệt. Bao nhiêu nghị lực dự trữ hầu như đã cạn; chỉ nguyên cái bản năng tự bảo toàn trong tôi không đủ mạnh để chịu đựng nỗi cô đơn băng giá lâu hơn được nữa. Tôi không đủ sức xây dựng lại một cuộc đời mới. Tự trong thâm tâm, thực tình tôi cũng không bao giờ muốn thế, bởi chưa bao giờ tôi thực sự gạt bỏ cuộc sống trước kia của tôi về phía sau. Tôi không quên được nó, tôi không khuất phục nó được. Bệnh hoại thư đã ăn sâu vào rồi, và tôi phải lựa chọn. Tôi có thể để thân tôi thối rữa, hoặc trở về và tìm cách bình phục lại. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến tất cả những điều này, và cho đến bây giờ nó mới chỉ sáng tỏ một nửa đối với tôi, nhưng hiểu ra được như thế cũng đã là một niềm an ủi to lớn cho tôi rồi. Tôi không còn cảm thấy bị đè nén, bối rối nữa. Bây giờ tôi hiểu tại sao tôi có mặt tại đây. Từ sau năm năm lưu lạc tôi chỉ đem theo mình cái cảm quan bén nhạy, lòng ham muốn sống, sự thận trọng cùng mớ kinh nghiệm của một tên tội phạm lẩn tránh. Xét về các mặt

khác, tôi là kẻ bị phá sản. Những đêm dài trong vùng đất phi quân sự giữa hai làn biên giới, nỗi buồn tẻ ác liệt của một cuộc sống chỉ để giành giật một chút ít lương thực và một vài giờ ngủ, nếp sống chui rúc của loài chuột nhủi. Tất cả những thứ đó biến đi mất rồi khi tôi đứng trên thềm nhà tôi. Tôi là kẻ phá sản, nhưng ít ra tôi không nợ nần gì. Tôi được tự do. Đây không phải là một sự trở về. Khi tôi vượt biên giới thì cái tôi của những năm ấy đã tự sát chết rồi. Một cái tôi khác đang sống và đó là một món quà nó chẳng đòi hỏi trách nhiệm.

Nói xong, Schwarz quay lại hỏi tôi:

— Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ? Tôi cứ nhai đi nhai lại mấy ý nghĩ ấy và nói năng đầy mâu thuẫn.

— Tôi nghĩ là tôi hiểu ông. - Tôi đáp, - Khả năng tự sát là một phúc lành đấy, dấu ít khi ta đánh giá nó đúng. Nó cho ta cái ảo giác là ý muốn ta được tự do. Và có lẽ ta tự sát thường hơn ta vẫn tưởng. Có điều là ta không biết đó thôi.

— Đúng thế đấy! - Schwarz sôi nổi tán thành, - Phải chi ta hiểu như thế cũng là tự sát thì chúng ta có thể vùng dậy từ kẻ chết. Và ta sẽ có rất nhiều cuộc sống thay vì kéo lê mớ kinh nghiệm lở loét từ cơn khủng hoảng kế tiếp để rồi kết cuộc phải gục ngã vì chúng. Tất nhiên tôi không thể giải thích điều đó với Helen. - Hấn nói tiếp. - Mà tôi cũng chẳng cần làm như vậy. Bỗng nhiên tôi cảm thấy người thên thang tới mức thấy chẳng cần phải giải thích gì cả. Trái lại, tôi nghĩ mọi sự giải thích chỉ làm cho rối rắm thôi. Có lẽ nàng muốn tôi nói với nàng tôi trở về là vì nàng. Nhưng do trực cảm bên trong tôi biết như vậy là tôi tan nát ngay. Quá khứ sẽ vỡ nát trên chúng tôi cùng với những oán trách, với mọi tội lỗi của nó, với những cơ hội đã đánh mất và tình yêu bị thương tổn và chúng tôi sẽ không bao giờ tìm được lối thoát. Nếu ý tưởng về sự tự sát tinh thần này, một ý tưởng mà bây giờ đâm ra có vẻ vui nhộn, cần có một ý nghĩ nào đó, thì nó phải hoàn chỉnh. Nó phải bao gồm không những là mấy năm tha hương, mà phải tính cả những năm trước đó, nếu không thì một bệnh hoại thư thứ hai, có khi còn lâu năm hơn bệnh cũ, sẽ bộc phát. Helen đứng đó như là một kẻ thù, sẵn sàng lao vào người tôi với tất cả yêu thương và với một ý thức chính xác về những nhược điểm của tôi. Mà tôi lại chẳng có lấy

mảy may vận hội nào cả. Bằng sự tự sát này ta nuôi hy vọng được giải thoát, nhưng nó lại biến thành cơn hấp hối tinh thần đầy thống khổ, và sau cái chết không còn là sự hồi sinh nữa, mà là sự hủy diệt hoàn toàn. Là một sai lầm nếu ta đi giải thích đồng dài với đàn bà. Điều cần làm là hành động. Tôi lại gần Helen. Khi sờ lên vai nàng, tôi thấy nàng run.

“Tại sao anh trở về?” Nàng lại hỏi.

“Anh quên đi mất.” Tôi nói, “Anh đang đói, Helen à. Cả ngày hôm nay anh chưa ăn gì cả.”

Cạnh nàng là một cái bàn con sơn kiểu Ý, trên có bức ảnh đóng khung mạ bạc của một người đàn ông tôi không quen.

“Ta có cần đến thứ ấy không?” Tôi hỏi.

“Không.” Nàng ngạc nhiên đáp. Nàng lấy bức ảnh nhét vào ngăn kéo.

Schwarz nhìn tôi mỉm cười.

— Nàng không ném nó đi. - Hấn nói, - Nàng không xé, mà chỉ cất nó vào ngăn kéo. Rất có thể nàng sẽ lấy nó ra, dựng nó lên lại bất cứ lúc nào nàng thích. Tôi không biết tại sao, nhưng cái cung cách tính toán kín đáo của nàng làm tôi thấy vui vui. Năm năm trước, hành động ấy chắc là tôi không hiểu nổi và chắc phải xảy ra cảnh cãi vã rồi. Nhưng bây giờ thì nó kết thúc một tình trạng có chiều hướng trở nên ngọt ngào. Về chính trị, ta có thể nuốt trôi những lời lẽ thô bỉ, nhưng trong tình yêu thì không. Thật là không may. Giải quyết bằng lối khác có lẽ tốt hơn. Thái độ duy lý của Helen không phải là không có tình thương. Đấy cũng là tình yêu nhưng điểm thêm óc sáng suốt của đàn bà. Đã một lần tôi làm nàng thất vọng. Thế thì việc gì nàng phải vội tin tôi. Riêng phần tôi, đâu phải tôi đã sống ở Pháp để chẳng được gì sao? Tôi không hỏi gì. Mà tôi hỏi gì mới được chứ? Và lấy quyền gì mà hỏi? Tôi bật cười. Nàng sửng sốt. Rồi nét mặt nàng sáng hẳn lên và nàng cũng bật cười.

“Này, cho anh hỏi, em đã làm đơn ly dị chưa?” Tôi hỏi.

Nàng lắc đầu:

“Không, em đã từ chối. Nhưng không phải vì anh, mà cốt là để gây rắc rối cho gia đình em thôi.”

## CHƯƠNG 5

Đêm ấy tôi không ngủ được nhiều. - Schwarz nói, - Tôi rất mệt, nhưng cứ thức mãi. Đêm tràn vào căn phòng nhỏ bé nơi chúng tôi nằm nghỉ. Tôi tưởng chừng như nghe thấy tiếng động. Thỉnh thoảng tôi lại thiếp đi và mơ thấy đang chạy vì có người đuổi theo. Tôi giật mình kinh hãi. Helen thức giấc chỉ có một lần.

“Anh không ngủ được sao?” Nàng hỏi trong bóng tối.

“Không. Anh không ngờ như vậy.”

Nàng bật đèn sáng. Bóng đêm chờn vờn nhảy từ cửa sổ ra.

“Mong đợi cho lắm cũng chẳng ích lợi gì.” Tôi nói, “Anh không kiểm soát được giấc mơ của anh. Còn rượu không?”

“Nhiều lắm. Đó là một điều em có thể trông cậy được trong gia đình em. Anh bắt đầu uống rượu chát từ lúc nào thế?”

“Từ lúc anh ở Pháp.”

“Tốt thôi.” Nàng nói, “Anh biết gì về rượu chát nào?”

“Chẳng là mấy. Thứ mà anh biết rành nhất là thứ rượu chát đồ rẻ tiền.”

Helen đi vào bếp rồi trở ra với hai chai và cái mở nút chai.

“Quốc trưởng quang vinh của chúng ta đã thay đổi quy định về việc chế biến rượu chát.” Nàng nói, “Trước kia vẫn có một đạo luật cấm thêm đường vào rượu tự nhiên. Nay thì các nhà chế biến rượu còn được phép chặn đứng quá trình lên men nữa cơ đấy.”

Qua cái nhìn mà nàng đọc được trên mặt tôi nàng cũng hiểu tôi chẳng rành gì về việc này.

“Trong những năm yếu kém người ta làm như thế để rượu chua được vị ngọt hơn.” Nàng cười và giải thích, “Đó là một lối bịp bợm mà dân tộc ưu việt bày ra để đẩy mạnh xuất khẩu và thu về ngoại tệ mạnh.”

Nàng đưa cho tôi chai rượu và cái mở nút. Tôi mở chai rượu Moselle[\*]. Helen mang vào hai ly thủy tinh mỏng.

“Làm sao mà da em sạm nắng thế?” Tôi hỏi.

“Hồi tháng ba, em ở miền núi trượt tuyết.”

“Em trần truồng mà trượt tuyết sao?”

“Không, nhưng ta đâu cần phải mặc quần áo khi tắm nắng?”

“Em biết trượt tuyết từ lúc nào thế?”

“Có người dạy cho em.” Nàng đáp với cái nhìn thách thức.

“Hay lắm.” Tôi nói, “Trượt tuyết chắc phải là tốt cho em lắm.”

“Tôi rót đầy ly rượu đưa cho nàng. Rượu nồng và thơm hơn thứ rượu Bourgogne<sup>[1]</sup>. Tôi chưa bao giờ được uống thứ rượu giống như thế từ khi rời nước Đức.

“Anh không muốn biết ai đã dạy em trượt tuyết sao?” Nàng hỏi.

“Không.”

Nàng nhìn tôi ngạc nhiên. Thuở trước, có lẽ tôi đã cật vấn nàng suốt đêm. Giờ thì tôi chẳng màng đến chuyện đó nữa. Cái không khí huyền ảo nhẹ tênh của buổi tối đến sớm lại trở về đây.

“Anh thay đổi quá.” Nàng bảo.

“Hôm nay em đã nói điều trái nghịch ít nhất cũng là hai lần rồi đấy.” Tôi phản công, “Dẫu sao thì cũng chẳng khác nhau gì mấy.”

Nàng nâng ly nhưng không uống.

“Có lẽ anh không thay đổi thì em thích hơn.”

Tôi uống rượu.

“Vì như vậy em chèn ép được anh dễ hơn chứ gì? ”

“Thế trước kia em cũng chèn ép anh à?”

“Anh cũng không biết nữa. Anh nghĩ là không. Lâu quá rồi mà. Cứ nhớ lại con người anh lúc đó, anh lại không hiểu vì sao em không thử xem.”

“Người ta lúc nào cũng thử, mà không biết điều đó sao?”

“Không.” Tôi đáp, “Nhưng ít ra em cũng cho anh biết rồi đó. Chà rượu ngon thật. Anh nghĩ chắc là quá trình lên men đã không bị gián đoạn.”

“Như của anh chứ gì?”

“Này Helen.” Tôi nói, “Em thật là hấp dẫn và ngộ nghĩnh, vui tính. Đó là một lối kết hợp lạ lùng và thú vị nhất.”



“Anh đừng quá tin chắc như thế.” Nàng cúi kính nói, rồi ngồi xuống giường, tay vẫn cầm ly.

“Có chuyện gì anh chắc đâu.” Tôi vừa nói vừa cười mỉm, “Nhưng tính bất trắc cũng có cái lợi của nó. Nếu nó không khiến em mòn mỏi mà chết, thì nó đưa em đến một tình trạng chắc chắn không gì lay chuyển nổi. Đây là cả một mớ từ to lớn, nhưng chúng chỉ phản ánh kinh nghiệm của một tảng đá lăn.”

“Tảng đá lăn?”

“Giống như anh vậy. Một kẻ không dùng chân được bất cứ nơi đâu, không thể ở yên một chỗ. Kiếp sống của một dân tị nạn. Hoặc của một nhà sư khát thực. Hoặc của con người hiện đại. Trên thế giới này có rất nhiều dân tị nạn hơn em tưởng. Ấy thế mà một số khá đông lại chẳng bao giờ đã ra khỏi nhà.”

“Điều đó cũng không đến nỗi tệ.” Helen nói, “Còn hơn là một cảnh tù đọa trường giả.”

Tôi gật đầu đồng ý:

“Nhưng có thể được mô tả theo cách khác, song như thế thì không còn gì là lôi cuốn, hấp dẫn nữa. May là chúng ta nghèo trí tưởng tượng. Nếu không sẽ có rất nhiều người không chịu tình nguyện đi đánh giặc.”

“Bất cứ gì cũng hơn cảnh tù đọa.” Helen nói, và uống ly rượu của nàng.

Tôi ngắm nàng trong khi nàng uống. Nàng trẻ biết bao, tôi nghĩ trẻ nhưng thật là thiếu kinh nghiệm, thật là thách thức và đáng yêu biết bao, mà cũng nguy hiểm và rồ dại biết chừng nào! Nàng chẳng biết gì cả. Nàng cũng không hiểu được rằng tù đọa trường giả là một tâm trạng chứ không phải là một hoàn cảnh địa lý.

“Anh có muốn trở về cảnh đó không?” Nàng hỏi.

“Anh nghĩ là không thể được nữa. Quê hương anh đã tạo anh thành kẻ giang hồ tứ xứ trái với ý nguyện của anh. Anh không bao giờ thay đổi được nữa. Không bao giờ có thể trở lui về sau được nữa.”

“Trở về với một người nào đó cũng không được sao?”

“Trở về với một người cũng không.” Tôi nói. “Cho dầu quả đất có quay. Nó là một thứ tị nạn từ mặt trời đến. Em không bao giờ

trở về được đâu. Có thử cũng bằng vô ích. Chỉ rước lấy tai họa mà thôi.”

“Thế thì cảm ơn Chúa về chuyện đó.” Helen nói và đưa cái ly cho tôi, “Anh chưa bao giờ có ý muốn trở lui sao?”

“Lúc nào cũng muốn.” Tôi bảo. “Anh chẳng bao giờ làm theo những lý luận của anh. Chính điều này khiến lý luận ấy càng thêm hấp dẫn lôi cuốn.”

Helen bật cười:

“Anh nói nghe chẳng có ý nghĩa gì cả.”

“Tất nhiên. Che đậy một điều gì khác chỉ là chuyện vớ vẩn thôi.”

“Anh bảo sao?”

“Rằng một điều gì đó mà không nói nên lời được.”

“Một điều chỉ xảy đến về đêm?”

Tôi không đáp lại, lặng lẽ ngồi xuống giường. Gió thời gian ào ào bên tai tôi. Giờ thì nó ngưng thổi rồi. Tưởng như tôi di chuyển từ một chiếc máy bay qua chiếc kính khí cầu. Tôi vẫn còn trôi nổi bồng bềnh trong không khí, nhưng không còn nghe tiếng động cơ nữa.

“Bây giờ tên anh là gì?” Helen hỏi.

“Josef Schwarz.”

Nàng cân nhắc đắn đo một hồi:

“Vậy em là bà Schwarz?”

Tôi không dần lòng cười được.

“Không, Helen à. Đó chỉ là một cái tên thôi. Người đàn ông mà anh đội tên chính ông ấy cũng thừa kế của một người khác. Ông Josef Schwarz nào đó vẫn sống mãi trong anh như một anh Do Thái lang thang. Một kẻ hoàn toàn xa lạ, nhưng lại là bậc tiền bối tinh thần của anh.”

“Anh không quen biết ông ấy?”

“Không.”

“Anh có cảm giác thấy gì lạ khi mang một cái tên khác?”

“Có chứ.” Tôi đáp, “Bởi vì có một mảnh giấy đi kèm theo. Một thẻ thông hành.”

“Mặc dầu nó là giả?”

Tôi bật cười. Đúng là một câu hỏi từ một thế giới nào khác. Tính xác thực của tấm giấy thông hành tùy thuộc người cảnh sát kiểm tra nó.

“Em có thể viết thành cả một câu chuyện ngụ ngôn triết lý về điều đó.” Tôi nói, “Câu chuyện có thể bắt đầu bằng câu hỏi cái tên là cái gì. Một ngẫu nhiên hay một sự nhận dạng.”

“Tên gọi là tên gọi.” Helen bướng bỉnh nói, “Em bảo vệ tên em. Mà nó cũng là tên anh nữa đấy. Giờ anh về đây kiếm được một cái tên khác ở đâu đó.”

“Nó là một quà tặng.” Tôi cải chính, “Với anh, nó là món quà quý nhất trên đời này. Anh rất sung sướng được mang nó. Với anh nó đồng nghĩa với lòng nhân hậu, với tình người. Nếu có khi nào tuyệt vọng, nó sẽ nhắc anh nhớ rằng lòng nhân hậu không chết. Còn tên em nhắc em nhớ lại những gì? Nhớ lại một gia tộc gốc Phổ gồm toàn quân nhân và người săn thú với tâm địa của lũ cáo, chó sói và chim công.”

“Em không có ý muốn nói đến tên gia đình em.” Helen vừa nói vừa đong đưa chiếc dép trên ngón chân, “Em vẫn còn mang tên anh kia mà. Cái tên trước kia cơ, thừa ông Schwarz.”

Tôi mở chai rượu vang thứ hai.

“Anh nghe nói ở Indonesia có lệ thỉnh thoảng hay đổi tên. Nếu chán với cái nhân cách hiện thời của ta, ta cứ đánh đổi nó, lấy một tên khác, rồi bắt đầu một cuộc đời mới. Ý kiến hay đấy chứ?”

“Anh đã bắt đầu cuộc đời mới chưa?”

“Ngay hôm nay đây.” Tôi nói.

Nàng buông chiếc dép rơi xuống sàn nhà.

“Người ta không mang theo gì khi bước vào cuộc sống mới sao?”

“Một tiếng vọng.” Tôi nói.

“Không kỷ niệm?”

“Thì kỷ niệm là tiếng vọng đấy. Một kỷ niệm mà nó không còn làm ta đau nhức nữa và khiến ta cảm thấy ngượng nghịu.”

“Giống như khi xem phim ấy à?” Helen hỏi.

Trông nàng tưởng như nàng sắp sửa ném cái ly vào mặt tôi bất cứ lúc nào. Tôi lấy cái ly ra khỏi tay nàng và rót thêm ít rượu ở chai thứ hai.

“Loại vang gì đây?” Tôi hỏi.

“Thứ rượu vang trứ danh vùng sông Rhin đấy. Vừa tới độ lên men đầy đủ. Không bị giả mạo. Không thể lẫn lộn với thứ rượu khác được đâu.”

“Không phải là thứ rượu vang tị nạn chứ?” Tôi hỏi.

“Không phải như con tắc kè hoa đổi màu. Không phải là một kẻ trốn tránh trách nhiệm.”

“Chúa ơi, Helen! Có phải anh đang nghe những âm thanh của thứ khả kính tiểu tư sản đấy chẳng? Mới lúc nãy thôi em đã chẳng tìm cách thoát khỏi cảnh ao tù trường giả rồi sao?”

“Anh cứ bắt em nói lên những điều em không hề nghĩ đến.” Nàng giận dữ đáp, “Anh đang nói gì thế? Mà để làm gì? đây là đêm đầu tiên mà! Sao ta không hôn nhau hoặc ta không thù ghét nhau đi?”

“Thì chính là điều ta đang làm đấy mà.”

“Chỉ rệt là từ ngữ. Anh tìm đâu ra lắm từ ngữ thế? Ngồi đây nói chuyện như thế này có đúng không?”

“Anh chẳng biết cái gì là đúng.”

“Anh lấy đâu ra bao nhiêu ngôn từ ấy? Anh vẫn quen nói nhiều như thế sao? Anh có nhiều bạn lắm hả?”

“Không.” Tôi đáp. “Rất ít. Chính vì thế mà từ tuôn ào ra như táo từ giỏ rót ra vậy. Anh cũng lấy làm lạ như em.”

“Đó là sự thật?”

“Đúng thế, Helen.” Tôi nói. “Đó là sự thật. Em không hiểu anh muốn nói gì sao?”

“Anh không thể nói năng một cách đơn giản hơn hay sao?”

Tôi lắc đầu.

“Tại sao không?”

“Bởi vì anh sợ những câu nói thẳng. Và sợ luôn những từ ngữ thêm vào câu nói. Có thể em không tin anh, nhưng nó là như vậy đó. Ngoài ra, còn có nỗi sợ của anh về cái sợ hãi nó âm thầm len lỏi qua những đường phố ở một nơi nào đó, mà

anh không muốn nghĩ hay nói đến, bởi vì một sự mê tín ngu xuẩn dạy anh biết sẽ không có tai họa nào đến nếu ta đừng để ý đến nó. Đó là lý do tại sao cung cách ăn nói của ta lại như thế. Khi ta nói năng như thế, thời gian như ngừng lại, như khi cuộn phim bị đứt. Mọi sự đều dừng yên. Chẳng có gì xảy đến.”

“Quá thâm thúy đối với em.”

“Đối với anh cũng vậy. Anh đến với em, em còn sống và anh chưa bị bắt, như thế chưa đủ sao?”

“Chính vì vậy mà anh trở về?”

Tôi không trả lời. Nàng ngồi đó như một nữ tướng thu nhỏ, trần truồng, tay cầm ly rượu vang, yêu sách, không nhượng bộ, tinh ranh và táo bạo và tôi chợt nhận ra trong cuộc sống chung ngày trước của chúng tôi, tôi chẳng hiểu biết gì về nàng cả. Tôi không hiểu nhờ đâu mà nàng có thể chịu đựng được cuộc sống với tôi. Như thể tôi có một vật cưng quý, một con cừu non xinh xắn chẳng hạn, và rất mực nuông chiều nó, rồi bỗng nhiên nó biến thành một chú báo hoặc sư tử con, nó chẳng màng gì đến những dải băng xanh hoặc những bàn chải mềm, và rất có khả năng cắn vào cái tay đưa ra để vuốt ve nó. Tôi lâm vào một thế nguy hiểm. Như ông vẫn có thể nghĩ ra, đêm đầu tiên ấy tôi không nói rõ lắm về tôi. Thất bại của tôi tầm thường và đáng chê trách quá. Tôi trông đợi nhiều hơn thế, và có lẽ sự việc xảy đến vì tôi trông đợi nó. Sự thật là tôi bất lực, nhưng may thay, vì tôi trông mong được sống, nên tôi đã không có những trường hợp tương tự. Tổ thái độ kiêu căng về vấn đề này và bảo rằng chỉ có đám chăn ngựa mới không biết đến nó thì cũng được. Đám đàn bà còn làm ra vẻ hiểu biết và trả lời với cung cách làm ra bối rối thêm mà thôi. Nhưng dẫu ta nhìn vào nó bằng cách nào chẳng nữa, thì nó cũng chỉ là một vấn đề khốn khổ, và xét đến nó một cách càng nghiêm túc bao nhiêu, thì nó lại càng trở nên lộ bịch bấy nhiêu. Vì tôi chẳng đưa ra một lời giải thích thông thường nào nên Helen đâm ra lo ngại, bối rối, và cũng vì nàng lo ngại, bối rối nên nàng quay ra tấn công tôi. Nàng không hiểu được tại sao tôi không làm tình với nàng, và cảm thấy bị xúc phạm. Đáng lẽ tôi nên nói để nàng rõ sự thật, nhưng muốn như vậy tôi phải điềm tĩnh hơn. Có hai loại sự thật có tính chiến lược, trong đó bạn chẳng phải lo mất mát gì cả. Trong quá trình

năm năm qua, tôi học được một điều là nếu bạn cố tình thò cổ ra ngoài, thì bạn đừng ngạc nhiên khi bị bắn.

“Những người trong hoàn cảnh của anh đâm ra mê tín.” Tôi nói với Helen. “Họ tin rằng nếu họ nói hoặc làm một điều gì đó một cách trực tiếp, thì điều trái ngược sẽ xảy đến. Thế nên họ thành ra dè dặt, thận trọng. Ngay cả với lời nói cũng vậy.”

“Nghe phi lý quá chừng!”

Tôi cười:

“Đã rất lâu anh không còn đi tìm ý nghĩa của sự việc nữa. Nếu tiếp tục, chắc anh sẽ chua chát như một quả chanh dại.”

“Em mong anh không quá mê tín.”

“Đây, anh sẽ cho em biết ngay là anh mê tín đến mức nào.” Tôi điềm nhiên nói, “Anh thành thật tin rằng nếu anh có phải nói với em là anh yêu em quá mức, thì chỉ một phút sau thôi là đã nghe bọn mật vụ Gestapo sẽ đến gõ cửa àm lên.”

Nàng đứng yên một hồi như con thú vừa nghe có tiếng động lạ thường. Rồi nàng từ từ quay mặt về phía tôi. Khuôn mặt biến đổi hẳn.

“Có thật vì lý do đó không?” Nàng nhẹ nhàng hỏi.

“Đó chỉ là một lý do.” Tôi đáp lại, “Làm sao em nghĩ là anh có thể giữ cho những suy nghĩ của anh được ổn định khi mà anh vừa chuyển từ một địa ngục đúng nghĩa của nó lên một cõi địa đàng đầy hiểm nguy?”

“Đôi khi em cũng cố tưởng tượng cuộc đời sẽ ra thế nào nếu anh trở về.” Một lát sau nàng nói, “Sự thật lại khác hẳn.”

Tôi ngại không hỏi nàng là khác như thế nào. Khi yêu nhau, ta thường có xu hướng hỏi quá nhiều điều, mà một khi bạn thực sự bắt đầu muốn biết câu trả lời, thì tình yêu cũng vỗ cánh bay đi.

“Luôn luôn vẫn khác, em ạ.” Tôi đáp, “Và cảm ơn Chúa vì thế.”

Nàng mỉm cười.

“Không đâu, Josef ạ. Không bao giờ khác đâu. Vẫn chỉ là thế. Còn chút rượu vang nào không, anh?”

Nàng đi vòng quanh giường như một vũ nữ, đặt ly xuống sàn nhà, bên cạnh nàng. Da nàng sạm nắng chưa từng thấy và nàng cũng chẳng tỏ ra quan tâm về việc mình khỏa thân, theo đúng cái cung cách của một phụ nữ tự biết mình có sức khêu gợi và thường được nghe người ta bảo thế.

“Đến khi nào anh mới phải đi?” Tôi hỏi.

“Ngày mai người giúp việc chưa lại đâu.”

“Ngày kia?”

Nàng gật đầu.

“Thật đơn giản. Hôm nay là thứ bảy. Em cho bà ta nghỉ cuối tuần. Mãi đến trưa thứ hai bà ta mới trở lại. Bà ta có một nhân tình. Một viên cảnh sát có vợ hai con.” Nàng liếc nhìn tôi từ bên dưới hàng mi khép hờ. “Bà ấy mừng lắm.”

Từ bên ngoài vọng vào tiếng hát quân hành.

“Gì thế em?” Tôi hỏi.

“Bình sĩ hay đội Thanh niên Hitler. Tại nước Đức này lúc nào cũng có người diễu hành.”

Tôi đứng dậy vén màn nhìn ra ngoài. Đó là một phân đội Thanh niên Hitler.

“Kể cũng lạ thật.” Tôi nói, “Em chẳng giống gì gia đình em cả.”

“Chắc là do phía bà em gốc Pháp.” Helen nói, “Mọi người trong nhà giấu kín bà ấy như một điều bí mật, như thể bà là người Do Thái.” Nàng ngáp và vươn dài người ra. Trông nàng khỏe hẳn ra, như thể chúng tôi cùng chung sống với nhau từ bao tuần nay và từ bên ngoài chẳng có mối nguy hiểm nào đánh lo ngại cả. Cho đến lúc bảy giờ, cả hai chúng tôi đều tránh không đề cập đến chuyện nguy hiểm. Và Helen chỉ hỏi thăm tôi về cuộc sống lưu đày. Tôi không ngờ nàng đã hiểu thấu tâm tư của tôi và đã có quyết định. “Anh không muốn ngủ thêm chút nữa sao?” Nàng hỏi.

Bây giờ là một giờ sáng. Tôi nằm xuống nghỉ.

“Ta không thể để lại một ngọn đèn sáng sao, em?” Tôi hỏi, “Được vậy thì anh dễ ngủ hơn. Anh chưa quen được với cảnh âm u, tăm tối của nước Đức.”

Nàng nhìn về tôi thật nhanh.

“Anh có thể cứ để sáng cả như thế cũng được, nếu anh muốn, cưng ạ.”

Chúng tôi nằm kề bên nhau. Tôi nhớ mang máng đôi khi chúng tôi cũng ngủ chung giường hết đêm này qua đêm khác. Như một chiếc bóng nhạt mờ, như một kỷ niệm không màu sắc. Helen sống với tôi, nhưng bằng cung cách khác, trong tình chung chẵn chung gối mới mẻ lạ lùng. Tôi chỉ nhận ra những sự vật không tên tuổi quanh nàng, hơi thở nàng, mùi tóc nàng, và trên hết là mùi da nàng toát ra, đã đánh mất từ lâu giờ vẫn chưa tìm thấy lại được trọn vẹn, vì cũng vẫn mùi da thịt ấy, nhưng nghe sao bình thản, già dặn quá mức. Thật là cả một nguồn an ủi trong mùi da thịt của người ta yêu dấu. Còn có gì thông minh hơn cái miệng kia với những lời dối trá. Tôi thức suốt đêm ấy, ôm chặt Helen trong tay, nhìn ngọn đèn và căn phòng tôi đã quen mà vẫn còn xa lạ, và sau cùng tôi không còn ray rứt băn khoăn nữa. Helen lại thức giấc một lần nữa.

“Anh quen biết nhiều phụ nữ bên Pháp lắm phải không?”  
Nàng nhắm mắt thì thầm câu hỏi vào tai tôi.

“Không nhiều hơn cần thiết.” Tôi đáp lại, “Và chẳng ai giống em cả.”

Nàng thở dài và tìm cách trở mình, nhưng lại chìm vào giấc ngủ, không cưỡng lại được. Dần dần tôi cũng ngủ luôn, không mộng mị, và đến sáng khi tôi tỉnh giấc thì giữa chúng tôi chẳng còn ngăn cách nào nữa. Tôi với tay tìm nàng và nàng lại vui vẻ đến với tôi. Chúng tôi lại rơi vào giấc ngủ như chìm trong vùng mây lấp lánh và không còn bóng tối nữa.



## CHƯƠNG 6

**B**uổi sáng tôi gọi điện về khách sạn ở Munster. Tôi có để lại chiếc va li ở đây và giải thích rằng vì có việc phải ở lại Osnabruck nên đến tối tôi mới về, nhờ họ giữ phòng cho tôi. Cần phải đề phòng trước. Tôi không muốn bị báo cáo tình nghi là tìm cách quỵ tiền phòng trọ và gặp cảnh sát chờ đón tôi. Một giọng hờ hững đáp vâng, dĩ nhiên, họ sẽ giữ phòng cho tôi. Tôi hỏi có thư từ gì cho tôi không. Không, chẳng thư từ gì cả. Tôi gác máy. Helen đang đứng sau lưng tôi.

“Thư từ?” Nàng hỏi, “Anh trông tin ai thế?”

“Chẳng trông tin ai cả. Anh bảo thế chỉ để ngăn ngừa sự ngờ vực. Dẫu sao đi nữa thì những kẻ mong chờ cũng không bị xem như kẻ lờn gạt.”

“Anh là kẻ lừa đảo sao?”

“Một cách bất đắc dĩ. Nhưng trong ấy cũng có đôi chút thích thú.”

Nàng cười:

“Đêm nay anh trở về Munster?”

“Anh không thể ở lại lâu hơn. Người giúp việc của em ngày mai sẽ đến. Mà đăng ký phòng khách sạn tại Osnabruck thì liệu lĩnh quá. Ở Munster chẳng ai ngoài đường nhận ra anh đâu, và lại chỉ một giờ đường là đến nơi.”

“Anh định ở lại Munster bao lâu?”

“Đến khi về tới đó anh mới biết. Khi lâm nguy thường có một thứ giác quan thứ sáu giúp ta.”

“Ở đây anh có đánh hơi thấy tai họa không?”

“Có,” Tôi đáp, “Mới từ sáng nay thôi. Hôm qua anh chẳng thấy gì.”

Nàng cau mày:

“Dĩ nhiên anh không nên đi ra phố.”

“Không nên trước khi trời tối. Và từ lúc đó chỉ được lộ diện trên đường đến nhà ga thôi.”

Helen chẳng bàn thêm gì nữa.

“Mọi sự sẽ tiến triển tốt đẹp thôi.” Tôi trấn an. “Em đừng lo nghĩ vẩn vơ. Anh đã quen sống từng giờ, nhưng không phải là quên nghĩ đến ngày hôm sau.”

“Thế ạ?” Nàng hỏi, “Thế thì cũng tiện.”

Trong câu nói nghe có chút phiến muộn trái ý như tối hôm trước.

“Không phải chỉ có tiện thôi đâu,” Tôi nói, “Nó còn là cần thiết nữa. Nhưng có như thế đi nữa thỉnh thoảng anh cũng quên việc này, việc nọ. Lúc rời Munster, đáng lẽ anh nên đem theo dao cạo. Về đêm anh trông như kẻ du thủ du thực. Theo cảm nang của dân tị nạn, đó là điều cần phải tránh trước tiên.”

“Trong phòng tắm có dao cạo đấy,” Helen nói. “Cũng cái dao anh để lại cách đây năm năm. Trong đó anh cũng sẽ thấy mấy cái sơ mi và đồ lót. Còn đồ bộ của anh thì mắc trong tủ ấy.”

Nàng nói năng như thể tôi đã bỏ nàng năm năm trước đây để đi theo một người đàn bà khác, nay trở về một mình lấy đồ đạc rồi lại ra đi. Tôi không buồn xếp đồ đạc lại cho ngăn nắp. Chẳng ích gì. Rồi thì nàng cũng chỉ ngạc nhiên mà nhìn tôi thôi và nàng cũng chỉ bảo rằng một ý nghĩ như thế không hề thoáng qua trong óc nàng, nếu không phải là nàng muốn biết tôi cảm nhận như thế nào thôi... và rồi tôi có thể bị lôi cuốn vào một cuộc cãi vã vô nghĩa. Nghĩ thật kỳ lạ, chỉ muốn che đậy cảm nghĩ của ta mà ta phải khiến sự việc trở thành phức tạp đến thế! Tôi đi vào phòng tắm. Trông thấy mấy bộ áo quần cũ treo trong tủ cũng chẳng ảnh hưởng gì đến tôi hơn là khi bảo tôi đã gầy hơn trước nhiều. Tôi mừng khi tìm thấy một ít đồ lót sạch sẽ và quyết định sẽ lấy mang theo khi ra đi. Tôi chẳng thấy cảm xúc gì. Từ lâu tôi đã quyết định cứ xem cuộc sống lưu đày này không phải là nỗi bất hạnh mà chỉ là một thứ chiến tranh lạnh cần cho sự phát triển của bản thân. Đôi khi cái quyết định ấy cũng tỏ ra có ích cho tôi. Ngày trôi qua trong ánh hoàng hôn mờ muội. Giờ ra đi gần kề khiến hai chúng tôi buồn nản, chán chường, nhưng tôi từng quen với tâm trạng này hơn Helen. Kinh nghiệm đời đã chuẩn bị cho tôi để đón nhận nó, nhưng với Helen ý nghĩ tôi sửa soạn ra đi lần nữa đến với nàng như một sự lãng mạn dành riêng cho nàng. Trước khi nàng có đủ thời gian để vượt qua

cơn xúc động lúc tôi trở về và để cho vết thương tự ái kịp hàn gắn lại, thì đã đến lúc tôi sắp sửa từ giã nàng. Với hai chúng tôi cảm ứng đêm qua đã thấm sâu vào tâm tưởng, triệu xúc cảm đã lắng xuống để lộ ra những mảnh vỡ, những vụn vặt khoác vào những kích thích đồ sộ. Chúng tôi lại còn tránh không chạm đến những điểm nhạy cảm của nhau, đã đánh mất thói quen chịu đựng lẫn nhau. Tôi muốn được ở yên một mình trong một tiếng đồng hồ để lấy lại bình tĩnh, nhưng khi sức nhớ ra một tiếng đồng hồ là một phần mười hai của khoảng thời gian còn lại được sống với Helen, tôi lại bỏ ý nghĩ ấy. Trước kia, vào những năm yên ổn, thỉnh thoảng tôi cũng tìm vui bằng cách tự hỏi tôi sẽ làm gì nếu tôi chỉ còn một tháng để sống. Tôi chưa bao giờ tìm được một kết luận dứt khoát. Do một sự mâu thuẫn lạ lùng, điều tôi nghĩ nên làm trong giả thiết đó thì đồng thời đó cũng là điều lẽ ra tôi không nên làm trong mọi trường hợp. Tâm trạng tôi lúc bấy giờ cũng như thế đó. Thay vì sống trọn vẹn ngày hôm ấy, sống cởi mở bằng tất cả con tim, thay vì rung cảm với Helen bằng mọi thứ thịt của mình, như tôi hằng mong ước, tôi lại rón rén quanh quất trong phòng y như người tôi làm bằng thủy tinh vậy. Dường như nàng cũng đang gặp cơn bán loạn đó. Chúng tôi đau khổ, cả hai đều căng thẳng tột cùng, và chỉ đến lúc ánh sáng mờ dần, nỗi lo sợ phải mất nhau trở nên mãnh liệt, đến lúc đó chúng tôi mới trở lại với nhau.

Đến bảy giờ chuông cửa reo. Tôi giật bắn người. Với tôi chuông cửa có nghĩa là cảnh sát.

“Ai thế?” Tôi hỏi thềm.

“Cứ bình tĩnh để xem, “Helen nói, “Chắc là một người bạn nào đó thôi. Nếu em không trả lời, họ sẽ bỏ đi thôi.”

Chuông lại reo. Tiếp theo là tiếng đập cửa ầm ầm, hách dịch.

“Vào phòng ngủ đi anh,” Nàng bảo khế.

“Ai thế?”

“Em chẳng biết. Anh cứ vào phòng ngủ đi. Em sẽ kiếm cách tống khứ nó. Nếu cứ đập ầm ầm mãi thế này, hẳn sẽ quậy mấy người lối xóm lên cho mà xem.”

Nàng đẩy tôi ra. Tôi đảo mắt nhìn quanh quất xem có thứ gì của tôi còn vương vãi đâu đó không. Tôi nghe Helen hỏi: “ Ai

đó?” Và có tiếng đàn ông trả lời. Rồi tiếng Helen nói: “À anh. Có chuyện gì thế?” Tôi đóng cửa lại. Căn hộ còn có một lối ra thứ hai qua nhà bếp nhưng tôi có thể bị người ta trông thấy. Điều duy nhất tôi có thể làm là trốn vào tủ áo xây chìm trong vách nơi Helen cất giữ áo quần. Thật ra không phải là cái tủ mà là một cái hốc tường lớn có cửa. Tôi có thể thở được dễ dàng. Tôi nghe tiếng người đàn ông cùng với Helen bước vào phòng khách. Tôi nhận ra giọng nói của y. Đó là Georg, người anh của nàng, người đã đưa tôi vào trại tập trung. Tôi nhìn lên bàn trang điểm của Helen. Vũ khí độc nhất có thể dùng đến được là con dao cắt giấy cán bằng ngọc. Tôi chẳng thấy gì khác. Vẫn tiếp tục suy tính cân nhắc, tôi cho con dao vào túi rồi lại chui vào tủ áo. Nếu y phát hiện ra tôi, tôi sẽ phải tự vệ. Không còn cách nào cả. Tôi sẽ thử cách giết hán rồi bỏ trốn.

“Điện thoại hả?”

Tôi nghe tiếng Helen nói: “Em có nghe gì đâu. Lúc đó em đang ngủ. Có gì không anh?”

Giữa những lúc nguy hiểm, ta cảm thấy người nóng ran lên tường như một tia lửa nhỏ nhất cũng có thể khiến ta bật cháy. Ta suy nghĩ nhanh tới mức tưởng như có sức nhìn xuyên suốt sự vật. Ngay trước khi nghe Georg trả lời, tôi nhận thức y chẳng hay biết gì về sự có mặt của tôi.

“Anh đã tìm cách gọi điện cho em nhiều lần,” Y nói, “Chẳng thấy ai trả lời, kể cả bà giúp việc. Anh nghĩ chắc có chuyện xảy ra. Sao em không mở cửa?”

“Thì em đang ngủ mà.” Helen điềm tĩnh đáp, “Vì vậy em đã ngắt đường dây. Em lại bị nhức đầu. Bây giờ vẫn còn. Có anh đánh thức em dậy đó.”

“Nhức đầu?”

“Vâng, đau hơn mọi lúc. Em đã uống hai viên thuốc. Và em đi ngủ để thuốc ngấm.”

“Thuốc ngủ hả?”

“Không, thuốc nhức đầu. Bây giờ chắc là em phải mời anh đi cho thôi, anh Georg. Em phải ngủ để thuốc ngấm.”

“Việc gì phải dùng đến thuốc viên, buồn cười chưa!” Georg nói, “Hãy mặc áo quần vào rồi đi dạo một vòng. Bên ngoài trời

đẹp lắm. Không khí trong lành tốt hơn thuốc viên.”

“Nhưng mà em đã uống rồi. Em cần ngủ để cho thuốc nó ngấm. Em không thích chạy lòng vòng.”

Hai người còn nói chuyện hồi lâu. Georg còn muốn sẽ trở lại gặp Helen, nhưng nàng bảo đừng. Y hỏi nàng có đủ thức ăn trong nhà không. Vâng, nàng có đủ.

“Người giúp việc đâu rồi?”

“Buổi chiều bà nghỉ. Bà sẽ trở về nấu bữa cơm tối.”

“Như thế là chẳng có gì phải bận tâm cả?” Georg nói.

“Dĩ nhiên là không.”

“Thế mà anh cứ nghĩ là... đôi khi người ta vẫn cứ lo lắng, ngay cả khi chẳng cần phải lo lắng. Dẫu sao thì...”

“Dẫu sao thì... cái gì?” Helen hỏi giọng đanh gọn.

“À, có một dạo...”

“Nghĩa là sao?”

“Thôi được,” Georg nói, “Sao cứ nói mãi đến chuyện ấy. Nếu mọi sự đều tốt đẹp, thì cũng tốt thôi. Nhưng dẫu sao anh cũng là anh của em mà. Anh lo lắng cho em thì cũng là chuyện tự nhiên thôi.”

“Vâng.”

“Vâng cái gì?”

“Anh là anh của em.”

“Anh cũng muốn em hiểu ra điều đó.”

“Em cũng hiểu đấy chứ?” Helen nói giọng nóng nảy.

“Hôm nay em làm sao thế?”

“Chẳng sao cả.”

“Anh mong chuyện cũ sẽ không khơi ra lại.”

“Chẳng có gì khơi lại cả. Em đau đầu, có thể thôi. Và em không thích cứ bị dò xét mãi.”

“Có ai dò xét em đâu? Anh chỉ lo thôi.”

“Chẳng có gì phải lo cả. Em vẫn khỏe.”

“Em đi gặp bác sĩ chưa?”

“Rồi!” Helen đáp lại sau một hồi im lặng.

“Ông ấy bảo sao?”

“Chẳng bảo gì cả.”

“Nhưng ông ấy phải nói một điều gì chứ?”

“Ông bảo em nên nghỉ ngơi.” Helen bực tức đáp, “Ông ấy bảo em nên ngủ khi mệt và nhức đầu, đừng cãi cọ, và cũng đừng thắc mắc việc ngủ trưa có phù hợp với nhiệm vụ của một đảng viên quốc xã và công dân trong đế chế Ngàn năm đầy vinh quang này không.”

“Bác sĩ bảo thế à?”

“Không, ông ấy không bảo thế.” Helen đáp lớn giọng. “Ấy là em nói thêm vào đấy thôi. Ông ấy chỉ bảo em đừng lao động quá sức nếu không cần thiết. Ông ấy không làm gì nên tội ác và không cần phải đưa ông ấy vào trại tập trung. Ông ấy ủng hộ chính phủ nhiệt thành. Anh thỏa mãn chưa?”

Georg làm bầm câu gì đó. Tôi nghĩ y sắp sửa ra về và tôi cũng từng hiểu đây là lúc nguy hiểm, vì những sự cố đột xuất có thể xảy ra, nên khi đóng cửa lại tôi chừa một kẽ hở nhỏ. Một lát sau tôi thấy y bước vào phòng ngủ. Tôi thấy bóng y qua khe hở và nghe tiếng chân y bước vào phòng tắm. Dường như Helen cũng đi theo vào đó, nhưng tôi không trông thấy nàng. Tôi đóng thật chặt cửa tủ lại và đứng đấy trong bóng tối, giữa những áo quần của Helen, dao rọc giấy nắm chặt trong tay. Tôi biết Georg không phát hiện ra tôi và tôi cũng biết có lẽ y sẽ từ phòng tắm đi về phòng khách rồi ra về. Tuy thế tôi vẫn thấy cổ họng thắt lại và mồ hôi rịn dọc hai bên mình từ nách xuống. Nếu bạn sợ hãi một điều gì mà bạn chưa biết thì có thể không phải là khó chịu lắm. Cái chưa biết có thể nguy hiểm, nhưng chưa rõ nét, bạn có thể kiềm chế nó bằng kỷ luật bản thân và bằng ngay cả mọ vật. Nhưng khi bạn biết cái đang đối diện với bạn, bạn chẳng làm gì được với kỷ luật bản thân hay với những đòn phép tâm lý. Tôi đã biết qua nỗi sợ hãi kinh khủng trước khi họ đưa tôi vào trại tập trung. Bây giờ tôi cảm nhận nỗi sợ hãi đó lần thứ hai, vì tôi không rõ cái gì sẽ dành cho tôi nếu tôi phải bị đưa vào đó một lần nữa. Kể cũng lạ thật. Tôi chẳng nghĩ ngợi gì đến vấn đề này trong suốt thời gian kể từ lúc tôi vượt biên giới; và chẳng tôi cũng không muốn thế. Nghĩ đến nó có thể cản tôi lại, mà tôi không muốn bị cản trở. Ngoài ra, ký ức ta nguy tạo các sự việc

dễ giúp ta sống. Ký ức đánh bóng những giai đoạn tăm tối khắc nghiệt của dĩ vãng. Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ?

— Vâng, tôi hiểu, - Tôi đáp, - Nhưng chúng đâu có bị quên lãng hoàn toàn, chỉ ngủ yên đâu đó thôi. Một cú sốc nào đó có thể đưa chúng sống lại.

Schwarz gật đầu kể tiếp:

— Tôi đứng trong góc tủ tối tăm và ngát mùi nước hoa. Áo quần ép sát vào người tôi như những đôi cánh mềm mại của những con dơi khổng lồ. Tôi đứng yên không nhúc nhích, nín thở, sợ vải lụa áo quần sẽ lao xao lên hoặc tôi có thể ho hay hắt hơi. Nỗi sợ dâng lên từ sàn tủ như một làn hắc khí. Tôi tưởng có thể chết ngạt được. Kinh nghiệm của tôi ở trại tập trung cũng chẳng hơn gì. Tôi đã chịu đựng những ngón hành hạ thường lệ, nhưng rồi tôi được buông ra, và rồi thì những ấn tượng về điều đó ở trong tôi cũng phai mờ đi, nhưng giờ đây tất cả hiện ra, sống dậy trước mặt tôi, những gì bản thân tôi đã chứng kiến, những gì đã xảy đến cho kẻ khác, những điều tôi đã nghe nói đến hoặc đoán được qua dấu hiệu. Tôi thật không tài nào hiểu nổi vì sao tôi điên rồ đến mức rời bỏ những đất nước tốt lành, hạnh phúc nơi mà nếu tôi sống tại đó thì hình phạt độc nhất dành cho tôi chỉ là tù hay trục xuất. Những đất nước đó, giờ đây tôi xem như là những bến bờ ẩn náu thực sự cho nhân loại. Tôi nghe tiếng Georg trong phòng tắm. Tường nhà thì mỏng và Georg đúng là một thành viên chân chính của chủng tộc thượng đẳng này nên làm gì cũng ồn ào. Y bật tung nắp đậy cầu tiêu và tiểu vào đấy với tất cả sự tự tin của mình. Hành động này làm tôi an tâm, nó chứng tỏ rằng y chẳng nghi ngờ gì cả. Nhưng về sau nó khiến tôi xúc động mạnh như một điều sỉ nhục tệ hại nhất, vì tôi phải lắng nghe trong khi y tiểu tiện. Tôi nghe tiếng nước chảy xuống cầu tiêu và Georg đắc thắng bước ra khỏi phòng tắm qua phòng ngủ. Rồi có tiếng cửa phòng ngoài đóng lại thật khế và tủ áo mở tung ra: tôi thấy ánh sáng, và trong khoảng ánh sáng ấy là bóng dáng mờ mờ của Helen.

“Anh ấy đi rồi,” Nàng thì thào.

Tôi bước ra như anh chàng Achilles<sup>[\*]</sup> bị bắt gặp trong trang phục phụ nữ. Sự thay đổi từ nỗi kinh hoàng qua cảm giác lố

bịch bịch rồi nhanh tới mức chúng hòa thành một. mặc dầu tôi cũng có thể bao biện bằng cách bấu víu vào lý do rằng, nếu không lần trốn nhục nhã như vậy thì phải chấp nhận trục xuất hay là chết.

“Anh phải đi ngay bây giờ.” Helen nói.

Tôi nhìn nàng. Không hiểu tại sao tôi lại nghĩ sẽ thấy sự khinh miệt trên mặt nàng, có lẽ chỉ vì chính tôi, sau khi tai nạn đã qua đi một lúc, cũng cảm thấy như một con người bị lãng nhục, một cảm giác mà tôi không bao giờ cảm nhận với bất cứ ai khác ngoài Helen. Khuôn mặt nàng chẳng biểu lộ gì khác ngoài nỗi kinh hoàng không che đậy.

“Anh phải đi ngay.” Nàng nhắc lại, “Có là điên anh mới đến đây.”

Tuy trước đó cũng nghĩ như thế, tôi vẫn lắc đầu.

“Bây giờ thì không.” Tôi nói, “Khoảng một tiếng đồng hồ nữa đã. Y có thể đi dạo đâu đó quanh xóm. Y có trở lại không?”

“Em không nghĩ thế. Anh ấy có ngờ vực gì đâu?”

Helen vào phòng khách, tắt đèn, vén màn rồi nhìn ra ngoài. Ánh đèn từ phòng ngủ tạo thành một hình nón màu vàng lên sàn nhà. Ngay bên ngoài vùng sáng, nàng đứng nhìn chăm chăm, như đang giám thị một trận đấu.

“Anh không thể đi bộ ra ga đâu.” Nàng thì thầm, “Người ta có thể nhận ra anh. Nhưng anh phải rời khỏi thành phố. Em sẽ mượn xe của Ella đưa anh thẳng đến Munster. Chúng mình điên rồ thật! Anh không thể ở lại đây lâu.”

Nàng đứng cạnh cửa sổ, cách tôi chỉ không đầy một thước. nhưng thế cũng đủ là xa cách rồi, và tôi thấy đau nhói ở tim. Chính nàng, lần đầu tiên, có vẻ hiểu là chúng tôi sẽ phải xa nhau. Bao nhiêu ngăn cách hiện lên cụ thể trong tôi giờ đây đều tan biết mất. Giờ đây nàng thấy tai họa tận mắt và điều này xua đuổi mọi ý nghĩ khác. Toàn thân nàng là sợ hãi và yêu thương, và cùng lúc nàng bị nghiêng ngả trong cái ý thức về một sự mất mát. Chúng tôi sẽ phải chia tay nhau. Điều nay tôi cũng thấy rõ như nàng, không thoái thác, không yêu sách, và nỗi đau buồn cùng cực biến thành niềm khát khao không sao chịu nổi. Tôi



muốn ôm nàng, tôi đưa tay vuốt ve cơ thể nàng, tôi khao khát muốn được ân ái nàng một lần nữa.

“Bây giờ không được đâu!” Nàng nói khẽ, “Em phải gọi điện cho Ella. Bây giờ không được đâu. Chúng ta còn phải...”

Không phải gì nữa cả, tôi nghĩ. Tôi còn một tiếng đồng hồ, rồi sau đó thế giới có sụp đổ cũng mặc. Trước đó tại sao tôi không nghĩ đến điều này. Tôi có cảm nhận nó, nhưng tại sao tôi lại dựng lên bức tường thủy tinh ngăn cách bản thân tôi với điều tôi cảm nhận? Nếu trở về đây tôi là kẻ điên rồ thì điều này còn điên rồ hơn. Tôi cần phải mang một chút gì đó của Helen theo tôi vào cõi trống vắng xám xịt là nơi tôi sẽ trở về, một chút gì đó nhưng còn hơn cả kỷ niệm về cái cung cách cẩn trọng, quanh co, còn hơn cả những lần giao hợp giữa hai giấc ngủ. Tôi cần phải chiếm lấy nàng, một cách sáng suốt, với trọn vẹn mọi cảm quan của nàng, tâm trí nàng, mắt nàng, những suy nghĩ của nàng, hoàn toàn, triệt để, chứ không như con thú giữa ban đêm và buổi sáng. Nàng chống chọi. Nàng thì thầm bảo Georg có thể trở lại, và tôi không rõ nàng có thật tình tin như thế không. Tôi đã từng gặp nhiều cảnh nguy hiểm nên tôi dễ quên nó đi khi nguy hiểm đã qua rồi. Giờ đây, tôi chỉ muốn mỗi một điều, trong phòng này với mùi nước hoa của Helen và áo quần và chiếc giường và khoảng ánh sáng lờ mờ kia, là chiếm lấy nàng với tất cả những gì thôi thúc trong tôi. Nếu có một điều làm tôi khốn khổ và xuyên thủng cái ý thức nhạt nhẽo mờ mịt về một sự mất mát thua thiệt, thì đó là việc tôi hiểu rằng tạo hóa sẽ không để tôi chiếm hữu nàng một cách trọn vẹn và sâu đậm hơn. Phải chi tôi có thể nằm dài lên người nàng như tấm khăn trải giường, phải chi tôi có được cả ngàn tay, ngàn miệng, phải chi tôi được ôm nàng trong vòng tay hoàn hảo, da sát da không một khoảng không gian xen kẽ. Nhưng ngay cả lúc đó, vẫn còn một nỗi tiếc nuối sau cùng, bởi vì mới chỉ là da liền da chứ chưa phải là máu hòa máu: chúng tôi có thể sống chung với nhau, nhưng không bao giờ hoàn toàn nhập chung làm một.

## CHƯƠNG 7

Tôi lắng nghe Schwarz, không hề ngắt lời hắn. Schwarz cứ nói thao thao, song tôi biết hắn cũng ý thức rằng tôi có nghe thì cũng như bức tường kia thảng hoặc mới đưa về một tiếng vang vọng. Mà tôi cũng tự nhìn thấy tôi như thế, nếu không thì tôi đã không bình thản nghe. Và nếu không thì, tôi chắc là vậy, hắn không thể kể về bao nhiêu điều hắn muốn làm sống lại một lần nữa trước khi chúng yên nghỉ trong đồi cát im lặng của ký ức. Chúng tôi là hai người khách lạ mà gặp nhau chỉ một đêm trên đường đi, chính vì vậy mà hắn nói năng với tôi rất cởi mở, không chút dè dặt. Hắn đã đến với tôi gói trọn trong chiếc áo choàng vô danh của một cái tên chết, một cái tên xa lạ, cái tên Schwarz. Và khi hắn cởi bỏ cái vỏ ngoài ra, hắn cũng đồng thời bỏ luôn cái nhân cách hắn và tan hòa trong đám đông không tên không tuổi đang đi dần về phía cái cổng đen ngòm ở biên giới cuối cùng của cuộc đời, nơi chẳng còn cần đến giấy tờ và từ đó xưa nay chẳng ai bị trả về.

Người hầu bàn cho chúng tôi biết có một nhà ngoại giao Đức mới đến. Y đưa tay chỉ ông ấy cho chúng tôi. Vị phái viên của Hitler ngồi cách chúng tôi năm cái bàn cùng với ba người khác, một đàn ông và hai phụ nữ. Hai phụ nữ trông có vẻ cao lớn đầy đặn. Họ mặc áo lụa xanh, với những sắc thái khác nhau đến độ chọi nhau chan chát. Nhà ngoại giao Đức ngồi quay lưng về phía chúng tôi: tôi thấy như thế cũng mừng vì vừa đúng ý vừa hợp cảnh. Và chúng tôi cảm thấy vững dạ hơn.

— Tôi nghĩ quý vị sẽ thích thú. - Người hầu bàn nói, - Vì tôi nghe các vị nói tiếng Đức.

Vô tình Schwarz và tôi trao đổi một cái liếc nhìn đặc biệt của dân tị nạn, nghĩ là chỉ khẽ nhướn mi lên, tiếp theo là một cái nhìn hững hờ rời rỗng tuếch như thể ta chẳng hề quan tâm chút nào. Cái nhìn của kẻ tị nạn khác với cái nhìn của một người Đức dưới chế độ Hitler, một cái nhìn thận trọng quanh mọi hướng, theo sau là những tiếng xầm xì trao đổi nhanh gọn, nhưng cả hai, hết như sự di trú cưỡng bức của vô số gã

Schwarz ra khỏi nước Đức đều là ký hiệu của nền văn minh thế kỷ hai mươi này. Trăm năm nữa, khi tất cả những oán than thống khổ bật đi rồi, nhà viết sử thông minh sẽ phát hiện ra rằng bao nhiêu thống khổ này đã là chất men cho tiến bộ.

Schwarz ngược nhìn người hầu bàn, mặt chẳng lộ chút quan tâm nào.

— Chúng tôi biết ông ta là ai rồi. - Hấn nói, - Mang thêm rượu vang cho chúng tôi đi...

Rồi hấn kể tiếp cũng giọng điềm tĩnh như thế:

— Helen đi lấy chiếc xe của cô bạn. Tôi đợi một mình ở nhà. Đêm đã xuống rồi, và các cửa sổ đều mở. Tôi tắt hết đèn đóm để người ta tưởng không có ai ở nhà. Nếu có ai bấm chuông, tôi sẽ không trả lời. Nếu Georg trở lại, tôi sẽ đi ra bằng lối cửa sau, nếu cần.

Tôi ngồi gần nửa tiếng đồng hồ bên cửa sổ, lắng nghe tiếng động ngoài đường, lòng tràn ngập một cảm giác man mác bao la. Cảm giác chẳng đau đớn gì, nó như cái bóng đen từ từ trải rộng ra bao trùm nguyên quả đất rồi nuốt chửng cả chân trời. Và giữa chốn hoang vu vắng lặng đó, tôi như thấy một cái cân, bên này là cái quá khứ trống rỗng, bên kia là cái tương lai mịt mờ, và Helen đứng giữa, bóng của hai đĩa cân vắt qua vai nàng. Tưởng như tôi đã đến điểm giữa cuộc đời; đến trạm kế tiếp là cân nghiêng, nghiêng về phía tương lai màu xám xịt, và không bao giờ tìm lại được thế thăng bằng. Tiếng ô tô đánh thức tôi dậy. Tôi thấy Helen bừng sáng lên trong ánh điện đường rồi mất hút trong lối vào. Tôi đi qua căn phòng tối tăm chết chóc và nghe tiếng chìa khóa tra vào cửa. Nàng vội vã bước vào.

“Giờ ta có thể đi được rồi,” Nàng nói, “Anh cần về Munster lắm sao?”

“Anh để va li ở đó. Anh đã đăng ký phòng dưới cái tên Schwarz rồi. Anh còn đi đâu được nữa?”

“Thì anh cứ thanh toán tiền phòng rồi tìm một khách sạn khác.”

“Ở đâu?”

“Phải, ở đâu nhỉ?” Helen đắn đo, “Thì cũng ở Munster thôi.” Sau cùng nàng nói, “Anh có lý. Còn nơi nào khác nữa đâu? đó

là nơi gần nhất.”

Tôi xếp vào va li một ít đồ đạc phòng có khi dùng đến. Chúng tôi quyết định là tôi không nên lên xe ngay trước cửa nhà mà sẽ lên xe ở dưới phố tại quảng trường Hitler. Helen sẽ mang theo va li đi trước. Tôi ra đến phố mà không ai thấy. Một ngọn gió ấm nổi lên. Hàng cây lao xao trong bóng đêm. Tới quảng trường thì Helen theo kịp tôi.

“Lên xe đi. Nhanh lên.” Nàng bảo nhỏ.

Đó là một chiếc ô tô mui trần cửa đóng kín. Ánh đèn ở bảng đồng hồ chiếu rọi lên mặt nàng. Đôi mắt long lanh.

“Em sẽ lái cẩn thận hơn,” Nàng nói, “Một tai nạn xảy ra là cảnh sát đến ngay thôi. Chỉ còn có thế nữa!”

Tôi không đáp lại. Kể từ nạn không nói đến thứ chuyện như vậy, có thể mời gọi tai họa đến. Helen cười, tiếp tục lái xe chạy dọc theo bờ lũy. Toàn thân nàng căng thẳng như làm việc này là cả một cuộc mạo hiểm. Nàng cứ lảm nhảm độc thoại hoặc nói với chiếc xe. Khi nàng phải dừng xe gần viên cảnh sát giao thông, nàng thì thầm cầu nguyện, và lúc đèn đỏ bật, nàng cầu xin nó: “Quay sang vòng đi. Bật xanh lên đi. Còn chờ gì nữa?” Thái độ trẻ con thiếu nghiêm chỉnh của nàng làm tôi ngạc nhiên. Với tôi đó là giờ cuối cùng của cả hai. Tôi không rõ nàng đã quyết định gì. Đến lúc ra khỏi thành phố, nàng bình tĩnh trở lại.

“Anh tính chừng nào rời Munster?” Nàng hỏi.

“Anh không biết nữa. Anh chẳng biết đi đâu. Chỉ biết anh không thể ở lâu được. Đâu phải cứ gặp vận may mãi thế này. Rời thì cũng đến lúc thôi. Hết thời là biết ngay. Bây giờ anh biết rời đây. Thôi ngày mai vậy.” Tôi nói.

Trong một lúc, nàng chẳng nói gì. Rồi nàng hỏi:

“Anh tính xoay sở ra làm sao đây?”

Lúc ngồi một mình trong phòng khách tôi đã suy nghĩ chuyện này rất kỹ. Đáp tàu lửa rời đến biên giới xuất trình hộ chiếu thì quá nguy hiểm. Rất có thể họ hỏi tôi các thứ giấy tờ khác, chẳng hạn dấu xuất cảnh, giấy chứng nhận thuế di trú, toàn những thứ giấy tôi không hề có.

“Thì cũng bằng cách như anh đến.” Tôi nói, “Qua nước Áo. Vượt sông Rhin vào đất Thụy Sĩ ban đêm.” Tôi quay về phía

Helen, “Thôi đừng bàn đến chuyện ấy. Hãy nói càng ít càng tốt.”

Nàng gật đầu.

“Em có đem theo ít tiền đây. Chắc anh sẽ cần đến. Nếu anh qua biên giới một cách lén lút, anh có thể đem theo. Có thể đổi ở Thụy Sĩ chứ?”

“Được. Còn em, em không cần đến sao?”

“Em không mang theo được. Đến biên giới em sẽ bị kiểm tra ngay. Ta chỉ được phép mang ra ngoài một ít đồng mark thôi.”

Tôi há hốc miệng nhìn nàng. Nàng đang nói gì kia? Chắc nàng nói lỡ lời.

“Có bao nhiêu đấy?” Tôi hỏi.

Nàng nhìn tôi thật nhanh.

“Không ít như anh nghĩ đâu. Em dành dụm cách đây đã lâu. Tiền trong túi xách ấy.”

Nàng với chiếc xách nhỏ bằng da.

“Hầu hết là giấy bạc một trăm đồng. Nhưng cũng có một xấp loại hai mươi đồng, để xài tại Đức. Anh khỏi phải đổi giấy lớn. Anh cầm đi. Dẫu sao thì cũng là tiền của anh mà.”

“Bọn Quốc xã đã tịch thu tiền của anh gửi ở ngân hàng sao?”

“Vâng, nhưng cũng không kịp. Em đã rút khoản tiền này ra trước rồi. Một nhân viên ngân hàng giúp em. Em muốn giữ nó cho anh. Em cũng sắp sửa gửi đi cho anh, nhưng em đâu biết anh ở đâu.”

“Anh không viết thư cho em vì nghĩ em đang bị theo dõi. Anh không muốn họ cũng đưa em vào trại tập trung.”

“Đó không phải là lý do độc nhất.” Nàng bình tĩnh nói.

“Không, có thể không phải như thế.”

Chúng tôi đi qua một khu làng với những nhà kiểu Westphalia mái lợp tranh và đòn tay bằng gỗ đen. Từng đám thanh niên đi khệnh khạng đó đây. Từ một quán rượu bia vọng ra âm ỉ bài ca Horst Wesset.

“Sắp sửa có chiến tranh.” Helen nói, “Vì thế mà anh trở về?”

“Sao em biết sắp có chiến tranh?”

“Georg nói. Vì thế mà anh trở về phải không?”

Tôi mãi băn khoăn vì sao nàng cứ muốn biết điều đó lúc mà tôi lại sắp sửa ra đi lần nữa.

“Đúng thế. Đó là một lý do.”

“Anh về để đưa em đi?”

Tôi nhìn nàng sửng sốt.

“Trời đất! Helen à,” Sau cùng tôi nói, “Em đừng nói như thế. Em không thể tưởng tượng bên kia là như thế nào đâu. Đâu phải là trò bông đùa. Và nếu chiến tranh nổ ra, lại còn khủng khiếp gấp mấy lần nữa. Những người có quốc tịch Đức bị nhốt lại ngay.”

Xe chúng tôi ngừng ở một ngã tư đường dốc. Bên ngoài căn nhà nhỏ của người gác cổng, là một mảnh vườn nhỏ trồng đầy hoa thược dược và hoa hồng. Những ống đồng treo ở cổng reo lên trong gió như những dây đàn hạc. Nhiều xe khác dừng lại phía sau chúng tôi: một chiếc Opel nhỏ chở bốn người đàn ông to béo về bệ vệ, một chiếc hai chỗ ngồi trong có một người đàn bà lớn tuổi, rồi một chiếc xe hòm hiệu Mercedes đen trông rất giống chiếc xe tang lạng lẽ trườn tới cạnh chúng tôi. Người lái xe mặc bộ đồng phục SS màu đen, có hai sĩ quan SS mặt tái xanh ngồi ghé sau. Xe đỗ sát chúng tôi đến mức tôi có thể thò tay vào trong được. Đoàn tàu lửa còn lâu mới tới. Helen im lặng ngồi cạnh tôi. Chiếc Mercedes mạ kền bóng loáng lướt nhẹ tới trước đến lúc bộ tản nhiệt gần chạm cổng. Trông nó quả thật là giống chiếc xe tang chở hai xác chết, như biểu tượng của cuộc chiến tranh chúng tôi vừa đề cập tới. Những đồng phục đen, những bộ mặt xác chết, những phù hiệu sọ người trên hai xương chéo, chiếc xe đen đúa và cái khoảng im lặng như chẳng còn phảng phất mùi hoa hồng, mà chỉ còn mùi cây thường xanh và mùi thối rữa. Đoàn tàu ào ào chạy qua như dòng cuộc sống. Đó là tàu tốc hành với những toa giường nằm và một toa ăn, đèn sáng rực rỡ có thể trông thấy cả những khăn trải bàn trắng tinh. Khi cây chặn cổng được kéo lên, chiếc Mercedes đâm bổ tới trước các xe khác và biến dạng vào bóng đêm, y như quả ngư lôi đen đũi khiến màn đêm đen tối thêm và cây cối hai bên đường trông như những bộ xương.

“Em đi với anh.” Helen nói.

“Cái gì? Em nói gì vậy?”

“Tại sao không?”

Nàng ngừng xe lại. Im lặng trùm lên chúng tôi, choáng váng như một đòan lặng lẽ bất ngờ, rồi chúng tôi lại nghe những âm thanh của đêm tối.

“Tại sao?” Helen lặp lại, “Anh sắp sửa bỏ em một lần nữa chứ gì?”

Trong vùng ánh sáng xanh của đèn bảng đồng hồ, trông nàng tái xanh như hai viên sỏi quan trong xe kia, như thể tử thần lặng vặng trong đêm thắng sáu ấy đã đánh dấu nàng. Trong lúc đó tôi ý thức rõ ràng là tôi thật tình sợ hãi đến tận cùng sâu thắmm rằng chiến tranh sẽ ngăn cách chúng tôi, chúng tôi sẽ không bao giờ gặp nhau lại khi chiến tranh chấm dứt, bởi vì dấu với một mức độ lạc quan cao nhất ta cũng không thể trông mong vào một sự may mắn dành riêng cho mình sau trận độnđ đất hủy diệt tất cả như thế đượ.

“Nếu không phải anh về để đem em đi thì việc anh trở về là một tội ác, anh không hiểu ra điều đó sao?” Helen nói, bỗng nhiên khích độnđ trong cơn thịnh nộ.

“Anh hiểu chứ!” Tôi trả lời.

“Thoái thắc, lặp lựng phỏng có ích gì?”

“Anh đâu có thoái thắc. Nhưng em không biết việc sẽ như thế nào đâu.”

“Thế còn anh? Tại sao anh trở về? Đừng dối em. Trở về để rồi lại từ giã nhau nữa sao?”

“Không.”

“Thế tại sao? Ở lại đây để rồi đi đến chỗ tự sát?”

Tôi lắc đầu. Tôi biết chỉ có một câu trả lời là nàng hiểu đượ, câu trả lời độc nhất có thể đưạ ra lúc đó, còn gì khác chỉ là một giấc mơ phù dung.

“Anh về để đưạ em đi,” Tôi nói, “Em chưa hiểu điều đó sao?”

Sắ diện nàng thay đỏi ngay. Cơn giận đã qua. Trông nàng thật đẹ.

“Vậ, em hiểu,” Nàng thì thắmm, “Nhưng anh cũng nên nói em biết chứ.”

Tôi thu hết can đảm.

“Anh sẽ nói với em trăm ngàn lần như thế, Helen ạ. Anh muốn nói với em như thế từng phút từng giây, đó là điều anh mong muốn nhất trên đời, dấu rằng không thể nào được.”

“Chẳng có gì là không thể được. Em có giấy hộ chiếu.”

Trong một lúc tôi chẳng nói gì. Cái từ ấy vụt bùng lên như tia chớp trên mớ suy nghĩ hỗn độn của tôi.

“Em có hộ chiếu? Có giá trị để đi nước ngoài?”

Helen mở xách tay lấy ra tấm giấy hộ chiếu. Chẳng những nàng có, mà nàng còn mang theo mình. Tôi nhìn vào tấm hộ chiếu, như người ta nhìn vào cái Chén thánh<sup>[\*]</sup>. Tấm hộ chiếu có giá trị như thế đó. Ngay tức khắc nó là một lời tuyên bố và là một quyền lợi.

“Em có từ lúc nào?” Tôi hỏi.

“Em xin được cách đây hai năm.” Nàng nói, “Còn giá trị trong ba năm nữa. Em đã dùng đến nó ba lần, một lần đi Áo lúc nước này còn độc lập và hai lần đi Thụy Sĩ.”

Tôi lật xem từng trang. Tôi phải tự trấn tĩnh lại. Sự thật đã rõ ràng. Tập giấy tôi cầm trong tay đích thực là giấy hộ chiếu. Nay việc Helen rời nước Đức không còn gì là khó khăn nữa.

“Thật là đơn giản, phải không anh?” Nàng nhìn tôi, hỏi.

Tôi gật đầu ngó ngẩn.

“Em chỉ cần lên tàu và ra đi thôi.” Tôi lại nhìn tấm hộ chiếu, “Nhưng em không có dấu nhập cảnh của Pháp.”

“Đến Zurich họ sẽ cho em. Không cần dấu ấy nếu ta chỉ qua Thụy Sĩ.”

“Đúng thế thật. Nhưng còn gia đình em thì sao? Họ có chịu để em đi không?”

“Em sẽ không hỏi họ. Và em cũng chẳng nói với họ gì cả. Em chỉ nói em đi Zurich để gặp một bác sĩ. Mấy lần trước em cũng làm như thế.”

“Em ốm à?”

“Dĩ nhiên là không?” Helen nói, “Em nói thế để có giấy hộ chiếu ra khỏi đây. Em cố giấu họ mà.”

Tôi chợt nhớ ra đã có lần Georg hỏi nàng đã gặp bác sĩ chưa.



“Em chắc là không ốm chưa?” Tôi lại hỏi nàng.

“Đừng ngờ nghếch nữa. Nhưng gia đình em tin là em ốm. Em đã làm họ tin như thế. Có thể em mới yên thân được. Và rời khỏi nước này. Martens có giúp em. Phải mất nhiều thì giờ mới thuyết phục được một phần trăm người Đức rằng ở Thụy Sĩ có thể có chuyện gia lành nghề hơn tại Berlin.” Helen bật cười. “Trông anh có vẻ lo lắng quá. Chẳng có gì nguy hiểm đâu. Em sẽ không lẫn tránh đám tuần cảnh ngay giữa ban đêm đâu. Em sẽ bảo em cần gặp bác sĩ ở Zurich và rời đáp xe lửa, y như em đã làm lần trước, thế thôi. Và nếu anh có ở đó, sao ta lại không gặp nhau nhỉ? Anh nghe được hơn không?”

“Được đấy.” Tôi nói, “Nhưng tốt hơn là ta cứ tiếp tục đi bằng ô tô. Sự thể bắt đầu trông có vẻ ngon lành quá, anh chỉ ngại một lúc nào đó có cả một đại đội lính SS ở đâu trong rừng ủa ra thôi. Anh không bao giờ tưởng tượng sự việc lại đơn giản như thế.”

“Anh yêu.” Nàng dịu dàng nói, “Sự thể trông đơn giản vì ta tuyệt vọng. Đó cũng là một thứ luật bù trừ kỳ lạ. Em không biết có phải luôn luôn như vậy không.”

“Anh mong chúng ta sẽ không bao giờ hiểu ra điều đó.”

Chúng tôi rời bỏ con lộ vắng vẻ đầy bụi để trở ra xa lộ.

“Em thấy thế này là ổn rồi.” Helen nói, chẳng lộ vẻ gì là thất vọng cả. “Dường như em đã sẵn sàng để cứ tiếp tục sống như thế này.”

Nàng cùng đến khách sạn với tôi. Có điều đáng ngạc nhiên là nàng thích ứng với hoàn cảnh của tôi thật nhanh.

“Em sẽ cùng vào với anh,” Nàng bảo, “Một người đàn ông đơn độc lúc nào trông cũng khả nghi hơn.”

“Em học nhanh đấy.”

Nàng lắc đầu.

“Em học điều đó cách đây lâu lắm rồi. Sau ngày đất nước vùng dậy, chung quanh em người ta bắt đầu tố cáo lẫn nhau. Tưởng như có ai nhắc tảng đá lớn lên, thế là đàn sâu bọ chạy ủa ra. Sau cùng họ tìm ra đủ thứ lời lẽ cao xa để giải thích thái độ đê tiện của mình. Sự hèn mạt đã khoác vào một bộ mặt khác.”

Người quản lý khách sạn đưa cho tôi chìa khóa phòng và tôi đi vào. Helen chờ tôi nơi hành lang. Va li của tôi vẫn còn để trên giá bên cạnh cửa phòng. Tôi nhìn quanh gian phòng trống vắng, lạnh lẽo và cố nhớ lại tôi đã đến đây bằng cách nào, nhưng ký ức tôi đã nhạt nhòa rồi. Tôi chợt hiểu tôi không còn trốn tránh trên bờ sông nào đó nữa, vì mất hết hy vọng qua được sông. Tôi đang ở trên mảng bè, và chẳng phải đơn độc. Tôi đặt chiếc va li mang theo xuống và vội trở ra hành lang.

“Em có được bao nhiêu thời giờ?” Tôi hỏi Helen.

“Em phải trả xe đêm nay.”

Tôi nhìn nàng. Tôi thèm muốn nàng quá chừng đến nỗi trong một chốc chẳng nói được gì. Tôi nhìn những chiếc ghế màu xanh bày trong hành lang, nhìn vào phòng nhận khách sáng rực ánh đèn với giá móc chìa khóa và thùng thư đặt phía sau, hiểu rằng không thể đưa Helen vào phòng được.

“Ta có thể dùng bữa với nhau,” Tôi nói, “Cứ làm như ta sẽ còn gặp lại nhau ngày mai.”

“Ngày mai không được đâu,” Helen cãi lại, “Phải ngày kia.”

Ngày kia! Với nàng có lẽ từ này có một ý nghĩa nào đó. Với tôi thì nó cũng như là “không bao giờ” hoặc một tấm vé số chẳng chút may mắn nào. Tôi đã từng trải qua không biết bao nhiêu “ngày kia” rồi và rốt cuộc lại thực tế khác hẳn điều tôi mong mỏi.

“Hừm, ngày kia,” Tôi nói, “Hoặc là ngày kia nữa. Tùy theo thời tiết. Thôi, đừng nghĩ đến chuyện đó nữa.”

“Em không thể nghĩ đến việc gì khác.” Helen nói.

Chúng tôi đi đến Domkeller, một cửa hàng ăn uống trần thiết theo lối Gô-tic Đức và tìm được một chỗ ngồi mà câu chuyện giữa chúng tôi không thể bị nghe lỏm được. Tôi gọi chai rượu vang và chúng tôi bàn tính vào chi tiết. Ngày hôm sau, Helen sẽ đi Zurich và đợi tôi tại đó. Tôi sẽ qua Thụy Sĩ cũng bằng đường cũ, qua nước Áo rồi vượt sông Rhin, rồi tìm gặp nàng khi đến Zurich.

“Nhưng nếu anh không đến đó được thì sao?” Nàng hỏi.

“Trong nhà giam Thụy Sĩ ta được phép viết thư. Em hãy chờ một tuần. Sau đó nếu không nhận được tin anh, em hãy trở về

nước.”

Mắt nàng dừng lại trên tôi hồi lâu. Nàng hiểu ý tôi muốn nói gì rồi. Trong nhà giam của Đức, không được quyền trao đổi thư từ.

“Biên giới canh phòng có kỹ không?” Nàng hỏi.

“Không.” Tôi đáp, “Mà em cũng đừng lo gì chuyện ấy. Anh vào được, sao lại ra không được?”

Chúng tôi không muốn nghĩ đến buổi chia tay này nhưng nào có được. Nó cứ sừng sững giữa chúng tôi như thân trụ đen to lớn. Điều tốt nhất chúng tôi có thể làm lúc đó là nhìn sâu vào tận đáy mắt đầy phiền muộn ưu tư của nhau mà đếm thời gian trôi qua.

“Giống hệt như cách đây năm năm,” Tôi nói, “Chỉ khác một điều là lần này cả hai chúng ta cùng đi.”

Helen lắc đầu.

“Xin anh hãy cẩn thận!” Nàng nói, “Vì Chúa, xin anh hãy cẩn thận. Em sẽ chờ. Chờ hơn cả một tuần. Anh muốn em chờ bao lâu bao nhiêu cũng được, chứ anh đừng liều mạng.”

“Anh sẽ cẩn thận. Thôi, đừng bàn đến chuyện ấy nữa. Cẩn thận cũng chẳng được gì nếu cứ nói mãi đến chuyện đó.”

Nàng đặt tay nàng lên tay tôi.

“Em vừa mới nhận hiểu ra là anh đã trở về. Thì lại đến lúc anh phải ra đi. Muộn quá!”

“Anh cũng cảm thấy thế.” Tôi nói, “Nhưng giờ thì ta hiểu rồi.”

“Hiểu ra thì muộn quá rồi,” Nàng thì thầm, “Và bây giờ anh lại ra đi.”

“Không muộn đâu em,” Tôi nói, “Giờ thì ta đã nhận thức suốt từ đầu đến cuối rồi. Nếu không thì anh có trở về không, và em có chờ đợi anh không?”

“Đâu phải lúc nào em cũng đợi?” Nàng nói.

Tôi không trả lời. Tôi cũng đã không phải lúc nào cũng trông về, nhưng tôi biết tôi không bao giờ chấp nhận như thế. Bây giờ lại càng không thế. Cả hai chúng tôi hoàn toàn trống trải, không phương tựa vịn. Nếu có lúc nào chúng tôi được sống chung bên nhau, chúng tôi hẳn phải sống lại khoảnh khắc này trong một tiệm ăn ồn ào nào đó tại Munster để tìm lấy chút nghị lực và yên

tâm. Sẽ như là tấm kính, chúng tôi có thể nhìn vào đó và nó phản chiếu lại cho chúng tôi hai hình ảnh: điều mà số phận muốn chúng tôi phải như thế và hình ảnh chúng tôi hiện bây giờ.

“Đến giờ em phải đi rồi đó.” Tôi bảo, “Đừng lái xe quá nhanh nghe em.”

Chúng tôi đứng ngoài con đường lộng gió giữa hai dãy nhà cũ kỹ.

“Anh nên cẩn thận thì có.” Nàng nói nhỏ, “Anh cần hơn.”

Tôi đứng trong phòng một lúc, sau không chịu được nữa, tôi ra ga lấy vé đi Munich và ghi chép giờ tàu đi đến. Đêm nay có một chuyến và tôi quyết định đáp chuyến ấy.

Thành phố ngủ yên. Tôi đi ngang qua giáo đường rồi dừng lại. Trong bóng tối tôi chỉ nhận ra được vài tòa nhà cổ kính trên quảng trường. Tôi nghĩ đến Helen và những gì sẽ xảy đến, những hình ảnh về tương lai trong tôi trở nên to lớn và mập mờ y như mấy khung cửa sổ đồ sộ cao ngất trên tiền sảnh tối của ngôi giáo đường. Đưa nàng đi như thế có đúng không, tôi băn khoăn tự hỏi, hay chúng tôi sẽ gặp tai họa? Tôi đang phạm một tội ác một cách nông nổi hay chỉ là đón nhận một món quà vô tiền khoáng hậu? Hay cả hai?

Gần khách sạn tôi nghe có tiếng người thềm thì và bước chân đi. Hai tên lính SS bước ra khỏi nhà, đẩy một người đàn ông đi trước ra ngoài đường. Tôi trông thấy mặt ông ta trong ánh điện phố. Khuôn mặt nhỏ thó, trắng bệch như sáp, và một dòng máu đen nhỏ rỉ xuống cằm từ khóe miệng. Đôi mắt mở lớn đầy nỗi kinh hoàng như bao năm nay tôi chưa từng thấy. Chẳng một âm thanh nào thoát ra khỏi miệng. Hai tên lính SS xô đẩy lôi kéo ông ta, cử chỉ nóng nảy. Chúng thì chẳng thắc mắc gì, chẳng băn khoăn gì về chuyện bắt bớ. Nhìn cảnh quan ấy ta thấy có gì ghê sợ ngào kỳ quái. Hai tên SS ném cho tôi những cái nhìn hung tợn thách thức lúc đi qua mặt. Và người tù nhìn tôi bằng đôi mắt tê dại, phác một tín hiệu như cầu cứu. Đôi môi mấp má, nhưng chẳng có âm thanh nào lọt ra. Đây là một cảnh tượng cũ rích như loài người: đám con cưng của cường quyền bạo lực, nạn nhân, người thứ ba lúc nào cũng có, “nhân chứng

này chẳng hề nhích ngón tay để bảo vệ nạn nhân, chẳng làm gì để giải thoát hẳn, vì cũng lo sợ cho an toàn bản thân, một sự an toàn mà chính vì lẽ đó lúc nào cũng bị đe dọa. Tôi thừa biết tôi chẳng giúp gì được cho người đàn ông bị bắt. Hai tên SS vũ trang sẽ áp đảo tôi ngay một cách dễ dàng. Tôi chợt nhớ có người đã kể cho tôi nghe cảnh tượng giống như thế. Anh ta trông thấy một tên SS bắt giữ, đánh đập một người Do Thái nên chạy đến để cứu. Anh đánh gục tên SS bất tỉnh rồi bảo nạn nhân chạy đi. Nhưng tên Do Thái bị bắt lại mắng chửi kẻ giải thoát mình. Bảy giờ, anh ta nói, anh ta thật sự tiêu tùng rồi, anh bèn đi lấy nước để vỗ tên SS tỉnh lại để rồi tên này đưa anh ta đến chỗ chết. Câu chuyện trở về với tôi, nhưng mặc dầu vậy, tôi vẫn cảm thấy xấu hổ vì bất lực và sợ sệt. Tôi cảm thấy mình có tội và nông nổi, chỉ nghĩ đến an toàn của bản thân trong khi kẻ khác bị sát hại. Tôi đi về khách sạn, gom góp tư trang, đi tắc xi ra ga, tuy lúc ấy vẫn còn quá sớm. Ngồi trong phòng đợi ở ga nguy hiểm hơn ẩn mình trong phòng ở khách sạn, song chính đó lại là điều tôi muốn. Trò con nít thật, nhưng có mạo hiểm như thế mới phục hồi đôi chút lòng tự trọng của mình.

## CHƯƠNG 8

Tôi ngồi trên tàu suốt đêm hôm đó và qua ngày hôm sau, và đến nước Áo chẳng gặp rắc rối gì. Báo chí đầy rẫy những bài tố cáo, phản đối và những bài tường thuật thường lệ về các sự cố biên giới thường xảy ra trước một cuộc chiến tranh, do đảng thiểu số gây nên, dĩ nhiên. Tôi thấy từng đoàn xe lửa chở đầy binh sĩ, nhưng phần đông những người tôi nói chuyện lại không có tin chiến tranh. Họ trông đợi một thỏa ước Munich mới. Họ tin cả phần châu Âu còn lại quá yếu kém và suy đồi không dám đương đầu với Đức trong cuộc chiến tranh. Tại nước Pháp thì lại rất khác, nơi đây mọi người biết là chiến tranh không tài nào tránh khỏi. Nhưng lúc nào cũng thế, phe bị đe dọa bao giờ cũng thông thạo hơn, và biết sớm hơn kẻ gây hấn.

Tôi đến Feldkirch và thuê phòng tại một khách sạn nhỏ. Dạo ấy là mùa hè, mùa du lịch, chẳng ai chú ý đến tôi. Hai chiếc va li tạo cho tôi vẻ bề vệ đáng kính nể. Tôi quyết định vứt bỏ chúng và đi với hành trang nhẹ, cái ba lô là tốt nhất, vùng này đầy những người cắm trại. Tôi trả tiền phòng trước một tuần.

Qua ngày hôm sau tôi khởi hành. Tối trốn mãi đến nửa đêm trong một khu rừng thưa cách biên giới không xa. Tôi còn nhớ lúc đầu mấy con muỗi mất đến quấy rầy tôi và tôi ngồi ngắm khá lâu con kỳ nhông trong vũng nước. Một con kỳ nhông có mòng. Chốc chốc nó trồi lên để thở và tôi thấy được da bụng lốm đốm vàng đỏ của nó. Tôi nghĩ, với nó thế giới ngừng lại bên vũng nước này. Theo chỗ nhận thức của nó, cái lốm nước nhỏ bé kia là Thụy Sĩ, Pháp, châu Phi và Yokohama gộp chung lại. Nó nhào lặn rồi nổi lên, nhào lặn rồi lại nổi lên, rất hài hòa với cảnh đêm hè.

Tôi ngủ vài tiếng đồng hồ rồi thức dậy chuẩn bị. Tôi rất tin tưởng. Mười phút sau một cảnh vệ hải quan xuất hiện cạnh tôi y như vừa mới dưới đất chui lên.

“Đứng lại! đừng nhúc nhích. Anh làm gì ở đây?”

Chắc hẳn rình mò khá lâu trong bóng tối. Tôi cự nự lại rằng tôi là một người đi cắm trại vô hại, nhưng chẳng được ích gì.

“Muốn nói gì thì về ban chỉ huy,” Hấn bảo rồi lên cò súng, đẩy tôi lên phía trước về phía khu làng gần nhất.

Tôi bị chấn động, bàng hoàng. Tuy nhiên, một góc nhỏ bé trong bộ não tôi vẫn còn rất tỉnh táo và nghĩ cách thoát thân. Nhưng không thành vấn đề; tên cảnh vệ này rất thạo việc. Hấn đứng ngay sau lưng tôi một khoảng cách vừa phải; không cách gì bất ngờ tấn công hấn được, chưa kịp bước năm bước thì bạn bị bắn ngay.

Đến trạm hải quan, hấn mở cửa căn phòng nhỏ và ra lệnh:

“Vào đi và chờ đấy.”

“Bao lâu?”

“Đến khi người ta thẩm vấn anh.”

“Ông không thẩm vấn ngay được sao? Tôi có làm gì đâu?”

“Thế thì anh chẳng việc gì lo lắng.”

“Tôi chẳng lo lắng gì cả,” Tôi nói và tháo ba lô ra, “Nào ta bắt đầu đi.”

“Ta sẽ bắt đầu khi nào sẵn sàng,” Tên cảnh vệ nói với nụ cười để lộ nguyên cả hàm răng trắng một cách khác thường. Dáng dấp cung cách hấn giống một tay thợ săn, “Sáng mai vị sĩ quan phụ trách sẽ đến đây, Anh có thể ngủ trong ghế kia. Chỉ vài tiếng đồng hồ thôi. Hitler muôn năm!”

Tôi nhìn quanh phòng. Cửa sổ có chấn song, cửa ra vào rất chắc và được khóa từ bên ngoài. Tôi có thể nghe tiếng người đi lui đi tới phía bên kia tường. Trốn ra là không thành vấn đề rồi. Tôi ngồi chờ. Căn phòng tối tăm. Sau cùng bầu trời trở màu xám rồi dần dần đổi sang màu xanh sáng sủa. Tôi nghe có tiếng người và có mùi cà phê. Cửa mở. Tôi giả vờ như vừa mới thức giấc, và ngáp. Một viên sĩ quan hải quan bước vào người mập béo, mặt đỏ dử, y có vẻ dễ dãi hơn chàng thợ săn.

“Chà, may quá,” Tôi nói, “Chỗ ngủ này thật là bất tiện.”

“Anh đang làm gì gần biên giới vào lúc ấy?” Y vừa hỏi vừa mở ba lô tôi ra, “Định trốn hả? Buôn lậu hả?”

“Ông có bao giờ nghe nói buôn lậu quần cũ không?” Tôi hỏi, “Hay buôn lậu áo sơ mi, chẳng hạn?”

“Có thể là không. Nhưng ban đêm anh làm gì ở đó?”

Y đặt ba lô tôi sang một bên. Tôi bỗng nhớ đến số tiền tôi đem theo trên người. Nếu y tìm ra là tôi đi đút. Tôi mong sao y đừng kiểm tra người tôi.

“Tôi đang ngắm cảnh sông Rhin về đêm,” Tôi đáp lại vừa cười, “Tôi là khách du lịch mà. Cảnh thật lãng mạn.”

“Anh từ đâu đến?”

Tôi nói tên thành phố và khách sạn.

“Tôi đang tính trở về sáng nay,” Tôi nói, “Mấy xách đồ đạc vẫn còn ở đây. Tôi đã trả tiền mượn phòng trước một tuần. Một tay buôn lậu có làm như vậy không?”

“Để còn xem lại đã.” Y bảo, “Trong một tiếng nữa tôi sẽ đến tìm anh. Chúng tôi sẽ trở lại và kiểm tra xem anh có gì trong mấy xách ấy.”

Đường xa. Gã béo dắt xe đạp theo và hút thuốc. Y cũng thế, cũng cảnh giác không kém gì chó cảnh sát. Nhưng rồi chúng tôi cũng đến nơi.

“Ông ấy kia kìa!” Có tiếng người la lớn từ cửa sổ khách sạn. Rồi bà chủ khách sạn chạy ùa ra, trong cơn xúc động mặt đỏ như củ cải đường. “Tạ ơn Chúa, chúng tôi cứ nghĩ có chuyện gì xảy ra cho ông. Ông đi đâu suốt đêm?”

Thấy giường tôi vẫn y nguyên, bà tưởng tôi đã bị giết. Chắc có một tên cướp nào còn lảng vảng trong vùng. Bà gọi cảnh sát. Viên cảnh sát theo bà ra ngoài. Y cũng một kiểu cách như tay thợ săn lúc nãy.

“Tôi lạc đường,” Tôi lấy hết bình tĩnh trả lời bà, “Mà đêm thì đẹp quá. Lần đầu tiên từ thuở bé đến giờ tôi mới ngủ ngoài trời. Thật là tuyệt. Rủi thay vì làm lẫn tôi đến quá gần biên giới. Phiền bà nói với vị sĩ quan hải quan đây là tôi ở đây.”

Bà chủ khách sạn thỏa mãn lời yêu cầu của tôi. Viên sĩ quan hải quan ra về bằng lòng nhưng viên cảnh sát vẫn tai nghe.

“Thế là anh cứ phát phơ quanh vùng biên giới này.” Hấn nói, “Anh có giấy tờ không? Mà thật ra anh là ai?”

Trong một lúc tưởng như tôi nghẹt thở. Tiền Helen cho tôi nằm trong túi áo bên trong, nếu chúng bắt được trên người tôi, chúng sẽ nghi tôi lén lút đem qua Thụy Sĩ và bắt tôi ngay tại chỗ. Và cái gì sẽ xảy ra tiếp theo? Tôi khai tên nhưng không



đưa hộ chiếu ra. Người Đức và Người Áo không cần đến nó trên đất nước của họ.

“Làm sao chúng tôi biết anh không phải là tên cướp chúng tôi đang truy lùng?” Tên cảnh sát trông giống gã thợ săn hỏi.

Tôi cười.

“Có việc gì đâu mà cười?” Hắn tức giận nói, và bắt đầu kiểm tra mấy túi xách của tôi.

Tôi cứ giả vờ như đây chỉ là chuyện đùa, và nếu chúng thấy cần kiểm tra trên người tôi, tôi giải thích món tiền ấy bằng cách nào đây? Tôi quyết định khai tôi có ý định kiếm mua một bất động sản trong vùng phụ cận. Tên cảnh sát tìm thấy một bức thư trong túi bên hông ở cái xách. Tôi rất đỗi ngạc nhiên. Cái xách đó tôi mang từ Osnabruck đến. Tôi có quăng vào trong ấy chút ít đồ đạc tôi có trước kia, và Helen đưa nó lên xe. Tên cảnh sát bóc thư ra bắt đầu đọc. Tôi chăm chú nhìn hắn. Tôi không biết trong thư nói gì và chỉ hy vọng trong ấy chẳng có gì quan trọng.

Tên cảnh sát lẩm bẩm rồi nhìn lên.

“Anh tên Josef Schwarz?”

Tôi gật đầu.

“Tại sao anh không nói ngay?” Hắn hỏi.

“Tôi có khai rồi,” Tôi đáp, có đọc cái tiêu đề trên bức thư.

“Đúng thế.” Viên sĩ quan hải quan nói, “Anh ta có khai với tôi.”

“Thế thì bức thư này có liên quan gì đến anh?” Tên cảnh sát hỏi.

Tôi đưa tay ra. Hắn ngần ngừ một lúc rồi đưa cho tôi. Tôi nhìn vào tiêu đề: “Sở chỉ huy đảng Quốc xã Osnabruck.” Tôi từ từ đọc: “Chính quyền thành phố Osnabruck đề nghị các nhà chức trách liên hệ tận tình giúp đỡ đảng viên Josef Schwarz trong lúc đi đường vì công tác bí mật quan trọng. Ký tên Georg Jurgens, Trung tá.” Nét chữ do chính tay Helen viết. Tôi cầm lấy bức thư.

“Thế ra ông là ông Josef Schwarz?” Giọng tên cảnh sát lần này tỏ vẻ kính nể nhiều hơn.

Tôi đưa giấy hộ chiếu ra, lấy ngón tay chỉ vào tên tôi, rồi lại cất đi.

“Công tác mật của chính phủ,” Tôi nói.

“À, thì ra thế đấy.”

“Phải đúng như thế.” Tôi nói về quan trọng, và nhét lá thư vào túi. “Tôi mong là anh thỏa mãn.”

“Vâng ạ,” Tên cảnh sát nheo một con mắt xanh nhạt của hắn lại. “Tôi hiểu. Quan sát vùng biên giới.”

Tôi nhấc tay lên ra hiệu.

“Tôi đề nghị anh đừng hé môi nghe. Bí mật đấy. Chính vì thế lúc này tôi không nói anh biết. Nhưng anh bạn đã móc được bí mật của tôi rồi. Nay, anh có phải đảng viên không?”

“Tất nhiên,” Tên cảnh sát nói.

Đến lúc đó tôi mới để ý thấy hắn có mái tóc đỏ. Tôi vỗ vai hắn.

“Tốt lắm! Có chút đỉnh biểu hai anh. Hãy đi làm một ly vang sau bao nhiêu rắc rối này đi.”

Schwarz quay nhìn tôi với một nụ cười buồn bã.

— Kể cũng lạ thật. Bị mất những kẻ mà công việc là phải nghi ngờ mọi thứ sao mà dễ dàng thế. Ông có chút kinh nghiệm nào không?

— Không, nếu không có giấy tờ đầy đủ. - Tôi nói, - Nhưng tôi phải phục vợ ông. Chị ấy nghĩ bức thư kia có thể giúp ông.

— Chắc nàng nghĩ tôi không chịu nhận nó nếu nàng cho tôi biết. Có thể vì lý do đạo lý. Mà cũng có lẽ nàng nghĩ tôi sợ. Hiện giờ tôi đã có nó rồi. Dẫu sao nó đã một lần cứu mạng tôi.

Tôi lắng nghe Schwarz một lúc càng thích thú hơn. Lúc ấy tôi nhìn quanh. Một người Anh và nhà ngoại giao Đức đang ở trên sàn nhảy. Họ đang nhảy một điệu foxtrot và người Anh nhảy khá hơn. Người Đức cần nhiều không gian hơn. Y nhảy với dáng điệu hung hăng lì lợm, luôn luôn đẩy đào nhảy về phía trước mình như một khẩu pháo dã chiến. Trong bóng tối nhờ nhờ, tôi có cảm giác như một bàn cờ hiện hình vào lúc đó. Chốc chốc hai vua, vua Đức và vua Anh đi cạnh nhau một cách rất nguy hiểm; song người Anh cũng tìm được cách né tránh.

— Sau đó ông làm gì? - Tôi hỏi Schwarz.

Schwarz kể tiếp:

— Tôi về phòng, mệt đừ, muốn nằm nghỉ ngơi chút đỉnh và hồi tưởng lại các sự việc. Cách mà Helen đã cứu tôi không được dự kiến trước, như có bàn tay can thiệp của một đấng thần linh lật ngược một tình thế lúng túng vô vọng thành một kết thúc tốt đẹp. Nhưng rõ ràng tôi nên tiếp tục đi đường tôi trước khi tên cảnh sát kịp suy nghĩ lại. Tôi đành trông cậy vào vận may khi còn nó. Tôi hỏi thăm tàu lửa thấy có một chuyến tốc hành đi Thụy Sĩ trong một tiếng đồng hồ nữa. Tôi bảo bà chủ khách sạn tôi phải đi Zurich một ngày và chỉ đem theo một xách, nhờ bà trông hộ xách kia đến khi tôi trở về. Sau đó tôi ra ga. Có bao giờ ông làm việc này chưa? Tức là ông cẩn thận trong bao nhiêu năm rồi phạm phải sơ suất trong phút chốc?

— Có chứ, - Tôi đáp, - Nhưng đôi khi vì ông nghĩ sai. Ông cứ nghĩ số phận mắc nợ ông điều gì đó, song sự thực là nó chẳng mắc nợ ông điều gì cả.

— Tất nhiên là không, - Schwarz nói, - Nhưng có khi ta mất tin tưởng vào những phương sách cũ và quyết định mang ra thử nghiệm phương sách mới. Helen muốn tôi cùng nàng qua biên giới bằng xe lửa. Tôi lại không làm như thế, và chắc tôi toi mạng rồi nếu không có sáng kiến của nàng cứu tôi, bởi thế nên bấy giờ tôi nghĩ tốt hơn tôi nên làm theo cách của nàng.

— Thế ông có làm không?

Gã gật đầu, tiếp:

— Tôi lấy vé hạng nhất. Sang trọng lúc nào cũng gây tin tưởng. Tôi không nghĩ đến số tiền mang theo cho đến khi tàu chuyển bánh, không thể cất giấu nó trong khoang tàu, không phải chỉ có mình tôi. Tôi có bạn đồng hành, một người đàn ông nước da rất xanh và lộ vẻ lo lắng. Tôi vào thử phòng vệ sinh, nhưng cả hai phòng đều có người. Vào lúc này, tàu đã đến ga biên giới. Theo bản năng, tôi bước qua toa ăn uống. Ngồi vào chỗ, tôi gọi một chai rượu vang đắt tiền và hỏi bảng thực đơn.

“Ông có hành lý không?” Người phục vụ hỏi.

“Có, để trong toa kè.”

“Ông nên làm thủ tục hải quan trước có hơn không? Tôi sẽ giữ chỗ hộ ông.”

“Việc này mất nhiều thì giờ lắm đấy. Hãy mang cho tôi cái gì ăn trước đã. Tôi đói lắm. Tôi trả tiền trước, để anh chắc là tôi sẽ trở lại.”

Tôi hy vọng bọn lính biên phòng bỏ qua không kiểm tra toa ăn uống, nhưng đâu có được may như thế. Người phục vụ vừa đặt chai rượu vang và đĩa xúp lên bàn thì hai người mặc đồng phục bước đến ngay. Giữa lúc đó, tôi đã nhét tiền vào bên dưới tấm khăn trải bàn bằng nỉ và lá thư của Helen vào giữa tấm hộ chiếu.

“Giấy hộ chiếu,” Một trong hai tên lính biên phòng nói giọng quyết liệt.

Tôi chìa giấy của tôi.

“Không có hành lý?” Hấn hỏi trước khi mở thẻ thông hành.

“Chỉ có một cái va li.” Tôi đáp, “Ngay kế bên, toa hạng nhất.”

“Anh sẽ phải mở nó ra,” Tên lính biên phòng kia nói.

Tôi đứng dậy.

“Làm ơn giữ hộ chỗ tôi.” Tôi bảo người phục vụ.

“Vâng, dĩ nhiên, thưa ông. Ông đã trả tiền trước mà.”

Tên cảnh vệ hải quan nhìn tôi:

“Anh thanh toán tiền trước rồi?”

“Vâng có sao đâu? Nếu không thì làm sao tôi giữ nó được? Qua bên kia biên giới người ta phải trả bằng đồng franc Thụy Sĩ. Mà tôi lại chẳng có.”

Tên cảnh vệ hải quan bật cười.

“Ý kiến hay đấy.” Hấn nói, “Thế mà có người không nghĩ ra. Thôi xong rồi. Giờ tôi còn phải đi kiểm tra các hành khách khác.”

“Còn giấy hộ chiếu của tôi?”

“Đừng lo. Chúng tôi sẽ tìm gặp anh.”

Tôi trở về toa của mình. Ông bạn đồng hành của tôi vẫn còn ngồi đó, vẻ mặt trông càng thiếu ngủ hơn bao giờ hết. Chốc chốc lại lấy chiếc khăn tay ướt đẫm lau lên mặt và đôi tay đang thào mồ hôi. Tôi nhìn ra ga và mở cửa sổ. Không tài nào nhảy ra ngoài nếu tôi bị bắt; lên trốn là không thể được rồi, nhưng

dấu sao cũng có chút an ủi là cửa sổ để mở. Một tên cảnh vệ lù lù ở cửa.

“Cho xem hành lý!”

Tôi lấy va li xuống, mở ra. Hấn nhìn vào. Rồi hấn quay qua kiểm tra cái xách của người bạn tôi.

“Được,” Hấn nói rồi đưa tay chào.

“Hộ chiếu của tôi?”

“Bạn tôi cất giữ.”

Lát sau bạn hấn đến. Không phải viên sĩ quan đã lấy tấm hộ chiếu của tôi lúc nãy mà là một đảng việc mặc đồng phục đeo kính và mang ủng.

Schwarz mỉm cười:

— Dân Đức sao mà thích giày ủng thế!

— Chúng cần thế, - Tôi nói, - Để lội qua đám bùn rác rưởi chúng đã tạo nên.

Schwarz uống cạn ly. Hấn không uống nhiều. Tôi nhìn đồng hồ: ba giờ rưỡi sáng. Schwarz để ý thấy.

— Chẳng còn bao lâu nữa, - Hấn nói, - Ông có đủ thời giờ đáp kịp chuyến tàu. Rồi sau đó là hạnh phúc tốt lành. Biết sao nói cho hết được.

— Thế rồi làm sao ông qua trót lọt được? - Tôi hỏi.

— Người đàn ông có chân trong đảng đã đọc thư của Helen, trả hộ chiếu lại cho tôi, rồi hỏi tôi có quen ai ở Thụy Sĩ không. Tôi gật đầu.

“Ai?”

“Ammer và Rotenberg.”

Đó là hai tên quốc xã đang hoạt động tại Thụy Sĩ. Bất cứ dân tị nạn nào đã sống tại Thụy Sĩ đều biết chúng và căm thù chúng.

“Không còn ai khác?”

“Bà con tôi ở Bern. Tôi nghĩ chắc khỏi phải kể hết tên tuổi của họ ra đây?”

Hấn chào tôi.

“Chúc nhiều may mắn. Hitler muôn năm!”

Người bạn đường của tôi không được may mắn như thế. Anh ta phải trình tất cả giấy tờ và chịu cuộc thẩm vấn đến đồ mờ hôi và đậm ra lấp bắp. Nhìn anh ta tôi hết chịu nổi.

“Tôi qua toa ăn uống được chứ?” Tôi hỏi.

“Dĩ nhiên!” Anh ‘Đồng chí’ nói, “Chúc ông bữa ăn trưa ngon miệng.”

Toa hàng ăn đầy người trong lúc tôi vắng mặt. Một gia đình người Mỹ đã ngồi vào bàn của tôi.

“Tôi tưởng anh giữ chỗ cho tôi chứ?” Tôi nói với người hầu bàn.

Y nhún vai:

“Thưa ông tôi cũng đã tìm thấy cách đây chứ. Nhưng với người Mỹ ta làm được gì? Họ không hiểu tiếng Đức và thích ngồi đâu là cứ ngồi. Sao ông không ngồi lại đằng kia? Chỉ cách một bàn thôi. Ông thấy chứ? Tôi sẽ mang rượu vang lại ông.”

Tôi chẳng biết làm sao nữa. Một gia đình bốn người chiếm lấy bàn tôi. Một thiếu nữ mười sáu tuổi rất xinh ngồi đúng vào chỗ tôi giấu tiền. Tôi không thể cứ nằng nặc lấy lại bàn cũ, có thể sinh chuyện ồn ào không hay. Chúng tôi vẫn đang ở trên lãnh thổ nước Đức. Trong lúc tôi đứng đây mãi suy nghĩ để quyết định, người phục vụ nói:

“Xin mời ông ngồi vào cho. Tôi sẽ mời ông trở lại bàn cũ ngay khi họ đi. Người Mỹ ăn nhanh lắm. Sandwich và nước cam vắt thôi. Tôi sẽ dọn phục vụ cho ông bữa ăn trưa thật ngon.”

Chẳng còn làm gì khác được. Tôi ngồi vào ghế nơi tôi có thể trông chừng chỗ tôi cất tiền. Nghĩ đến thật buồn cười. Một phút trước đó tôi sẵn sàng đánh đổi tất cả tiền bạc trên đời này để câu chuyện rắc rối được trót lọt. Giờ thì ý nghĩ duy nhất của tôi là làm sao lấy lại được số tiền kia qua biên giới, cho dầu phải tấn công vào gia đình người Mỹ kia. Tôi ghé mắt nhìn ra ngoài thấy người đàn ông nhỏ bé vẻ lo lắng kia bị bắt đi. Cảm giác đầu tiên, tôi phải thú thật, là thấy nhẹ nhõm hẳn người vì không bị rơi vào hoàn cảnh của anh ta, sau đó mới là đôi chút thương xót nhưng trong những trường hợp như thế tình cảm chỉ là một cố gắng giả dối để xa lánh vận rủi thôi. Tôi ghê tởm chính tôi, song tôi chẳng làm được gì, dầu có muốn thế chẳng nữa. Tôi

muốn qua biên giới một cách an toàn và lấy lại số tiền. Đó chưa hẳn chỉ là tiền bạc mà còn có nghĩa là an toàn bản thân, là Helen, là những năm tháng sắp tới đây. Nhưng nó vẫn là tiền bạc, là da thịt của tôi, là niềm hạnh phúc vĩ đại của tôi. Không bao giờ ta thoát khỏi nó được. Nhưng bên trong chúng ta luôn luôn vẫn có một tay diễn viên xoàng xĩnh, giả dối và bất trị.

— Ông Schwarz à. - Tôi ngắt lời. - Ông lấy lại tiền bằng cách nào?

— Ông hỏi tôi mới nhớ ra, - Hắn nói, - Song những lời than trách lê thê này cũng là một phần câu chuyện đấy, ông ạ. Sĩ quan hải quan Thụy Sĩ bước vào toa ăn uống và gia đình người Mỹ chẳng những có hành lý xách tay mà có cả rương hòm trong toa hành lý. Họ phải đi thôi. Hai đứa con đi theo họ. Họ đã ăn xong. Bàn được dọn dẹp. Tôi bước qua đó, đặt tay lên khăn trải bàn và cảm thấy chỗ hơi cộm cộm. Người phục vụ một lần nữa lại chuyển rượu vang cho tôi.

“Hải quan xong xuôi cả chứ ông?” Y hỏi.

“Tất nhiên,” Tôi trả lời, “Làm ơn mang cho tôi tô thịt quay. Ta đến đất Thụy Sĩ chưa?”

“Chưa,” Y nói, “Ông hãy chờ đến lúc tàu chuyển bánh chạy tiếp đi.”

Nói xong, y bỏ đi về phía nhà bếp, và tôi chờ cho tàu chạy. Tôi chắc ông đã từng trải qua cái cảm giác nôn nóng đợi chờ tuyệt vọng sau cùng ấy. Qua cửa sổ tôi nhìn xuống đám người trên sân ga. Một anh chàng lùn tịt, áo xêm kính, quần quá ngắn, đẩy chiếc xe lui tới, đang rao inh ỏi món rượu vang Áo và chocolate của y. Người đàn ông sợ hãi cùng toa với tôi lúc này đã trở về. Anh ta đến một mình về hấp tấp.

“Ông uống nhanh nhỉ,” Người hầu bàn đứng cạnh tôi nói.

“Cái gì?”

“Trông cứ tưởng như ông tìm cách dập một đám cháy vậy.”

Tôi liếc nhìn chai rượu. Nó gần cạn. Tôi cũng không nhớ là tôi đang uống rượu nữa. Vừa lúc đó, toa ăn uống lắc lư. Chai rượu đổ lăn ra. Tôi với tay chụp lấy. Con tàu bắt đầu chuyển bánh.

“Mang cho tôi thêm chai nữa.” Tôi nói.

Người hầu bàn chạy biến đi.

Tôi lấy tiền dưới khăn bàn cho vào túi. Lát sau, gia đình người Mỹ trở lại, ngồi vào bàn tôi đã chiếm lúc nãy và gọi cà phê. Cô gái chụp ảnh. Cô bé tinh ý lắm, tôi nghĩ. Phong cảnh đẹp nhất thế giới đấy.

Người hầu bàn trở lại với chai rượu tuyên bố:

“Chúng ta đã sang đất Thụy Sĩ rồi đấy.”

Tôi trả tiền rượu và cho y kha khá tiền boa.

“Giữ riêng lấy chai rượu.” Tôi nói, “Tôi không cần đến nữa. Lúc nãy tôi có ý uống mừng, nhưng rồi thấy chai trước là quá đủ cho tôi rồi.”

“Áy vì ông uống lúc bụng trống,” Y giải thích.

“Phải, chắc thế,” Nói xong, tôi đứng dậy.

“Hôm nay là ngày sinh của ông?” Người hầu bàn nói.

“Không,” Tôi đáp, “Ngày đám cưới vàng[\*] của tôi.”

Người đàn ông nhỏ thó trong toa tôi ngồi im lặng trong ít phút. Anh đã hết toát mồ hôi rồi, nhưng bảo áo quần anh vắt ra nước được thì cũng không ngoa lắm. Rồi anh cất tiếng hỏi:

“Ta đến Thụy Sĩ chưa?”

“Rồi,” Tôi đáp.

Anh lại rơi mình vào im lặng và nhìn qua cửa sổ. Chúng tôi ngừng lại một ga mang tên Thụy Sĩ. Trưởng ga Thụy Sĩ phát còi. Hai viên cảnh sát người Thụy Sĩ đứng tán gẫu cạnh toa hành lý. Có một quầy bán chocolate và xúc xích Thụy Sĩ. Anh ta chòm người ra ngoài mua tờ báo Thụy Sĩ.

“Ta đang ở Thụy Sĩ chứ?” Anh hỏi cậu bán báo.

“Tất nhiên. Chứ còn đâu nữa? Mùì rappen.”

“Cái gì?”

“Mùì rappen. Mùì xu. Giá tiền báo.”

Người đàn ông trả tiền tờ báo mà cứ y như là trúng số. Thấy tiền Thụy Sĩ chắc anh tin rồi. Trước đó anh không tin tôi. Anh mở tờ báo, đọc lướt qua rồi đặt xuống. Phải một lúc lâu tôi mới nghe ra anh nói gì. Tôi đang chan chứa tự do tới mức tiếng bánh xe như đang rập rình trong đầu. Rồi tôi thấy môi anh mấp máy mới biết anh sắp nói.



“Rồi thì tôi cũng thoát ra được.” Anh vừa nói vừa nhìn vào tôi. “Thoát khỏi cái đất nước đáng nguyên rủa của anh, thưa Ông-đồng-chí-đảng-viên, đất nước mà lũ lợn mà các anh đã biến thành trại lính và trại tập trung. Đây là Thụy Sĩ, đất nước tự do; chẳng có ai nhận lệnh nơi anh và những kẻ đồng loại với anh. Ở đây tôi thích gì nói nấy mà không sợ bị đánh rớt răng. Lũ các anh, phường trộm cắp, sát nhân, đao phủ, các anh đã biến nước Đức ra cái gì rồi?”

Nước bọt sùi hai bên mép, anh ta nhìn tôi như người đàn bà mắc chứng động kinh nhìn con cóc. Theo những điều nghe được, anh nghĩ tôi là người trong đảng. Tôi điềm tĩnh lắng nghe anh. Có điều là tôi mừng được an toàn.

“Anh là một người dũng cảm,” Tôi nói, “Tôi nặng hơn anh ít nhất hai mươi cân Anh và hơn anh sáu inch. Nhưng anh cứ nói cho thỏa thích đi, cứ dốc hết ra đi. Rồi anh sẽ thấy dễ chịu hơn.”

“Anh còn dám chế giễu tôi nữa à?” Anh ta hét lớn, giận dữ cùng cực, “Tôi sẽ không chịu thua đâu. Đây không còn là đất đai của quốc xã nữa. Các anh đã làm gì cha mẹ tôi? Cha già tôi đã làm gì các anh? Còn bây giờ! Bây giờ các anh lại muốn châm lửa đốt cháy cả thế giới sao?”

“Anh nghĩ sắp sửa có chiến tranh?” Tôi hỏi.

“Cứ như là anh không biết ấy.” Anh ta đáp, “Thế các anh còn có thể làm gì khác hơn nữa với cái đế chế ngàn năm và lực lượng vũ trang của các anh? đồ giết người! Nếu các anh không gây chiến tranh, cái nền thịnh vượng giả tạo của các anh sụp đổ ngay, kéo theo cả các anh nữa đó.”

“Tôi cũng cùng ý kiến với anh,” Tôi nói và cảm thấy ánh nắng chiều ấm áp tỏa nhẹ lên mặt như vuốt ve, “Nhưng nếu nước Đức thắng thì sao?”

Người đàn ông với bộ quần áo ẩm nhìn tôi ghen ngào.

“Nếu các anh thắng thì không còn Chúa nữa.” Anh ta nói với vẻ khó nhọc.

“Tôi hoàn toàn đồng ý với anh.” Nói xong, tôi đứng dậy.

“Đừng chạm vào người tôi,” Anh ta rít lên, “Anh bị bắt ngay. Tôi sẽ kéo bộ phanh cấp cứu, tôi sẽ tố cáo về anh. Dẫu sao

cũng phải tố cáo anh, đồ gián điệp! Tôi đã nghe được anh nói gì rồi.”

Tôi chỉ cần có thể thôi, tôi nghĩ.

“Thụy Sĩ là một nước tự do,” Tôi nói, “Anh không thể căn cứ vào một lời tố cáo mà bắt người được. Anh đã tiếp thu một số suy nghĩ sai lầm ở nước Đức rồi đấy.”

Tôi lấy xách đi qua toa khác. Tôi nghĩ tốt hơn không nên tự giải thích cho người đàn ông đang nổi chứng động kinh ấy, nhưng tôi không thích ngồi với anh ta. Hận thù là một thứ a xít, nó xói mòn tâm hồn, dẫn nó đến từ anh ta hay từ phía người kia. Tôi học được điều đó qua những ngày tháng lang thang của tôi.

Và thế là tôi đến Zurich.

## CHƯƠNG 9

Tiếng nhạc ngừng một lúc. Ngoài sàn nhảy nghe có tiếng la ó phản đối. Rồi giàn nhạc lại trỗi lên lớn hơn trước. Một phụ nữ mặc chiếc áo vàng hoàng yến, mái tóc chít một vòng kim cương giả, cất tiếng hát. Điều không tránh được xảy đến: ông khách người Đức va vào ông khách người Anh. Cả hai bên đều buộc lẫn nhau là cố tình. Người quản lý và hai hầu bàn đóng vai trò hòa giải của Hội Quốc liên, tìm cách xoa dịu hai đối thủ, nhưng chẳng bên nào nghe. Giàn nhạc tỏ ra khéo léo hơn, họ thay đổi nhịp điệu. Điệu foxtrot nhường chỗ cho điệu tango, và hai nhà ngoại giao chỉ còn lựa chọn giữa việc đứng yên tại chỗ để đâm ra lố bịch hoặc nhảy tiếp. Nhưng chàng chiến sĩ người Đức dường như không biết đến điệu tango, trong khi đó ông khách người Anh chỉ cốt giữ cho đúng nhịp, không hề xê dịch lấy một bước. Cả hai bắt đầu bị những cặp khiêu vũ khác xô đẩy và cuộc cãi vã cũng tiêu tan luôn. Hai nhà ngoại giao mắt trừng trừng nhìn nhau trở về bàn mình.

— Tại sao hai vị anh hùng ấy lại không thách nhau đọ súng? - Schwarz hỏi giọng khinh miệt.

— Thế là ông đến được Zurich, - Tôi nhắc.

Hắn mỉm cười yếu ớt:

— Tại sao ta không đi khỏi nơi đây?

— Đi đâu bây giờ?

— Chắc phải có một quán rượu loại thường nào đó mở cửa suốt đêm. Nơi đây toàn là một đám xác chết chỉ biết nhảy nhót và chơi trò chiến tranh.

Hắn trả tiền và hỏi người hầu bàn xem còn nơi nào khác đến được không. Hầu bàn xé một mẫu giấy ở sổ tay, ghi vội địa chỉ rồi chỉ chúng tôi cách đến đó.

Chúng tôi bước ra, đi dưới vòm trời khuya sáng lạn. Sao vẫn còn chiếu sáng, nhưng phía chân trời biển và bình minh giao hòa nhau, quện lấy nhau trong khoảng màu xanh sớm sữa. Trời lên cao hơn lúc nãy, và không khí ngát mùi muối và mùi hoa. Ngày sắp sửa rạng tỏ. Về ban ngày, Lisbon khoác nét ngày

thơ diêm dúa khiến lòng ta đắm say mê mẩn, nhưng về đêm nó là một thành phố của truyện cổ tích, đồ dốc thoải qua các hàng bậc thềm sáng rực xuống bờ biển, như một người phụ nữ trang phục xa hoa thả bước xuống gặp người tình u uất.

Chúng tôi đứng im lặng một lúc.

— Đây phải chăng là cách ta thường nghĩ về cuộc sống? - Sau cùng Schwarz nói, - Muôn ngàn ánh đèn và đường phố đưa ta đến cõi vô biên.

Tôi không đáp lại. Đối với tôi, cuộc sống là con tàu nằm bên dưới kia, trên sông Tagus và nó không dẫn đến vô biên... mà đến Mỹ. Cuộc đời tôi có quá nhiều phiêu lưu mạo hiểm; thời gian ném vào ta bao nhiêu là mạo hiểm lên đèn như những quả trứng thối. Cuộc phiêu lưu độc nhất của tôi là một mảnh giấy thông hành có giá trị, dấu hộ chiếu và một vé tàu. Với kẻ phiêu du bất đắc dĩ, cuộc sống bình thường thành một giấc mơ lãng mạn nhất và phiêu lưu thành một cực hình.

— Hôm ấy Zurich mong đợi tôi cũng như thành phố này đêm nay mong đợi ông vậy, - Schwarz nói, - Đó là lúc khởi thủy của cái mà tôi tưởng mình đã đánh mất. Thời gian, ông biết rồi đấy, là cái chết được pha loãng, là thứ thuốc độc uống vào từ từ, bằng những liều lượng vô hại. Thoạt tiên chẳng những nó làm ta phấn khích mà còn khiến ta cảm thấy mình bất tử, nhưng rồi từng giọt lại từng giọt, ngày lại qua ngày nó trở nên mạnh hơn và hủy diệt máu ta. Dầu có muốn mua lại thời non trẻ bằng cái giá của những tháng năm còn trước mặt cũng không được nữa rồi. Chất axít thời gian đã cải biến ta rồi, cái hợp chất hóa học không còn như xưa nữa. Phải cần đến phép màu. Phép màu ấy đã xảy đến tại Zurich.

Hắn đứng yên, nhìn xuống thành phố lấp lánh ánh đèn.

— Đây là đêm khủng khiếp nhất trong đời tôi, - Hắn nói chậm chậm. - Tôi muốn nhớ lại đêm ấy như là đêm hạnh phúc nhất. Ký ức ta không làm được chuyện ấy sao? Phải được chứ. Phép màu không bao giờ hoàn hảo khi nó xảy đến. Luôn luôn có những nỗi thất vọng nho nhỏ. Nhưng một khi nó đã qua hẳn rồi và không gì sửa đổi nó được nữa, thì ký ức ta có thể khiến nó trở nên hoàn hảo và nó chẳng bao giờ biến đổi nữa. Nếu bây

giờ tôi còn gọi nhắc đến nó được thì nó sẽ chẳng mãi mãi như thế sao? Phép màu ấy sẽ chẳng ở lại cùng tôi chừng nào tôi còn sống hay sao?

Lúc đứng ở bậc cấp thềm trông hần gàn bướng thế nào ấy, mắt đăm đăm nhìn về vùng đông chói lòa đang lên dần, một hình ảnh thảm thương bị quên lãng trong đêm. Tôi cảm thấy ái ngại cho hần vô cùng.

— Đúng thế. - Tôi nói, cố tìm cách không chạm đến cảm nhận của hần.

— Làm sao ta có thể thực sự chắc chắn về hạnh phúc của ta cho đến lúc ta biết còn lại bao nhiêu hạnh phúc cho ta? Cách duy nhất, - Schwarz thì thào, - Là phải biết ta không nắm nó được, mà cũng đừng tìm cách nắm bắt nó. Với đôi tay vụng về ta khiến nó hoảng sợ bay đi. Nhưng nếu ta đừng đặt tay vào, nó sẽ chẳng sống mãi, không sợ hãi phía sau mắt ta sao? Nó sẽ chẳng còn mãi tại đó chừng nào mắt ta còn sống sao?

Hần nhìn xuống thành phố, nơi có đặt một cái quan tài bằng gỗ thông và một chiếc tàu lớn bỏ neo. Sắc diện hần tan rữa dưới nỗi đau chai đá. Miệng là cái hốc đen ngòm, mắt hóa đá. Rồi khuôn mặt bừng sống lại.

Chúng tôi tiếp tục xuống đồi về phía cảng. Sau một hồi hần lại bắt đầu nói tiếp:

— Chúng mình là ai? - Hần hỏi, - Ông là ai? Tôi là ai? Và tất cả những người kia và cả những người không còn nữa, họ là ai? Cái gì là thực, người hay cái phản ánh trong tấm gương soi? Con người sống thật hay kỷ niệm về hần, cái hình ảnh của hần nhưng đã tĩa gọt đi phần đau khổ? Có thể nào người vợ đã chết của tôi và chính tôi nhập chung làm một? Có thể nào trước kia nàng chẳng bao giờ hần là của tôi và chỉ qua biến hóa tàn khốc của cái chết nàng mới ra như thế được? Phải chăng giờ đây, lúc nàng chỉ là tia sáng lân tinh lơ mờ trong óc tôi, lúc nàng có thể đáp lời tôi chỉ khi nào tôi muốn và đúng cách như tôi muốn, lúc bây giờ nàng mới là hần của tôi. Hay là, sau khi mất nàng một lần, tôi lại phải mất nàng lần thứ hai, và cứ mỗi một lần hình ảnh nàng nhạt nhòa đi là một lần mất mát?

Hần nhìn tôi.

— Tôi phải nắm giữ nàng, ông không thấy điều đó sao?

Chúng tôi đến một con đường có những tầng bậc cấp đưa xuống đồi. Ngày hôm trước tại đây chắc có tổ chức cuộc lễ gì đó. Những tràng hoa úa móm vào cọc sắt giữa hai dãy nhà, khiến người ta liên tưởng đến nghĩa địa, và những dãy đèn điện xen với đèn lồng hình hoa tuy líp lớn giăng qua đường. Trên cao, cách quãng nhau độ năm sáu chục bộ [\*] là những đèn ngôi sao năm cánh kết bằng bóng điện. Những đám nước, hay cuộc lễ gì đó đã qua rồi, và hãy còn lại những trần thiết tro trọi nhạt mờ trong ánh bình minh. Bên dưới chúng tôi dòng điện như có chỗ nào hỏng, chỉ còn lại một đèn ngôi sao độc nhất với thứ ánh sáng xanh gắt như thường thấy lúc rạng đông và hoàng hôn.

— Đây rồi. - Schwarz mở cửa nói.

Một gã đàn ông lực lưỡng da sạm nắng tiếp chúng tôi.

Đó là một gian phòng trần thấp, mấy thùng rượu vang đặt dọc theo tường và dăm ba cái bàn, một cái đã có một cặp ngò vào đó rồi. Chúng tôi gọi rượu vang và cá chiên nguội. Chẳng có gì khác để gọi.

— Ông biết Zurich không? - Schwarz hỏi.

— Có. Tôi đã bị bắt tại Thụy Sĩ. Nhà lao tử tế. Tử tế hơn tại Pháp nhiều. Đặc biệt về mùa đông. Rủi là họ không giờ giữ ta quá hai tuần, dẫu ta mong được nghỉ lại tại đây đôi chút. Sau đó họ đẩy ta đi nơi khác rồi cái chu kỳ ở biên giới lại bắt đầu như trước.

— Quyết định vượt biên giới công khai hợp pháp dẫu sao cũng làm cho tôi thư thái hơn. - Schwarz nói. - Tôi không còn lo sợ nữa. Gặp cảnh sát ngoài đường tôi không còn phải sợ tê cứng người nữa. Tôi vẫn cảm thấy kích động, nhưng nhẹ bớt rồi, vừa đủ để biết quý cái tự do của tôi.

Tôi gạt đầu tán thành.

— Nguy hiểm khiến ta nhận thức cuộc sống rõ ràng hơn. Hoàn hảo chừng nào mà nguy hiểm chưa đến quá gần.

— Ông nghĩ thế? - Schwarz nhìn tôi bằng cái nhìn kỳ lạ. - Nó còn đi xa hơn thế. - Hấn nói. - Nó đi xa mãi tận cái mà ta gọi là cái chết, còn xa hơn nữa kia. Một thành phố có ngưng hiện hữu

chỉ vì ta bỏ nó mà đi không? Nó lại chẳng còn ở mãi trong ta đâu có bị tiêu hủy đó sao? Ai biết được cái chết là gì? Có lẽ cuộc sống không gì khác hơn là một tia sáng lướt nhẹ qua khuôn mặt biến đổi của ta. Có lẽ ta đã có sẵn một khuôn mặt trước khi sinh ra và khuôn mặt này sống mãi sau khi tất cả những khuôn mặt mong manh của ta qua đi?

Một con mèo lén nhảy lên bàn. Tôi quăng cho nó miếng cá, nó cong đuôi lên rồi quay đi.

— Ông gặp lại vợ ông tại Zurich? - Tôi thận trọng hỏi hắn.

— Tôi gặp nàng tại khách sạn. Nỗi đợi chờ, trì hoãn lúng túng tôi cảm nhận lúc ở Osnabruck nay không còn nữa, mất hẳn rồi. Nàng không còn khốn khổ và phiền muộn nữa, trong chỗ thua thiệt của cuộc đời, nàng cũng rút tĩa được đôi điều bổ ích cho bản thân. Như thể tôi gặp một phụ nữ xa lạ mà tôi yêu mến. Tưởng như quá khứ chín năm phẳng lặng đã gắn bó chúng tôi với nhau, thế nhưng cái quá khứ ấy mất hết quyền lực để vây kín nàng trong đó. Với nàng cũng thế, thuốc độc của thời gian đã bốc bay đi mất khi nàng qua biên giới. Chúng tôi không còn là những nô lệ dưới quyền uy của quá khứ; quá khứ nay là của chúng tôi. Thường thì quá khứ chỉ là cái phản ánh buồn phiền của những năm tháng; nhưng quá khứ của chúng tôi đã trở nên tấm gương chiếu lại bản sắc chúng tôi. Quyết định thoát ly và hành động thoát ly giúp chúng tôi dứt khoát hẳn với những gì đã xảy ra trước kia, thành thử điều không thể có được lại xảy đến: chúng tôi tái sinh.

Schwarz nhìn tôi và cái sắc diện lạ lùng kia lại phớt qua trên khuôn mặt hắn.

— Ấy, sự thể là như vậy đấy. Chính Helen giữ vững được tình trạng ấy, còn thì không thể, nhất là về sau này. Nàng làm được như thế cũng khá đủ rồi, bởi đó mới chính là vấn đề. Ông đồng ý chứ? Nhưng giờ đây tự tôi phải lo liệu lấy, và chỉ lần này thôi; cũng vì vậy mà tôi nói chuyện với ông đây. Vâng, lý do là ở đấy.

— Thế ông có lưu lại Zurich không? - Tôi hỏi.

— Chúng tôi lưu lại một tuần. - Schwarz nói giọng bình thường hơn. - Chúng tôi sống tại thành phố và đất nước ấy, đất nước duy nhất tại châu Âu nơi thiên hạ chưa bắt đầu quay

cuồng. Chúng tôi có đủ tiền tiêu trong vài tháng, Helen còn đem theo một ít nữ trang có thể bán khi cần, và tại Pháp tôi vẫn còn giữ mấy bức tranh sau này của Schwarz. Ôi cái mùa hè năm 1939 ấy! Tưởng như thể Thượng đế muốn cho thế giới thấy rõ hòa bình là gì và thế giới sẽ phải mất gì. Chuỗi ngày hè đầy áp vô tư lự, và chúng tôi trở nên hư hư thực thực lúc chúng tôi rời Zurich để đi xuống hồ Maggiore ở phía nam.

Helen có nhận được thư từ và điện gọi của gia đình nàng. Nàng viết ít chữ cho biết nàng đi Zurich gặp bác sĩ. Nếu gia đình muốn tìm ra nơi nàng ở thì cũng dễ thôi: hệ thống đăng ký ở Thụy Sĩ rất có hiệu năng. Họ không để nàng được yên với những câu hỏi và trách cứ của họ. Nàng vẫn còn khả năng trở về. Chúng tôi phải quyết định. Chúng tôi sống trong cùng một khách sạn, nhưng khác phòng. Chúng tôi là vợ chồng, nhưng hộ chiếu lại mang tên khác nhau. Ấy chính những mảnh giấy quản lý cuộc sống chúng ta vào những lúc như thế. Thật tình chúng tôi không sống chung với nhau được. Tình huống kể cũng lạ, nhưng nó khiến chúng tôi cảm nhận sâu sắc rằng khoảng thời gian trước đã về lại với chúng tôi. Theo luật này chúng tôi là chồng và vợ, còn theo luật kia thì lại không phải. Môi trường mới mẻ chung quanh, thời gian xa cách lâu dài, và nhất là cái thay đổi đột ngột đến với Helen tại Thụy Sĩ, tất cả mọi thứ đó tạo nên một tình trạng lạ kỳ. Mọi thứ đều có vẻ mơ hồ nhưng đồng thời lại hiện thực một cách mãnh liệt. Và bên trên cái thế giới kỳ quặc này của chúng tôi lơ lửng đám sương mù tan loãng dần của một giấc mơ khó lòng gọi lại. Đạo ấy, tôi không rõ cái gì đã tạo nên cái tâm trạng an bình hạnh phúc ấy. Tôi xem đó như là một món quà không chờ đợi, tưởng như Thượng đế cho tôi sống lại một quãng đời mà lần trước kia tôi đã làm hỏng và biến nó thành cuộc sống hoàn hảo. Con chuột chũi đào đất tìm đường vượt biên giới không giấy hộ chiếu này đã trở thành con chim không biết đến biên giới là gì.

Một buổi sáng tôi tìm gặp Helen thì tôi thấy nàng nói chuyện với ông Krause mà nàng giới thiệu là một viên chức làm việc tại tòa lãnh sự Đức. Nàng nói với tôi bằng tiếng Pháp khi tôi vào và gọi tôi bằng cái tên Monsiear Lenoir. Krause hiểu làm nàng và



hỏi tôi bằng thứ tiếng Pháp dờ tộ tôi có phải là con của nhà danh họa nổi tiếng không. Helen bật cười.

“Ông Lenoir đây là người Geneve.” Nàng nói. “Nhưng ông ấy cũng biết nói tiếng Đức. Ông cũng rất hâm mộ Renoir.”

“Ông cũng thích trường phái ấn tượng?” Krause hỏi tôi.

“Ông ấy còn có cả một bộ sưu tập nữa cơ đấy.” Helen đáp thay tôi.

“Tôi có ít bức họa của danh sư ấy.” Tôi nói.

Biến đổi cái di sản tôi thừa hưởng được của ông Schwarz quá cố thành bộ sưu tập của tôi, dường như là một trong những trò ưa thích mới đây của Helen. Nhưng kể từ khi nhờ cái trò ấy mà tôi tránh được trại tập trung, nên tôi cứ nhập cuộc chơi luôn.

“Ông có biết bột sưu tập của Oskar Reinhart ở Winterthur không?” Y hỏi tôi giọng thân ái.

Tôi gật đầu.

“Reinhart có một bức họa của Van Gogh<sup>[\*]</sup> mà tôi sẵn sàng mang một tháng của cuộc đời tôi đánh đổi lấy.”

“Tháng nào?” Helen hỏi.

“Bức họa nào của Van Gogh?” Krause hỏi.

“Bức Vườn hoa nhà thương điên.”

Krause mỉm cười:

“Một bức họa tuyệt vời.”

Y bắt đầu thao thao về hội họa, và đến lúc y đề cập đến viện bảo tàng Louvre, tôi có thể tham gia ý kiến ngay, nhờ vào chút đỉnh kiến thức nhận được từ ông Schwarz quá cố. Tôi hiểu chiến thuật của Helen. Nàng kiếm cách ngăn không để Krause nhận ra tôi là chồng nàng hoặc là dân tị nạn. Mấy tay lãnh sự Đức chẳng tiếc ngại gì mà không báo cáo họ với cảnh sát Thụy Sĩ. Tôi đánh hơi thấy Krause có ý muốn phanh phui ra mối quan hệ giữa tôi và Helen, và nàng cũng biết thế ngay từ đầu. Giờ đây nàng bịa cho tôi một người vợ là Lucienne và hai con, đứa gái đầu chơi piano rất cừ!

Krause quắc mắt hết nhìn tôi lại nhìn sang Helen. Lợi dụng chỗ chúng tôi cùng quan tâm đến nghệ thuật, y đề xuất một cuộc gặp gỡ khác. Tại sao lại không dùng bữa tại một tiệm ăn

nhỏ bé trên bờ hồ, nơi có cá thật ngon nhỉ? Gặp được một người biết chút đỉnh về nghệ thuật là chuyện đâu phải ngày nào cũng có. Tôi hưởng ứng rất nhiệt tình. Tôi sẽ rất hân hạnh khi nào tôi trở về Thụy Sĩ. Chỉ từ bốn đến sáu tuần nữa thôi. Y ngạc nhiên. Không phải tôi sống ở Geneve sao? Tôi bảo y tôi là dân ở đây thật, nhưng tôi sống tại Belfort<sup>[\*]</sup>. Vì Belfort thuộc Pháp, nếu y có muốn điều tra lại càng khó khăn hơn. Lúc ra về, y không kiềm chế được câu hỏi sau cùng: Helen và tôi đã gặp nhau tại đâu? Hai kẻ cùng tính tình, hợp nhau như thế, kể ra thật là khác thường.

Helen nhìn tôi.

“Chúng tôi biết nhau tại phòng mạch bác sĩ, ông Krause ạ. Những người bệnh thường giống tính nhau,” Nàng mỉm cười ranh mãnh, “Hơn những người khỏe mạnh rất nhiều, khỏe nên có nhiều bấp cơ thay vì dây thần kinh, ngay cả bên trong đầu họ.”

Krause tiếp nhận câu chế giễu của Helen bằng nụ cười đau khổ.

“Tôi hiểu, thưa bà.”

Không muốn để Helen qua mặt mình, tôi hỏi:

“Chẳng phải ngày nay người Đức xem nghệ thuật của Renoir là suy thoái đó sao? Còn Van Gogh thì chắc hẳn là thế rồi.”

“Với người sành sỏi như chúng tôi thì không đâu.” Krause đáp, lại thêm một nụ cười đau khổ khác, rồi lách ra khỏi cửa.

“Y muốn gì?” Tôi hỏi Helen.

“Muốn rình rập. Em có tìm cách báo anh biết để đừng đến, nhưng lúc ấy anh đã đi sang đây rồi. Anh của em phải hẳn đến đây. Sao mà em ghét cay ghét đắng những chuyện ấy thế!”

Cánh tay bạch tuộc của Sở mật vụ Gestapo vươn ra tận bên ngoài biên giới để nhắc nhở rằng chúng tôi không hẳn hoàn toàn tự do đâu. Krause có mời Helen ghé qua tòa lãnh sự nếu không có gì trở ngại. Chẳng có gì khẩn trương đâu. Có điều là giấy hộ chiếu của nàng cần đóng thêm con dấu mới. Dấu xuất cảnh nàng đã quên xin.

“Hắn bảo là quy định mới.” Helen nói.

“Hắn nói dối.” Tôi cãi lại, “Anh rành chuyện này mà. Dân tị nạn các anh luôn luôn đánh hơi được chuyện này. Nếu em đến đó, chúng rất có thể tịch thu hộ chiếu của em.”

“Thế thì anh muốn em cũng là tị nạn như anh chứ gì?”

“Đúng. Trừ phi em quyết định quay về.”

“Em ở lại.” Nàng nói, “Em sẽ không đến tòa lãnh sự nào cả và em không trở về.”

Trước kia chúng tôi không đề cập đến vấn đề này. Thế là đã quyết định rồi đấy. Tôi không trả lời, mà chỉ nhìn Helen. Phía sau nàng, tôi thấy vòm trời, hàng cây trong công viên và mặt hồ lấp lánh qua khe lá. Mặt nàng u ám trong ánh sáng chói lòa.

“Anh chẳng có trách nhiệm gì mà phải lo.” Nàng bực bội nói, “Anh không đưa em đến đây và chuyện này chẳng can dự gì đến anh. Cho dù rằng không có anh, em cũng chẳng trở về. Bây giờ anh yên tâm rồi chứ?”

“Được.” Tôi đáp, hơi ngạc nhiên và có phần xấu hổ, “Nhưng đây không phải là điều anh đang nghĩ đến.”

“Em biết chứ, Josef ạ. Thôi ta đừng bàn đến chuyện ấy nữa. Đừng bao giờ nữa.”

“Krause sẽ trở lại.” Tôi nói, “Hoặc một người nào khác.”

Nàng gật đầu:

“Chúng sẽ gây rắc rối nếu chúng phát hiện ra anh là ai. Tại sao ta lại không đi về phía nam nhỉ?”

“Ta không thể đến nước Ý. Cảnh sát của Mussolini<sup>[\*]</sup> và mật vụ Gestapo là hai bạn thân thiết đấy.”

“Còn chỗ nào về phía nam không?”

“Còn chứ. Tỉnh Ticino thuộc Thụy Sĩ. Hai nơi nghỉ mát Locarno và Lugano<sup>[\*]</sup>.”

Chúng tôi đáp tàu lửa chiều hôm ấy. Năm tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã ngồi tại quảng trường Ascona, trong một thế giới cách Zurich không phải là năm tiếng mà là năm mươi tiếng đồng hồ. Phong cảnh đặc sắc hết như nước Ý. Thành phố đông nghẹt khách du lịch, và không ai có ý nghĩ nào khác hơn là bơi lội, nằm dài phơi nắng, và tận hưởng cuộc sống khi còn có thể được.

— Chắc ông còn nhớ những tháng hòa bình sau cùng? Khấp cả châu Âu bàng bạc trong không khí một linh cảm kỳ lạ. - Schwarz nói.

— Đúng thế. - Tôi xác nhận, - Mọi người đang mong đợi một phép màu. Một thỏa ước Munich thứ hai. Rồi thứ ba. Vân vân.

— Đó là một thứ ánh sáng mờ mờ giữa hy vọng và tuyệt vọng. Thời gian đứng lặng yên. Trong bóng tối của tai họa sắp đến, cái gì cũng có vẻ huyền ảo. Như thể có một ngôi sao chổi khổng lồ thời trung cổ xuất hiện để chia bầu trời với vàng thái dương. Mọi cái đều mờ ảo. Và mọi cái đều có thể xảy ra.

— Ông đi qua Pháp lúc nào? - Tôi hỏi.

Schwarz gật đầu:

— Ông nói đúng. Cái gì khác cũng là tạm bợ cả. Nước Pháp là nơi trú ngụ cho kẻ không nhà, nhưng cũng không thoải mái đâu. Mọi con đường đều đưa ta trở về nước Pháp. Tuần lễ sau đó, Helen nhận được thư của ông Krause bảo nàng phải đến trình diện ngay tòa lãnh sự ở Zurich hoặc Lugano. Có chuyện khẩn trương. Chúng tôi phải ra đi. Thụy Sĩ là một đất nước quá nhỏ và được tổ chức quá tốt. Đi đến đâu chúng tôi cũng có thể bị phát hiện. Và bất luận ngày nào giấy tờ của tôi cũng có khả năng bị kiểm tra; người ta sẽ phát hiện giấy hộ chiếu của tôi là giả mạo và trục xuất tôi. Chúng tôi đi Lugano, nhưng lánh xa tòa lãnh sự Đức. Thay vào đó, chúng tôi đến tòa lãnh sự Pháp. Chúng tôi nhận được hộ chiếu du khách giá trị trong sáu tháng. Thế mà chúng tôi chỉ dám mong được ba tháng là tối đa.

“Chừng nào ta đi?” Tôi hỏi Helen.

“Ngày mai.”

Chúng tôi dùng bữa tối sau cùng trong khu vườn quán Albergo della Posta ở Ronco, một làng vất vẻo như tổ chim nhạn trên sườn đồi trông xuống hồ. Đèn lồng kiểu Nhật Bản đong đưa trong mấy lùm cây, mấy chú mèo bò trên tường, và từ những bậc thềm bên dưới thoảng đưa lên mùi hương hoa hồng và hoa nhài dại. Mặt hồ với những đảo nhỏ, “người ta đồn rằng trên một hòn đảo ấy vào thời đại La Mã có ngôi đền thờ thần Vệ Nữ<sup>[\*]</sup>, trải rộng yên tĩnh. Những rặng núi quanh co uốn khúc

màu xanh thẫm nổi bật trên nền trời chói chang. Chúng tôi ăn mì ống, uống rượu vang. Đó là một đêm thật êm dịu sâu muộn.

“Thật tiếc là chúng ta phải bỏ đi.” Helen nói. “Ước sao em được ở đây suốt mùa hè.”

“Em sẽ có nhiều dịp để nói lên điều đó.”

“Còn gì hay hơn để nói nữa không anh? Em đã nhiều lần nói ngược lại rồi.”

“Điều ngược lại là thế nào?”

“Là nếu phải ở đây thì thật là xấu.”

Tôi nắm lấy tay nàng. Da nàng rất sạm, nàng bắt nắng dễ dàng, chỉ hai ba ngày là xong, và khiến mắt nàng càng trong sáng hơn.

“Anh yêu em vô cùng.” Tôi nói, “Và lúc này đây, và mùa hè này sẽ qua đi, và phong cảnh này ta sẽ rời bỏ, và là lần đầu trong đời của anh, vì anh chỉ là tấm gương chiếu rọi hình ảnh em, và cũng nhờ thế anh có được cả hai em. Xin Chúa ban phúc lành cho buổi tối hôm nay và giờ phút này!”

“Chúa ban phúc lành cho mọi sự! Nào ta hãy uống mừng đi! Và Chúa cũng ban phước lành cho em vì sau cùng em đã dám nói lên điều mà bình thường khiến em chắc phải đỏ mặt.”

“Anh cũng đỏ mặt đây.” Tôi nói, “Nhưng chỉ bên trong thôi, và anh không xấu hổ. Ngay con sâu bướm cũng phải làm quen với ánh sáng khi nó vươn ra từ bóng tối và thấy mình có đôi cánh. Thiên hạ ở đây thật là may mắn. Hoa nhài dại sao mà thơm thế! Cô hầu bàn cho biết là có cả rừng hoa nhài như thế.”

Tới lúc rượu vang đã uống cạn, chúng tôi dạo khắp con đường nhỏ hẹp, đi vào con lộ xưa cũ đi ngang qua nghĩa địa làng Romeo đầy hoa và thập giá, rồi dọc xuống sườn đồi đến Ascona. Miền nam như một tay phù thủy: rừng cọ và trúc đào xóa tan những ý tưởng đen tối và buông thả trí tưởng tượng. Mỗi lúc các vì sao hiện ra nhiều thêm, tưởng như bao trùm cả vũ trụ. Ánh đèn từ mấy quán nước ở quảng trường Ascona tỏa ra xa mãi tận mặt hồ, và gió mát lành thoảng đưa từ dưới thung lũng lên.

Chúng tôi về căn nhà chúng tôi mượn trên bờ hồ. Căn nhà nhỏ nhưng có hai phòng ngủ. Thế trông cũng hợp với đạo Đức

của địa phương.

“Chúng mình sống được bao lâu với số tiền hiện có?” Helen hỏi.

“Một năm nếu ta tiêu xài kỹ. Có thể một năm rưỡi.”

“Nếu không kỹ?”

“Thì chỉ đủ mùa hè này.”

“Thế thì ta cứ tiêu xài thả cửa.” Nàng nói.

“Một mùa hè thì ngắn đấy.”

“Vâng.” Nàng nói, giọng đột nhiên cuồng nhiệt lên. “Một mùa hè thì ngắn thật, mà cuộc đời cũng ngắn vậy, nhưng tại sao? Vì ta biết rõ nó ngắn như thế nào. Những con mèo trên tường kia có biết được cuộc sống là ngắn ngủi không? Mấy con chim kia biết không? Và đàn bướm kia nữa? Với chúng cuộc đời cứ tiếp diễn mãi thôi. Chẳng ai bảo chúng cả. Tại sao chỉ chúng ta lại phải biết?”

“Có nhiều câu trả lời cho câu hỏi ấy.”

“Thì hãy nói cho em một câu thôi.”

Chúng tôi đang đứng trong căn phòng tối mờ. Cửa lớn, cửa sổ đều mở.

“Một trong những câu trả lời ấy là cuộc sống sẽ không tài nào chịu đựng nổi nếu cứ tiếp tục mãi mãi.”

“Anh muốn nói chúng ta sẽ chán? Như Chúa vậy? Không đúng đâu. Cho em câu khác đi, anh.”

“Là sẽ có nhiều bất hạnh hơn là hạnh phúc. Và cũng may là đến một lúc nào đó cuộc đời sẽ kết thúc.”

Helen im lặng một lúc. Rồi nàng nói:

“Trong tất cả những điều anh vừa nói chẳng có lấy một chút sự thật. Ta bảo thế vì ta biết ta đến đây không phải ở lại đây và chẳng có gì để ta bám víu cả. Chẳng có gì là may. Ta chỉ bịa đặt ra thôi. Ta bịa ra nó và nó là nguồn hy vọng độc nhất của ta.”

“Thế mà ta vẫn chẳng tin vào nó đó sao?” Tôi hỏi.

“Em thì không.”

“Em không tin vào hy vọng?”

“Em chẳng tin vào cái gì cả. Một ngày nào đó số ta được gọi đến và chỉ thế thôi.”

Nàng vút bỏ quần áo lên giường.

“Vớ ai thì cũng thế thôi. Người tù thì mong trốn thoát. Cũng có khi thoát được. Nhưng bạn sau đâu được may mắn như thế.”

“Đó là tất cả những gì người trốn cầu mong. Chỉ là một sự tạm ngưng. Có thể thôi.”

“Vâng, chỉ có thể thôi. Vớ thế giới hay vớ chiến tranh thì cũng thế. Hy vọng một cuộc tạm ngưng khác. Nhưng chẳng gì ngăn ngừa chiến tranh được.”

“Chiến tranh thì có thể ngăn ngừa được.” Tôi nói, “Nhưng cái chết thì không.”

“Thôi anh đừng cười.” Nàng kêu lớn.

Tôi bước đến nàng. Nàng giật lùi, lọt ra cửa lớn ra ngoài.

“Gì thế?” Tôi ngạc nhiên hỏi.

Bên ngoài sáng tỏ hơn, và tôi thấy mặt nàng dàn dụa nước mắt. Nàng không trả lời mà tôi cũng chẳng hỏi lại.

“Em say.” Sau cùng nàng nói, “Anh không thấy sao?”

“Không.”

“Em uống nhiều rượu vang quá.”

“Chả có gì nhiều đâu. Còn một chai nữa đấy.”

Trên bãi cỏ phía sau nhà có cái bàn đá. Tôi đặt chai rượu lên bàn và vào trong nhà lấy ly. Lúc trở ra tôi thấy Helen băng qua bãi cỏ về phía hồ. Tôi không đi theo nàng ngay. Tôi rót đầy hai ly; trong ánh sáng dịu dịu của mặt hồ và bầu trời, chất rượu vang trông thắm hơn. Rồi tôi chậm rãi bước ra bãi cỏ đến hàng cây cọ và cây trúc đào bên bờ hồ. Tôi đang lo cho Helen và thờ phào nhẹ nhõm khi trông thấy nàng. Nàng đứng bên bờ, người khom xuống dáng trầm tư đến lạ lùng, tưởng như đang chờ đợi một điều gì, một giọng nói hoặc có lẽ một ảo ảnh nào đó. Tôi đứng lặng yên, không phải để trông chừng nàng, mà thật ra vì ngại phải làm nàng kinh hoàng. Một lúc lâu sau nàng buột miệng thở dài và đứng thẳng người dậy. Rồi nàng bước xuống nước.

Thấy nàng bơi lội, tôi trở về nhà lấy khăn và áo tắm cho nàng. Rồi tôi ngồi trên tảng đá chờ đợi. Từ xa đầu nàng vớ mái tóc

uốn cong trông thật bé nhỏ; nàng là tất cả những gì tôi có trên cõi trần, tôi nghĩ, và tôi cảm thấy thôi thúc phải gọi nàng trở lại. Nhưng cùng lúc tôi có cảm giác nàng có điều gì đó cần giải quyết với chính nàng, một điều mà tôi không biết được, và đây là lúc quyết định. Với nàng, nước dưới hồ là định mạng, vừa là câu hỏi vừa là câu trả lời. Nàng cần phải phán đoán để tự tìm ra một mình, như mọi người đều phải thế. Điều tốt nhất người khác có thể làm cho nàng là đứng đấy và có lẽ tiếp thêm cho nàng chút ấm áp của tâm hồn.

Helen bơi rộng ra thành vòng cung, quay lại, rồi hướng về phía tôi thành một đường thẳng. Tôi thấy nàng đến gần, cái đầu đen nhỏ bé của nàng nổi bật lên mặt hồ tím thẫm. Rồi nàng bước lên, người mảnh mai lấp lánh giọt nước hồ và chạy đến tôi.

“Trời lạnh đấy. Mà lại có ma quỷ nữa đấy. Cô hầu bàn bảo có con bạch tuộc sống bên dưới mấy hòn đảo đó.”

“Những con cá lớn nhất trong hồ này là những con cá chó già nua.” Tôi vừa nói vừa lấy khăn quấn người nàng, “Chẳng có bạch tuộc nào cả. Giống bạch tuộc bây giờ ở cả bên Đức rồi, nước Đức mới ấy. Nhưng sông hồ ban đêm lúc nào cũng có ma quỷ.”

“Nếu ta nghĩ được là có bạch tuộc, thì chắc là phải có.” Helen nói, “Ta không thể nghĩ điều gì mà nó không có.”

“Đó có thể là một lối dễ dãi để chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế.”

“Thế anh không tin sao?”

“Đêm nay thì cái gì anh cũng tin.”

Nàng đứng sát vào người tôi. Tôi bỏ khăn ra cho nàng và đưa nàng chiếc áo tắm.

“Anh có tin chúng ta sống được hai lần không?”

“Có chứ,” Tôi đáp không chút do dự.

Nàng thở dài.

“Cảm ơn Chúa. Em chẳng muốn tranh cãi về chuyện đó, không, bây giờ thì không. Em mệt và lạnh. Em cứ mãi quên nước trong hồ này là từ núi đổ xuống.”



Cùng với rượu vang, tôi có mang theo chai rượu nho mua ở quán Albergo della Posta. Rượu grappa là một loại rượu mạnh nước trong cất từ vỏ quả nho, nặng và thơm, rất thích hợp cho những lúc như thế này. Tôi vào trong nhà mang nó ra rót cho nàng một ly thật đầy. Nàng uống chậm chậm.

“Em không thích rời khỏi nơi đây.” Nàng nói.

“Rồi ngày mai là em quên nó thôi.” Tôi đáp lại, “Ta sẽ đi Paris. Em chưa đến đó bao giờ mà. Đó là thành phố đẹp nhất thế giới.”

“Thành phố đẹp nhất là thành phố nơi đó ta được hạnh phúc nhất. Nói thế thì tầm thường vô vị quá phải không anh?”

Tôi bật cười.

“Chả phải bận tâm về kiểu cách nữa,” Tôi nói, “Nếu đó là câu nói vô vị, thì chúng ta không có được nhiều câu vô vị như thế đâu! Em dùng thêm ít rượu grappa nữa nhé?”

Nàng gạt đầu và tôi đi lấy một ly khác cho nàng. Chúng tôi ngồi tại bàn đá trên bãi cỏ cho đến lúc Helen buồn ngủ. Tôi đưa nàng vào giường. Nàng ngủ bên cạnh tôi. Tôi nhìn qua cửa lớn ra ngoài bãi cỏ đang chầm chậm đổi sang màu xanh rồi màu bạc. Khoảng một giờ sau nàng thức dậy, xuống bếp lấy nước. Nàng trở lên với một lá thư đã đến khi chúng tôi ở làng Ronco. Lá thư chắc nằm trong phòng nàng.

“Thư của Martens.” Nàng nói.

Nàng đọc xong rồi đặt lá thư xuống.

“Anh ấy có biết em ở đây không?” Tôi hỏi.

“Anh ấy tin cho gia đình em biết anh ấy có khuyên em nên đi Thụy Sĩ để khám bệnh lại, và em nên lưu lại đó vài tuần.”

“Em có nhờ anh ấy điều trị không?”

“Thỉnh thoảng.”

“Về bệnh gì?”

“Chẳng có gì đặc biệt.” Nàng nói, và cho lá thư vào túi xách. Nàng không đưa tôi đọc.

“Em bị vết sẹo ấy ở đâu vậy?” Tôi hỏi.

Có một vết sẹo trắng nhỏ vắt ngang qua bụng nàng. Trước tôi có thấy nó, nhưng bây giờ nước da của nàng sẫm hơn khiến nó

trông rõ hơn.

“Một cuộc giải phẫu nhỏ thôi. Chẳng có gì quan trọng.”

“Phẫu thuật gì?”

“À, loại giải phẫu không tiện nói ra. Đàn bà chúng em thường có như vậy.”

Nàng tắt đèn.

“Anh đến với em thật là may quá.” Nàng thì thầm, “Không có anh chắc em không chịu nổi nữa. Yêu em đi! Yêu em đi và đừng hỏi nữa! Đừng bao giờ!”

## CHƯƠNG 10

**H**ạnh phúc! - Schwarz nói, - Sao màu sắc hạnh phúc vương vấn mãi ký ức ta thế! Như mớ áo sơ mi rẻ tiền ở hiệu giặt. Chỉ kẻ bất hạnh mới đếm thôi. Chúng tôi đến Paris và kiếm được hai phòng tại một khách sạn nhỏ ở bên Grands Augustins, trên tả ngạn sông Seine. Không có thang máy; cầu thang ọp ẹp hư mòn với thời gian, phòng thì nhỏ; nhưng được cái có thể nhìn ra sông Seine, mấy quán sách trên bến, Pháp đình và nhà thờ Notre Dame. Chúng tôi có đủ giấy hộ chiếu. Chúng tôi là những con người, được làm người mãi đến tháng chín năm 1939. Chúng tôi là những con người cho đến tháng chín và dấu cho hộ chiếu chúng tôi là thật hay giả cũng vậy. Nhưng đã khác khi “cuộc chiến tranh giả tạo” bắt đầu.

“Anh sống bằng cách gì dạo anh đến đây lần trước?” Một hôm Helen hỏi tôi như thế, “Anh có được phép làm việc không?”

“Dĩ nhiên là không. Chẳng những thế, anh còn không được phép tồn tại nữa. Làm sao em có thể nghĩ một người không tồn tại giữa loài người lại có thể xin được một giấy phép làm việc?”

“Thế anh sống bằng cách nào?”

“Anh không nhớ.” Tôi thành thật trả lời, “Anh làm đủ thứ nghề. Song chẳng nghề nào bền. Lúc nào ta cũng kiếm ra việc làm nếu chịu nhận lương thấp. Làm phu khuân vác ở khu Les Halles<sup>[\*]</sup>, hầu bàn, bán rong cà vạt, vớ, sơ mi, dạy kèm tiếng Đức. thỉnh thoảng Ủy ban cứu trợ nạn cũng có cho anh chút đỉnh; ngoài ra lúc cần túng anh bán tư trang; viết dăm ba bài cho báo Thụy Sĩ.”

“Anh không kiếm lại được một chân viết báo sao?”

“Không được, em ạ. Muốn thế phải ở trong ngành báo chí và có giấy phép cư trú. Nghề kiếm ăn vừa rồi của anh là viết địa chỉ hộ trên thư. Rồi thì Schwarz xuất hiện, tiếp theo là cuộc sống giả mạo từ đó.”

“Sao lại giả mạo?”

“Vì đúng ra anh phải là một người khác kia. Sống dưới lốt tên của một người đã chết, chính tự bản thân anh được coi như

không còn tồn tại nữa.”

“Em muốn anh gọi nó bằng một cái tên khác.” Helen nói.

“Gọi nó bằng từ gì thì có quan trọng gì đâu. Một cuộc sống hai mặt, một cuộc sống vay mượn. Hay là một cuộc sống thứ hai thì cũng thế thôi. Vâng, gọi thế có lẽ chính xác nhất đấy. Chúng ta sống như những kẻ trôi giạt bơ vơ, không hối tiếc vì đã mất hết ký ức. Chính ký ức khiến ta cảm thấy đã mất đi những điều tốt đẹp mà không cách gì cải thiện những điều xấu.”

Helen cười lớn tiếng.

“Giờ chúng ta là gì? Phờng lừa đảo? Xác chết? Hồn ma?”

“Trước pháp luật, chúng ta là du khách. Chúng ta được quyền ở đây, nhưng không được quyền làm việc.”

“Tốt lắm.” Nàng nói, “Thế thì ta không làm việc. Ta hãy ra đảo Saint Louis ngồi trên ghế tắm nắng. Sau đó ta đến quán Café de France, dùng bữa trên hàng hiên. Chương trình như thế nghe được không, anh?”

“Chương trình hấp dẫn đấy.” Tôi đáp.

Và chúng tôi theo đúng chương trình. Tôi thôi không đi kiếm việc làm lặt vặt tạm bợ nữa. Trong nhiều tuần lễ liên tiếp chúng tôi sống chung với nhau hết ngày này đến ngày khác. Bên ngoài kia, trên thế giới, thời cuộc nổi cơn dông bão khắp nơi: những số báo phát hành đặc biệt, điều động quân đội, những phiên họp khẩn cấp của Quốc hội, nhưng tất cả những chuyện đó chẳng chút dính dáng gì đến chúng tôi. Bao nhiêu chuyện ấy chẳng xảy ra tại đây, có thể thôi. Chúng tôi đang sống trong cái vô tận. Khi thế giới chúng ta tràn ngập cảm giác, đâu còn chỗ để đếm thời gian? Ta đã ở bờ bên kia, bên kia biên giới thời gian rồi. Hay là bạn không tin như thế chẳng?

Schwarz quay về tôi cái nhìn nặng trĩu lời kêu gọi tuyệt vọng.

— Ông không tin thế sao? - Hấn hỏi.

Tôi mệt đừ nên đâm ra cáu bực không kèm chế được. Những mẩu chuyện tầm phào về hạnh phúc chẳng có gì là lý thú cả, và tôi hoàn toàn dừng dừng với những quan niệm kỳ quặc của Schwarz về vô tận vô biên.

— Tôi cũng chẳng biết nữa. - Tôi trả lời một cách hờ hững, - Có thể là hạnh phúc và vô tận sẽ đến khi chúng ta chết; đến lúc

đó cuốn lịch trôi béc và thời gian cũng ngừng lại. Nhưng nếu ta cứ tiếp tục sống, thì có gì cản trở được đâu. Bất cứ điều gì ta làm cũng đều xảy ra trong thời gian, mà thời gian thì trôi mãi không ngừng.

— Tôi sẽ không để nó chết! - Đột nhiên Schwarz nói lớn giọng sôi nổi, - Tôi muốn nó đứng yên mãi như pho tượng cẩm thạch. Không như lâu đài cát trôi theo ngọn thủy triều! Kẻ đã chết mà một thời ta đã yêu giờ ra sao? Tất cả những người ấy giờ ra sao rồi? Họ chẳng chết mãi mãi rồi hay sao? Giờ họ ở nơi đâu nếu không phải chỉ trong ký ức ta? Khuôn mặt nàng, trời ơi! Tôi là người độc nhất còn nhớ đến khuôn mặt nàng. Sao tôi không thể để thời gian tàn phá nó đi? Tôi cũng biết rồi thì nó cũng sẽ phai mờ trong trí tôi, nó sẽ bị bóp méo biến dạng đi nếu tôi không thể phóng chiếu và dựng nó lên bên ngoài tôi. Những dối trá và suy tư quái dị của tâm trí sẽ cuộn tròn nó lại như dây trường xuân, tiêu diệt nó để rồi sau cùng chỉ còn lại là dây trường xuân. Tôi biết điều đó. Chính vì thế thôi phải cứu vãn ký ức tôi khỏi chính bản thân tôi, khỏi cái vị kỷ xói mòn nó thúc tôi cố gắng quên đi mới sống tiếp được. Ông không hiểu sao?

— Tôi hiểu lắm, ông Schwarz ạ. - Tôi đáp, giọng ra vẻ hết sức nhẹ nhàng dè dặt, - Chính vì thế mà ông đang nói chuyện với tôi, là để bảo vệ ký ức của ông khỏi sự quên lãng của chính ông...

Tôi giận mình vì trước đây ă nói quá lỗ mǎng thẳng thừng. Người đối thoại với tôi là một tên điên khùng, với một thứ điên khùng hữu lý, kẻ điên, một thứ Don Quixote<sup>[\*]</sup> mang quyết tâm chặn đứng dòng thời gian, và vì quá tôn trọng nỗi khổ đau của hắn nên tôi không tìm cách phân tích hoàn cảnh của hắn.

— Nếu tôi làm được việc đó... - Schwarz không nói tiếp được nữa.

Một lát sau anh ta lại tiếp:

— Nếu tôi làm được như thế, thì bất luận tôi làm điều gì cũng không tác dụng đến nó. Ông tin thế không?

— Vâng, tôi tin. Ký ức ta không phải là cái tráp ngà trong viện bảo tàng đầy bụi bặm. Nó là con sinh vật biết sống, biết ăn và biết tiêu hóa. Nó tự tiêu hao dần dần y như con phượng hoàng

trong truyện cổ tích kia, cũng nhờ thế ta mới có thể tiếp tục sống mà không bị nó hủy diệt. Đó là điều ông ra sức đề phòng.

— Đúng thế đấy! - Schwarz nói lớn, mắt đầy vẻ biết ơn, - Ông bảo ký ức biến thành đá chỉ khi nào ta chết. Đó là điều tôi sắp làm đây.

— Những điều tôi nói chẳng nghĩa lý gì đâu. - Tôi uể oải nói. - Tôi không ưa những câu chuyện như thế. Tôi được biết quá nhiều kẻ thác loạn thần kinh. Cuộc sống lưu đày sản sinh ra bọn họ như mưa sinh nấm vậy thôi.

— Tôi không kết liễu đời tôi đâu. - Schwarz vừa bảo vừa mỉm cười, như thể hắn đoán ra được suy nghĩ của tôi, - Hiện nay mạng sống con người rất cần thiết. Tôi chỉ sẽ chết với cái tên gọi Josef Schwarz. Sáng ngày mai, khi tôi bỏ anh ra đi thì Josef Schwarz sẽ chết.

Một ý nghĩ vụt lóe lên trong trí tôi, và cùng với nó là một niềm hy vọng cuồng dại, dữ dội.

— Rồi ông sẽ làm gì? - Tôi hỏi.

— Biến đi.

— Dưới tên Josef Schwarz?

— Vâng.

— Chỉ cái tên thôi?

— Bất cứ gì có liên quan đến tên Josef Schwarz sẽ phải biến mất. Cái tôi trước kia ấy mà.

— Rồi ông làm gì với tấm hộ chiếu?

— Tôi sẽ không cần đến nó nữa.

— Ông có cái nào khác nữa không?

Schwarz lắc đầu.

— Tôi chẳng cần nữa.

— Trên tấm hộ chiếu đó có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ không?

— Vâng, có.

— Ông vui lòng bán cho tôi nhé? - Tôi hỏi, mặc dù tôi không có tiền.

Schwarz lại lắc đầu.

— Tại sao không?

— Tôi không thể bán được. - Schwarz đáp, - Tôi nhận nó như là một quà tặng. Nhưng tôi có thể biếu ông. Sáng mai. Ông dùng nó được không?

— Lạy chúa! - Tôi nói không kịp thở, - Dùng đến nó! Ông không hiểu là nó sẽ cứu mạng sống tôi sao? Trên hộ chiếu của tôi không có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ, và tôi cũng không biết đến ngày mai làm sao xin được đây.

Schwarz mỉm cười buồn bã.

— Sao việc đời lại lặp đi lặp lại tài tình đến như thế: Ông làm tôi nhớ tới dạo ông Schwarz sắp chết. Tôi ngồi trong phòng ông ta, và lúc bấy giờ tôi không thể nghĩ gì khác ngoài tấm hộ chiếu, nó biến tôi trở lại thành con người. Tốt thôi. Tôi sẽ biếu ông. Ông chỉ phải thay tấm ảnh trong ấy. Tuổi thì chắc được.

— Ba mươi chín. - Tôi nói.

— Vậy ông sẽ phải thêm năm tuổi. Ông có quen ai rành việc làm hộ chiếu giả không?

— Vâng, có. - Tôi đáp lại, - Tại đây có quen một người. Đổi ảnh thì cũng dễ.

Schwarz gật đầu.

— Dễ hơn là đổi nhân cách.

Hắn nhìn vào khoảng không trong một lúc.

— Ông có nghĩ là lạ nếu phải tìm hiểu thêm về hội họa không? Như Schwarz trước đây, và chính tôi bây giờ?

Toàn thân tôi run bắn lên.

— Hộ chiếu chỉ là một mảnh giấy. - Tôi nói, - Có gì là ma quái.

— Không sao à? - Schwarz hỏi lại.

À vâng, có chứ. - Tôi trả lời, - Nhưng không như ông nghĩ đâu. Ông đã ở lại Paris trong bao lâu?

Tôi đang mãi băn khoăn bận bịu về lời Schwarz hứa cho tôi tấm hộ chiếu nên chẳng nghe được hắn nói gì. Tôi chỉ nghĩ tìm cách nào để xin được hộ chiếu cho Ruth. Có thể tôi để nàng đóng vai em gái tôi. Song chắc không xong đâu. Ở tòa lãnh sự Hoa Kỳ người ta kỹ lắm. Tuy nhiên tôi cũng cứ thử xem, may ra có một phép màu thứ hai. Lúc ấy tôi mới nghe Schwarz nói.

— Một hôm hắn xuất hiện trong phòng chúng tôi tại Paris. - Hắn nói tiếp, - Phải mất sáu tuần hắn mới tìm thấy chúng tôi. Lần này hắn không phái ai trong tòa lãnh sự đến mà đích thân mình đến. Hắn đứng giữa căn phòng khách sạn dán đầy ảnh in cảnh đồng quê thế kỷ XVIII: đúng là Georg Jurgens, trung tá, anh của Helen, người đẩy đà, đôi vai rộng, cân nặng hai trăm pao<sup>[\*]</sup> hoặc hơn nữa, hiện thân là dân Đức chính thống gấp mười lần hơn đạo ở Osnabruck, tuy mặc thường phục. Hắn nhìn chúng tôi chăm chăm.

“À ra là dối trá từ đầu đến cuối!” Hắn nói, “Thoạt đầu ta cũng đã nghĩ có điều ám muội khả nghi rồi.”

“Ông cũng chẳng nên ngạc nhiên làm gì.” Tôi đáp, “Đến đâu ông cũng đánh mùi được mà. Tôi chẳng hiểu tại sao.”

Helen cười to.

“Im đi!” Georg hét lớn.

“Im đi! Chớ có la lớn!” Tôi nói lại, “Nếu không tôi cho người ném ông ra khỏi đây đấy!”

“Sao không thử tự mình làm thế xem nào?”

Tôi lắc đầu.

“Ông còn chơi trò anh hùng lúc chẳng có gì nguy hiểm đó sao? Cho ông biết, ông cân nặng hơn tôi hai mươi pao đấy. Không ai để ta lên cùng một võ đài đâu. Ông muốn gì nào?”

“Đấy chẳng phải việc của anh, tên phản bội đáng nguyên rủa. Đi ra khỏi đây ngay! Ta cần nói chuyện với em ta.”

“Anh cứ đứng đây!” Helen bảo tôi.

Mặt nàng đỏ bừng vì điên giận. Nàng đứng dậy từ từ khỏi ghế và nhặt lấy cái gạt tàn thuốc bằng cẩm thạch.

“Nói thêm tiếng nữa bằng giọng đó là anh lãnh ngay cái này vào mặt đấy. Đây không phải là nước Đức.” Nàng điềm tĩnh nói.

“Không, tiếc thay! Nhưng chẳng hề gì. Trước sau gì rồi cũng là nước Đức thôi.”

“Không bao giờ.” Helen kêu lớn, “Có thể những tên người máy có vũ trang của anh sẽ chinh phục nó trong một thời gian, nhưng nó vẫn là nước Pháp. Có phải đó là điều anh muốn đến nói chuyện không?”



“Tôi đến đây đưa cô về nhà. Cô không biết những gì sẽ xảy ra với cô nếu chiến tranh bắt gặp cô tại đây sao?”

“Không nhiều lắm.”

“Chúng sẽ bắt giam cô.”

Helen sửng sốt trong một lúc.

“Có thể người ta sẽ đưa chúng tôi vào trại.” Tôi nói, “Nhưng đó là trại giam giữ chứ không phải trại tập trung như ở Đức.”

“Anh biết gì mà nói?” Georg cười chế nhạo.

“Nhiều lắm chứ.” Tôi đáp, “Tôi đã từng ở trong một trại như thế mà, cũng nhờ ông đấy.”

“Đồ sâu bọ. Anh chỉ ở trại phục hồi nhân phẩm.” Georg nói giọng khinh bỉ, “Nhưng thấy đã chẳng có lợi gì cho anh. Vừa được trả tự do lại đào ngũ ngay.”

“Tôi phục lối dùng từ của ông đấy. Nếu có ai trốn khỏi nanh vuốt của ông, đó là đào ngũ.”

“Còn gọi đó là gì nữa? Anh nhận được lệnh không rời khỏi nước Đức mà.”

Tôi phác một cử chỉ coi thường. Tôi có khá nhiều những cuộc đối đáp như thế này với Georg trước khi hắn có đủ quyền lực tổng giam tôi.

“Georg luôn vẫn là một tên ngu ngốc.” Helen nói, “Một tên nhu nhược với những bắp thịt to lớn. Anh ta cần đến cái triết lý bọc thép của anh ta y như mụ đàn bà mập béo cần đến cái yếm ngực, vì thiếu nó anh ta chẳng ra hình thù gì cả. Anh đừng cãi với anh ta làm gì. Anh ta ồn ào vì anh ta yếu đuối.”

“Câm ngay đi!” Georg nói giọng bình tĩnh hơn tôi mong đợi, “Thu dọn đồ đạc đi, Helen. Tình hình nghiêm trọng đấy. Ta đáp tàu lửa đêm nay.”

“Nghiêm trọng như thế nào?”

“Sắp sửa có chiến tranh. Nếu không anh không đến đây.”

“Dẫu sao anh cũng phải đến đây thôi.” Helen nói, “Cũng y như anh đã đến Thụy Sĩ cách đây hai năm lúc tôi không muốn trở về. Thật là phi lý điên đảo đối với một đảng viên trung thành lại gặp cô em gái không muốn sống tại Đức. Anh đã kiếm đủ

cách thuyết phục tôi trở về. Nhưng lần này tôi ở lại đây, nói tới nói lui chẳng ích gì đâu.”

Georg quắc mắt nhìn nàng.

“Chỉ vì tên vô lại kia? Chắc là hắn đã dụ dỗ em?”

Helen cười to.

“Tên vô lại! Thời gian đã lâu tôi chưa nghe được từ ấy. Nghe như còn ở thời Trung cổ vậy. Không đâu! Tên vô lại này, chồng tôi đấy, chẳng dụ dỗ tôi gì cả. Nói thực ra, anh ấy đang tìm đủ cách để đưa tôi trở về. Mà với những lý do đứng đắn hơn của anh nhiều.”

“Tôi muốn nói chuyện riêng với cô.” Georg nói.

“Chẳng lợi ích gì cho anh đâu.”

“Cô là em tôi.”

“Tôi là đàn bà có chồng.”

“Đó không phải quan hệ máu mủ,” Georg nói. Rồi bỗng nhiên hắn lấy giọng của đứa bé có lỗi bị la mắng, “Đến cái ghế cô cũng không mời anh. Anh đến đây từ mãi tận Osnabruck, thế mà cô chẳng buồn mời anh ngồi.”

Helen lại bật cười.

“Đây không phải là phòng của tôi. Chồng tôi trả tiền phòng...”

“Thế thì mời ngài ngồi, ngài trung tá và con cưng của Hitler.” Tôi nói, “Nhưng chớ ngồi lâu quá.”

Georg ném cho tôi cái nhìn giận dữ rồi ngồi xuống một cái rầm lên chiếc đi văng đồ nát.

“Tôi muốn nói chuyện riêng với em tôi. Anh không thể hiểu được điều đó sao?”

“Thế ông có để tôi nói chuyện riêng với nàng khi ông bắt tôi không?” Tôi hỏi.

“Hai trường hợp khác hẳn.”

“Với Georg và những đồng chí của anh ta, tất cả những gì chúng làm đều luôn luôn khác.” Helen nói. “Khi chúng giết hay bắt người vì họ không đồng ý với chúng, khi chúng tống ta vào trại tập trung là chúng bảo vệ cái danh dự đã bị bôi nhọ của Tổ quốc đấy. Tôi nói đúng không, Georg?”

“Đúng thế.”

“Anh ta luôn luôn đúng.” Helen tiếp, “Không bao giờ ngờ vực, không chút ray rứt lương tâm. Lúc nào anh ta cũng ở bên lẽ phải, phía của quyền lực. Anh ta giống hệt tên Quốc trưởng của anh ta là người yêu chuộng hòa bình nhất thế giới chừng nào mà mọi người đều chấp hành đúng những gì hắn nói ra. Còn những kẻ khác hoàn toàn là một bọn phá rối. Phải thế không, Georg?”

“Những chuyện ấy có dính dáng gì đến ta?”

“Chẳng dính dáng gì cả. Cũng như mọi thứ khác thôi. Trong cái thành phố khoan dung này, anh không nhận thấy rằng thái độ luôn tự cho mình là đúng đắn, chính đáng của các anh là lố bịch buồn cười sao? Dầu mặc thường phục, anh vẫn mang giày ống để giẫm lên thiên hạ. Nhưng ở đây anh chẳng có chút quyền lực nào. Chưa đâu. Ở đây anh không thể bắt tôi gia nhập đoàn Phụ nữ quốc xã, toàn đám người đàn độn thô bỉ. Ở đây anh không thể xem tôi như tên tù, ở đây tôi còn thờ được, và tôi quyết ở lại đây để còn được thờ.”

“Cô giữ hộ chiếu Đức. Sắp sửa có chiến tranh. Cô sẽ bị tổng giam.”

“Không ngay bây giờ đâu. Dẫu sao, tôi thích ở tù tại đây hơn tại Đức. Bởi vì anh cũng sẽ nhốt tôi mà. Sự thể đâu giống nhau, giờ đây tôi được thờ không khí ngọt ngào của tự do, giờ đây tôi đã hiểu được rằng xa lánh được bọn các anh, các trại lính, các chuồng ngựa người và những tiếng hét kinh khủng của các anh là như thế nào rồi. Tôi không thể nào ngậm miệng được nữa.”

Tôi vụt đứng dậy, không chịu nổi phải chứng kiến cảnh nàng tự bóc trần trước mặt tên Quốc xã đê tiện chẳng bao giờ hiểu được nàng.

“Lỗi là tại nó đó!” Georg gầm lên, “Thằng vô tổ quốc khốn kiếp! Hắn làm cô hư hỏng rồi. Cứ chờ đấy xem. Tôi sẽ trị cho các người một trận đích đáng.”

Đến lượt y cũng đứng dậy. Y có thể cho tôi một trận đòn một cách dễ dàng. Y cao lớn gấp đôi tôi, và cái khóa học phục hồi chúng bắt tôi theo trong trại tập trung đã để lại cho tôi một khuỷu tay cứng đờ.

“Chớ có đụng vào anh ấy!” Helen nói rất nhẹ nhàng.

“Tên hèn nhất ấy à?” Georg rít lên. “Sao cô lại phải bảo vệ hắn? Hắn không thể tự lo lấy thân được sao?”

Schwarz quay người về phía tôi:

— Nói về thể lực thuần túy thì kể cũng lạ thật. Ta đều biết nó chẳng ăn nhập gì với lòng dũng cảm hoặc sức mạnh của nghị lực. Một khẩu súng trong tay người què có thể bắn xì lủng một bao đầy nhóc thịt. Ta đều biết vậy, ấy thế ta vẫn cảm thấy nhục nhã vì không thể đương đầu lại mấy tên võ sĩ nhà nghề đàn độn kia. Ta biết rằng đó chẳng phải là cuộc thi đấu về lòng dũng cảm, rằng tên đánh mướn này có lẽ là một thằng cực kỳ hèn nhất. Song biết thế cũng chẳng mảy may ích lợi gì. Ta mong lời xin lỗi, ta muốn biện giải cho ta, nhưng ta cảm thấy ta chẳng khác gì một côn trùng vì không muốn bị đánh đập đến tan xác. Ông hiểu tôi muốn nói gì chứ?

Tôi gật đầu:

— Ta biết điều ấy thật là nghịch lý. Nhưng nó vẫn khiến ta cảm thấy còn tệ hơn nữa.

— Lúc ấy, nếu y tấn công vào tôi, chắc chắn tôi tự vệ ngay. - Schwarz nói. - Tôi xin thề là như vậy đó.

Tôi đưa tay lên.

— Ông Schwarz, sao ông nói với tôi điều đó? Việc gì ông phải giải thích những điều đó với tôi?

Hắn mỉm cười yếu ớt.

— Tôi nghĩ chắc là không nên. Ấy đấy, tôi vẫn tìm cách tự biện giải cho mình. Đủ rõ nó tác động sâu xa đến mức nào. Giống như cái gai nằm trong thịt. Tôi tự hỏi không biết có khi nào ta có thể khắc phục được cái thói kiêu căng hợm hĩnh ấy của phái đàn ông mình không?

— Thế rồi chuyện xảy ra làm sao? - Tôi hỏi, - Ông đánh nhau hả?

— Không. Bấy giờ Helen cất tiếng cười.

“Anh làm ơn nhìn tên khùng kia kìa.” Nàng bảo tôi, “Y nghĩ nếu y đánh anh, em sẽ được dịp chứng kiến anh hèn yếu như thế nào; y nghĩ em sẽ hối hận và quay về miền đất nơi đó quả đấm là quyền lực tối cao.”

Nàng quay sang Georg:

“Anh đủ trơ tráo gọi chồng tôi là kẻ đốn mạt hèn nhát. Anh ấy đã tỏ ra dũng cảm hơn anh có thể nghĩ nhiều. Anh ấy đã trở về vì tôi. Anh ấy quay về Đức đón tôi đi đấy.”

“Sao? Cái gì?” Mắt Georg gần lọt ra khỏi hố mắt. “Về Đức?”

Helen lấy lại bình tĩnh:

“Thôi, anh hãy quên chuyện ấy đi. Có điều là tôi đã đến đây và quyết không về đâu.”

“Hắn quay về đón cô?” Georg hỏi, “Ai giúp hắn?”

“Chẳng ai cả.” Helen đáp, “Anh thích bắt giữ vài người lắm, phải không?”

Tôi chưa bao giờ thấy nàng như thế. Toàn thân run lên vì ghê tởm, căm thù, và rạo rỡ đắc thắng vì thoát khỏi móng vuốt của y. Tôi cũng cảm thấy như thế. Nhưng một ý nghĩ lóe lên với sức mạnh mù quáng, ý nghĩ trả thù. Ở đây Georg chẳng có quyền gì. Y không thể huýt còi gọi đám mật vụ đến. Y đơn độc. Tôi phẫn khích dữ dội. Tôi phải làm một điều gì đó, song chưa hình dung ra được. Tôi không đánh y được, vả chăng tôi không muốn như thế. Điều tôi muốn là tống cổ y ra khỏi nơi đây. Là xóa hẳn y khỏi mặt địa cầu không cần xét xử. Với hiện thân của tội ác, đâu cần phải xét xử lời thôi; suy nghĩ của tôi về Georg là như thế đấy. Đây không phải đơn thuần là ý chí phục thù mà hơn thế nữa: hủy diệt y là cứu được hàng tá nạn nhân vô danh. Tôi bước đến cửa. Tôi chưa biết rõ tôi làm gì. Đầu óc tôi quay cuồng và lấy làm lạ là tôi không ngã. Tôi cần được ở yên một mình. Tôi cần phải suy nghĩ. Helen chăm chú nhìn tôi, song chẳng nói gì. Georg nhìn tôi trừng trừng vẻ khinh bỉ rồi lại ngồi xuống.

“Thế cũng xong.” Y lầu bàu lúc tôi đóng cửa lại sau lưng.

Tôi bước xuống cầu thang. Mùi cá rán từ trong bếp tỏa ra thơm lừng. Ở đầu cầu thang kế có một cái hòm kiểu Ý. Đã bao nhiêu lần đi qua đấy nhưng tôi không lưu ý đến nó. Giờ tôi mới quan sát kỹ những hình chạm trổ trên hòm ấy như thể tôi đang có ý định mua nó. Rồi cứ thế tôi tiếp tục đi như kẻ mộng du. Xuống đến tầng thứ ba tôi thấy có cửa mở. Căn phòng sơn màu xanh nhạt, cửa sổ mở toang, cô hầu phòng đang lật tấm nệm. Có điều lạ là trong tâm trạng bồn chồn mắt ta chăm chú nhìn

mọi sự vật nhưng thật ra ta chẳng nhận thấy gì. Tôi gõ cửa phòng một người đàn ông tôi quen ở lầu hai. Tên anh ta là Fischer và có lần anh ta cho tôi xem khẩu súng sáu của anh ấy. Anh vẫn giữ nó vì nó giúp anh chịu đựng cuộc sống nhẹ nhàng hơn. Khả năng kết liễu cuộc đời một tên tội nạn khôn khổ như anh bất cứ lúc nào anh thích tạo cho anh cái ảo tưởng rằng anh còn được trọn quyền tự quyết.

Fischer đi vắng, song phòng anh không khóa. Anh chẳng có gì phải giấu giếm. Tôi bước vào phòng chờ anh. Tôi không có dự định rõ rệt, nhưng biết là cần phải mượn khẩu súng ấy. Giết Georg ngay tại phòng ngủ là điều vô lý, với tôi điều đó quá rõ ràng bởi sẽ nguy hiểm đến Helen và chính bản thân tôi cùng những người tội nạn khác cũng sống tại đó. Tôi ngồi vào ghế và cố giữ bình tĩnh. Nhưng không tài nào được. Tôi chỉ ngồi thừ ra đó, nhìn vào khoảng trống không.

Có tiếng chim bạch yến hót. Chim trong chiếc lồng đan treo giữa hai cửa sổ. Trước đó tôi không thấy nó nên giật thót mình như có ai va phải người tôi. Sau Helen bước vào.

“Anh làm gì ở đây?” Nàng hỏi.

“Chẳng làm gì cả. Georg đâu rồi?”

“Y đi rồi.”

Tôi không ý thức tôi ở trong phòng của Fischer bao lâu. Không lâu lắm, hình như vậy.

“Chừng nào y trở lại?” Tôi hỏi.

“Em không rõ. Y bướng bỉnh lắm. Sao anh bỏ đi? để bọn em nói chuyện riêng hả?”

“Không phải thế đâu.” Tôi đáp, “Có điều là anh không chịu đựng hẳn lâu hơn được nữa.”

Nàng đứng ở thềm cửa nhìn tôi.

“Anh thù ghét em không?”

“Ghét em?” Tôi hỏi nàng trong nỗi bàng hoàng sâu sắc, “Mà tại sao?”

“Ý nghĩ ấy đến với em sau khi Georg ra đi. Nếu anh không lấy em những chuyện này đâu xảy đến cho anh.”

“Chuyện ấy cũng có thể xảy ra chứ. Hay còn tệ hơn nữa. Có thể nhờ có em mà Georg đã tỏ ra dễ dãi nhẹ tay hơn đối với anh. Chúng không dắt anh vào bên trong hàng rào kẽm gai chạy điện, chúng không treo anh lên vào cái móc thịt... Anh thù ghét em? Sao em lại có thể hỏi anh câu kỳ lạ thế?”

Bỗng nhiên tôi thấy trời mùa hạ qua cửa sổ phòng Fischer. Căn phòng thụt ra phía sau: trong sân cỏ vườn cây hạt dẻ và nắng xuyên qua kẽ lá. Cơn kích động tan dần như dư vị chua chát lúc chiều tàn. Tôi trở về với cái tôi cố hữu. Tôi biết hôm nay là ngày thứ mấy trong tuần. Tôi biết ngoài kia là mùa hạ rằng tôi đang sống tại Paris, rằng là không bị giết như đàn thỏ.

“Anh nghĩ em thù ghét anh mới phải chứ.” Tôi nói, “Hay ít ra cũng là khinh miệt anh.”

“Khinh miệt anh?”

“Phải. Vì anh không ngăn được anh của em đến gần. Vì anh...”

Nói xong, tôi im lặng. Những phút giây vừa qua đã qua hẳn, xa hẳn mất rồi.

“Chúng mình làm gì ở đây?” Tôi hỏi, “Trong phòng này.”

Chúng tôi lên cầu thang.

“Những điều Georg nói đều đúng cả đấy em ạ.” Tôi nói, “Em nên biết như vậy. Nếu chiến tranh nổ ra, chúng ta thành ngoại kiều thù địch, em còn nặng tội hơn anh nữa đó.”

Helen mở toang cửa sổ, cửa lớn.

“Phòng nặc mùi giày bột lính và mùi khùng bố.” Nàng nói, “Hãy để mùa hạ tuôn vào. Ta cứ để cửa sổ mở rồi ra phố đi anh. Chưa đến giờ ăn trưa sao anh?”

“Đến rồi đấy. Và cũng tới lúc rời khỏi Paris.”

“Tại sao?”

“Georg sẽ tìm cách gây rắc rối cho anh qua tay cảnh sát.”

“Y không biết anh có giấy hộ chiếu giả.”

“Y sẽ nghĩ ra điều đó. Và y sẽ trở lại.”

“Có thể là như thế. Song em sẽ tống khứ hẳn. Nào ta đi, anh.”

Chúng tôi đến một tiệm ăn đằng sau tòa nhà Pháp đình và dùng bữa trên bàn ngoài hàng hiên. Thực đơn gồm có món chả

đặc biệt, thịt bò nhận mỡ nấu với cà rốt, hành tây, xà lách, và phó mát Camembert<sup>[\*]</sup>. Chúng tôi dùng rượu vang trắng Vouvray<sup>[\*]</sup> và kết thúc bữa ăn bằng cà phê. Tôi nhớ rõ từng chi tiết, nhớ đến cả vỏ bánh mì màu vàng rộm và những tách cà phê bị xây xát. Tôi mệt đừ nhưng đồng thời cảm thấy biết ơn, không phải với riêng một người nào mà chung chung. Tôi có cảm giác như vừa thoát ra khỏi một cái hào bần thủ tối tăm mà chẳng dám nhìn lại phía sau vì chúng tôi vô tình cũng đã là một thành phần trong đồng rác rưởi ấy. Nhưng bây giờ tôi thoát khỏi rồi, và đang ngồi vào bàn có khăn bàn kẻ ô vuông trắng đỏ, thân mình cảm thấy sạch sẽ và an toàn. Qua ly rượu ánh nắng long lanh màu vàng, đàn chim sẻ riu rít tranh ăn trên đồng phân ngựa, chú mèo của chủ tiệm ngồi điềm nhiên nhìn chúng rất là dửng dưng, một thoáng gió nhẹ thổi qua công viên im vắng, và cuộc sống đẹp như chỉ đẹp được trong mơ.

Lát sau, chúng tôi đi vào. Buổi chiều Paris óng ánh vàng như mật và dừng bước bên ngoài tủ kính của một cửa hiệu may mặc nhỏ. Chúng tôi thường nghỉ chân tại đó.

“Em cũng nên sắm cái áo mới, em ạ.” Tôi nói.

“Bây giờ à?” Helen hỏi lại, “Với chiến tranh sắp sửa bùng nổ? Thế không ngông sao anh?”

“Ngông thật đấy, em ạ,” Tôi đáp. “Chính vì vậy mà ta nên mua.”

Nàng hôn tôi.

“Được rồi, anh ạ.”

Tôi ngồi lặng yên trong chiếc ghế bành cạnh cửa thông ra phòng sau. Cô thợ may lần lượt mang ra hết áo này đến áo khác và không mấy chốc Helen mãi mê mặc thử chúng nên quên hẳn tôi đi. Tôi nghe tiếng mấy phụ nữ đi lui đi tới và thấy tà áo bay lất phất qua khung cửa và đôi lúc thoáng thấy cái lưng trần sạm nắng của Helen. Lòng tôi bỗng tràn ngập nỗi mệt mỏi nhẹ nhàng, một thứ chết không đau đớn mà chẳng nghĩ đến cái chết là gì. Tôi hơi xấu hổ về chính mình khi tôi ý thức tại sao tôi muốn Helen mua áo. Đó là cách phản kháng lại cái ngày hôm ấy, chống lại Georg, chống lại hoàn cảnh vô vọng của tôi, một cố gắng rất trẻ con để tự biện giải cho mình. Tôi choàng tỉnh



dậy khỏi tình trạng hôn mê ấy lúc Helen đứng trước mặt tôi, mặc chiếc váy rất rộng màu sáng rực rỡ và một chiếc áo chèn màu đen, ngắn, rất vừa vặn.

“Tuyệt quá, em ạ.” Tôi nói, “Mua ngay đi, em.”

“Nhưng mà đắt quá!” Helen nói.

Người chủ hiệu bảo đảm chúng tôi là kiểu lấy ở một cửa hiệu may mặc lớn, một cách nói dối thật dễ thương, song chúng tôi chẳng màng. Chúng tôi hớn hờ bước ra khỏi cửa hiệu, tay ôm mấy gói hàng. Mua một thứ mà ta không điều kiện để mua là một điều tốt. Tôi nghĩ thế. Tính phù phiếm của món hàng đánh tan cái bóng ám ảnh của Georg. Helen mặc bộ đồ ngay tối hôm ấy, và còn mặc lại lần nữa khi chúng tôi thức giấc nửa đêm nhìn qua cửa sổ xuống thành phố ngập ánh trăng, lòng luôn luôn khao khát không lấp đầy được, ngủ cũng phải bứt đi vì ý thức đầy đủ rằng chẳng còn bao nhiêu thời gian nữa.

## CHƯƠNG 11

**G**iờ còn lại gì đâu, - Schwarz nói, - Màu sắc đã bắt đầu phai nhạt, chuỗi thời gian đã mờ nhòa, cảnh quan đã mất đường nét. Chỉ còn lại hình ảnh vô vị dưới chùm ánh sáng đổi thay. Cũng không có được lấy một bức tranh hoàn chỉnh mạch lạc; đúng ra chỉ là những hình ảnh rời rạc hiện lên từ dòng ký ức âm u. Khung cửa sổ phòng khách sạn, một cái vai để trần, những câu thì thầm to nhỏ vút vờng trong không như bóng ma, dải ánh sáng thướt tha trên những mái nhà rêu xanh, mùi nước sông dâng lên về đêm, vàng trắng soi trên lớp đá xám nhà thờ Notre Dame, khuôn mặt nàng chan chứa yêu thương dâng hiến, lại một khuôn mặt khác nữa ở vùng Provence<sup>[\*]</sup> và rặng núi Pyrénées<sup>[\*]</sup>, rồi cuối cùng là khuôn mặt khô cứng trước kia tôi chưa từng thấy cố ùa ra tưởng như tất cả những thứ khác là một sai lầm.

Hắn ngẩng đầu lên. Trên khuôn mặt hắn vẫn đau khổ dần vật tuy hắn cố nặn ép nên một nụ cười.

— Tất cả những gì còn lại là ở đây. - Hắn vừa nói, vừa chỉ lên đầu, - Nhưng ngay trong đầu nó cũng không được an toàn hơn chiếc áo treo trong tủ đầy bọt nhậy. Đây là lý do vì sao tôi nói chuyện với ông về điều ấy. Ông có thể giữ nó an toàn, với ông chẳng có gì nguy hiểm. Ký ức của ông sẽ không xóa nhòa nó để cứu vớt ông như nó phải làm để cứu vớt tôi. Tôi không đủ sức giữ cho dĩ vãng được vững bền; cho đến bây giờ, cái khuôn mặt khô cứng kia cứ nhô lên khỏi những khuôn mặt khác như một ung thư, - Giọng hắn cao hơn lên, - Nhưng những khuôn mặt khác ấy lại là hiện thực, chúng là cuộc sống của chúng tôi, chứ không xa lạ, khủng khiếp, sau cùng...

— Ông vẫn tiếp tục ở lại Paris? - Tôi hỏi.

— Georg có trở lại một lần. - Schwarz cho biết, - Hắn tìm đủ mọi cách, bằng tình cảm, bằng hăm dọa. Khi hắn đến tôi đi vắng. Mãi đến lúc hắn rời khách sạn tôi mới gặp hắn. Hắn chặn tôi lại.

“Tên vô liêm sỉ kia!” Hấn nguyên rửa qua hơi thở, “Mày đang làm hại em ta. Nhưng cứ chờ đấy, rồi xem. Ta sẽ theo kịp mày mà. Trong hai tuần nữa thôi ta sẽ tóm được cả hai. Và đến lúc đó, anh bạn ơi, đích thân ta sẽ chăm nom đến mày. Mày sẽ quỳ gối xuống trước mặt ta và cầu khẩn ta kết liễu đời mày cho xong, nếu mày còn nói được.”

“Tôi tưởng tượng ra điều đó cũng dễ dàng thôi.” Tôi nói.

“Mày không tưởng tượng được gì đâu. Nếu được, mày đã đi ở nơi khác rồi. Nay, ta cho mày thêm một dịp may nữa. Trong ba ngày nữa nếu em gái ta có mặt trở lại tại Osnabruck, thì ta vui lòng quên đi một phần khoản nợ này. Ba ngày, nhớ đấy. Ta nói thế là rõ ràng chưa?”

“Trước đây anh chẳng bao giờ té nhị thế này.”

“A, thế đấy. Thế thì chớ quên, em ta phải trở về đấy. Bản thân mày cũng biết điều đó, đồ lợn. Cô ấy ốm. Đừng giả vờ là không biết. Chớ lấy vải thưa mà che mắt thánh.”

Tôi nhìn hấn. Tôi không biết là hấn bịa đặt ra câu chuyện, hay hấn nói thật, hay hấn chỉ lặp lại những gì Helen đã nói với hấn lúc trước kia khi nàng ngỡ ý muốn đi Thụy Sĩ.

“Không.” Tôi đáp, “Tôi chẳng biết chuyện gì như thế cả.”

“Không hả? Thế cũng tiện thôi. Đồ láo toét. Cô ấy cần một bác sĩ. Và gấp. Cứ viết thư hỏi Martens mà xem. Hấn biết đấy.”

Có hai người đàn ông, hình dáng tối sẫm nổi bật giữa ánh sáng ban ngày bước qua cánh cửa mở ở hành lang.

“Trong ba ngày.” Georg nhắc lại, “Nếu không mày sẽ phải trút cái linh hồn khốn kiếp của mày từng chút một đấy. Nay mai ta trở lại. Mà trong bộ quân phục đấy.”

Hai người đàn ông đã đi vào hành lang. Hấn len giữa họ rồi đi khuất. Hai người đàn ông vòng quanh tôi rồi bước lên cầu thang. Tôi bước theo họ. Helen đang đứng ở cửa sổ phòng nàng.

“Anh có gặp hấn không?” Nàng hỏi.

“Có. Y bảo em phải về vì em ốm.”

Nàng lắc đầu.

“Còn điều gì mà không nghĩ ra được nữa nhỉ?”

“Mà em có ồm không?”

“Vô lý.” Nàng đáp, “Em chỉ bịa ra thế để lấy giấy hộ chiếu thôi.”

“Hắn bảo Martens cũng biết chuyện đó.”

Helen cười lớn.

“Tất nhiên anh ấy biết chứ. Anh không nhớ sao? Anh ấy có viết thư cho em lúc mình ở Ascona ấy mà. Em thu xếp toàn bộ câu chuyện với anh ấy.”

“Thế nghĩa là em không ồm, phải thế không, Helen?”

“Em có vẻ ồm sao?”

“Không, nhưng điều ấy chẳng chứng minh được gì cả. Em thực tình không ồm đấy chứ?”

“Không.” Nàng cau ginh đáp, “Georg còn nói gì nữa không?”

“Thì cũng những câu hăm dọa thường lệ thôi. Nhưng mà hắn muốn gì hở em?”

“Thì cũng bấy nhiêu chuyện thôi. Em không tin anh ấy trở lại.”

“Trước hết hắn đến đây nhằm mục đích gì?”

Helen cười một cách khó hiểu.

“Georg cứ coi em như là của anh ấy. Anh ấy muốn em phải làm mọi thứ anh ấy bảo. Georg luôn luôn vẫn thế. Ngay cả từ khi bọn em còn bé. Anh em trai thường như thế cả. Georg cứ cho mình hành động như vậy là vì lợi ích gia đình. Em căm ghét anh ấy.”

“Vì thế à?”

“Em căm ghét Georg. Thế đủ rồi. Em cũng đã bảo anh ấy như thế. Nhưng sắp sửa có chiến tranh. Anh ấy tin chắc lắm.”

Chúng tôi lại im lặng. Tiếng xe cộ trên bến Grands Augustins dường như mỗi lúc náo nhiệt hơn. Đằng sau tòa Pháp đình, nóc chuông hình xoắn ốc, trên nhà thờ Sainte Chapelle vươn lên trên bầu trời trong xanh. Tiếng rao của trẻ em bán báo nổi hẳn lên khỏi lòng âm thanh hỗn độn của xe cộ như tiếng chim hải âu lạnh lạnh trên nền tiếng rì rầm của đại dương.

“Anh không đủ sức bảo vệ em.” Tôi nói.

“Vâng, em biết.”

“Em sẽ bị giam giữ.”

“Còn anh thì sao?”

Tôi nhún vai:

“Có lẽ họ cũng sẽ nhốt anh. Chúng ta sẽ bị ngăn cách.”

Nàng gật đầu.

“Nhà giam của Pháp không phải là những nơi nghỉ mát đâu.”

“Thế nhà tù của Đức?”

“Ở Đức em sẽ không bị giam giữ.”

“Em cứ ở đây.” Helen sốt ruột nói, “Anh đã làm xong nghĩa vụ của anh. Anh đã báo trước cho em biết. Giờ thì anh hãy quên chuyện đó đi. Em ở lại. Chẳng có gì liên can đến anh đâu. Em không muốn về. Thế thôi.”

Tôi nhìn nàng.

“Mặc kệ sự an toàn bản thân!” Nàng kêu lớn, “Cảnh giác đề phòng mãi em phát ngáy rồi. Từ lâu ăn mãi thứ ấy ngán quá rồi.”

Tôi vòng tay quanh vai nàng.

“Nói thì dễ đấy, Helen ạ.”

Nàng đẩy tôi ra xa.

“Thế thì hãy để cho em yên!” Nàng hét lên, “Đi đi, anh chẳng có trách nhiệm gì đâu. Để em yên. Cứ để em. Em có thể xoay trở một mình được.”

Nàng nhìn tôi như thể tôi là Georg vậy.

“Thôi đi! Làm gì mà cứ như là gà mẹ trông con thế? Anh chẳng hiểu gì hết. Thôi, đừng làm em chết ngạt với những lo âu và sự sợ trách nhiệm của anh nữa. Em ra đi đâu phải vì anh. Anh phải hiểu ra điều đó chứ. Đâu phải vì anh. Em ra đi vì lợi ích của riêng em mà.”

“Anh biết mà.”

Nàng bước lại gần tôi.

“Anh phải tin em mới được.” Nàng dịu dàng nói, “Dẫu sự thể bên ngoài như thế nào đi nữa, em cũng phải ra đi. Việc anh trở về chỉ là một ngẫu nhiên. Anh cần hiểu giùm cho em. An toàn bản thân không phải là lý do duy nhất.”

“Đúng thế thật.” Tôi nói. “Nhưng em muốn an toàn bản thân cho người khác khi em yêu thương họ.”

“Chẳng có an toàn bản thân nào cả. Anh đừng trái ý em. Em biết! Em biết rõ hơn anh nhiều. Em đã suy nghĩ về vấn đề này rất kỹ. Anh không biết được em suy nghĩ nhiều đến thế nào đâu. Thôi, ta chớ nên tranh cãi về chuyện đó nữa anh yêu. Buổi tối đang chờ đợi chúng mình đây. Tại Paris này sẽ không còn nhiều buổi tối dành cho chúng mình nữa đâu.”

“Nếu em không chịu về Đức, thì về Thụy Sĩ được không?”

“Georg cho biết bọn Quốc xã sắp sửa tràn qua Thụy Sĩ y hệt kiểu vua Đức đã ừa qua nước Bỉ thời đệ nhất thế chiến vậy.”

“Đâu phải chuyện gì Georg cũng biết.”

“Hiện giờ thì ta hãy cứ ở đây. Có thể toàn bộ câu chuyện chỉ là một sự dối trá. Làm sao mà biết chính xác cái gì sắp xảy ra? Cũng như cuộc chiến tranh trước đây ấy thôi. Tại sao lại không thể có một thỏa ước Munich thứ hai?”

Tôi không rõ nàng có thực bụng tin điều nàng nói không, hay là nàng chỉ tìm cách trấn an tôi. Tin vào những điều trùng hợp với điều ta đang mong ước thì thật là dễ. Mà tối hôm ấy tôi tin như thế đấy. Làm sao nước Pháp có thể tham chiến? Chẳng chuẩn bị gì cả. Chắc là phải đầu hàng thôi. Tại sao họ lại tham chiến vì người Ba Lan? Trong vụ Tiệp Khắc bị xâm lăng, nào họ có chịu nhúc nhích lấy ngón tay.

Mười ngày sau đó, biên giới đóng cửa. Chiến tranh đã mở màn.

— Ông có bị bắt giữ ngay không, ông Schwarz? - Tôi hỏi.

— Chúng tôi được thêm một tuần nữa. Người ta cấm chúng tôi rời khỏi thành phố. Kể cũng buồn cười. Trong năm năm suốt họ cứ tìm cách tống khứ tôi ra, thế rồi thành linh họ lại không chịu để tôi đi. Lúc bấy giờ ông ở đâu?

— Ở Paris. - Tôi đáp.

— Ông cũng bị nhốt tại trường đua ngựa chứ?

— Tất nhiên.

— Thế mà tôi không nhớ ra ông.

— Có cả hàng trăm người tị nạn ở trường đua ngựa, ông Schwarz ạ.

— Ông còn nhớ mấy ngày sau cùng trước khi chiến tranh được tuyên bố, lúc Paris có lệnh tắt đèn?

— Vâng, dĩ nhiên còn nhớ. Lúc bấy giờ cả thế giới như rơi vào cõi tối tăm.

— Những ngọn đèn xanh nhỏ ở ngã tư đường. - Schwarz nói, - Chúng làm tôi nhớ lại những ngọn đèn trong bệnh viện. Trong cái bóng tối xanh lờ mờ và lạnh lẽo ấy, tưởng như cả thế giới bị ốm. Từng đợt sóng run rẩy chạy khắp châu thân. Tôi nghĩ chúng tôi nên có một ít tiền mặt, nên đem bán một trong số những bức tranh ông Schwarz trước kia để lại. Gặp phải lúc khó khăn. Tay mua bán tranh mà tôi đến gặp đề xuất một giá rẻ mạt. Tôi không thuận và mang bức tranh về nhà. Sau cùng tôi bán cho một dân tị nạn giàu có trước đây có liên hệ gần xa với ngành điện ảnh tại Đức. Anh ta mất tin tưởng vào tiền giấy nên mua bất cứ thứ gì lọt đến tay. Tôi gửi lại bức tranh cuối cùng cho chủ khách sạn giữ hộ cho chắc. Sau đó cảnh sát đến kiểm tôi. Hôm ấy là vào buổi chiều. Họ có hai người. Họ bảo tôi nói đôi lời từ giã với Helen. Nàng đứng đó, mặt xanh như tàu lá, đôi mắt rực lửa.

“Có thể như thế này được sao?” Nàng nói.

“Phải, em ạ.” Tôi nói, “Chuyện này rất có thể, em ạ. Sau này họ cũng sẽ đến kiểm em thôi. Tốt hơn ta không nên quăng thẻ hộ chiếu của ta đi. Em cũng thế, giữ cái của em lại.”

“Đúng vậy.” Một trong hai viên cảnh sát nói bằng tiếng Đức rất chuẩn, “Tốt hơn nên giữ nó theo người.”

“Cảm ơn.” Tôi đáp, “Các ông có thể để chúng tôi một mình cho chúng tôi từ giã nhau không?”

Viên cảnh sát nhìn ra phía cửa.

“Nếu tôi có ý chạy trốn, tôi đã làm thế cách đây nhiều ngày rồi.” Tôi nói.

Y gật đầu đồng ý. Tôi cùng Helen đi về phòng nàng.

“Khi nó thực sự xảy đến,” Tôi nói, “Nó không như lúc ta chỉ đề cập đến nó thôi.”

Nói xong tôi ôm nàng trong vòng tay. Nàng gỡ tay tôi ra.

“Em liên lạc với anh bằng cách nào đây?”

Như thường lệ, chúng tôi có một cuộc bàn thảo vào giây phút cuối. Chúng tôi có hai địa chỉ, địa chỉ của khách sạn và của một người bạn. Người cảnh sát gõ cửa. Tôi ra mở.

“Nhớ mang theo cái mền.” Y dặn dò, “Chỉ là vài ngày thôi, nhưng dầu sao cũng nên mang theo mền và cái gì để ăn.”

“Tôi không có mền.”

“Em sẽ mang cho anh một cái.” Helen nói.

Nàng nhanh tay thu gói tất cả những gì ăn được mà chúng tôi có sẵn.

“Có thật là chỉ một hai ngày thôi không, các ông?” Nàng hỏi.

“Chậm nhất là thế.” Viên cảnh sát đáp, “Chỉ kiểm tra lại căn cước và các thứ ấy. Chiến tranh mà, thưa bà.”

“Chúng tôi cũng đã thường nghe nói như thế ạ.”

Schwarz lấy điều thuốc trong túi ra châm lửa:

— Ông cũng biết như thế nào rồi. Cảnh chờ đợi ở đồn cảnh sát, những đợt tị nạn khác ào đổ đến, bị vây quanh cứ như họ là những tên quốc xã nguy hiểm, chuyển đi trên xe chở thóc đến Sở cảnh sát, buổi chờ đợi vô cùng tận ở đây. Ông có đến Phòng Lépine rồi chứ?

Tôi gật đầu. Phòng Lépine là một phòng rộng rãi trong sở cảnh sát, kiểu rạp chiếu phim, nơi thường chiếu những phim huấn luyện cho cảnh sát. Có máy chiếu và vài trăm ghế.

— Tôi sống ở đó hai ngày. - Tôi trả lời. - Ban đêm họ đưa chúng tôi xuống hầm chứa than củi trên ghế dài. Qua sáng hôm sau thức dậy trông chúng tôi chẳng khác gì người cạo ống khói.

— Chúng tôi đã phải ngồi trên ghế ấy không biết bao nhiêu ngày. - Schwarz kể lại. - Người ngọm chúng tôi dơ dáy bẩn thỉu. Chẳng bao lâu chúng tôi trông hết những tên tội phạm mà chính họ cũng nghĩ thế. Georg đã trả thù tôi được rồi, dù lúc đầu y biết được địa chỉ của chúng tôi. Có kẻ tra cứu hồ sơ giùm hắn. Hắn chẳng giấu diếm gì về việc hắn có chân trong đảng. Việc này đã hai năm rồi. Người ta nghi tôi là gián điệp. Ngày ngày tôi bị thẩm vấn bốn lần về quan hệ với Georg và về đảng Quốc xã. Mới đầu tôi còn cười: chuyện quá vô lý. Nhưng sao đó tôi thấy rằng những cái vô lý có thể trở nên rất nguy hiểm. Điển hình là



đảng Quốc xã tại Đức, và giờ đây, dưới tác động mạnh mẽ của bộ máy quan liêu và chiến tranh, ngay cả nước Pháp vốn là quê hương của lý trí, dường như cũng phát điên luôn. Vô tình, Georg để lại sau hắn một quả bom nổ chậm. Thời chiến mà bị xem là gián điệp quả thật không phải là chuyện đùa.

Ngày ngày người ta liên tiếp đưa vào những đợt người bị bắt, nét mặt kinh hoàng. Chẳng có ai bị giết ngoài mặt trận. Đây đúng là một cuộc chiến tranh kỳ quái, nói theo lời những người biết chuyện, nhưng một bầu không khí chiến tranh bao trùm lên đất nước như nạn dịch. Mạng sống và phúc lợi cá nhân chẳng nghĩa lý gì. Người ta không còn là con người nữa, họ được phân loại theo các tiêu chuẩn quân sự, thành binh sĩ tập hợp với nghĩa vụ quân sự, mạng sống thích hợp cho nghĩa vụ quân sự, và kẻ thù.

Bước qua ngày thứ ba trong Phòng Lépine, tôi kiệt sức hẳn. Một số trong bọn chúng tôi được đưa đi nơi khác. Số còn lại chụm đầu nhau lại nói chuyện thì thầm, hoặc ngủ, hoặc ăn. Cuộc sống bị giảm xuống mức những nhu cầu tối thiểu. Tuy nhiên, chúng tôi không đến nỗi quá chán nản. So với trại tập trung của Đức, thì đây chẳng thấm tháp gì. Tệ lắm thì bạn có thể bị đá vào mông hoặc bị xô đẩy đôi chút nếu bạn chấp hành mệnh lệnh chậm. Nhưng quyền lực là quyền lực, cảnh sát là cảnh sát, khắp nơi trên thế giới đều như thế cả.

Sau những lần điều tra thẩm vấn người tôi quá mệt mỏi. Trên cái bục đặt dưới màn ảnh, toàn lính canh chúng tôi ngồi thành hàng, chân duỗi thẳng. Căn phòng sáng lờ mờ, tấm màn vải trần trụi cái bản, và chúng tôi ở bên dưới, một hình ảnh buồn thảm như là biểu tượng cho bản thân cuộc sống vậy. Bạn luôn luôn là tên tù hoặc tên gác tù, chỉ được tự do quyết định muốn xem loại phim nào, phim giáo dục, phim hài hước hay phim bi kịch. Cuối cùng chẳng có gì cả, chỉ có cái màn trống trơn, một con tim đói khát, và những tên đại biểu ngu xuẩn của quyền lực cứ làm như thể chúng là bất tử và lúc nào cũng có lý, tuy những màn ảnh bao năm nay vẫn trống trơn. Luôn luôn sẽ như vậy, tôi nghĩ thế, và chẳng có gì thay đổi. Đến một ngày nào đó tôi sẽ tan biến đi và chẳng ai khôn ngoan từng trải hơn ai. Ông đã

sống qua những giờ khắc ấy rồi, ‘lúc niềm hy vọng lịm chết’, ông cũng qua câu ấy rồi.

Tôi gật đầu. Giờ khắc của sự tự sát lặng lẽ. Sức đề kháng của ta đã cạn. Ta bước một bước cuối cùng không suy nghĩ đắn đo, gần như là ngẫu nhiên vậy.

— Cửa mở. - Schwarz kể tiếp, - Và cùng với luồng ánh điện vàng từ hành lang, Helen bước vào. Tay nàng xách cái giỏ và cặp mền, chiếc áo da beo vắt trên cánh tay. Tôi nhận ra nàng qua dáng đi và cách nàng ngẩng cao đầu. Nàng đứng lặng yên trong một lúc. Rồi nàng đi qua mấy hàng tủ, đảo mắt kiểm. Nàng đi sát bên tôi mà không hay. Gần giống như dạo ở nhà thờ Osnabruck.

“Helen.” Tôi cất tiếng gọi.

Nàng đảo quanh. Tôi đứng dậy. Nàng nhìn tôi.

“Họ đã làm gì anh thế này?” Nàng giận dữ hỏi.

“Chẳng có gì đâu. Bọn anh ngủ trong hầm than, nên nước da không được tốt, thế thôi. Em đến đây bằng cách nào?”

“Em bị bắt.” Nàng nói giọng có chút tự hào, “Y như anh và sớm hơn mấy phụ nữ khác nhiều. Em đang mong gặp anh ở đây.”

“Tại sao họ bắt em?”

“Thế tại sao họ bắt anh?”

“Vì họ nghĩ anh là gián điệp.”

“Em cũng thế. Vì giấy hộ chiếu của em hợp lệ.”

“Làm sao em biết?”

“Em vừa bị thẩm vấn và họ cho biết như vậy. Em thuộc loại tội nạn không đáng tin cậy. Họ chưa bắt đến phụ nữ. Một người đàn ông nhỏ con, tóc bôi mỡ bảo em thế. Có phải y là người đã hỏi cung anh không? Y hôi mùi ốc.”

“Anh chẳng rõ. Cái gì ở đây cũng hôi mùi ốc. Cảm ơn chúa, em có đem chặn vào.”

“Mang được thứ gì là em mang.”

Helen mở giỏ ra. Hai chai va vào nhau.

“Cognac,” Nàng nói. “Không có rượu vang. Còn thức ăn thế nào?”

“Gần như em đã nghĩ. Họ cho ta gửi ra ngoài mua sandwich.”

Helen khom người xuống xem xét tôi rất kỹ.

“Anh giống nô lệ trên chiếc tàu chở nô lệ châu Phi thuở nào. Anh không được tắm rửa sao?”

“Cho đến bây giờ thì chưa. Nhưng không phải vì họ bủn xỉn đâu. Chỉ vì lộn xộn chưa tổ chức được đó thôi.”

Nàng lấy chai cognac ra.

“Nắp chai đã mở rồi.” Nàng bảo, “Người quản lý khách sạn làm giúp em. Ông ấy thật tử tế. Ông ấy bảo ở đây em không kiếm được đồ mở chai đâu. Nào, anh uống chút đi.”

Tôi uống một ngụm rõ lớn rồi chuyển cái chai lại cho nàng.

“Em cũng phải uống một ly chứ.” Nàng nói. “Đây cũng là cách em tỏ lòng kính trọng đối với nền văn minh. Ta hãy giữ vững truyền thống ấy chừng nào còn có thể được.”

Nàng rót đầy ly và uống cạn.

“Em thơm mùi nắng hạ và tự do.” Tôi nói. “Bên ngoài ra sao hở em?”

“Như thời bình thôi. Các quán nước đông nghẹt khách. Trời vẫn xanh.”

Nàng nhìn lên dãy cảnh sát ngồi trên bục rồi cười nói:

“Nó làm em nghĩ đến gian hàng chơi trò bắn súng. Nếu ta bắn vào hình nộm trên kia, và nếu con nộm đổ nghiêng, ta lãnh được chai rượu hoặc cái gạt tàn thuốc.”

“Ở đây hình nộm lại có súng.”

Helen móc trong giỏ ra khoanh pa tê.

“Quà biếu của ông chủ đấy.” Nàng nói. “Ông ấy có nhắn thêm: ‘Xin có lời chào hỏi nồng nhiệt nhất’ và ‘Mẹ bố nó chiến tranh’. Em có mang nĩa và dao đây. Và cho em nói lại: Nền văn minh muôn năm.”

Bỗng nhiên tôi cảm thấy vui vui. Helen còn đây, chẳng có gì mất mát cả. Vẫn chưa có đánh nhau, và biết đâu đúng là chúng tôi sẽ được phóng thích sớm.

Qua chiều hôm sau nghe có tin chúng tôi sắp sửa bị cách ly. Tôi sẽ được đưa đến trại chuyển tiếp ở Colombes còn Helen đến nhà giam La Petite Roquette. Dẫu họ có tin chúng tôi là vợ

chồng, điều ấy cũng không giúp gì được. Những cặp vợ chồng khác cũng phải bị cách ly.

Chúng tôi ngồi suốt đêm dưới hầm than với sự cho phép của người lính già tốt bụng. Có người mang xuống ít đèn cầy. Một số trong chúng tôi đã được di chuyển tới nơi khác; còn lại độ trăm người. Kể cũng nực cười cho cái cảnh của những người chống phát xít một cách kỹ lưỡng đến như thế. Nó khiến ta nghĩ đến nước Đức.

“Tại sao họ muốn cách ly chúng ta?” Helen hỏi.

“Anh không biết. Không phải vì họ tàn bạo, mà chỉ vì ngu xuẩn đấy thôi.”

“Nếu họ nhốt đàn ông, đàn bà chung trong một trại,” Một lão người Tây Ban Nha nhỏ người lên tiếng giải thích, “Thì chỉ có ghen tuông đánh đấm thôi. Đấy, vì sao các bạn phải bị cách ly. Chiến tranh mà!”

Helen ngủ cạnh tôi, người cuộn trong chiếc áo da beo. Có ít chiếc ghế dài bọc nệm để riêng dành cho phụ nữ lớn tuổi. Có bà nhường chiếc ghế của mình cho Helen ngủ từ ba tới năm giờ, song nàng từ chối.

“Sau này tôi sẽ có đủ thì giờ ngủ một mình bằng thích.” Nàng nói.

Đêm ấy là một đêm kỳ dị. Tiếng nói chuyện dần dần tắt lịm. Bà lão thôi khóc thút thít. Tỉnh thoảng một bà thức giấc sụt sùi khóc rồi lại trôi vào giấc ngủ như được bao phủ trong lớp len đen. Đèn cầy tắt từng cây một. Helen tựa vai tôi ngủ. Trong giấc ngủ nàng quỳen tròn tôi trong vòng tay; đến lúc thức giấc nàng lại thì thầm với tôi. Có lúc giọng nàng thỏ thẻ như đứa bé, có lúc như người phụ nữ đang yêu bằng những lời ta không thường nói vào ban ngày, hay kể cả ban đêm trong những trường hợp bình thường, những ngôn từ thống khổ chia ly, những ngôn từ của thân xác nổi lên chống đối cảnh phân ly, những ngôn từ của da thịt máu mủ, những ngôn từ oán trách, lời oán xưa nhất trên đời: tại sao ta không được sống bên nhau, tại sao lúc nào ta cũng phải đi trước, tại sao cái chết cứ mãi mãi nắm tay kéo lôi ta, khiến ta phải bước tới, dẫu người ta mệt nhoài, dẫu trong một giờ khắc ngắn ngủi ta cố giữ chặt cái ảo ảnh về chốn vĩnh

cửu? lát sau đầu nàng tụt từ vai tôi xuống đầu gối. Tôi giữ lấy đầu nàng trong tay và thấy nhịp thở nàng qua ánh nến sau cùng. Có tiếng đàn ông thức dậy mò mẫm giữa mấy đống than tìm nơi đi giải. Ánh đèn yếu ớt lung linh, những chiếc bóng khổng lồ nhảy múa quanh hầm. Rồi ánh đèn sau cùng cũng phụt tắt, chỉ còn lại bóng đêm mịt mờ mê sáng. Có một lần nàng giật mình thét một tiếng chát chúa.

“Anh đây mà, em.” Tôi bảo thầm. “Đừng sợ. Mọi sự đều tốt đẹp mà.”

Nàng nằm xuống lại và hôn tay tôi.

“Vâng, anh đây rồi.” Nàng nói khẽ. “Cứ ở với em mãi, nghe anh.”

“Thì anh lúc nào cũng ở với em kia mà,” Tôi thì thầm, “Cho dẫu chúng mình có bị chia cách trong chốc lát. Anh luôn luôn sẽ tìm ra em.”

“Anh sẽ tìm ra em?” Nàng hỏi nhỏ, rồi lại ngủ thiếp đi.

“Anh luôn luôn sẽ tìm ra em. Luôn luôn! Dẫu em ở mãi tận đâu. Y như dạo vừa rồi anh đã tìm gặp em đó.”

“Tốt rồi, anh ạ.” Nàng thở dài nói rồi úp mặt vào lòng bàn tay tôi.

Tôi không ngủ. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy môi nàng lướt nhẹ trên mấy ngón tay tôi, và có một lần tôi nghe nước mắt nàng nhỏ giọt lên đó, song tôi vẫn lặng thinh. Tôi rất yêu nàng, và dường như tôi chưa bao giờ, kể cả lúc chiếm nàng, chưa bao giờ yêu nàng hơn vào cái đêm nhóp nhóp này đầy tiếng ngáy lẫn tiếng nước tiểu rớt xuống đống than nghe thành tiếng huýt lạ lùng. Tôi ngồi thật yên tĩnh, tâm hồn tan loãng trong yêu thương. Rồi buổi sáng đến, một màu xám sớm sủa nhạt nhòa xóa lấp mọi màu sắc khác và để lộ ra thân xác gầy guộc dưới làn da. Thành linh tôi tưởng như Helen đang hấp hối và tôi phải đánh thức nàng dậy để giữ cho nàng sống. Nàng tỉnh giấc, hé mắt nhìn tôi.

“Anh nghĩ ta có thể kiếm chút cà phê và vài bánh mì sừng trâu không?” Nàng hỏi.

Tôi tràn ngập hạnh phúc.

“Để anh thử tìm cách mua lại của người lính gác xem sao.”  
Tôi nói.

Helen mở to đôi mắt khi nhìn tôi.

“Chuyện gì thế?” Nàng hỏi. “Trông anh như vừa trúng số độc đắc vậy. Ta sắp được phóng thích sao?”

“Không đâu. Anh tự phóng thích anh đó.”

Nàng vùi đầu vào tay tôi, dáng còn ngái ngủ.

“Anh không tự tạo cho mình chút yên nghỉ được sao?”

“Được chứ.” Tôi nói. “Mà thật ra, anh phải thế mới được. Trong khoảng thời gian khá lâu, anh e rằng phải như vậy. Anh sẽ ít được dịp tự quyết định lấy một mình. Nếu em nhìn vào sự thế bằng cách đó thì rất dở cho anh.”

“Cái gì cũng là nguồn an ủi cả, anh ạ.” Helen vừa ngáp vừa nói. “Chừng nào ta còn sống, cái gì cũng an ủi được ta. Anh chẳng biết thế sao? Anh có nghĩ họ sẽ đem ta ra bắn vì tội gián điệp không?”

“Không, họ sẽ nhốt ta lại thôi.”

“Vậy là những dân tị nạn không bị xem là gián điệp họ sẽ chỉ nhốt thôi sao?”

“Đúng thế đấy. Họ bắt giữ bất luận ai rơi vào tay họ. Họ đã bắt giữ đàn ông rồi đó.”

Helen choàng người dậy.

“Thế thì có khác gì?”

“Có lẽ những người khác sẽ được ra sớm hơn.”

“Biết sao nói trước được. Có lẽ chúng mình sẽ được đối xử tốt hơn chính vì họ xem mình là gián điệp.”

“Vô lý, Helen ạ.”

Nàng lắc đầu.

“Không vô lý đâu anh. Kinh nghiệm đấy. Anh không biết rằng ở vào thế kỷ này sự vô tội là tội ác nặng nhất và những kẻ nào vô tội luôn luôn bị trừng trị nghiêm khắc nhất? Tưởng anh đã biết ra điều đó sau khi bị bắt ở hai nước khác nhau rồi chứ? Ồ, anh cùng với những giấc mơ công lý của anh! Còn chút cô nhắc nào không anh?”

“Có cognac và cả pa tê nữa.”

“Cho em xin cả hai thứ đi.” Helen nói. “Bữa điếm tâm thế này thì cũng lạ thật đấy, song em chỉ ngại trước mắt ta sẽ chỉ toàn là phiêu lưu và phiêu lưu.”

“Nhìn vào sự việc như thế là tốt đấy.” Tôi nói, rồi đưa rượu cognac cho nàng.

“Đó là cách độc nhất. Anh thích chết vì cay đắng xót xa sao? Một khi anh gạt bỏ ý niệm công lý ra ngoài thì xem tất cả công chuyện này là một cuộc phiêu lưu đâu phải khó lắm? Anh không đồng ý sao?”

Hương vị ngọt ngào của rượu cognac lâu năm và khúc pa tê ngon lành phảng phất quanh nàng như hơi thoảng của hạnh phúc. Nàng vừa ăn vừa thưởng thức.

“Anh không nghĩ đối với em lại đơn giản như vậy.” Tôi nói.

“Anh đừng lo cho em.” Nàng nói và lấy ít bánh mì trắng trong giỏ ra. “Em sẽ qua được mà. Đối với bọn đàn bà chúng em công lý không có ý nghĩa gì nhiều như đối với anh đâu.”

“Thế đàn bà quan tâm đến cái gì?”

“Đến cái này.” Nàng chỉ vào chỗ bánh mì, chai rượu và khúc pa tê. “Ăn đi, anh yêu quý. Rồi thì cũng quen thôi. Trong mười năm nữa, chuyện này sẽ thành cuộc phiêu lưu lớn, chúng mình sẽ kể lại cho bạn bè nghe đến chán ngấy thì thôi. Ăn đi, hỡi anh chàng với cái tên giả. Những gì ta ăn bây giờ mai một đây ta sẽ khỏi phải mang theo.”

— Tôi sẽ không kể ông nghe những chi tiết rườm rà. - Schwarz nói. - Ông biết nó như thế nào với bọn tị nạn rồi. Tôi chỉ sống qua vài ngày trong sân vận động tại Colombes. Helen được đưa đến nhà giam La Petite Roquette. Vào ngày cuối cùng, ông quản lý khách sạn xuất hiện trong sân vận động. Tôi chỉ trông thấy ông ta ở đằng xa; chúng tôi không được phép nói chuyện với người đến thăm. Ông ta để lại một ổ bánh ngọt nhỏ và một chai cô nhắc thật lớn. Trong mẫu bánh tôi tìm thấy mảnh giấy viết: “Bà nhà vẫn khỏe và vui. Đang chờ được chuyển đến trại phụ nữ đang dựng trong vùng núi Pyrénées. Hãy viết thư qua địa chỉ khách sạn. Không có gì nguy hiểm đến bà cả. Bà nhà cừ lắm.” Gấp nhỏ bên trong nữa là mẫu giấy nhỏ với nét

chữ của Helen: “Anh đừng lo. Nguy hiểm qua rồi. Vẫn chỉ là một cuộc phiêu lưu. Mong gặp anh sớm... Yêu.”

Nàng đã phá vỡ được vòng vây kiểm soát, kiểm soát rất là luộm thuộm, song tôi vẫn không hiểu bằng cách nào. Sau này nàng có kể lại tôi nghe. Nàng tỉ tê thổ lộ với họ rằng còn một ít giấy tờ quan trọng để lại trong phòng khách sạn, thế là họ đưa nàng trở lại khách sạn, có cảnh sát đi kèm. Nàng lừa dịp nhét vội vào tay ông chủ khách sạn mẫu giấy và bảo nhỏ cách giao lại. Viên cảnh sát thấy cặp vợ chồng bị chia cách, động lòng, nên nhắm mắt làm ngơ. Lúc quay về nhà giam, nàng chẳng mang giấy tờ gì cả, thay vào đó là nước hoa, cognac, và một giỏ đầy thức ăn. Nàng rất thích ăn uống. Tôi không bao giờ hiểu nổi bằng cách nào mà nàng giữ thân hình được mảnh mai như thế. Vào thuở chúng tôi còn được tự do, mỗi lần thức giấc mà thấy chỗ nàng nằm trống là tôi chỉ cần đến chỗ cất giữ thực phẩm của chúng tôi là gặp nàng ngay. Nàng ngồi đấy, với nụ cười hạnh phúc dưới ánh trăng, đang gặm mẫu xương đùi hoặc ngấu nghiến phần tráng miệng nàng để dành lại qua bữa ăn tối. Và uống rượu vang ngay miệng chai. Nàng giống con mèo về đêm thường thấy đấy. Nàng kể lại rằng ông chủ khách sạn đang nường khúc pa tê lúc nàng bị bắt; nàng xin viên cảnh sát chờ cho đến khi nường xong. Đó là loại pa tê mà nàng thích nhất và nàng đã cố đem theo. Nàng từ chối thẳng thừng không chịu đi nếu không mang nó theo được. Viên cảnh sát có cầu nhàu đôi chút nhưng rồi cũng chịu thua. Họ không thích cảnh kéo lê lét thiên hạ đến xe chờ thóc. Helen còn nhớ cả đến việc lấy theo một hộp khăn ăn bằng giấy nữa.

Ngày hôm sau chúng tôi được chất lên xe hướng về vùng Pyrénées. Một thiên hùng ca mở màn với đầy đủ tiết mục kinh hoàng, hài kịch đào tẩu, quan liêu, tuyệt vọng và yêu thương.



## CHƯƠNG 12

**M**ột ngày nào đó, có lẽ thế. - Schwarz nói. - Thời đại chúng ta sẽ được nhắc nhở đến như là một thời đại của mai mĩa, trở trêu. Chẳng phải sự mĩa mai dí dỏm của thế kỷ mười tám, mà là cái mĩa mai ngu xuẩn hiểm độc của kỷ nguyên thô bạo với tiến bộ kỹ thuật và suy thoái văn hóa. Hitler cứ mãi gào lên rằng hắn ta là sứ đồ của hòa bình và chính các nước khác áp đặt chiến tranh cho hắn. Điều đó chẳng những hắn nói cho cả thế giới đều biết, mà bản thân hắn cũng tin như vậy. Năm mươi triệu người Đức cùng với hắn đều tin như vậy. Sự thật là chỉ có mình chúng tôi vũ trang trong bao năm nay, trong khi chẳng có nước nào khác chuẩn bị cho chiến tranh, sự kiện này chẳng mấy may tác động đến dư luận của chúng. Lại còn điều mĩa mai này nữa là những ai trong bọn chúng ta mà thoát ra khỏi trại tập trung của Đức thì lại đáp vào các trại của Pháp. Bạn cũng không thể phần nộ quá mức về điều đó. Một nước đang chiến đấu cho sự sống còn của họ có nhiều việc cần phải lo hơn là một sự công bằng hoàn hảo cho người tị nạn. Chúng ta không bị tra tấn, giết bằng hơi độc, bị bắn mà chỉ bị giam giữ thôi: còn mong muốn gì hơn nữa?

— Ông gặp lại bà nhà vào lúc nào? - Tôi hỏi.

— Không phải đợi lâu. Ông có ở trại Le Vernet không

— Không. Nhưng tôi biết đó là một trong những trại thê thảm nhất Pháp.

Schwarz mỉm cười chua chát:

— Đó chỉ là vấn đề mức độ. Ông có biết câu chuyện nói về mấy con cua bị ném vào nồi nước lạnh để nấu chín không? Khi nhiệt độ nước lên 120 độ<sup>[\*]</sup>, bầy cua la hét rằng chịu không nổi rồi rên lên ư ử vì gặp lúc sung sướng khi nhiệt độ chỉ là 100. Khi lên đến 140 độ, chúng lại than vãn hỏi tiếc lúc nhiệt độ chỉ là 120. Đến lúc nó lên đến 160 độ, chúng lại rên rĩ nuối tiếc cho cái lúc nhiệt độ ở mức 140, và cứ thế mà tiếp. Trại Le Vernet còn một ngàn lần khá hơn trại tập trung nhân đạo của Đức. Chỉ duy

trại tập trung không có phòng hơi ngạt cũng khá hơn trại tập trung có phòng hơi ngạt.

Tôi gật đầu:

— Chuyện gì đã xảy ra cho ông?

— Chẳng bao lâu tiết đông đến. Dĩ nhiên chúng tôi không có đủ chăn mà cũng không có than đốt. Chuyện quản lý tồi tệ như thường lệ ấy mà. Có điều khi ta bị tê cóng thì chịu đựng nổi bất hạnh khó hơn. Tôi không muốn làm nhàm tai ông với cảnh mô tả mùa đông trong trại. Giữ thái độ châm biếm thì quá dễ. Nếu chúng tôi thừa nhận là đảng viên Quốc xã, chúng tôi được đưa đến trại đặc biệt. Ngược lại trong khi đó chúng tôi phải chịu đói khát, rét lạnh, lại còn khổ sở vì chứng bệnh tháo dạ. Tôi có được xem ảnh trong báo chí chụp những tù nhân người Đức không phải là dân tị nạn. Ăn, họ có dao nĩa, bàn ghế; ngủ họ có giường chăn, lại còn có cả hội quán riêng. Báo chí rất tự hào nói lên cách nước Pháp đối xử với những ngoại kiều thuộc nước thù địch. Với chúng tôi là kẻ tị nạn thì cần gì phải đối xử nhẹ nhàng, bằng đôi găng tay bằng da dê non? Chúng tôi đâu có gì nguy hiểm? Nhưng rồi tôi cũng thích ứng được với hoàn cảnh. Tôi nghe theo lời khuyên của Helen và dứt khoát với cái ý niệm công lý. Buổi tối sau giờ lao động, tôi ngồi trên chiếc giường ngủ, một ổ nệm rơm đầy thối, rộng ba phút, dài sáu phút, và suy ngẫm về hiện tình. Tôi có luyện tập để coi thời kỳ này như là giai đoạn chuyển tiếp chẳng dính dáng gì đến cái bản ngã riêng của mình. Có những sự việc xảy ra chung quanh tôi và tôi tập phản ứng lại như một sinh vật thông minh. Nỗi đau buồn quặn thắt giết ta cũng dễ như bệnh kiết lỵ, và công lý chỉ là một thứ xa xỉ thời bình.

— Ông thật tình tin vào điều đó sao? - Tôi hỏi.

— Không. - Schwarz đáp. - Tôi đã phải nhét mãi nó vào đầu đấy chứ. Chính những cái bất công nho nhỏ, chẳng hạn như một miếng bánh mì nhỏ hơn chút, một công việc nặng hơn chút, nó mới khó chịu đựng nhất. Ta phải biết bỏ qua những nỗi bức mình hàng ngày như thế nếu không thì sự phẫn uất vì những chuyện nhỏ khiến ta quên mất chuyện lớn.

— Thế là ông sống như một con thú thông minh?

— Vâng, cho đến lúc tôi nhận được lá thư đầu của Helen. Mãi hai tháng sau. Nó được gửi đến qua địa chỉ của khách sạn ở Paris. Tôi tưởng như có một cửa sổ được mở ra trong căn phòng tối tăm ngột ngạt. Bên ngoài cuộc sống vẫn lặng lẽ, nhưng ít ra nó vẫn còn đó. Thư từ của nàng đến thất thường, có khi cả mấy tuần không được lấy một cái. Thật lạ là những bức thư ấy biến đổi và tô đậm nét hình ảnh Helen trong tôi. Nàng cho biết nàng vẫn khỏe, rằng sau cùng nàng được đưa đến trại và nàng làm việc lúc đầu là ở trong nhà bếp rồi sau ở cửa hàng trong trại. Đã hai lần nàng kiếm cách gửi cho tôi một gói thực phẩm, bằng những meo vặt hay bằng hối lộ nào, tôi cũng không nghĩ ra được. Qua những lá thư của nàng tôi bắt đầu thấy thoáng hiện lên một khuôn mặt mới. Vì xa cách mà có, do khát vọng mà ra hay chỉ là tưởng tượng vẽ vời? Tôi chẳng rõ. Mọi cái đều khoác lấy những kích thước hầu như là siêu nhiên khi ta bị rơi vào cảnh đơn chiếc, rồi thu gọn vào mấy lá thư; hẳn ông biết điều đó. Một lời nói vô tình buột miệng thốt lên, nếu được viết lên bằng giấy trắng mực đen trong những trường hợp khác thì chẳng có ý nghĩa gì, nhưng đây lại có thể là tiếng sét đánh vỡ nát cuộc đời ta. Lại một câu nói khác, cũng vô nghĩa như câu trước, có thể mang lại cho ta hơi ấm trong bao nhiêu tuần lễ. Ta ngẫm nghĩ cả tháng về những điều người viết thư đã quên trước khi dán thư lại. Chợt nhận được tấm ảnh: Helen đứng bên ngoài trại tập chụp chung với một phụ nữ và người đàn ông. Hai người này là nhân viên trong ban chỉ huy trại, trong thư nàng cho biết như thế.

Schwarz ngược mắt nhìn lên:

— Tôi xem xét khuôn mặt người đàn ông trong ảnh thật kỹ. Tôi mượn được cặp kính rất tốt của người thợ đồng hồ cùng cảnh ngộ. Tôi thật không nghĩ ra vì sao Helen gửi cho tôi bức ảnh đó. Có lẽ nàng chẳng nghĩ ngợi gì khi gửi nó cho tôi. Hay là nàng có suy nghĩ? Biết đâu được? Có bao giờ ông cảm thấy như thế không?

— Ai cũng thế mà. - Tôi đáp. - Chúng thần kinh, chung cho mọi người tù ấy mà! Chẳng có gì đặc biệt lạ lùng đâu.

Chủ tiệm rượu mang phiếu tính tiền ra cho chúng tôi. Chúng tôi là khách sau cùng.

— Ta còn đi đâu được nữa không? - Schwarz hỏi.

Chủ tiệm mách ngay cho chúng tôi một chỗ khác.

— Ở đây có gái. - Hấn nói. - Xinh đẹp phốp pháp lắm. Lại không đắt.

— Chẳng còn nơi nào khác sao?

— Vào giờ giấc khuya khoắt như thế này thôi chẳng còn biết nơi nào khác nữa. - Hấn khoác áo ngoài vào. - Tôi sẽ đưa ông đến đó nếu ông muốn. Tôi thì chẳng có việc gì làm cả. Gái ở đây khá là ma mãnh. Tôi sẽ trông chừng để ông khỏi bị gạt gẫm.

— Ta có thể tìm chỗ nào khác không có gái không?

— Không gái? - Hấn lộ vẻ sững sốt. Rồi một nụ cười toe toét bao trùm cả mặt hấn. - Không có gái? À, tôi hiểu rồi. Vâng, chắc chắn. Dĩ nhiên. Nhưng họ chỉ có thể thôi. Chỉ gái thôi.

Hấn quay nhìn ra sau lưng khi chúng tôi bước ra đường phố. Một buổi bình minh tuyệt vời. Mặt trời chưa lên, song mùi nước mặn trở nên đậm đà hơn. Xe cộ bò dọc theo đường phố. Mùi cà phê và ngái ngủ thoang thoảng đưa qua hàng cửa sổ mở. Đèn tắt cả rồi. Đâu đây nghe có tiếng xe ngựa rập rình cách vài con phố. Thuyền ngư phủ chọt hiện ra như những đóa sen vàng đỏ bồng bềnh trên sông Tagus nhộn nhịp, và bên dưới xa kia, là con tàu, con thuyền cứu nạn, niềm hy vọng cuối cùng, nằm yên mờ mờ không ánh đèn nhân tạo. Chúng tôi xuống đồi về hướng nó.

Nhà chứa trông đến là ảm đạm, tối tăm. Bốn năm phụ nữ mập béo luộm thuộm ngồi hút thuốc, đánh cờ. Sau một hồi cố gắng hời hợt để gây cảm hứng cho chúng tôi nhưng không kết quả, họ để chúng tôi yên. Tôi nhìn đồng hồ.

— Không còn bao lâu nữa đâu. - Schwarz nói. - Mà mãi đến chín giờ sáng mới mở cửa.

Tôi cũng biết thế, như hấn vậy. Có điều dường như hấn không biết rằng nói và nghe là hai điều khác nhau xa.

— Một năm mà tưởng như bất tận. - Schwarz nói. - Thế rồi dường như chẳng lâu lác gì. Đến tháng giêng tôi tìm cách trốn nhân lúc chúng tôi lao động ngoài trại. Hai ngày sau tôi bị bắt. Tay trung úy khét tiếng G. dùng roi da quất ngựa đánh tôi nát

mặt. Rồi tôi bị nhốt xà lim ba tuần, chỉ có bánh mì và nước lã. Đến lần thứ hai tôi bị bắt ngay. Tôi bỏ cuộc. Vì không thể đi một bước mà không có thể thực phẩm và các thứ giấy tờ khác. Bất cứ tên sen đầm nào cũng có thể lượm ta ngay. Mà đến được trại Helen thì đường còn xa lắm. Sau đó hoàn cảnh chúng tôi có thay đổi. Đến tháng năm chiến tranh thật sự bắt đầu và kết thúc bốn tuần lễ sau. Chúng tôi rơi vào cùng phi quân sự nhưng người ta kháo nhau là sẽ có phái đoàn của quân đội, lại có cả bọn Gestapo đến thanh tra trại chúng tôi. Tôi nghĩ chắc ông còn nhớ lại cơn hoảng loạn đang tràn lan?

— Vâng. - Tôi đáp. - Nỗi kinh hoàng, dịch tỵ sát, những kiến nghị thả chúng tôi ra trước, cái hệ thống quan liêu bắt lượm lại đôi khi cản trở việc này. Không phải lúc nào cũng thế. Thỉnh thoảng gặp được một chỉ huy trại thông minh chịu đứng nhận trách nhiệm thả tù tị nạn ra. Một số trong những người ấy, điều này có thật, sau này bị bắt lại tại Marseille hoặc tại biên giới.

— Tại Marseille! Lúc đó thì Helen và tôi đã có thuốc độc trong người rồi. - Schwarz vụt kêu lớn. - Đó là những viên thuốc nhộng nhỏ thôi. Một tay dược sĩ trong trại bán cho chúng tôi. Hai viên. Tôi không biết chính xác nó là cái gì, song tôi tin lời y khi y bảo nếu uống một viên là ta chết ngay gần như không đau đớn gì. Y còn dặn liều thuốc độc đủ dùng cho hai người. Y bán lại cho chúng tôi vì sợ đến một đêm nào đó chính y dùng đến nó, vào giờ tuyệt vọng, ngay trước lúc rạng đông. Chúng tôi được xếp thành hàng như những chim bồ câu bằng đất sét. Thất trận quá nhanh. Không ai ngờ nó đến sớm như vậy. Chúng tôi chưa được tin là nước Anh không chịu hòa. Chúng tôi chỉ thấy tất cả đã mất rồi.

Schwarz phác một cử chỉ mệt mỏi, chán ngán:

— Ấy thế mà đến bây giờ ta vẫn không chắc là còn hay mất. Chúng tôi bị đẩy lùi ra bờ biển. Trước mặt chỉ là biển cả.

Biển cả, tôi sực nghĩ đến. Tàu bè vẫn còn qua lại trên đó.

Trên thềm cửa xuất hiện người chủ tiệm rượu mà chúng tôi mới bỏ đi. Y nhe răng chào chúng tôi, kèm theo cái chào theo lối nhà lính đầy chế giễu. Rồi y thì thầm điều gì đó với bầy gái

điểm béo phì. Một cô trong bọn, một phụ nữ với bộ ngực đồ sộ bước lại chỗ chúng tôi.

— Này, nói cho bọn này biết làm sao các anh làm chuyện ấy được?

— Cái gì?

— Chắc là đau đớn lắm.

— Cái gì? - Schwarz hỏi giọng xa vắng.

— Cách các thủy thủ làm chuyện ấy ngoài biển khơi ấy mà! - Người chủ tiệm rượu hét lớn từ thềm cửa, cười to đến nỗi tôi cứ tưởng y khắc bộ răng của y ra ngoài.

— Ông giáo sư chơi khăm cô đấy. - Tôi nói với cô có bộ ngực vĩ đại ấy, người tỏa ra mùi lành khỏe của dầu ô liu, tỏi, hành, mồ hôi và sức sống. - Chúng tôi đâu phải là tiên là thánh gì. Chúng tôi có tham dự trận chiến tranh Ethiopia và dân bản địa đã hoạn chúng tôi.

— Các anh là người Ý?

— Trước kia là như thế đấy. - Tôi đáp. - Những người hoạn không có quốc tịch. Chúng tôi là những kẻ giang hồ tứ xứ.

Cô ta suy nghĩ câu nói hồi lâu.

— Anh đến là buồn cười. - Sau đó cô nghiêm nghị nói, rồi ngoe nguẩy bộ móng đi trở về cửa, cô chủ tiệm đón ngay.

— Nghĩ cũng lạ lùng cho cái cảnh ngộ vô vọng thật. - Schwarz nói. - Cái tôi của ta biến mất. Ta không còn biết ta là ai nữa. Ấy thế mà bên trong ta vẫn còn chút gì đó đòi được sống. Mà sao nó bám vào cuộc sống trần trường mong manh một cách vững chắc, bướng bỉnh đến thế! đôi khi ta cảm thấy một sự yên tĩnh hoàn toàn như cái yên tĩnh đầy chết chóc mà các thủy thủ thường kể lại khi rơi vào trung tâm cơn bão. Ta bỏ cuộc, giống như con rệp giả vờ chết, song ta không chết. Ta chỉ buông thả mọi cố gắng để tập trung trọn vẹn vào sự tồn tại đơn thuần. Ta rất tỉnh táo nhưng hoàn toàn bị động. Ta không còn sức lực để phung phí. Bão táp đang hoành hành quanh ta, song ta đứng yên. Sợ hãi và tuyệt vọng biến đi rồi, chúng thành những thứ xa xỉ ta không có lại được nữa. Vì nghị lực đã hao mòn qua cuộc phấn đấu chống chọi với sợ hãi và tuyệt vọng nên ý chí sống còn cũng bị tiêu hao, rốt cuộc ta đành buông

xuôi. Toàn tâm toàn trí sẵn sàng, vô tư và thụ động. Bỗng nhiên ta thấy sáng suốt kỳ lạ, một sự sáng suốt thanh thản tràn khắp. Đạo ấy đôi lúc tôi như người du già vứt bỏ mọi cái gì còn dính dáng đến ý thức tư ngã, để...

Schwarz áp úng.

— Để tìm Thượng đế? - Tôi hỏi giọng hơi giễu cợt.

Schwarz lắc đầu:

— Để tìm Thượng đế. Ta luôn luôn tìm kiếm Thượng đế như thể ta cố gắng bơi lội mà cứ để nguyên bộ áo quần trên người với bao quân trang dã chiến trên vai. Trong khi đứng ra là ta phải trần truồng. Trần truồng như cái đêm lúc tôi rời bỏ một vùng đất nước xa lạ an toàn để trở về quê hương đầy nguy hiểm của tôi, và vượt sông Rhin như thể nó là dòng định mệnh, một dải cuộc đời nhỏ hẹp tràn ngập ánh trăng. Trong trại đôi khi tôi còn nhớ lại cái đêm hôm đó. Kỷ niệm ấy không làm tâm lực tôi kiệt quệ, tôi còn nghĩ đến nó được, nó khiến tôi thêm sức mạnh. Tôi đã làm những gì cuộc đời đòi hỏi ở tôi. Tôi đã không thiếu sót, tôi có thêm một cuộc sống thứ hai, đến từ thiên đàng cùng với Helen; ấy thế nhưng thắng hoặc niềm tuyệt vọng vẫn chập chờn, cái cảnh tuyệt vọng đã đến với tôi trước kia và đôi khi còn ám ảnh tôi trong giấc ngủ, vì còn có những cái khác: Paris Helen và cái cảm giác mơ hồ là không còn cô độc nữa. Đâu đây Helen vẫn còn sống, có lẽ nàng sống với ai đó, nhưng nàng còn sống là quý rồi. Thật khủng khiếp khi nghĩ rằng điều này có ý nghĩa quan trọng trọng biết bao vào những lúc như thế này, lúc con người còn kém hơn cả con gián dưới chiếc giày bốt.

Schwarz lại im lặng.

— Ông có tìm thấy Thượng đế không? - Tôi hỏi. Câu hỏi nghe cộc lốc, nhưng bỗng nhiên tôi nóng lòng muốn biết.

— Một khuôn mặt trong tấm gương soi. - Schwarz trả lời.

— Khuôn mặt ai?

— Vẫn khuôn mặt ấy thôi. Ông đã biết qua khuôn mặt của mình chưa? Khuôn mặt ông có trước khi sinh ra ấy?

Tôi kinh ngạc nhìn hấn. Hấn dùng lại những từ như trước.

— Khuôn mặt trong tấm gương soi, - Hấn lặp lại. - Cái khuôn mặt ấy nhìn ông qua vai, và một cái nữa đằng sau vai ông. Nhưng rồi đột nhiên chính ông cũng là tấm gương soi với một chuỗi phản ảnh vô cùng tận. Không, tôi không gặp được Thượng đế. Mà nếu có tìm gặp được Người, ta sẽ làm gì với Người? Lúc đó chúng ta không còn làm người nữa. Chỉ để tìm kiếm Người, đó lại là chuyện khác nữa rồi.

Hấn mỉm cười.

— Rồi sau đó tôi cũng chẳng có đủ thì giờ và sức lực để làm việc đó. Tôi chậm chạp quá. Tôi chỉ có thể nghĩ đến những gì tôi yêu mến. Nhờ đó mà tôi còn sống. Tôi không còn nghĩ đến Thượng đế. Cũng không nghĩ đến Công lý nữa. Vòng tròn đã khép lại rồi. Cũng cùng một cảnh ngộ như dạo tôi ở trên bờ sông. Lặp lại thôi. Một lần nữa tôi lại trở về với cái tôi. Trong cảnh ngộ này, ta chẳng còn làm được gì nhiều. Suy nghĩ cũng không được nữa rồi. Vả lại cũng không cần thiết. Suy nghĩ chỉ tỏ làm cho ta bối rối thêm mà thôi. Những sự việc tự chúng sẽ xảy đến. Từ hoàn cảnh cô lập buồn cười của con người ta quay về với cái thế giới của những sự cố không gọi được bằng tên. Điều duy nhất ta cần là phải sẵn sàng. Sẵn sàng để đi khi có bàn tay vô hình vỗ nhẹ lên vai; ta chỉ việc đi theo; chừng nào mà ta chẳng hỏi han thắc mắc gì thì ta được yên lòng. Có lẽ ông cho tôi là đang nói đến thứ vô nghĩa thần nhiệm?

Tôi lắc đầu:

— Tôi cũng biết qua cái cảm giác ấy. Người ta đôi khi gặp cái cảm giác ấy vào những lúc nguy hiểm lớn lao. Những người lính có nói cho tôi nghe về nó. Chẳng có lý do gì cả, có cái gì đó khiến ta đứng dậy bước ra khỏi hầm trú ẩn là nơi bề ngoài trông thật là bảo đảm; rồi một lát sau đó một phát đạn trực tiếp biến nó thành nấm mồ tập thể.

— Điều sau cùng tôi làm, - Schwarz kể tiếp, - Là hoàn toàn không thể được. Song nó có vẻ là việc tự nhiên nhất trên đời. Tôi gói gọn đồ đạc tư trang của mình lại. Rồi vào một buổi sáng, tôi bước ra khỏi trại. Thường thì những mưu toan vượt trại được thực hiện về đêm. Tôi lại đi qua cổng chính giữa ban ngày ban mặt và bảo lính gác là tôi được thả. Có hai lính gác ở đó.



Tôi ve vẩy tấm hộ chiếu trước mặt họ. Đồng thời tôi thọc tay vào túi lấy ít tiền biếu họ, bảo họ đi uống chút sức khỏe tôi. Họ không buồn hỏi tôi giấy phóng thích nữa. Đối với hai nông dân mặc quân phục kia, làm sao có chuyện một người có đủ bản lĩnh ung dung ra đi bằng cổng chính nếu không được quyền như thế?

Tôi chậm rãi đi xuống dọc con đường trắng xóa. Bước được dăm bước tôi có cảm tưởng như cổng trại biến thành con rồng đang lén theo phía sau tôi. Song tôi không chạy. Tôi bình tĩnh giấu kỹ tấm hộ chiếu của Schwarz đi và cứ thế tiếp tục bước đi. Gió thoảng đưa mùi hương thảo và cỏ xạ hương, hương của tự do đây. Đi được một lúc tôi giả vờ như dây giày tôi tuột ra. Tôi cúi người xuống nhìn ra sau. Chẳng có ai theo tôi. Tôi bắt đầu bước nhanh hơn. Tôi chẳng có lấy mảnh giấy nào trong số các giấy tờ người ta có thể hỏi đến vào những ngày ấy. Vốn tiếng Pháp của tôi tạm dùng được. Tôi mong thiên hạ sẽ làm nó với một thứ thổ ngữ nào đó. Toàn bộ đất nước đang chuyển động. Các thành phố đông nghẹt những người tản cư từ vùng bị chiếm, đường sá lúc nhúc xe cộ đủ loại, phần lớn đầy nhóc chần giường, đồ dùng trong nhà và lính tráng bỏ ngũ.

Tôi bước vào một quán trọ nhỏ. Bên hông nhà, người ta đặt dăm ba cái bàn, chung quanh là mảnh vườn rau và một luống hoa nhỏ. Phòng rượu được lát bằng gạch vuông và thơm mùi rượu bị vung vãi, mùi bánh mì mới và mùi cà phê. Cô hầu bàn đi chân trần. Cô trải khăn bàn, đặt lên đó một bình cà phê, cái tách, cái đĩa lớn, bánh mì và mật. Xa hoa sang trọng quá! Kể từ lúc sống ở Paris đến nay tôi chưa được thấy như vậy.

Bên ngoài, đằng sau hàng rào bụi bặm, thế giới đồ nát đang chuyển động, ở đây trong cái xó xỉnh ưu đãi này, bên dưới vòm cây, là hòa bình, là tiếng ong vo ve, là ánh vàng lung linh của những ngày cuối hạ. Tôi uống cạn như lạc đà trữ nước cho những dặm đường cháy bỏng qua sa mạc. Tôi nhắm mắt, ngả người sưởi nắng và uống rượu.

## CHƯƠNG 13

**C**ó một gã sen đầm đứng gần ga. - Schwarz kể tiếp, - Tôi quay lui. Tôi không ngại sự mất tích của tôi được thông báo nhanh như vậy, nhưng dẫu sao lúc bấy giờ cũng nên tránh xa đường xe lửa. Chừng nào một tên tù được giam giữ an toàn đằng sau hàng kẽm gai thì chẳng ai bận tâm đến hắn. Nhưng một khi hắn trốn thoát được hắn lại trở nên cực kỳ quan trọng. Trong trại, một mẩu bánh mì đã là quá tốt cho hắn. Nhưng muốn bắt hắn lại khi đã cao chạy xa bay người ta chẳng ngại việc tốn kém. Người ta huy động hàng đại đội lính để truy lùng hắn.

Tôi được quá giang trên một chiếc xe tải. Ông lái xe nguyên rửa lung tung: chiến tranh, bọn Đức, chính phủ Pháp, chính phủ Hoa Kỳ và cả Chúa nữa. Nhưng ông ta chia cho tôi bữa ăn trưa trước khi để tôi bước xuống xe. Tôi đi quanh quần trong một tiếng đồng hồ rồi sau cùng đến nhà ga gần đó. Tôi biết cách không gây sự ngờ vực bằng cách giữ mình thật kín đáo. Tôi bước ngay vào mua một vé hạng nhất đi đến ga kế cận. Người bán vé do dự. Sợ bị hỏi giấy tờ, tôi quát tháo âm ỉ là y quá chậm chạp. Bối rối vì giọng điệu thị uy của tôi, y đành đưa tôi tấm vé. Tôi đến một quán cà phê đợi tàu. Tàu trể một tiếng đồng hồ, nhưng cuối cùng nó cũng đến.

Phải ba ngày sau tôi mới đến được trại nhốt Helen. Có một lần, một tên sen đầm chặn tôi lại, tôi vừa nói lớn với y bằng tiếng Đức vừa khua khua tấm hộ chiếu của Schwarz. Y cứng đờ người vì sợ hãi và mừng rỡ khi thấy tôi lại đi ngay. Nước Áo là một phần của nước Đức; nên tấm giấy hộ chiếu của Áo cũng hiệu lực bằng tấm danh thiếp của sở mật vụ Gestapo. Thật là kỳ diệu, một tấm hộ chiếu của người đã chết, một mẩu giấy với ít chữ in trên đó, có khả năng thực hiện bao nhiêu việc. Hơn cả bất cứ người nào.

Muốn đến trại giam Helen, phải vượt qua một ngọn núi. Trước tiên là một bãi đất hoang mọc đầy thanh nam, kim tước và hương thảo, rồi đến một khu rừng. Lúc tôi đến đó chiều cũng

gần tan. Trại có hàng rào kẽm gai như lệ thường, nhưng trông không đến nỗi thảm hại như ở trại Le Vernet, có lẽ vì đây là trại giam phụ nữ. Từ khu rừng tôi có thể nhìn vào trại và thấy đám phụ nữ mặc áo sặc sỡ, đầu chít khăn màu sáng sủa. Không khí có vẻ lỏng lẻo, thoải mái. Điều này làm tôi ngỡ ngàng. Tôi cứ tưởng phải là một nơi hoàn toàn u uất mà tôi sẽ đột nhập vào như Don Quixote hay Thánh George<sup>[1]</sup>. Cứ như thế này thì hình như chẳng cần đến tay tôi. Nếu Helen được ở vào một nơi tốt lành như thế này, chắc nàng đã quên tôi từ lâu.

Tôi vẫn nấp để tìm cách nhận định địa thế của vùng. Đến chiều tôi có một phụ nữ bước đến gần hàng rào. Nhiều người khác bước theo. Chẳng mấy chốc có cả một đám đứng đó rồi. Họ đứng lặng yên, hầu như chẳng nói năng gì với nhau. Họ nhìn qua hàng rào kẽm gai bằng cặp mắt chẳng trông thấy gì. Cái họ muốn trông thấy lại không có đó: tự do. Bầu trời đổi màu tím thẫm, từng mảng bóng tối từ dưới thung lũng bò lên, đó đây người ta thấy được những bóng điện có màn chắn. Đám phụ nữ biến thành những khoảng bóng mắt cả màu sắc và mất cả hình dạng. Những khuôn mặt mơ hồ nhạt nhòa lơ lửng thành một dãy nhấp nhô bên trên những mảnh bóng đen đục phẳng phiu phía sau hàng rào. Rồi hàng ngũ thưa dần, đám phụ nữ từng người lần lượt trở vào trại. Giờ khắc tuyệt vọng đã trôi qua. Đó đúng là cái tên họ dùng để gọi nó, như sau này tôi tìm hiểu ra được.

Chỉ còn lại một người vẫn đứng cạnh hàng rào. Tôi thận trọng bước lại gần.

“Đừng sợ.” Tôi nói bằng tiếng Pháp.

“Sợ?” Một lát sau người phụ nữ mới hỏi lại. “Sợ gì mới được chứ?”

“Tôi muốn nhờ cô giúp cho một việc.”

“Khỏi phải tốn hơi vô ích, đồ lợn. Trong mớ xương mục của anh chẳng có gì khác nữa sao?”

Tôi há hốc miệng ra nhìn nàng ta.

“Ý cô muốn nói gì?”

“Thôi đi, đừng giả vờ điếc nữa. Bọn các anh chỉ là một lũ lợn. Trong làng xóm chẳng còn phụ nữ sao? Tại sao cứ la cà quanh

đây mãi thế?”

Sau tôi mới hiểu ra.

“Cô hiểu làm tôi rồi.” Tôi giải thích. “Tôi cần nói chuyện với một phụ nữ cũng ở trong trại này.”

“À, anh bạn muốn thế hả? Tại sao lại một? Tại sao lại không là hai? Hay cả đám luôn?”

“Này, hãy nghe tôi chút.” Tôi nói. “Vợ tôi bị nhốt ở đây. Tôi cần nói chuyện với cô ấy.”

“Anh cũng thế à?” Người phụ nữ bật cười. Trông nàng ta chẳng có vẻ giận dữ, chỉ mệt mỏi chán chường. “Lại thêm một mảnh khốe mới. Tuần nào bọn các anh cũng nghĩ ra được một kiểu mới.”

“Từ trước đến giờ tôi chưa hề đến đây.”

“Thế thì anh tiếp thu nhanh đấy. Thôi, xéo đi cho rảnh.”

“Cô không chịu nghe tôi sao?” Tôi hỏi bằng tiếng Đức. “Tôi chỉ muốn nhờ cô nhắn lại với một người trong này là tôi có ở đây. Tôi là người Đức. Bản thân tôi cũng ở trại. Trại Le Vernet ấy mà.”

“Trại ngon lành đấy.” Cô ta điềm tĩnh nói. “Hắn cũng biết tiếng Đức đấy! Tên dân Alsace[\*] đáng nguyên rủa! Cầu cho hết thầy bọn anh chết vì bệnh giang mai. Anh và lũ bạn khốn nạn của anh đêm nào cũng xếp hàng ở đây cùng với món hàng trao đổi. Mong sao bọn anh mang theo ung thư trong món hàng ấy. Các anh chẳng còn chút tình cảm nào hay sao, đồ lũ lợn khốn kiếp? Anh có biết anh đang làm gì đó không? Thôi, hãy để cho tôi yên. Để cho chúng tôi yên đi.”

Về sau giọng cô biến thành tiếng hét. Tôi thấy những người khác đổ xô đến nhưng rồi lại giật lùi xa hàng rào.

Tôi ngủ qua đêm trong rừng. Tôi chẳng biết đi đâu. Tôi nằm dài giữa mấy lùm cây. Ánh nắng nhạt dần và vàng trắng nhô lên trên cảnh quê mờ ảo nhuộm màu vàng bạch, quỳện sương thu chớm lạnh. Sáng ra tôi trở lại bên kia núi và xoay xở đổi bộ đồ tôi đang mặc lấy một bộ đồ thợ máy.

Tôi trở lại trại giam. Ở trạm gác tôi bảo tôi đến kiểm tra hệ thống dây điện. Vốn tiếng Pháp của tôi giúp tôi qua được kỳ sát

hạch. Họ để tôi vào chẳng hỏi han gì cả. Có ai muốn bước vào trại giam đâu.

Tôi thăm dò đường sá trong trại một cách cẩn thận. Nhà trại trông giống những cái thùng bằng nẹp đan to lớn, cách nhau bằng những tấm màn. Có một hành lang ở giữa, hai đầu có màn chắn. Phần lớn mấy bức màn được vén lên. Ta có thể nhìn vào trong và thấy được những nơi ẩm cúng ấy trần thiết ra sao. Phần lớn chỉ có những vật dụng tối cần thiết, trợ trụ làm sao, nhưng cũng có người tạo ra được một sắc điệu riêng tư đến cảm động bằng một mẫu vải, một tấm ảnh, hoặc vài tấm bưu thiếp. Tôi lang thang qua những dãy trại tối mờ mờ. Phụ nữ ngưng làm việc, nhìn tôi.

“Có tin tức gì không?” Một người trong đám hỏi.

“Có, cho một người tên Helen. Helen Baumann.”

Người đàn bà suy nghĩ. Một người khác bước tới.

“Có phải cái con chó cái Quốc xã làm trong cửa hàng ấy không? Cái con lúc nào cũng quẩn quýt ve vãn lão bác sĩ ấy mà!”

“Cô ấy không phải là đảng viên Quốc xã.” Tôi nói.

“Thế thì cô trong cửa hàng cũng không.” Người đàn bà thứ nhất nói. “Tên cô ấy là Helen, tôi biết mà.”

“Trong này có đảng viên Quốc xã sao?” Tôi hỏi.

“Dĩ nhiên. Trong này lẫn lộn tùm lum. Nhưng người Đức giờ đang đi đến đâu?”

“Tôi chẳng gặp ai cả.”

“Người ta đồn có một phái đoàn quân sự đang trên đường đến đây. Anh có nghe gì không?”

“Không.”

“Người ta bảo họ đến để thả những người Quốc xã. Nhưng tôi còn nghe nói là Gestapo cũng đến cùng. Anh có biết gì không?”

“Không.”

“Họ còn bảo người Đức sẽ không rầy rà gì đến khu phi quân sự.”

“Nghe sao kiểu cách giống hệt chúng thế.”

“Anh chẳng nghe gì cả sao?”

“Chỉ là lời đồn đại thôi.”

“Ai nhắn tin cho Helen Baumann đây?”

Tôi do dự một hồi:

“Chồng cô ấy. Anh ấy được tự do rồi.”

Người đàn bà thứ hai bật cười.

“Thế là anh ta có một món quà ngạc nhiên cho anh ta đấy.”

“Tôi có thể đến cửa hàng không?” Tôi hỏi.

“Sao lại không? Anh là người Pháp, phải không?”

“Dân Alsace.”

“Chị sợ à?” Người đàn bà thứ hai hỏi. “Tại sao? Chị có gì giấu giếm?”

“Thời buổi này ai lại chẳng có chút gì cần giấu giếm?”

“Chị cứ nói lại lần nữa đi.” Người phụ nữ thứ nhất nói.

Người thứ hai chẳng nói gì, chỉ nhìn tôi như tôi là tên gián điệp vậy. Ở cô ta toát ra mùi thơm ngào ngạt của đóa hoa huệ trong thung lũng.

“Cảm ơn.” Tôi nói. “Cửa hàng trại ở lối nào?”

Người phụ nữ thứ nhất chỉ đường cho tôi. Tôi đi qua dãy nhà trại tối âm u giữa hàng trăm cặp mắt dò xét rình rập. Tưởng như tôi rơi nhằm vào giữa đám phụ nữ Amazon<sup>[1]</sup>. Sau đó, tôi lại bước ra đường, đi trong ánh nắng chan hòa và cái mùi tù tị chán ngán nó bao trùm khu trại như một vòm kính xám ngắt.

Tưởng như tôi bị mù. Không bao giờ tôi bận tâm đến việc Helen có chung thủy hay không chung thủy với tôi. Điều này nằm ngoài vấn đề, vô nghĩa. Bao nhiêu chuyện đã xảy đến rồi; điều còn lại duy nhất đang nói là phải sống còn. Dẫu có suy nghĩ nào như thế đến với tôi lúc còn ở trại Le Vernet, nó chắc phải là một ý nghĩ trừu tượng do chính tôi bày đặt ra, xóa tan đi để rồi nghiền nó lại.

Nhưng giờ đây tôi đang đứng trong đám bạn bè của nàng. Đêm hôm trước tôi trông thấy họ qua hàng rào, và bây giờ tôi lại trông thấy họ, những phụ nữ đói khổ đã phải sống đơn độc từ bao nhiêu tháng nay. Dù bị giam cầm họ vẫn là đàn bà; nói

đúng hơn nữa, cảnh ngộ này khiến họ càng ý thức sâu sắc hơn về nữ tính của họ.

Tôi đến cửa hàng. Một phụ nữ tóc đỏ hoe, mặt tái xanh đứng ở quầy, mãi bán chỗ thực phẩm còn lại cho một nhóm nữ tù.

“Anh cần gì?” Cô ta hỏi.

Tôi nhắm mắt lại và chập choạng bước tới. Rồi tôi bước sang một bên. Cô ta vội vã tính tiền với khách mua.

“Năm phút nữa là tôi xong ngay.” Cô bảo nhỏ. “Lành hay dữ?”

Tôi hiểu cô muốn hỏi tin lành hay dữ.

“Lành.” Tôi nhún vai đáp rồi bước ra ngoài.

Một lát sau người đàn bà đi ra về phía tôi.

“Ta cần phải cẩn thận đấy.” Cô bảo. “Anh định nhắn tin cho ai?”

“Cho Helen Baumann. Cô ấy có đây không?”

“Tại sao?”

Tôi chẳng nói chẳng rằng. Mũi cô đầy nốt tàn nhang và đôi mắt ươn tư.

“Cô ấy làm tại cửa hàng chứ?” Tôi hỏi.

“Anh cần gì?” Người phụ nữ hỏi ngược lại. “Lấy tin hả? Cho ai? Anh là thợ điện đấy chứ?”

“Chồng cô ta nhắn.”

“Cách đây không lâu,” Cô nói giọng cay đắng, “Có một gã đàn ông hỏi cũng câu hỏi ấy về một phụ nữ trong này. Ba ngày sau, có người đến tìm người phụ nữ ấy. Cô ta ra đi và có hứa cho chúng tôi rõ tình hình ngoài ấy ra sao. Rồi chúng tôi chẳng bao giờ nghe nói đến cô ta nữa. Thôi đủ rồi. Anh chẳng phải thợ điện đâu.”

“Tôi là chồng cô ấy.”

“Còn tôi là Greta Garbo<sup>[\*]</sup>.”

“Thế thì tôi còn hỏi han gì về nàng nữa?”

“Rất nhiều người đến đây hỏi thăm về Helen Baumann.” Người phụ nữ nói. “Toàn là những người kỳ quặc, khó hiểu. Anh muốn biết sự thật hả? Helen chết rồi. Cô ấy đã chết và chôn cách đây hai tuần. Đây là sự thật. Tôi cứ nghĩ anh có tin tức từ bên ngoài chứ.”

“Nàng chết rồi sao?”

“Phải. Và bây giờ hãy để tôi yên.”

“Nàng không chết đâu.” Tôi cãi lại. “Trong trại giam họ không bảo thế.”

“Họ nói toàn chuyện tầm bậy tầm bạ.”

Tôi nhìn lại người đàn bà có mái tóc đỏ.

“Phiền cô trao lại cho nàng bức thư, được chứ ạ? Tôi đi ngay bây giờ, song tôi muốn để lại cô ấy bức thư.”

“Để làm gì mới được chứ?”

“Tại sao lại không? Bức thư có làm hại ai đâu?”

“Không à?” Người phụ nữ hỏi lại. “Chắc anh mới sinh ra hôm qua hay hôm kia gì đó?”

“Tôi không nhớ rõ. Tôi lớn lên thật thường lắm, ngày được ngày chẳng. Cô có thể bán cho tôi cái gì để viết thư được chẳng?”

“Anh có giấy và bút chì trên bàn kia kìa.” Cô ta nói. “Nhưng viết thư cho một người đàn bà đã chết, có ích gì nữa đâu?”

“Thời trang mới nhất đấy.”

Tôi lấy tờ giấy viết: “Helen, anh đến đây. Bên ngoài, cạnh hàng rào. Đêm nay. Anh chờ em.” Tôi không dán lá thư.

“Phiền cô trao lại cho nàng?” Tôi hỏi người phụ nữ.

“Thời buổi này có lắm kẻ điên khùng thật.”

“Được hay không?”

Tôi cầm lá thư đưa cho cô ta và cô ta đọc lại.

“Được hay không?” Tôi nhắc lại.

“Không.” Cô ta đáp.

Tôi để lá thư trên bàn.

“Ít ra cũng đừng hủy nó đi.” Tôi nói.

Cô ta chẳng trả lời.

“Tôi sẽ trở lại giết cô nếu cô ngăn cản không cho lá thư này đến tay vợ tôi.”

“Có thể thôi ư?” Người phụ nữ hỏi và nhìn tôi bằng đôi mắt xanh buồn bã trên một khuôn mặt tiêu tụy.

Tôi lắc đầu đi ra phía cửa.



“Nàng không có ở đây?” Tôi quay người lại hỏi.

Người đàn bà nhìn lên song, chẳng nói gì.

“Tôi sẽ vào trại giam khoảng mười phút.” Tôi nói. “Tôi sẽ trở lại và hỏi lại lần nữa.”

Tôi đi xuống theo con đường trong trại. Tôi không tin lời cô ta. Tôi quyết định chờ một lúc rồi trở lại cửa hàng để xem kỹ lại lần nữa. Nhưng bỗng nhiên tôi cảm thấy cái lót vỏ hình bảo vệ tôi bay đi đâu mất. Đột nhiên tôi trở nên to lớn cồng kềnh và đâm ra có vẻ khả nghi. Tôi phải trốn đi.

Tôi bước đại vào một cái cửa.

“Anh muốn gì?” Một người đàn bà hỏi.

“Người ta phái tôi đến kiểm tra dây điện.” Có ai đó bên cạnh tôi nhưng chính thực là tôi, đáp lại. “Có gì hư hỏng không?”

“Chẳng có gì hư hỏng hơn thường lệ.” Người đàn bà mặc áo bờ lu trắng trả lời.

“Đây là bệnh viện?” Tôi hỏi.

“Phải. Đúng là nơi anh muốn đến chứ gì?”

“Chủ tôi dưới phố đưa tôi lên đây. Để kiểm tra các mạch điện.”

“Cứ việc kiểm tra tự nhiên.” Người đàn bà bảo.

Một người đàn ông mặc quân phục bước vào.

“Chuyện gì thế?”

Người phụ nữ mặc bờ lu trắng giải thích. Tôi nhìn người đàn ông. Hình như tôi đã gặp hắn ta ở đâu đó.

“Điện hả?” Hắn hỏi. “Thuốc men và sinh tố còn ích hơn nhiều!”

Hắn quăng cái mũ lên bàn rồi rời khỏi phòng.

“Ở đây chẳng có gì hư hỏng cả.” Tôi bảo với người đàn bà mặc đồ trắng. “Lúc này là ai thế?”

“Bác sĩ đó, tất nhiên. Chúng chẳng có thuốc men gì mà cho cả, mẹ kiếp.”

“Cô có nhiều bệnh nhân không?”

“Nhiều lắm.”

“Người chết?”

Cô ta nhìn tôi.

“Tại sao ông hỏi thế?”

“Ồ, hỏi chỉ để hỏi thôi.” Tôi đáp lại. “Sao ở đây ai cũng có vẻ ngờ vực thế nhỉ?”

“Thì cũng thế thôi.” Người đàn bà nhắc lại. “Chỉ là tính bốc đồng đấy thôi, hồi chàng thiên thần ngây thơ có được một mái nhà và một tấm hộ chiếu! đã bốn tuần nay không có ai chết cả. Nhưng trước đó có khá nhiều.”

Bốn tuần trước đây tôi có nhận được thư của Helen. Như thế chắc nàng phải còn ở đấy.

“Cảm ơn.” Tôi nói.

“Đừng cảm ơn tôi.” Người đàn bà trả lời. “Anh hãy cảm ơn Chúa vì cha mẹ đã cho anh một quê hương để yêu dấu tuy có phải trải qua những lúc khó khăn, tuy nó sát hại kẻ bất hạnh rồi giao cho bầy sói dữ, cũng chính những đàn sói này phải chịu trách nhiệm về tất cả nỗi khổ sở của anh. Thôi, bây giờ hãy đi đi. Đi mà tìm ánh sáng. Nếu anh còn tìm được đôi chút ánh sáng trong đầu một số người nào đó!”

“Có phái đoàn Đức nào đến đây không?” Tôi vội vàng hỏi.

“Tại sao anh muốn biết điều đó?”

“Tôi nghe nói người ta đang trông đợi phái đoàn ấy.”

“Chắc anh cho rằng một cái tin như thế là đặc biệt thu hút?”

“Không. Nhưng tôi cần phải báo trước cho một người.”

“Cho ai thế?” Người đàn bà hỏi, vẻ đề phòng ra mặt.

“Cho Helen Baumann.” Tôi đáp.

Người đàn bà nhìn tôi.

“Cho cô ấy biết về cái gì?” Bà ta hỏi.

“Cô biết nàng?”

“Tại sao?”

Lại vấp phải bức tường ngờ vực, mãi về sau này tôi mới được giải thích.

“Tôi là chồng nàng.” Tôi nói.

“Anh chứng minh điều đó được không?”

“Không. Giấy tờ tôi mang tên khác. Nhưng cô tin tôi ngay nếu tôi cho cô hay tôi không phải là người Pháp.”

Tôi rút thẻ hộ chiếu của Schwarz ra.

“Một thẻ hộ chiếu Quốc xã!” Người đàn bà nói. “Đúng như điều tôi đoán. Tại sao anh lại làm chuyện này?”

Tôi mắt kiên nhẫn.

“Để gặp lại vợ tôi. Nàng ở đây. Chính nàng viết cho tôi biết như thế mà.”

“Anh có cái thư đấy chứ?”

“Không. Tôi hủy nó ngay khi tôi trốn khỏi trại Le Vernet. Tại sao ai cũng ra về bí mật thế này nhỉ?”

“Đó là điều tôi muốn anh giải thích cho tôi đây.”

Viên bác sĩ trở lại.

“Cô có bận gì ở đây không?” Y hỏi.

“Không.”

“Thế thì theo tôi. Xong chưa?” Y hỏi tôi.

“Chưa ạ. Sáng mai tôi sẽ trở lại.”

Tôi trở lại cửa hàng. Người đàn bà tóc đỏ đứng sau quầy đang bán đồ lót. Có hai khách mua. Tôi đợi. Tôi lại có cái cảm giác vận may của tôi đã tuột mất rồi. Tốt hơn tôi nên bỏ đi, nếu không có thể tôi sẽ gặp rắc rối ở cổng. Lính gác đổi phiên và tôi lại phải giải thích mọi sự từ đầu. Tôi chẳng thấy tăm hơi của Helen. Người đàn bà tránh cái nhìn của tôi. Rõ ràng là cô ta cố tình kéo dài việc mua bán. Sau đó lại có thêm khách mua đến, và tôi thấy có một sĩ quan đi qua bên ngoài cửa sổ. Tôi rời khu nhà ngay.

Lính gác không đổi phiên. Họ còn nhớ tôi và để tôi đi qua. Tôi lại có cảm giác như ở trại Le Vernet. Họ có thể bò lên phía sau tôi và bắt giữ tôi. Người tôi toát mồ hôi hột.

Một chiếc xe tải cũ kỹ chạy về hướng tôi. Chẳng có chỗ nào để trốn. Tôi cứ rảo bước, mắt nhìn xuống đất. Chiếc xe qua sát bên tôi rồi ngừng lại. Tôi tự kiềm chế để đừng chạy. Đường rộng đủ để chiếc xe quay ngược đầu lại mà tôi thì chẳng có chút cơ may nào. Tôi nghe tiếng chân bước nhanh đằng sau.

Có người gọi lớn:

“Ê, thợ máy.”

Tôi quay lại. Một người đàn ông trung niên mặc quân phục bước đến.

“Anh có biết gì về mô tơ không?”

“Không, tôi là thợ điện.”

“Có lẽ hỏng ở bộ phận đánh lửa. Xem giúp tí.”

“Vâng, nhờ anh xem qua tí.” Người lái xe nói.

Tôi ngược mắt nhìn lên. Đúng là Helen. Nàng đứng sau người lính nhìn tôi và để ngón tay lên môi ra hiệu. Nàng mặc quần dài và chiếc áo thun; người thật gầy.

“Vâng, anh làm ơn xem qua tí,” Nàng nhắc lại, “Và giúp cho chúng tôi đi được. Cẩn thận đấy!” Nàng thì thầm, “Cứ giả vờ như anh biết việc anh làm. Chẳng có gì hỏng đâu.”

Người lính thả bộ sau lưng chúng tôi.

“Anh từ đâu đến vậy?” Nàng hỏi khế.

Tôi mở ca pô xe đánh ầm một cái.

“Trốn trại. Ta có thể gặp nhau bằng cách nào?”

Nàng đứng cạnh tôi nhìn vào mô tơ.

“Em đi mua sắm cho cửa hàng. Ngày kia. Cứ ở trong làng. Quán cà phê đầu tiên vào bên trái khi anh đến. Chín giờ sáng.”

“Còn từ bây giờ đến lúc đó?”

“Còn lâu không?” Người lính hỏi.

Helen lấy gói thuốc trong túi quần ra đưa cho y.

“Chỉ vài phút thôi. Chẳng có gì hỏng nặng.”

Người lính đốt thuốc rồi ngồi xuống bên lề đường. Tôi sửa chữa qua quít còn Helen thì canh chừng.

“Ở đâu?” Tôi hỏi nàng. “Trong rừng? Cạnh hàng rào? Hôm qua anh có đến đây. Đêm nay anh đến được không?”

Nàng phân vân một hồi.

“Được. Đêm nay. Nhưng không trước mười giờ được đâu nhé.”

“Sao lại không?”

“Vì đến lúc đó những người khác đi cả rồi. Nếu mười giờ em không đến được. Tức là ngày mai. Cẩn thận nghe anh.”

“Bọn sen đàm ở đây thế nào?”

Người lính lại gần.

“Không tệ lắm.” Helen nói bằng tiếng Pháp. “Một phút là xong ngay.”

“Xe cũ quá.” Tôi nói.

Người lính cười:

“Bọn Đức thì có xe mới. Và các vị bộ trưởng nữa. Xong chưa?”

“Vâng, xong rồi.” Helen đáp.

“May mà chúng tôi gặp được anh.” Người lính nói. “Tất cả những điều tôi biết về xe cộ là chúng cần ết xăng.”

Y bước lên xe. Helen theo sau. Nàng vào số. Có lẽ lúc này nàng chỉ vặn tắt khóa công tắc thôi. Máy nổ.

“Cảm ơn.” Nàng nói, người nghiêng ra phía tôi. Đôi môi nàng mấp máy thành câu không ai nghe được.

“Anh là tay thợ máy hạng nhất đấy.” Nàng nói thêm rồi xe lăn bánh chạy đi.

Tôi đứng lại đó vài giây giữa đám khói dầu xanh lét. Tôi cảm thấy như đi từ cái nóng cùng cực qua cái lạnh cùng cực; nghĩa là chẳng cảm thấy gì cả. Tôi chỉ rảo bước như một cái máy. Rồi dần dần tôi bắt đầu suy nghĩ, và cùng với suy nghĩ tôi đâm lo lắng và nhớ lại những điều tôi đã nghe được, tâm tư bị mối ngờ vực lôi kéo, xói mòn, ray rứt.

Tôi nằm trong rừng chờ đợi. Bức tường than thở, từ Helen dùng để gọi lớp những phụ nữ đứng nhìn xa xôi vào cảnh hoang hôn thừa dãn. Không bao lâu số đồng lướt nhẹ vào trong trại. Trời mỗi lúc tối hơn. Tôi nhìn vào mấy trụ rào. Rồi họ biến thành những tảng bóng, và giữa những tảng bóng ấy một chiếc bóng khác thậm hơn xuất hiện.

“Anh ở đâu?” Helen hỏi.

“Đây này.”

Tôi mò mẫm tìm lối đến nàng.

“Em có thể ra được không?” Tôi hỏi.

“Chốc nữa, khi họ tản ra hết đã. Anh cứ đợi đấy.”

Tôi lom khom trở vào rừng, vừa đủ xa để khỏi bị phát hiện nếu có người hướng đèn bấm vào phía rừng. Tôi nằm ngay trên mặt đất, thở mùi lá mục hăng hăng. Một thoáng gió nhẹ nổi lên;

bốn bề quanh tôi có tiếng sột soạt lao xao như cả ngàn tên rình mò đang bò về phía tôi. Mắt tôi đã quen với bóng tối. Tôi thấy bóng dáng Helen và bên trên đó thấp thoáng mơ hồ là khuôn mặt nàng. Tôi không thể nhận rõ từng đường nét, nàng bám vào dây kềm gai như một cành cây đen đúa với một đóa hoa trắng ngần. Rồi sau đó trông nàng lại như một hình ảnh không tên tuổi nổi lên từ vùng quá khứ mịt mù. Khuôn mặt nàng, bởi vì tôi không nhận rõ được đường nét, trở thành khuôn mặt của tất cả những người đang đau khổ trên trần gian. Xa hơn chút nữa tôi lại nhận ra người đàn bà thứ hai với dáng đứng y như Helen, rồi người thứ ba và thứ tư, họ đứng đầy giống như một hàng cột tượng đàn bà gánh chịu mái vòm sâu khổ và hy vọng.

Cảnh tượng trông thật đến hết chịu nổi, tôi quay mặt đi. Lúc tôi nhìn trở lại, ba người kia đã lặng lẽ biến mất, và tôi thấy Helen khom người xuống kéo mạnh sợi kềm gai.

“Tách nó ra đi anh.” Nàng nói.

Tôi đạp lên đường dây thép nhất và nâng dây kể lên.

“Anh chờ chút.” Helen khế bảo.

“Những người khác đâu rồi?” Tôi hỏi.

“Họ trở vào rồi. Một người trong đám ấy là một tên Quốc xã; vì thế nên em không thể ra sớm được. Cô ta có thể tố cáo em lắm. Đó là người lúc nãy sụt sùi khóc đấy.”

Helen cười áo bờ lu và váy đưa cho tôi qua dây kềm.

“Em phải giữ không được làm rách.” Nàng giải thích. “Em chỉ có bấy nhiêu đó thôi.”

Tôi chợt nhớ lại một gia đình nghèo tôi quen biết. Đám con cái có sứt da đầu gối cũng không sao chừng nào chúng không làm rách váy của chúng, vì vết thương thì có thể thành sẹo, còn váy thì phải mua lại.

Tôi sờ vào y trang của nàng trong tay mình. Helen cúi người xuống và bò cẩn thận giữa hai đường dây kềm gai. Nàng bị trầy ở vai. Máu chảy thành con rắn đen nhỏ trên da nàng. Nàng đứng dậy.

“Em có nghĩ ta trốn được không?” Tôi hỏi.

“Trốn đi đâu?”

“Anh cũng không rõ. Đi Tây Ban Nha.” Tôi nói. “Đi châu Phi.”

“Đến đây anh.” Helen nói. “Đến đây rồi ta bàn tới chuyện đó. Không thể ra khỏi đây mà không có giấy tờ. Chính vì thế mà chúng không canh phòng cẩn mật lắm.”

Nàng dẫn tôi vào rừng. Nàng gầy như trần truồng, đầy bí ẩn và rất đẹp, chỉ thoang thoảng dáng dấp của Helen một thuở từng là vợ tôi ở Paris, vừa đủ cho tôi nhận được ra nàng, một sự nhận diện vừa nhức nhối vừa ngọt ngào khiến làn da tôi rạo rực đợi chờ. Người đàn bà vừa bước ra khỏi chân hàng cột tượng trông sao mà xa lạ, vẫn còn chìm đắm trong chín tháng của một cuộc sống lạ lùng, quãng thời gian nặng nề còn hơn cả hai mươi năm cuộc sống bình thường.

## CHƯƠNG 14

Người chủ tiệm rượu bước lại chỗ chúng tôi và cho chúng tôi biết một cách trịnh trọng:

— Cô béo thật là tuyệt. Người Pháp đấy. Biết đủ mọi trò. Tôi xin trân trọng giới thiệu với quý vị. Đám chị em của chúng tôi thì bốc lửa đấy, nhưng chúng cũng nóng nảy lắm đấy. - Hấn chép miệng nói tiếp, - Tôi đi đây. Muốn lọc máu thì chẳng ai tốt hơn là gái Pháp. Chúng hiểu biết cuộc sống. Các vị khỏi cần nói dối lẫn nhau với chúng như với cánh phụ nữ của chúng tôi. Chúc các vị về nhà bình yên. Đừng chọn Lolita hoặc Juana. Hai người ấy chẳng ai được cả. Đặc biệt là Lolita sẽ giữ trò chôm chĩa nếu các vị không để mắt cho.

Nói xong hấn bỏ đi. Cửa vừa mở, buổi sáng lùa vào với luồng âm thanh và ánh sáng.

— Tốt hơn ta cũng nên đi thôi. - Tôi nói.

— Tôi cũng sắp xong rồi đây. - Schwarz nói. - Mà ta vẫn còn ít rượu vang đây.

Hấn gọi rượu vang và cà phê cho ba cô, để họ để chúng tôi yên.

— Đêm ấy chúng tôi chẳng nói chuyện gì nhiều. - Hấn nói tiếp. - Tôi trải áo khoác lên đất, và đến lúc trời trở lạnh hơn, chúng tôi đắp bằng cái váy, cái bờ lu của Helen và cái áo ấm của tôi. Helen ngủ thiếp đi rồi lại thức giấc; có một lần lúc tôi đang mơ màng, hình như tôi nghe nàng khóc. Một lát sau nàng tỏ ra âu yếm đến độ cuồng nhiệt. Qua cách nàng vuốt ve, mơn trớn tôi, nghe có chút gì mới mẻ, lạ lùng. Tôi chẳng hỏi han gì nàng và cũng chẳng nhắc lại những điều tôi đã nghe được trong trại. Tôi rất yêu nàng, song lại thấy cách biệt nàng một cách kỳ lạ, khó hiểu. Lòng triu mến của tôi pha lẫn cuồng si khiến nó mãnh liệt hơn lên. Chúng tôi bám vào nhau trên bờ vực của một thế giới khác. Không có cách nào quay lui, chẳng rõ nơi đến, chỉ biết là bay, cùng bay với nhau, và cùng thất vọng, một nỗi thất vọng trầm lắng, đan díu với kiếp sau, nó uống cạn những giọt nước mắt hạnh phúc của chúng tôi cùng bóng dáng những



dòng lệ nghẹn ngào vì biết rằng chỉ cứ phải đi, không đường trở lại mà cũng chẳng có nơi nào để đến.

“Ta không trốn đi được sao?” Tôi hỏi lại lần nữa trước khi nàng chui trở lại hàng kềm gai.

Đến lúc qua bên kia hàng rào nàng mới trả lời.

“Em không thể.” Nàng thì thào. “Em không bỏ trốn được đâu. Bọn bè sẽ bị trừng trị thay em. Thôi anh về đi. Đêm mai hãy trở lại. Đêm mai anh trở lại được không?”

“Nếu trước đó anh không bị bắt.”

Nàng nhìn tôi.

“Cuộc đời ta đã ra sao rồi nhỉ?” Nàng nói. “Ta đã làm gì mà cuộc đời ta đến phải như thế này?”

Tôi đưa cho nàng cái bờ lu và cái váy.

“Đây là mớ tư trang khá nhất của em chứ gì?” Tôi hỏi.

Nàng gật đầu.

“Cảm ơn em đã mặc nó lên người. Anh cố gắng thu xếp cho đêm mai. Chắc chắn mà. Anh sẽ trốn trong rừng.”

“Anh cần phải ăn chút đỉnh. Anh có mang gì theo để ăn không?”

“Có, tất nhiên. Cũng có thể anh kiếm được ít quả, hạt hoặc nấm trong rừng.”

“Anh có thể chịu đựng đến đêm mai không? Em sẽ mang cho anh ít thức ăn.”

“Tất nhiên là được rồi. Bây giờ cũng gần sáng rồi.”

“Chớ ăn nấm nghe anh. Anh có rành về nấm đâu. Em sẽ mang thật nhiều thức ăn.”

Nàng mặc váy vào. Chiếc váy rộng màu xanh nhạt, điểm hoa trắng. Nàng quấn váy, cài cúc cung cách như nai nịt gọn gàng để đi đánh trận.

“Em yêu anh.” Nàng nói giọng tuyệt vọng. “Em yêu anh nhiều hơn như chưa bao giờ anh nghĩ đến. Xin anh đừng quên điều đó. Đừng bao giờ.”

Hầu như cứ mỗi lần từ giã tôi nàng đều nói câu đó. Vào những tháng ngày ấy, chúng tôi là trò chơi của mọi người. Bọn sen đầm Pháp thì dồn chúng tôi vào đường cùng vì một lý

tưởng sai lầm về trật tự và luật pháp. Bọn Gestapo thì tìm cách dí mũi vào các trại mặc dầu có tin đồn rằng đã có thỏa thuận ngược lại với chính phủ Pétain<sup>[\*]</sup>. Thành thử ta không biết ai có thể bắt ta và sáng sáng ta chào từ giã nhau như thể là lần cuối cùng vậy.

Helen mang cho tôi bánh mì, trái cây và một mẩu xúc xích hoặc phó mát nếu kiếm được. Tôi sợ ở lại trong làng. Cách trại không xa, tôi đặt chỗ nấu nướng trong một tu viện cổ hoang phế. Ban ngày tôi ngủ hoặc đọc sách báo Helen đem ra, hoặc ngồi trong bụi cây nơi không ai phát hiện được để nhìn ra ngoài đường. Helen cũng đem đến cho tôi tin tức cả những lời đồn đại: Bọn Đức đến đều đạn hơn, dày hơn và cứ tiến hành hoạt động của chúng mà không chịu để bất cứ một thỏa thuận nào xen vào.

Cuộc sống là như vậy đó nhưng vẫn thấy thơ mộng. Thảng hoặc nỗi sợ hãi len lén đến khiến tâm hồn tôi se thắt lại, nhưng thói quen sống từng giờ rồi cũng giúp tôi qua được. Thời tiết thật đẹp; về đêm trời đầy sao. Helen có đem ra tấm vải lều. Chúng tôi trải nó giữa chốn hoang tàn của tu viện rồi lấy lá vàng lót dày lên.

“Bằng cách nào mà em ra được thế?” Có lần tôi hỏi nàng. “Mà lại thường như thế?”

“Em có công tác đặc biệt.” Một lúc sau nàng mới nói. “Và có đôi chút thần thế. Họ còn cho em ra làng nữa cơ đấy. Hôm nọ anh gặp em là lúc em ở làng về đó.”

“Em kiếm thực phẩm cho anh ở đó chứ gì?”

“Không đâu. Ở cửa hàng đấy. Bọn em có thể mua sắm nếu có tiền, song thật ra cũng chẳng có gì mua được.”

“Em có sợ bị phát hiện ở đây và báo cáo không?”

Nàng mỉm cười.

“Chỉ lo cho anh thôi. Em thì khỏi. Còn gì có thể xảy đến cho em nữa? Em đã là tù rồi mà.”

Qua đêm sau không thấy nàng ra. Bức tường than thở tan rã rồi. Tôi bò lên phía hàng rào, dãy nhà trại nằm im lìm đen đui trong ánh đèn mờ mờ. Tôi chờ, nhưng nàng không đến. Suốt đêm tôi nghe tiếng phụ nữ ra nhà vệ sinh. Tôi nghe tiếng thở dài

rền rĩ rồi thình lình tôi thấy có ánh đèn ô tô trên đường cái. Suốt ngày hôm đó tôi ở lại trong rừng. Tôi đâm ra lo lắng băng khoăn; chắc có chuyện gì đó đã xảy ra. Trong một lúc tôi nhớ lại những điều đã nghe trong trại, nhưng do sự đảo ngược kỳ lạ nó lại là nguồn an ủi cho tôi. Bất cứ chuyện gì xảy đến cũng tốt hơn là Helen phải đau ốm, chuyển đi nơi khác hoặc chết. Cuộc sống chúng tôi lâm vào cảnh quá tuyệt vọng, chỉ còn mỗi một điều quan trọng là: cùng sống bên nhau và khi gặp thời cơ tìm cách đào thoát đến một hải cảng bình yên. Có lẽ một ngày nào đó chúng tôi sẽ quên đi hết mọi gian truân ưu phiền này.

— Nhưng không được, ông ạ. - Schwarz nói. - Dẫu với tất cả yêu thương, trắc ẩn, ân cần, triu mến trên đời này. Tôi biết thế, song tôi chẳng màng. Tôi nằm trong rừng nhìn lên khóm lá vàng, đỏ, nâu từ trên cành rơi rụng xuống, và tôi chỉ có một suy nghĩ độc nhất. Xin hãy để nàng sống! Xin hãy để nàng sống, lạy Chúa, và tôi sẽ không bao giờ cầu xin cho nàng bất cứ một điều gì khác. Cuộc sống con người vẫn đáng quý hơn tất cả những cảnh ngộ mà nó có thể vướng mắc vào trong đó. Xin để cho nàng sống, chỉ sống thôi, không có tôi, nếu cần, nhưng hãy để nàng sống.

Qua đêm sau Helen cũng không đến. Nhưng tôi trông thấy có hai chiếc xe trên đường vào trại. Tôi nhận ra những bộ quân phục. Quân phục SS hay của quân đội tôi không phân biệt được, song dứt khoát là của Đức. Đêm ấy là một đêm hấp hối. Xe đến khoảng chín giờ tối và mãi tới sau một giờ sáng mới đi. Chắc là xe của bọn Gestapo rồi, tôi nghĩ thế, nếu không chúng đã không đến vào ban đêm. Khi chúng đi rồi, tôi cũng không thấy rõ có ai bị đưa đi khỏi trại không. Tôi lang thang suốt đêm dọc theo hàng rào và trên đường cái. Buổi sáng tôi sực nghĩ nên đóng lại vai anh thợ điện nhưng chợt thấy ở cổng có lính gác đôi và cạnh đó có một người mặc thường phục ngồi với một bảng danh sách trong tay.

Ngày dài như bất tận. Khi tôi vượt qua hàng rào kẽm gai có đến lần thứ một trăm, tôi bắt gặp một gói bọc trong giấy báo cách hàng rào vài bước cạnh tôi. Tôi lượm lên. Trong gói có mẩu bánh mì, hai quả táo và một mẩu giấy không ghi tên nhắn lại: “Đêm nay”. Chắc Helen đã ném nó ra giữa lúc tôi đi lòng

vòng quanh đó. Mệt, đói quá nên tôi ăn ngay. Rồi tôi trở về nơi ẩn nấp và ngủ. Lúc tôi dậy thì đã chiều rồi. Hôm ấy là một ngày trong sáng; ánh nắng vàng trông như rượu vang. Màu lá cây thẫm sâu xuống. Trong tia nắng chiều ấm áp rơi vào khoảng rừng thưa nơi tôi lẩn trốn, những cây sồi cây đoạn sừng sững ra đầy dưới lớp áo màu vàng màu nâu, như thể có một họa sĩ vô hình trong khi tôi ngủ đã biến chúng thành những ngọn đuốc bất động trong vùng ánh sáng bất động. Không một chiếc lá lung lay.

Bỗng nhiên Schwarz ngừng lại.

— Xin ông đừng sốt ruột nếu thấy tôi mô tả dông dài không cần thiết về những cảnh thiên nhiên. Trong suốt thời gian ấy thiên nhiên đối với tôi cũng quan trọng như đối với loài vật vậy. Thiên nhiên chưa bao giờ ngoảnh mặt với chúng tôi. Nó không đòi hỏi giấy thông hành hoặc giấy chứng minh nguồn gốc Aryan. Thiên nhiên cho ra và nhận lại, song nó vẫn vô tư và điều đó như một làn hương thơm an ủi. Chiều hôm ấy tôi nằm yên trong hồi lâu, ngại rằng mình có thể trào ra như cái bình đầy ắp nước. Rồi, trong cảnh tĩnh mịch hoàn toàn đó, hàng trăm chiếc lá vàng tách mình khỏi cành bay lượn xuống đất, như để đáp lại một mệnh lệnh bí mật nào đó. Chúng thông thả nhẹ lướt qua bầu không khí trong sáng, và có chiếc rơi trên người tôi. Đến lúc đó tôi hiểu rõ ý nghĩa của tự do, nguồn an ủi khôn cùng của cái chết. Tôi không quyết định gì, nhưng biết tôi có đủ nghị lực để kết liễu đời mình nếu chẳng may Helen phải chết, rằng tôi không phải còn lại trong cảnh đơn độc. Và tôi rõ cái năng lực ấy, cái sức mạnh ấy là một đặc ân, một bù trừ cho những kẻ yêu nhau, mà tình yêu vượt lên trên mức bình thường của con người. Tôi nhận thức tất cả những điều này mà không cần suy nghĩ, và khi nhận thức được rồi, tôi thấy, bằng một cách mơ hồ xa xôi nào đó, rằng không còn hoàn toàn cần thiết là tôi phải chết nữa.

Helen không có mặt ở bức tường than thở. Nàng chỉ xuất hiện sau khi mọi người khác đã đi. Nàng mặc quần soóc và áo bờ lu. Nàng chuyển cho tôi chai rượu vang và một gói qua kềm gai. Trong lối trang phục mới lạ này, trông nàng trẻ ra.

“Đã mở nút chai rồi.” Nàng nói. “Em có cái tách đây.”

Nàng chui qua thật gọn gàng giữa hai hàng dây kẽm

“Chắc anh phải đói lả ra rồi. Trong cửa hàng em tìm gặp cái em chưa từng thấy từ lúc rời Paris.”

“Nước hoa Cologne chứ gì?” Tôi nói. Người nàng thơm ngát nước hoa, tươi mát giữa cảnh trời đêm tươi mát ấy.

Nàng lắc đầu. Tôi thấy tóc nàng đã được cắt ngắn hơn trước.

“Trời đất! Chuyện gì thế này hả em?” Tôi hỏi, đột nhiên nổi tức. “Anh cứ tưởng chúng nó đã đưa em đi nơi khác hoặc em đang hấp hối, thế mà em đến đây cứ như là vừa mới ở mỹ viện ra. Em cũng có sửa móng tay nữa chắc?”

“Việc đó em tự làm.” Nàng đưa tay tôi xem rồi cười. “Nào, ta uống vang đi thôi.”

“Có chuyện gì thế, em? Bọn Gestapo có đến không?”

“Không. Chỉ có phái đoàn quân đội. Nhưng có hai nhân viên Gestapo đi cùng.”

“Có bắt ai đi không?”

“Không.” Nàng đáp. “Cho em uống với.”

Tôi cảm thấy tâm trí nàng đang rối bời. Bàn tay nàng hâm hấp nóng và da nàng khô tưởng như sắp nứt ra.

“Chúng có đến.” Nàng nói. “Đề lên danh sách những người Quốc xã có mặt trong trại. Những người này sẽ được đưa về Đức.”

“Có nhiều không?”

“Nhiều lắm. Bọn em không nghĩ là có nhiều như vậy. Một số không chấp nhận. Có một người em biết rõ, người ấy đột nhiên bước lên tới trước nói chị ta là đảng viên, chị đã thu lượm nhiều tin quan trọng, rằng chị muốn về quê hương, rằng ở đây chị đã bị đối xử tàn tệ, chúng đưa chị về ngay được không? Em biết chị ta rất rõ. Quá rõ là đảng khác, chị ta biết...”

Helen uống vội vã rồi trao tách cho tôi.

“Chị ta biết gì?”

“Em không nhớ rõ nữa. Qua nhiều đêm, rất nhiều đêm chúng em nói chuyện với nhau. Chị ta biết em là ai...”

Nàng ngẩng đầu lên, nói tiếp:

“Không bao giờ em trở về. Không bao giờ. Em sẽ tự tử nếu chúng tìm cách bắt em.”

“Em sẽ không tự tử đâu.” Tôi nói. “Và chúng không bắt em về đâu. Có trời mà biết hiện giờ Georg ở đâu. Có phải chuyện gì hấn cũng rành đâu? Mà tại sao người đàn bà ấy muốn kể rõ về em chứ? Có lợi gì cho chị ấy đâu?”

“Hãy hứa với em là anh sẽ không để chúng bắt em về đi.”

“Anh hứa.” Tôi nói.

Nàng cuồng sáng đến độ tôi không cảm lòng được. Tất nhiên tôi chẳng làm gì được, song tôi phải nói với nàng bằng giọng của đáng Thượng đế toàn năng.

“Em yêu anh.” Nàng nói bằng giọng khản đặc và xúc động. “Em yêu anh, và dẫu xảy ra gì chẳng nữa, anh cũng phải tin em như thế.”

“Anh tin em.” Tôi nói, trong lòng nửa tin nửa ngờ.

Nàng ngả người về phía sau, mệt lả.

“Ta phải ra khỏi nơi đây.” Tôi nói. “Ngay đêm nay.”

“Đi đâu? Anh có hộ chiếu không?”

“Có. Có người làm việc tại văn phòng giữ giấy tờ của tù nhân kiếm ra cho anh lại. Ai giữ hộ chiếu của em?”

Nàng không trả lời. Nàng nhìn vào khoảng không một lúc rồi nói:

“Trong này có một gia đình Do Thái, chồng, vợ và đứa con. Họ vừa vào trại cách đây mấy ngày. Đứa bé bị bệnh. Họ bước tới trước mặt bọn Quốc xã. Họ muốn trở về Đức. Họ chẳng phải Do Thái đó sao? Tên đại úy hỏi họ. Người chồng trả lời bảo họ là người Đức và muốn trở về quê hương. Tên đại úy còn muốn nói gì thêm đó nữa, nhưng bọn Gestapo đã đến. ‘Các người thực tình muốn về hả?’ Hấn nhắc lại câu hỏi. ‘Thế thì ghi tên họ vào danh sách đi, đại úy.’ Một tên trong bọn Gestapo vừa nói vừa cười to. ‘Nếu các người quả thật nhớ quê hương, bọn này sẽ giúp các người ngay thôi.’ Tên tuổi được ghi ngay. Có nói với họ cũng chẳng ích gì. Họ bảo không thể tiếp tục chịu đựng được nữa, đứa bé ốm nặng, rằng ở đây mọi người Do Thái dẫu sao cũng đã bị giam hãm tứ bề rồi, thà cứ tới luôn cho nhẹ nợ. Họ bảo ở đây chúng tôi bị săn đuổi, thà họ tình nguyện đi còn

hơn. Họ hành động y như một bầy lừa chết dở. Anh nói với họ được không?

“Anh ấy à? Anh biết nói gì đây?”

“Ở đây anh đã ném mùi trại. Anh cũng đã ở trại tập trung của Đức. Anh trở về. Rồi anh lại trốn đi.”

“Anh có thể nói chuyện với họ ở đâu?”

“Ngay đây. Em đưa người chồng ra. Em biết người ấy ở đâu. Em trở ra ngay thôi. Em có nói với anh ta về anh. Chúng ta còn có thể cứu họ.”

Vài phút sau nàng trở ra cùng với một người đàn ông về bệnh hoạn, không chịu bò qua kẽm gai. Anh ta đứng cách tôi, phía trong trại, nghe tôi nói. Một lát sau vợ anh ta đi ra. Mặt mày chị tái xanh và chẳng nói được lời nào. Hai vợ chồng bị bắt trước đó mười ngày. Họ bị giam vào những trại khác nhau; rồi vượt trại. Nhờ một phép màu họ lại gặp nhau được. Họ viết tên họ trên tường, trên các lối đi, bất cứ nơi nào mà họ đặt chân đến.

Schwarz nhìn tôi:

— Ông có nghe nói đến “Con đường đau khổ” không?

— Ai mà chẳng nghe đến nó? Nó chạy từ nước Bỉ đến tận dãy Pyrénées.

— “Con đường đau khổ” có từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh. Nhưng cuộc di tản chỉ bắt đầu sau khi quân Đức tràn qua Bỉ và chọc thủng phòng tuyến Maginot<sup>[1]</sup>. Trước là những đoàn xe ô tô chất ngồn ngang nòi niêu xoong chảo, chăn giường, sau đến các xe đủ loại, xe ngựa, xe tay, xe trẻ con, và ngày nọ tiếp ngày kia từng dòng người đi bộ dài bất tận, tất cả đều hướng về phía nam giữa thời tiết mùa hạ dễ chịu, bị máy bay săn đuổi theo sau. Và dân tị nạn gia nhập vào cuộc di tản chung. Người trong gia đình bị thất lạc phải dùng đến lối viết tên và nhắn tin bằng than, phấn, sơn hoặc bất cứ thứ gì gặp được ghi lên tường, hiên nhà, bảng hiệu giao thông. Lâu dần trông chẳng khác gì tờ báo bên đường. Ấy là chưa kể đến những người tị nạn bỏ chạy từ nhiều năm nay và vẫn còn trốn tránh cảnh sát. Họ phát triển một loại hệ thống thông tin chui, một mạng lưới những địa chỉ căng rộng từ Nice đến Naples và từ Paris đến Zurich: đó là bạn bè tin cậy có thể cung cấp cho họ tin

tức, chỉ dẫn, khuyên nhủ, và có thể cho họ tá túc một vài đêm nếu cần. Nhờ tờ báo bên đường ấy và mạng lưới bí mật này, anh Do Thái đã tìm gặp được vợ và con, nếu không thì đã bị thất lạc như cây kim trong đồng rơm.

— Họ sợ rằng, - Schwarz nói tiếp, - Nếu ở lại trại họ lại bị chia cách nữa. Đó là trại giam phụ nữ mà họ được nhập chung lại song nghe báo rằng người chồng sẽ phải đưa qua trại đàn ông. “Chúng tôi không chịu được điều đó,” anh ta nói. Anh ta đã cân nhắc mọi bề chín chắn và tin rằng không thể làm gì khác hơn. Trốn đi thì không tài nào được rồi; họ đã thử và suýt chết đói. Giờ thì đưa bé lại ốm còn người mẹ kiệt sức rồi. Chính anh ta cũng đã cạn sức. “Đám các anh, anh ta nói, chẳng hơn gì đàn bò trong sân lò sát sinh. Chúng sẽ đến bắt các anh đi bất cứ lúc nào chúng cảm thấy thích. Tại sao, sau cùng anh ta hỏi, tại sao người Pháp không để chúng ta đi khi còn đủ thời giờ?” Anh ta có dáng người mảnh khảnh, khuôn mặt gầy gò khả ái điểm chòm râu cằm đen nhỏ.

Chẳng ai trả lời được câu hỏi kia. Họ không cần đến chúng ta nhưng lại không chịu để chúng ta đi. Nhưng ai có thể bán khoản thối mắc về một điều có ít nhiều vô lý trong khi cả một đất nước đổ nát tơi bời? Dẫu sao những ai có khả năng làm được gì để cứu vãn thì chẳng bao giờ nghĩ đến điều đó.

Chiều hôm sau có hai xe tải chạy ngược lên đường cái. Cùng lúc đó tôi thấy hàng kềm gai như sống trở lại. Khoảng mười lăm phụ nữ giúp nhau bò qua và chạy biến vào rừng. Tôi vẫn ẩn mình cho đến lúc trông thấy Helen.

“Bọn em có được sở cảnh sát báo trước.” Nàng cho biết. “Bọn Đức đến đón những ai muốn trở về. Chính quyền Pháp không biết sau đó bọn Đức sẽ còn giữ trò gì nữa, nên họ cho phép chúng em vào trốn trong rừng đợi lúc bọn Đức ra về.”

Đây là lần đầu tiên tôi gặp nàng giữa ban ngày ban mặt, không kể dạo gặp nhau trên đường. Đôi chân và khuôn mặt nàng sạm nắng, song nàng vẫn gầy. Đôi mắt nàng quá lớn và quá sáng, sắc diện phờ phạc.

“Em nhường chỗ thức ăn cho anh còn em lại nhịn đói.” Tôi nói.



“Em có khối thức ăn ra đây.” Nàng nói, “Đây là chỗ dành dụm ấy mà. Đây anh xem!” Nàng cho tay vào túi, “Có cả một thanh chocolate nữa đây. Hôm qua bọn em mua được ít pa tê gan béo và cá mòi. Nhưng không có bánh mì.”

“Người đàn ông anh nói chuyện hôm trước có đi không?” Tôi hỏi.

Bỗng nhiên cả khuôn mặt Helen run lên.

“Em không bao giờ trở về.” Nàng nói, “Không bao giờ. Anh đã hứa mà. Em không muốn để chúng bắt em.”

“Chúng không bắt em đâu.”

Tiếng đồng hồ sau đoàn xe rời trại. Phụ nữ trên xe ca hát và tiếng hát vang vọng đến chúng tôi theo cánh gió: “Nước Đức, Nước Đức, trên tất cả.”<sup>[1]</sup>

Đêm hôm ấy, tôi chia cho Helen nửa viên thuốc độc tôi đã mua lúc còn ở trại Le Vernet. Qua ngày sau nàng hay tin Georg đã tìm ra nơi nàng ở.

“Ai bảo cho hắn?” Tôi hỏi.

“Có người nào đó biết.”

“Ai?”

“Bác sĩ của trại.”

“Sao y biết?”

“Do tên chỉ huy trại. Chúng có điều tra.”

“Bác sĩ có bảo em làm gì không?”

“Y bảo có thể giấu em vài ngày trong bệnh viện trại. Nhưng không quá lâu.”

“Thế thì em phải trốn đi thôi. Ai đã báo cho những người bị đe dọa để họ trốn vào rừng?”

“Quận trưởng cảnh sát.”

“Tốt,” Tôi nói, “Lấy lại hộ chiếu của em đi và cố xoay xở kiếm ra tám giấy phóng thích. Có lẽ bác sĩ của trại có thể giúp em được đây. Nếu không, ta chỉ trốn thôi. Nhớ đừng hở môi. Bất luận là với ai. Anh sẽ tìm cách nói chuyện với quận trưởng. Y có vẻ vẫn còn nhân đạo.”

“Đừng làm thế. Cẩn thận chứ anh. Trời đất! Anh phải cẩn thận chứ.”

Tôi giặt bộ đồ công nhân thật sạch, mặc vào rồi ra khỏi rừng vào lúc sáng sớm. Tôi chắc mắt thế nào cũng đụng đầu các toán tuần tiểu Đức hoặc hiến binh Pháp, song từ nay trở đi tôi phải dự kiến đến tình huống đó.

Tôi kiếm cách gặp được quận trưởng cảnh sát. Tôi bị được gã hiến binh và viên thư ký bằng cách đội lốt làm nhân viên kỹ thuật người Đức đến nghiên cứu việc thiết trí đường dây điện cho yêu cầu quân sự. Qua kinh nghiệm tôi biết đôi khi chịu mặt dạn mày dày lại có kết quả. Nếu gã hiến binh nghĩ tôi là dân tị nạn, y bắt tôi ngay tại chỗ. Thay vào đó, tôi lớn giọng chào hỏi y. Và y đáp lại tôi cũng bằng cách ấy, nếu không phải là hơn nữa.

Lúc đến gặp quận trưởng, tôi nói hết sự thật để ông ta rõ. Phản ứng đầu tiên là ông muốn ném tôi ra ngoài. Sau ông cũng thấy vui vui vì cung cách trơ tráo của tôi. Ông mời tôi điếu thuốc rồi bảo tôi rút xéo đi: ông chẳng thấy gì, chẳng nghe gì. Mười phút sau, ông bảo tôi ông chẳng làm gì được để giúp tôi, vì bọn Đức có lẽ đã nắm các danh sách và xem ông là người chịu trách nhiệm nếu có thiếu ai. Ông không muốn để cuộc đời mình tàn trong trại tập trung của Đức.

“Thưa ông quận trưởng.” Tôi nói. “Tôi biết ông đã bảo vệ tù nhân. Và tôi cũng biết ông phải chấp hành mệnh lệnh. Nhưng ông và tôi cũng biết hiện nay nước Pháp ở trong tình trạng hỗn loạn và những mệnh lệnh hôm nay, ngày mai có thể biến thành điều ô nhục, và nếu tình trạng xáo trộn này dẫn đến sự tàn bạo vô nghĩa lý, thì mai sau thật khó lòng mà tìm cách biện minh chống chế. Tại sao ông lại phải trái ý muốn của chính mình, bắt nhốt những người vô tội trong những chuồng bọc kẽm gai để rồi đưa họ đi đến phòng hơi ngạt và trại tra tấn? Trong khi nước Pháp còn phải tự vệ thì nhất thiết phải bắt ngoại kiều trong trại giam, điều đó còn có lý do, còn có thể hiểu được, không kể là họ theo hoặc chống kẻ thù của nước Pháp. Nhưng chiến tranh kết thúc rồi mà. Cách đây vài hôm, kẻ thắng trận đã đưa đồng bào họ về. Những người ông còn để trong trại nay chỉ là nạn nhân sống trong nỗi kinh hoàng phải kéo lê thân đến cõi chết. Đáng lẽ ra tôi phải thỉnh cầu ông can thiệp giúp cho tất cả những người này, nhưng tôi đến đây để chỉ cầu xin ông đặc ân

này cho một người mà thôi. Nếu ông ngại đã lên danh sách, xin ông hãy gạt tên vợ tôi ra ngoài lấy cớ đã đào tẩu, hoặc chết, hoặc với lý do gì đó cũng được. Ông cứ bảo là nàng đã tự tử, nếu ông thích, như thế ông sẽ phải sạch được trách nhiệm.

Ông ta nhìn tôi một hồi rất lâu rồi nói:

“Ngày mai anh trở lại đi.”

Tôi chưa chịu lép.

“Đến ngày mai người ta tới bắt tôi thì sao,” Tôi nói, “Xin ông làm ngay ngày hôm nay cho.”

“Thế thì hai tiếng nữa anh trở lại.”

“Tôi chờ ngoài cửa phòng của ông. Đó là nơi an toàn nhất mà tôi có thể nghĩ ra.”

Bỗng nhiên ông nở nụ cười.

“Chà, câu chuyện tình đẹp thật!” Ông buột miệng nói, “Anh có vợ, ấy thế mà anh lại phải sống như chưa có vợ. Thường thì phải khác kia chứ.”

Tôi thở ra, người nhẹ nhõm. Khoảng một giờ sau ông gọi tôi vào.

“Tôi có gọi lên chỉ huy trưởng trại.” Ông nói, “Đúng là đã có tiến hành điều tra về vợ anh. Tôi sẽ nghe theo gợi ý của anh và báo cáo cô ấy đã chết. Như thế anh cũng yên tâm, mà chúng tôi cũng vậy.”

Tôi gạt đầu. Rồi liền sau đó, một nỗi sợ hãi tê lạnh đến lạ lùng xâm chiếm cả người tôi, chút mê tín còn sót lại đó thôi. Tôi đang đùa giỡn với định mệnh. Nhưng nghĩ cho kỹ thì bản thân tôi đã chẳng chết rồi đó sao? Chẳng phải tôi đang sống với giấy tờ của người chết đó sao?

“Ngày mai ta sẽ quyết định dứt khoát.” Ông quận trưởng nói.

“Xin ông làm ngay cho ngày hôm nay.” Tôi đáp, “Tôi phải sống hai năm trong trại vì quyết định bỏ trốn trễ chỉ có một ngày.”

Tôi kiệt sức, chắc ông ta cũng nhận ra điều đó. Mặt tôi đổi màu xám tro, sắp ngất xỉu. Ông gọi người đem rượu cognac đến.

“Cho tôi cà phê thôi.” Tôi nói, rồi thả người xuống ghế.

Gian phòng quay cuồng thành những tầng bóng xám và tím. Tôi không được quyền gục ngã, tôi tự nhủ, và tai tôi bắt đầu ù. Helen được tự do rồi. Chúng tôi phải tìm cách ra khỏi nơi đây.

Trong cái bay bổng nhẹ nhàng và tiếng u u bên tai tôi cảm thấy có một khuôn mặt và một giọng nói chập chờn trong đó. Giọng ấy gào thét, lúc đầu không rõ rệt, rồi trở thành to lên và rõ ràng hơn. Tôi cố theo dõi khuôn mặt và giọng nói, rồi tôi nghe:

“Các anh tưởng tôi vui lắm đấy phỏng? Cút hết. Thế này là cái quái gì? Tôi đâu phải là tên cai ngục? Tôi là một người đảng hoàng, có lòng từ thiện mà. Đồ chết tiệt? Bảo chúng nó xéo cả đi cho rảnh mắt!”

Sau đó tôi lạc mất đâu giọng nói, và tôi cũng không chắc có thật nó gào thét lên như thế hay nó chỉ rung lên âm vang trong tai tôi thôi. Cà phê được mang ra. Tôi lão đảo bước ra ngồi trên chiếc ghế dài. Một lát sau viên thư ký ra bảo tôi chờ thêm ít phút nữa.

“Tôi không có ý định bỏ đi đâu mà, khỏi lo.”

Ông quận trưởng ra bảo tôi mọi sự đã thu xếp xong. Cơn ngất vừa rồi của tôi, tôi thấy như thế, có tác dụng còn hơn bao nhiêu lời cầu khẩn của tôi.

“Sao, thấy khá chưa?” Viên quận trưởng hỏi, “Việc gì mà phải sợ tôi? Tôi chỉ là một anh quận trưởng cảnh sát người Pháp nhỏ bé ở tỉnh lẻ thôi mà.”

“Thế mà còn hơn Chúa nhiều.” Tôi mừng rỡ nói, “Chúa chỉ cho tôi cái giấy phép cư trú chung chung trên quả đất này, song nó hoàn toàn vô dụng. Cái mà tôi thực sự cần là cái giấy phép cư trú tại quận này, và không ai ngoài ông ra có thể cấp cho tôi được, thưa ông quận trưởng.”

Ông ta bật cười.

“Nhưng nếu chúng tìm anh, thì đây là nơi anh dễ bị nguy hiểm nhất.”

“Nếu chúng kiếm tôi, thì cảng Marseille còn tệ hơn ở đây. Đó là nơi chúng nghĩ là tìm ra tôi, chứ không phải ở đây. Xin ông cấp cho chúng tôi cái giấy phép cư trú một tuần lễ thôi. Khoảng thời gian đó chúng tôi đã vượt qua Biển đỏ rồi.”

“Biển đỏ?”

“Đó là cách nói của dân tị nạn. Chúng tôi như dân Do Thái trên đường chạy ra khỏi nước Ai Cập ngày xưa. Sau lưng chúng tôi là quân đội Đức và bọn Gestapo, hai bên là biển cảnh sát Pháp và Tây Ban Nha, trước mặt chúng tôi là vùng đất hứa của nước Bồ Đào Nha với cảng Lisbon, cái cổng đi đến một vùng đất hứa khác là Hoa Kỳ.”

“Anh đã có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ chưa?”

“Chúng tôi sẽ xin.”

“Anh có vẻ tin vào phép màu.”

“Tôi chẳng có quyền chọn lựa. Mà ngay hôm nay một phép màu đã chẳng vừa xuất hiện đó sao?”

Schwarz mỉm cười với tôi:

— Kể cũng lạ thật, trong nỗi tuyệt vọng ta lại tính toán được đến như thế. Tôi ý thức rõ rằng tại sao tôi nói ra những câu nói sau cùng kia và tại sao tôi dâng bốc viên quận trưởng bằng cách sánh ông ta với Chúa. Tôi phải xin cho được ở ông ta một giấy phép cư trú ngắn hạn. Khi ta lệ thuộc hoàn toàn vào người khác, ta cần phải là nhà tâm lý lành nghề, dẫu rằng lúc bấy giờ ta đang run sợ đến đứt hơi thở, mà cũng có lẽ chính vì lý do ấy. Sợ hãi và thận trọng là hai chức năng riêng biệt, cái nọ không xen vào cái kia. Nỗi sợ hãi của bạn là đích thực, cảnh ngộ khốn cùng của bạn cũng đích thực, và óc tính toán của bạn cũng thế.

Tất cả đều nhắm vào cùng một mục đích: sự cứu nạn. Schwarz tỏ vẻ điềm tĩnh hơn.

— Xin ông kiên nhẫn cho chút, tôi sẽ xong ngay thôi. - Hần nói. - Quả thật là chúng tôi được giấy phép cư trú trong một tuần lễ. Tôi đứng chờ Helen nơi cổng trại. Lúc ấy chiều cũng sắp tàn. Có cơn mưa nhỏ. Bác sĩ cùng ở đấy với nàng; nàng nói chuyện với ông ta một hồi trước khi trông thấy tôi. Câu chuyện có vẻ sôi nổi, trên khuôn mặt nàng hiện rõ nét cảm xúc hơn thường lệ. Tôi có cảm giác tôi là người khách qua đường không ai trông thấy, đi ngoài phố nhìn lén vào phòng thiên hạ. Rồi nàng trông thấy tôi.

“Vợ anh đau nặng lắm đấy.” Bác sĩ cho tôi biết.

“Đúng đấy.” Helen bật cười, nói, “Em được phóng thích nên em có thể vào bệnh viện để chết. Đã nhất trí về điều đó rồi.”

“Tôi nói nghiêm chỉnh đấy.” Giọng bác sĩ hơi gay gắt, “Quả thật vợ anh nên vào nhà thương.”

“Thế tại sao cách đây đã lâu người ta không đưa nàng vào?” Tôi hỏi.

“Chuyện gì thế này?” Helen nói, “Tôi chẳng đau ốm gì đâu và cũng không vào bệnh viện nào cả.”

“Bác sĩ có thể đưa nàng vào một bệnh viện nào nơi nàng được an toàn không?” Tôi hỏi bác sĩ.

“Không.” Ông đáp sau một lúc suy nghĩ.

Helen lại cười lớn:

“Dĩ nhiên là không. Cuộc thảo luận thật là vô nghĩa. Thôi, vĩnh biệt Jean.”

Nàng đi xuống dọc theo con đường trước tôi. Tôi muốn hỏi bác sĩ nàng có bệnh gì, nhưng không kịp. Ông nhìn tôi rồi vội vã quay lưng đi trở về trại. Tôi đành bước theo Helen.

“Em lấy hộ chiếu chưa?” Tôi hỏi.

Nàng gật đầu.

“Đưa túi xách của em cho anh.” Tôi bảo.

“Có gì trong ấy đâu.”

“Thì cứ đưa cho anh.”

“Em vẫn còn giữ chiếc áo dạ hội anh mua cho em ở Paris đấy.”

Chúng tôi bước nặng nhọc.

“Em ốm phải không?” Tôi hỏi nàng.

“Nếu thật là em bệnh, em đã nằm liệt giường rồi, phải thế không? Em phải sốt chứ. Em chẳng đau ốm gì cả. Ông ấy nói dối. Ông ấy muốn em ở lại đấy thôi. Anh nhìn em đi! Trông em có gì là bệnh không?”

Nàng đứng lặng yên.

“Có đấy.” Tôi đáp.

“Đừng buồn, anh ạ.” Nàng bảo.

“Anh có buồn đâu.”

Giờ thì tôi biết nàng ốm, và tôi cũng biết nàng sẽ không bao giờ chấp nhận chuyện ấy.

“Nếu vào bệnh viện thì em có đỡ phần nào không?” Tôi hỏi.

“Không.” Nàng đáp, “Chẳng đỡ hơn chút nào đâu. Anh nên tin em. Nếu em ốm mà bệnh viện có thể giúp em được, em đã kiếm cách vào đấy rồi. Tin em đi.”

“Anh tin em.”

“Anh có thể làm gì được?”

Bỗng nhiên tôi cảm thấy chán nản đến tuyệt vọng.

“Có lẽ em ở lại trong trại mà tốt hơn đấy.” Sau cùng tôi nói.

“Nếu anh không đến thì em đã tự tử rồi.”

Chúng tôi tiếp tục đi. Mưa nặng hạt hơn. Quanh chúng tôi bụi mưa dệt thành một bức màn xám buồn bã.

“Ta sẽ tìm cách đến Marseille.” Tôi nói, “Rồi từ đó đến Lisbon và Hoa Kỳ.”

Ở Hoa Kỳ có nhiều y sĩ giỏi, tôi nghĩ thế. Và có những bệnh viện nơi đây không ai đến bắt chúng tôi. Và có lẽ họ sẽ để chúng tôi có công ăn việc làm.

“Chúng ta sẽ quên châu Âu như quên đi một giấc mơ buồn.

Helen không trả lời.

## CHƯƠNG 15

"**C**uộc phiêu lưu của chúng tôi bắt đầu như thế đấy. - Schwarz nói, - Cuộc hành trình qua hoang mạc và Biển đỏ. Tôi nghĩ chắc ông biết câu chuyện ấy rồi.

Tôi gật đầu.

— Thành phố cảng Bordeaux. Rồi núi Pyrénées. Thăm dò đường biên giới ở các ngã tư. Lại rút về Marseille. Cuộc chiến đấu để kích động những tâm hồn uể oải trước làn sóng kẻ thù man rợ tràn đến mỗi lúc một gần hơn. Qua đó hệ thống quan liêu điên rồ đâm ra lúng túng. Không cấp giấy phép cư trú, nhưng cũng không cấp giấy phép xuất cảnh. Họ không cho bạn ở lại mà cũng không chịu để bạn ra đi. Sau cùng bạn xin được giấy phép xuất cảnh, nhưng trong lúc chờ đợi thì hộ chiếu quá cảnh do Tây Ban Nha cấp lại hết hạn. Bạn không thể xin lại một hộ chiếu khác nếu bạn không có hộ chiếu của Bồ Đào Nha, và cái đó lại còn tùy thuộc vào cái khác nữa. Như thế có nghĩa bạn phải bắt đầu tất cả lại từ đầu, "chờ đợi ngày này qua ngày khác ngoài cổng các tòa lãnh sự, những tiền sảnh của thiên đường và địa ngục. Thật là cái vòng luẩn quẩn khiến phát điên lên được.

— Thoạt tiên chúng tôi đi vào một vùng yên tĩnh, - Schwarz kể tiếp, - Tối hôm ấy Helen được một bữa khóc thoải mái. Tôi kiếm được một phòng tại một khách sạn hẻo lánh. Lần đầu tiên trong bao tháng nay chúng tôi mới sống hết là cặp vợ chồng với gian phòng riêng, sống chung với nhau chẳng ai quấy rầy. Vì thế mà Helen đã phải òa lên khóc vì sung sướng. Sau đó chúng tôi ngồi lặng yên trong khu vườn nhỏ. Tiết trời rất lạnh, song chúng tôi không thấy buồn ngủ. Chúng tôi uống rượu nho và ngắm con đường dẫn đến trại. Trong tôi nổi lên một tình cảm biết ơn sâu sắc và mãnh liệt đến gần như nhức nhối. Đêm nay tình cảm đó lấn át mọi thứ cảm giác khác, cả đến nỗi lo sợ cho sức khỏe của Helen cũng lu mờ đi. Vợ được buồn tẻ sướng vui qua dòng nước mắt, nàng tỏ vẻ dửng dưng và rất điềm tĩnh, như cảnh đất trời sau cơn mưa, trông duyên dáng như khuôn



mặt khắc trên đá chạm trở xưa. Tôi chắc chắn ông hiểu. - Schwarz nói. - Trong cuộc sống như của chúng tôi, bệnh hoạn có nghĩa khác hẳn. Nó có nghĩa là ta phải thôi chạy.

— Tôi biết. - Tôi cay đắng đáp lại.

— Tối hôm sau chúng tôi thấy ánh đèn bật của chiếc ô tô bò lên đường tới trại. Helen lại thấy khó chịu. Suốt ngày hầu như chúng tôi không ra khỏi phòng. Có riêng một cái giường và một căn phòng là một điều tuyệt vời quá, chúng tôi không muốn bỏ phí dầu chỉ là một phút. Cả hai chúng tôi đều thấy thân xác mệt mỏi quá chừng, và thật là diễm phúc cho tôi nếu khỏi phải nhúc nhích khỏi khách sạn trong mấy tuần luôn. Nhưng Helen muốn đi. Nàng không chịu nổi cảnh con đường đưa đến trại. Nàng sợ bọn Gestapo vẫn còn sục sạo kiểm nàng.

Chúng tôi thu xếp chút đỉnh đồ đạc hành trang. Khởi hành trong lúc giấy phép cư trú trong quận còn giá trị là điều hợp lý, tôi nghĩ thế. Trên đường đi, nếu chúng tôi có bị bắt tại một nơi nào đó, thì điều tệ lắm là đuổi chúng tôi trở lui; chúng không thể nhốt chúng tôi được, hay ít ra tôi mong như thế.

Tôi định đi về phía Bordeaux; nhưng trên đường đi chúng tôi được biết là quá trễ rồi. Một chiếc xe hơi Citroen bốn chỗ ngồi cho chúng tôi quá giang và người lái xe có khuyên chúng tôi nên trốn vào một nơi nào đó. Anh ta mách có một lâu đài nhỏ cách nơi anh ấy sắp đến không xa. Anh ta biết không có người ở trong ấy; có lẽ chúng tôi qua đêm ở đó được.

Chúng tôi chẳng có gì phải chọn lựa. Đến chạng vạng tối người lái xe cho chúng tôi xuống. Trước mặt chúng tôi, tòa lâu đài nằm im ắng trong khoảng ánh sáng xám buổi hoàng hôn, trông giống như một nông trang thì đúng hơn. Cửa sổ tối om, không màn. Tôi bước lên bậc tam cấp bằng đá và mở thử cửa. Cửa không khóa. Ổ khóa như đã có ai phá. Bước chân tôi âm vang trong phòng tiền sảnh mờ mờ. Tôi cất tiếng gọi lớn, chỉ có tiếng vọng vỡ nát trả lời tôi. Mấy căn phòng trống trơn. Những gì tháo gỡ được đã bị tháo gỡ đi rồi. Nhưng bên trong vẫn còn dấp dấp một nội sảnh xinh xắn của thế kỷ mười tám, tường lát ván ô, khung cửa sổ đều đặn cao sang, trần nhà trang hoàng đẹp, cầu thang xinh xắn.

Chúng tôi chậm rãi đi khắp ngôi nhà. Chẳng ai đáp lại tiếng chúng tôi gọi lớn. Tôi tìm công tắc: Chẳng có. Không có điện. Tòa lâu đài vẫn như từ thuở nó mới được xây cất. Phòng ăn nhỏ bé màu trắng biên mạ vàng. Phòng ngủ đầu tiên chúng tôi vào biên cũng mạ vàng màu xanh nhạt. Chẳng có lấy một món bàn ghế nào. Gia chủ chắc đã đem cất nơi khác.

Trên gác thượng chúng tôi tìm thấy một cái rương đựng mặt nạ, một ít bộ quần áo lòn loẹt rẻ tiền chắc được để lại đó sau một bữa tiệc, và vài hộp nến. Vẫn còn khá là chúng tôi tìm gặp một khung giường bằng sắt và tấm nệm. Trong bếp chúng tôi bắt gặp một ít bánh mì, vài hộp cá trích, một bó tỏi, nửa hũ mật, và trong hầm kho vài cân khoai tây, dăm ba chai rượu vang, và một đồng củi. Nói tóm lại, cả một xứ thần tiên.

Mỗi phòng đều có lò sưởi. Chúng tôi chọn một phòng ngủ để ở và lấy ít quần áo treo lên cửa sổ làm màn. Tôi trở ra gặp một khu vườn, một luống rau và vài cây ăn quả. Trên cây vẫn còn một ít táo và lê. Tôi hái đem vào.

Đợi đến lúc trời thật tối, từ xa không còn thấy khói được nữa tôi mới đốt lò sưởi và ngồi vào ăn. Bầu không khí ma quái, huyền ảo. Ánh lửa trong lò sưởi bùng sáng chiếu lên lớp gỗ lát tường xinh đẹp, và bóng hai chúng tôi lung linh chập chờn trên vách như những hồn ma từ cõi an lạc trở về.

Mái nhà âm lại. Helen cởi áo quần ra hong. Nàng lấy chiếc áo dạ hội mua ở Paris ra mặc. Tôi khui chai rượu. Không có ly chúng tôi đành uống ngay vào miệng chai. Lát sau Helen lại thay áo. Nàng lấy trong rương chiếc áo domino<sup>[\*]</sup> và mặt nạ che mắt mặc vào rồi tha thướt lên xuống chiếc cầu thang âm u. Từ trên rồi từ dưới chiếc cầu thang nàng lên tiếng gọi, âm thanh vang vọng lại từ mọi phía. Tôi không trông thấy nàng, chỉ nghe được bước chân nàng đi. Thoắt cái nàng đứng sau lưng tôi trong bóng tối và tôi nghe hơi thở nàng tỏa lên cổ mình.

“Anh cứ tưởng đã mất em rồi.” Tôi nói, và ôm siết lấy nàng.

“Anh không bao giờ mất em đâu.” Nàng thì thầm qua khe hở của chiếc mặt nạ, “Và anh biết tại sao không? Vì anh không bao giờ tìm cách giữ em lại như người nông dân bám vào mảnh đất

của mình. Người đàn ông lôi cuốn nhất cũng chỉ làm ta chán ngấy nếu thiếu đi tính chất ấy.”

“Anh biết anh chẳng lôi cuốn chút nào.” Tôi ngạc nhiên nói.

Chúng tôi đứng ở đầu cầu thang. Cửa phòng ngủ khép hờ và từ lò sưởi, dải ánh sáng chập chờn rơi trên hình chạm trổ ở thành cầu thang và lên miệng, lên vai Helen.

“Làm sao anh biết được anh là gì?” Nàng hỏi nhỏ. Đằng sau chiếc mặt nạ mắt nàng nhìn chăm chăm, rục rủa không còn trông trắng nữa, như cặp mắt rắn. “Nhưng nếu anh hiểu được những tên Don Juan[\*] tâm địa xấu xa như thế nào! Như chiếc áo ta chỉ mặc được một lần. Còn anh, thì khác chứ: anh là con tim của em cơ mà!”

Có lẽ do bộ áo quần cải trang nên chúng tôi mới nói chuyện bằng giọng điệu đó. Mặc dù không thích gì mấy song tôi cũng mặc chiếc áo domino vào để phôi bộ đồ công nhân cạnh lò sưởi. Ánh lửa bập bùng, những bộ y trang lạ lùng, dư ảnh của thời vàng son phảng phất chung quanh khiến chúng tôi thốt nên những lời lẽ khác thường. Những từ quen thuộc đổi hẳn ý nghĩa. Chẳng hạn như “chung thủy” và “bạc tình” mất hẳn trọng lượng và tính cứng nhắc của giai cấp trung lưu, và trở thành song nghĩa có thể dùng thay cho nhau được. Các từ mang quá nhiều sắc thái và được hiểu ở nhiều mức độ.

“Chúng ta đều chết cả rồi,” Helen thì thầm. “Cả hai ta. Không có luật pháp dành cho kẻ chết. Anh thì chết với tám thông hành chết của anh, còn em hôm nay chết trong bệnh viện. Hãy nhìn lại quần áo của chúng mình. Chúng mình giống những cánh dơi lòe loẹt chờn vờn giữa thế kỷ chết. Nó là một thế kỷ đẹp thật đấy, với điệu vũ minuet[\*] với vẻ mỹ miều và với cõi thiên đường kiểu rococo[\*]. Nhưng bao nhiêu liên hoan hội hè ấy kết thúc trên máy chém, sáng loáng và tàn nhẫn trong buổi sáng lạnh lùng. Em tự hỏi không biết máy chém dành cho chúng ta đặt ở nơi đâu.”

“Helen, em đừng nói thế.” Tôi bảo.

“Nó chẳng ở đâu cả.” Nàng nói khế. “Không có máy chém cho kẻ đã chết. Chúng không thể chặt đầu ta được; ta đâu có thể chặt đầu ánh sáng và bóng tối. Ôm em đi anh, giữa bóng tối

vàng son huyền ảo này, và có lẽ sẽ còn lại chút gì cho chúng ta để thấp sáng cho cái giây phút thẩm thương mà ta thờ hơi cuối cùng.”

Người tôi khẽ run lên.

“Helen, em đừng nói năng như thế.” Tôi nài nỉ.

“Anh hãy nhớ mãi đến em như em ngày hôm nay.” Nàng thì thầm, “Ai biết được ta sẽ ra sao?”

“Chúng ta sẽ qua Hoa Kỳ.” Tôi bảo, “Và rồi cũng có ngày chiến tranh chấm dứt.”

“Em không than thân trách phận đâu.” Nàng nói, áp sát mặt vào tôi. “Việc gì ta phải than trách? Nếu khác đi, thì ta đã ra sao rồi? Một cặp vợ chồng tầm thường, tầm tối, sống một cuộc đời tầm thường, tầm tối tại Osnabruck, với những cảm xúc cũng tầm thường, tầm tối và một ít tuần nghỉ mát mùa hè.”

Tôi không nhin được cười.

“Đó cũng là một cách nhìn vào sự việc.”

Đêm ấy nàng rất vui thích. Tay cầm cây nến, nàng chạy xuống cầu thang chân mang đôi dép vàng xinh xắn mua ở Paris dạo nọ mà nàng đã cất giấu qua bao nhiêu thăng trầm, và mang một chai rượu mới từ hầm rượu lên. Tôi đang chờ nàng ở đầu cầu thang thì nàng nhô ra khỏi bóng tối, cuốn theo sau những mảng bóng tối, mặt ngược lên nhìn tôi trong ánh nến. Tôi tràn ngập hạnh phúc, nếu từ này có thể dùng cho tấm kính phản ánh lại một dung nhan yêu dấu, trong sáng và hoàn hảo giữa muôn vàn chiếc bóng u uất.

Lửa tàn dần. Nàng ngủ thiếp dưới chồng y trang. Thật là một đêm kỳ lạ. Lát sau tôi nghe tiếng máy bay gầm, và những tấm kính rococo bắt đầu rung nhẹ.

Chúng tôi ở lại đó bốn ngày. Sau đó tôi ra ngôi làng gần nhất kiếm mua thực phẩm và nghe nói có hai chiếc tàu sắp rời Bordeaux.

— Quân Đức chưa chiếm sao? - Tôi hỏi.

— Rồi và chưa. Cái đó còn tùy theo anh là ai. Tôi đem chuyện ấy ra bàn với Helen. Thật là ngạc nhiên, nàng không quan tâm cho lắm.

“Có tàu, Helen ạ,” Tôi nói, không dần được nổi phần khởi. “Có lẽ ta có thể thoát ra khỏi đây được. Rồi sang châu Phi. Đến Lisbon. Hay bất cứ đâu.”

“Tại sao không ở lại đây?” Nàng nói, “Trong vườn có hoa quả rau rả. Em có thể nấu nướng chừng nào còn củi đốt. Bánh mì ta có thể mua ngoài làng. Còn tiền không anh?”

“Còn một ít. Và anh còn một bức tranh có thể bán tại Bordeaux để lấy tiền xe.”

“Thời buổi này ai mua tranh?”

“Những ai có tiền để đầu tư.”

Nàng cười.

“Thế thì anh bán đi, và ta sẽ ở lại đây.”

“Anh cũng mong như thế.”

Nàng đâm ra mê thích ngôi nhà rồi. Cách xa bên hông nhà có một công viên nhỏ. Mặt sau là vườn cây ăn quả và một miếng đất nhỏ trồng rau. Lại có cả ao cá và đồng hồ mặt trời. Helen yêu thích ngôi nhà và dường như nó cũng yêu thích nàng. Khung cảnh thích hợp với nàng. Ít ra cũng thay đổi được cái cảnh sống trong khách sạn và nhà trại. Cuộc sống có ý phục đầy đủ tươi mát tại nơi trú ngụ đầy quá khứ thanh bình này dấy lên trong tôi một niềm hy vọng diễm ảo và đôi khi tôi lại còn tin rằng có một cuộc sống khác sau khi ta chết đi, như thể đây là cuộc trình diễn y phục của chúng tôi. Chính tôi cũng cảm thấy vui thích nếu cứ tiếp tục sống như thế này trong cả trăm năm nữa.

Tuy nhiên tôi vẫn cứ nghĩ mãi tới Bordeaux. Tôi bồn chồn vô cùng vì không lẽ tàu bè ra khơi được nếu thành phố đã bị chiếm đóng một phần, song thật ra đạo ấy còn là chiến tranh nửa vời. Nước Pháp đã có hiệp định đình chiến, nhưng hòa ước thì chưa được ký; thế nên người ta coi như có một vùng tạm chiếm và một vùng tự do. Nhưng nước Pháp bắt lực nên không thể bắt đối phương cùng đi đến một thỏa ước nào. Ngoài ra quân Đức được đại diện qua quân đội và sở Gestapo, mà hai bộ phận này không phải lúc nào cũng thống nhất hành động.

“Anh phải tìm cho ra mới được. Em cứ ở đây đi, anh sẽ kiếm cách mò xuống Bordeaux xem sao.”

Helen lắc đầu.

“Em không ở lại đây một mình đâu. Em đi với anh.”

Đây không phải là chuyện vô lý. Lúc bấy giờ không còn khu vực nào rõ rệt là an toàn hay nguy hiểm. Ta có thể thoát khỏi bàn tay của bộ chỉ huy quân địch để rồi lại bị bọn Gestapo bắt lại tại một đảo xa xôi nào đó: chẳng có nguyên tắc nào để trông mong, để hy vọng.

Chúng tôi đến Bordeaux một cách thật tình cờ. Tôi chắc ông đã từng quen với cái lối đi đứng như thế rồi. Sau này khi ngồi nghĩ lại, ta không hiểu. Làm sao có thể như thế được. Đi bộ, đi bằng xe. Trên một phần đường chúng tôi lại còn cưỡi nhờ hai con ngựa lưng rộng, hiền lành do một nông dân đánh ra chợ để bán.

Quân đội đã đến Bordeaux rồi. Thành phố chưa bị chiếm đóng, song quân Đức đã có mặt. Cảnh quan không khỏi gây xúc động trong chúng tôi. Chúng tôi nghĩ mình có thể bị bắt bất cứ lúc nào. Helen mặc một bộ đồ bình thường để tránh những cặp mắt soi mói. Ngoài chiếc áo dạ hội, cái quần dài, và hai áo veston, đó là tất cả những gì nàng còn lại. Phần tôi có thêm bộ đồ thứ hai trong ba lô.

Chúng tôi gửi hành trang tại một tiệm cà phê. Mang theo hành lý dễ khiến người ta chú ý, mặc dầu có không ít người Pháp mang va li theo trong lúc đi đường.

“Ta đến văn phòng du lịch hỏi thăm tin tức tàu bè.” Tôi nói, “Ở thành phố này, chúng mình chẳng quen biết ai cả.”

Chúng tôi tìm ra một văn phòng còn mở cửa. Ở các tủ kính còn thấy mấy tấm bích chương quảng cáo cũ kỹ: “Mùa thu hãy đến sống ở Lisbon. Algiers<sup>[\*]</sup>, hòn ngọc của Châu Phi. Nghỉ mát tại Florida, Granada<sup>[\*]</sup> ngợp nắng.” Phần lớn các bích chương đã phai bạc hết màu, nhưng màu sắc của Lisbon và Granada vẫn còn rực rỡ.

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu ở quầy. Một chuyên gia mười bốn tuổi chỉ dẫn chúng tôi. Tàu hải? Không hề có. Những tin đồn đại loại như thế cả mấy tuần nay đi đâu cũng nghe nói. Trước khi quân Đức đến, có một chiếc tàu Anh đến đón người Ba Lan và những người tình nguyện khác để thành lập đoàn chí

nguyện quân Ba Lan đang được tổ chức tại Anh. Hiện nay thì không có tàu nào rời cảng.

Tôi có hỏi tất cả những người kia đến thành phố để làm gì.

“Cũng như ông thôi, đối với số đông trong bọn họ là thế.” Tay chuyên gia đáp.

“Còn anh thì sao?”

“Tôi đã bỏ hẳn ý định ra đi rồi,” Cậu ta nói. “Ở đây tôi đã có cách sinh sống rồi. Làm thông ngôn, cố vấn, chuyên lo về hộ chiếu và nhà cửa...”

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Thời buổi khó khăn khiến người ta chóng già, và tuổi trẻ không bị tình cảm hoặc thiên kiến làm cho mù quáng. Chúng tôi vào một tiệm cà phê, và cậu chuyên gia phác họa tình hình cho chúng tôi rõ. Có lẽ quân Đức sẽ đi, nhưng rất khó xin giấy phép cư trú tại Bordeaux, và xin hộ chiếu thì lại rất bết. Vào lúc này, Bayonne<sup>[\*]</sup> là nơi xin hộ chiếu dễ dàng, người ta bảo thế, song lại quá đông người xin. Marseille có vẻ là nơi tốt nhất, song lại xa quá. Sớm muộn gì ta cũng đi bằng con đường đó.

— Ông cũng thế, chứ gì? - Schwarz hỏi tôi.

— Vâng. - Tôi đáp. - Đó là đoạn đường lên núi Calvaire<sup>[\*]</sup> của chúng ta.

Schwarz gật đầu

— Tất nhiên cũng đã có thử phía lãnh sự Hoa Kỳ. Nhưng Helen có giấy hộ chiếu có giá trị do bọn Quốc xã cấp. Làm sao có thể chứng minh với họ rằng chúng tôi đang gặp nguy hiểm đến tính mạng? Đám người Do Thái kinh hoàng, không có bất cứ một thứ giấy tờ gì trong người, nằm la liệt dọc lề đường bên ngoài cửa, có vẻ còn bị nguy hiểm đe dọa hơn chúng tôi nhiều. Giấy hộ chiếu là chứng cứ chống lại chúng tôi. Kể cả giấy hộ chiếu của ông già Schwarz đã chết.

Chúng tôi quyết định trở về lâu đài của chúng tôi. Hai lần chúng tôi bị hiến binh chặn đường, và cả hai lần tôi mang áp dụng óc hài hước ma mãnh của tôi thật đúng lúc, hợp cảnh. Tôi cầu nhàu với mấy tên hiến binh, gí hộ chiếu vào mũi chúng và kể lể điều gì đó về các nhà chức trách quân sự. Helen không nhin được cười, vì cảnh diễn ra quá khôi hài. Tôi mang ra dùng

lại cái mảnh mới này lúc trở về tiệm cà phê để lấy lại đồ đạc. Lão chủ bảo chẳng biết gì đồ đạc cả.

“Cứ gọi cảnh sát đi nếu thấy thích.” Hấn nói với một nụ cười. “Liệu anh có dám không nào?”

“Tôi không cần gọi cảnh sát.” Tôi đáp lại, “Cứ đưa lại đồ đạc cho tôi thôi.”

Tên chủ đi về phía người hầu bàn:

“Henri, ông đây muốn bỏ đi đây.”

Henri xắn tay áo lên và bước lại gần hơn.

“Tôi sẽ suy nghĩ kỹ hơn, nếu tôi ở vào địa vị anh.” Tôi bảo hấn, “Hay anh đang khao khát muốn biết bên trong trại tập trung của Đức ra sao chẳng?”

“Câm mồm lại.” Hấn đáp, và đưa nắm tay lên.

“Được thôi, trung sĩ, bắt đi.” Tôi la lớn, mắt nhìn phía sau lưng Henri.

Hấn sập bẫy ngay. Hấn nhìn quanh, nắm tay vẫn đưa cao. Tôi lấy hết sức bình sinh đá vào háng hấn. Hấn hét to một tiếng rồi ngã gục xuống sàn nhà. Lão chủ với lấy chai rượu, từ phía sau quầy bước ra.

Tôi chụp lấy chai rượu Dabonnet<sup>[\*]</sup>, đập bẻ cổ chai vào cạnh quầy rượu, và khua lên cái vũ khí giết người ấy. Lão chủ đứng lặng yên. Sau lưng tôi có tiếng chai thứ hai vỡ. Tôi không nhìn quanh. Tôi không thể rời mắt khỏi lão ta được.

“Em đấy thôi.” Nàng nói, và hét lên với lão chủ tiệm. “Chó đẻ! Trả đồ đạc lại cho chúng tao, không thì nát mặt ra bây giờ.”

Tay nắm chặt cái chai bẻ cổ, nàng thu mình lấy đà bước lại gần lão. Tôi chụp lấy nàng với cái tay còn rảnh. Chai nàng nắm trong tay chắc là chai rượu Pernod<sup>[\*]</sup>, vì bỗng nhiên cả chỗ ấy nồng nặc mùi hôi. Một tròng chửi rủa của phường khuôn vác bển tàu tuôn lên mặt lão chủ. Vẫn giữ thế thủ mình, Helen tìm cách gỡ tay tôi ra. Lão chủ rút lui về phía sau quầy rượu.

“Chuyện gì thế này?” Có người hỏi từ phía cửa bằng tiếng Đức.

Lão chủ toét miệng cười. Helen quay lại.



Tên trung sĩ Đức tôi đã bịa ra để dọa Henri lúc này bây giờ hiện ra bằng xương bằng thịt.

“Y có bị thương không?” Tên trung sĩ hỏi.

“Ai? Con lợn ấy hả?” Helen chỉ vào Henri vẫn còn nằm gập đôi người lại, hai nắm tay kẹp giữa đùi, “Không phải máu đâu. Rượu Dabonnet đấy.”

“Các người là người Đức hả?” Tên trung sĩ hỏi.

“Phải.” Tôi trả lời, “Chúng tôi bị cướp.”

“Có giấy tờ gì không?”

Lão chủ lại toét miệng cười. Có vẻ như y hiểu đôi chút tiếng Đức.

“Dĩ nhiên chúng tôi có giấy tờ.” Helen la ầm lên, “Và tôi cần anh giúp.” Nàng đưa hộ chiếu lên cao, “Tôi là em gái của trung tá Jurgens. Này anh xem đây!” Nàng chỉ vào nhật ký ghi trên thông hành, “Chúng tôi đang lưu trú tại Lâu đài...”

Nàng nói lên một cái tên mà suốt đời tôi chưa từng nghe nói đến.

“Chúng tôi vừa mới đến Bordeaux trong ngày. Chúng tôi gửi đồ đạc tại đây, cho tên trộm này. Thế mà giờ đây hắn la toáng lên là chưa bao giờ thấy những đồ đạc ấy. Anh vui lòng giúp tôi vậy.”

Nàng lại bước đến lão chủ.

“Thật thế không?” Tên trung sĩ hỏi lão.

“Dĩ nhiên là thật. Phụ nữ Đức không nói dối.” Nàng nói giọng quả quyết.

Thật ra đó là một trong những câu khẩu hiệu tuyên truyền ngu xuẩn của chế độ Quốc xã.

“Thế còn anh là ai?” Tên trung sĩ hỏi tôi.

“Lái xe.” Tôi đáp, vừa phúi phúi vào bộ áo quần công nhân của mình.

“Được, tốt lắm. Thế thì còn chờ gì nữa?” Gã trung sĩ hét lớn với lão chủ tiệm.

Người đàn ông đứng sau quầy rượu thôi không cười toét nữa.

“Cô có muốn tôi nhốt tên lưu manh này lại không?” Tên trung sĩ hỏi.

Helen thích thú thông dịch lại câu hỏi ấy, lại còn thêm vào những tiếng “Đồ đểu” và “Đồ ngoại kiều dơ dáy” rất đặc biệt của nàng. Tôi đã từng bị chửi rửa bằng những từ như thế nên tôi giật thót mình khi nghe nàng gọi lão người Pháp ấy là tên ngoại quốc dơ dáy ngay trên đất nước của chính lão.

“Henri.” Lão ta kêu rống lên, “Cậu cất đồ đạc vào đâu?” Rồi quay qua tên trung sĩ, lão nói tiếp, như để giải thích, “Nào, tôi có hay gì đâu. Chắc cậu ta cất đấy.”

“Lão nói dối đó.” Helen nói, “Lão tìm cách trút lên đầu tên cốt đột của lão đó. Thôi, trả lại đi.” Nàng hét lớn với lão chủ tiệm, “Bằng không là ta gọi Gestapo đấy.”

Lão chủ đá vào Henri, tên này rón rén lùi đi.

“Cho tôi xin lỗi.” Lão nói với tên trung sĩ, “Chỉ là hiểu lầm đấy thôi. Mời các vị dùng chút gì với tôi nhé!”

“Cognac.” Helen bảo, “Thứ ngon nhất đấy.”

Lão chủ đặt một ly lên bàn. Helen đưa mắt nhìn lão. Lão lại đặt thêm hai ly nữa.

“Cô là một phụ nữ cừ lắm.” Tên trung sĩ nói.

“Phụ nữ Đức chẳng sợ gì cả.” Helen trích dẫn câu trong sách cẩm nang của bọn Quốc xã, rồi đặt chai Pernod vỡ xuống.

“Anh lái xe loại nào?” Tên trung sĩ hỏi.

Tôi nhìn thẳng vào cặp mắt ngậy thơ màu xám của hắn.

“Xe hiệu Mercedes, dĩ nhiên. Hiệu xe Quốc trưởng thường vẫn dùng ấy mà.”

Hắn gật đầu:

“Nơi đây cũng đẹp đấy chứ nhỉ? Không giống như ở nhà, nhưng cũng khá xinh. Cô thấy thế nào?”

“Đẹp đấy, nhưng không giống như ở quê nhà.”

Chúng tôi uống rượu. Cognac ngon tuyệt. Henri mang đồ đạc chúng tôi vào và đặt lên ghế. Tôi nhìn vào ba lô. Chẳng thiếu món gì.

“Các thứ đều nghiêm chỉnh.” Tôi nói với tên trung sĩ.

“Lỗi do tên hầu bàn.” Lão chủ nói, “Bạn được nghỉ việc, Henri. Thôi cút đi.”

“Cảm ơn trung sĩ. Anh đúng là một chiến sĩ Đức mà lại là con người lịch sự nữa chứ.”

Tên trung sĩ đưa tay chào. Tuổi hắn chưa đến hai mươi lăm.

“Còn hai chai Pernod và Dubonnet bị vỡ chưa tính tiền.” Lão chủ tiệm lấy lại can đảm nói.

Helen thông dịch và nói thêm:

“Lão này chẳng lịch sự gì cả. Xôi hỏng bỏng không rồi, ông ơi. Tự vệ mà.”

Tên trung sĩ lấy tiếp chai nữa ở quầy rượu.

“Xin phép.” Hắn nói với vẻ người lịch sự, “Kẻ chiến thắng phải có đôi chút đặc quyền chứ.”

“Bà đây không dùng rượu mùi Cointreau,” Tôi nói. “Lấy cognac thôi, trung sĩ à, chai khui rồi cũng được.”

Tên trung sĩ cầm chai rượu đưa cho Helen. Tôi cất nó vào balô. Ra khỏi tiệm chúng tôi mới chào từ giã. Tôi chỉ ngại tên trung sĩ muốn đưa chúng tôi ra xe Mercedes nhưng Helen giải quyết rất khéo léo. Hắn nói để chia tay:

“Những việc như thế này không xảy ra trên đất nước ta được đâu. Chúng tôi đã có lệnh cấm.”

Tôi nhìn theo hắn. Mệnh lệnh, tôi chợt nghĩ. Tra tấn, bắn vào gáy và tàn sát tập thể. Thì hãy giao cho tôi cả triệu tên lừa đảo bần tiện nhỏ nhen như lão chủ tiệm rượu kia đi.

“Anh thấy thế nào?” Helen hỏi.

“Khỏe thôi. Nay, lúc trước anh không biết em chửi thề như thế đấy.”

Nàng cười lớn.

“Em học được trong trại đó. Chà, nhẹ cả người. Như trút khỏi được cả một năm tù tội trên lưng. Còn anh, anh học ở đâu cái lối đánh nhau bằng chai vỡ cổ và cả lối đá vào hạ bộ người ta thế?”

“Chiến đấu để bảo vệ quyền sống của con người.” Tôi đáp, “Thời đại ta đang sống đầy rẫy mâu thuẫn. Để bảo vệ hòa bình ta lại tiến hành chiến tranh.”

Thế mà gần đúng đấy. Cách duy nhất để sống còn là nói dối và gian lận. Trong những tuần lễ kế tiếp, tôi ăn cắp trái cây của nông dân và lấy sữa trộm trong nhà kho của họ. Đó là thời gian đầy hạnh phúc. Nó nguy hiểm, buồn cười, đôi khi ảo não, và thường là vui vẻ, nhưng chưa bao giờ vướng chút cay đắng chua xót nào. Tôi vừa kể ông nghe chuyện xô xát với lão chủ quán. Những chuyện đại loại như thế lúc nào cũng có. Có lẽ ông cũng từng có kinh nghiệm?

Tôi gật đầu:

— Vâng, đúng là vui thật đấy, nếu ta nhìn bằng cặp mắt như vậy.

— Tôi tập quen đi rồi. - Schwarz nói, - Nhờ Helen đó. Nàng không còn chất chứa dĩ vãng trong lòng nữa. Điều tôi đã thỉnh thoảng học được ở nàng là tính hiện thực rạng rỡ hàng ngày của nàng. Mỗi ngày qua dĩ vãng tiêu vụn phía sau nàng. Tất cả kinh nghiệm đời của nàng dồn chất vào khoảnh khắc hiện tại. Điều mà đối với người khác trải rộng lên trọn cuộc đời thì đối với nàng lại cô đọng vào khoảnh khắc đó. Nhưng chẳng có gì là điên dại, loạn kinh trong đó cả. Đó là một sự lắng đọng thoải mái hoàn toàn, thanh thản như nhạc Mozart và khắc nghiệt như cái chết. Đạo lý và trách nhiệm hiểu theo nghĩa hạn hẹp của con người không còn nữa, và được thay bằng những động cơ cao thượng hơn, hầu như siêu thực vậy. Chẳng còn thì giờ để nghĩ đến những chuyện tầm thường. Nàng linh hoạt như pháo bông, nhưng pháo bông của nàng không để lại tro. Lúc bấy giờ tôi chưa nhận ra điều này, nhưng nàng không còn muốn được cứu thoát nữa; nàng biết điều đó không thể được. Nhưng vì tôi cứ khăng khăng, nên nàng cũng đành theo. Và tôi, giống như thằng khùng, kéo lê nàng theo hết chặng đường Thập tự giá<sup>[\*]</sup> này đến chặng đường kế tiếp, và có tất cả mười hai chặng, từ Bordeaux xuống Bayonne, và mãi tận Marseille để rồi sau cùng tấp vào đây.

Lúc chúng tôi về đến lâu đài, thì đã có người ở rồi. Chúng tôi thoáng thấy những bộ quân phục, những tên lính đưa những bàn thợ mộc bằng gỗ lên, còn mấy sĩ quan mặc quần không

quân túm vào giày boots cao cổ đánh bóng, lui tới khệnh khạng như bầy công kỳ quặc.

Ăn mình sau cây sồi và pho tượng cẩm thạch trong khu vườn, chúng tôi để mắt quan sát. Chiều sắp tắt, ánh chiều mịn như tơ.

“Ta có bỏ sót lại gì không nhỉ?” Tôi hỏi.

“Táo trên cây, không khí, tháng mười vàng óng, và những giấc mơ của chúng ta.” Nàng đáp.

“Những thứ ấy thì đến đâu chúng ta cũng bỏ lại.” Tôi trả lời, “Như tơ nhện đọng đưa giữa mùa thu.”

Một tên sĩ quan đứng trên sân hiên gào ra lệnh.

“Tiếng nói của thế kỷ hai mươi đấy.” Helen nói, “Nào, ta hãy ra khỏi đây thôi. Tối nay ngủ đâu?”

“Đâu đó giữa đám cỏ khô.” Tôi đáp, “Mà cũng có thể là trong giường. Nhưng đâu sao, vẫn có em và có anh.”

## CHƯƠNG 16

Ông còn nhớ cái công viên bên ngoài tòa lãnh sự tại Bayonne chứ? - Schwarz hỏi, - Dân tị nạn thường xếp hàng tự, nhưng chỉ lát sau là hàng ngũ tan rã lộn xộn ngay; đám người tị nạn phát hoảng kinh dồn lại làm nghẽn lối vào, khóc la, gào thét, giành nhau một chỗ đứng.

— Tôi còn nhớ. - Tôi nói, - Người ta có phát vé cho ta quyền đứng chờ đợi bên ngoài. Nhưng thiên hạ vẫn làm nghẹt cửa ra vào như thường. Cứ mỗi lần cửa sổ mở ra, tiếng than vãn lại biến thành tiếng gào rít. Họ phải ném hộ chiếu ra ngoài cửa sổ. Hàng trăm cánh tay vụt đưa lên. Đám đông trông giống hệt đám rừng.

Mấy cô gái bỏ đi ngủ, chỉ còn lại hai. Một cô trông cũng khá xinh thơ thần đến bên chúng tôi, vừa đi vừa ngáp.

— Các anh buồn cười thật. Chỉ biết có tán gẫu và tán gẫu. Bọn này đến giờ ngủ rồi đấy. Song tiệm vẫn mở nếu các anh còn muốn nói chuyện thêm.

Cô ta mở cửa. Ban mai lùa vào, trắng xóa và sắc nhọn. Mặt trời tỏa sáng. Cô ta đóng cửa lại sau lưng chúng tôi. Tôi nhìn đồng hồ.

— Hôm nay tàu không ra khơi đâu. - Schwarz nói, - Chắc là phải đến đêm mai.

Hắn thấy là tôi không tin hắn.

— Ta thử xuống xem tí. - Hắn nói.

Sau cảnh nhà chứa im lặng, tiếng ồn ào ở đây thoát tiên hầu như không chịu nổi. Schwarz đứng lặng yên. Một đám trẻ con chạy gần đó, tay xách giỏ đầy cá.

— Kìa ông xem, chúng vừa chạy vừa la, tưởng như chúng đổ xô cả ra đây. - Schwarz nói.

Chúng tôi đi xuống cảng. Biển động, có gió lạnh, nắng gắt song chẳng ấm, cánh buồm bập bùng trong gió. Ai ai cũng bận túi bụi, với buổi sáng, với công việc và với chính bản thân mình. Chúng tôi tha thẩn giữa đám người xôn xao hối hả như hai chiếc lá vàng khô.

— Ông không tin rằng đến ngày mai tàu mới ra khơi sao? - Schwarz hỏi.

Dưới ánh sáng dữ dội trông hấn mệt mỏi và chán chường.

— Tôi không tin được. - Tôi đáp, - Ông bảo hôm nay nó khởi hành. Ta cứ hỏi thử xem. Việc này rất quan trọng đối với tôi.

— Với tôi cũng thế. Nhưng rồi bỗng nhiên nó chẳng có chút nghĩa lý gì với tôi cả.

Tôi không đáp lại. Chúng tôi tiếp tục đi. Một nỗi bồn chồn vô vọng bóp chặt tim tôi. Cuộc đời mời gọi tôi bằng cả âm thanh và màu sắc của nó. Đêm đã tàn. Ta cứ phải gọi lại hình bóng của quá khứ mãi sao?

Chúng tôi dừng lại bên ngoài cửa hiệu dán đầy tranh quảng cáo. Trong tủ kính ở quầy, bảng hiệu màu trắng thông báo việc khởi hành được hoãn lại cho đến ngày hôm sau.

— Tôi hầu như kiệt sức rồi. - Schwarz nói.

Tôi được thêm một ngày. Không kể gì đến bảng thông báo, tôi thử mở cửa. Nó vẫn khóa. Khoảng mười người nhìn tôi. Từ mọi phía họ bước vài bước đến gần tôi hơn khi tôi ấn vào tay nắm cửa. Họ cũng là dân tị nạn. Khi thấy cửa vẫn khóa, họ quay đi, giả vờ như bận nhìn vào tủ kính cửa hiệu.

— Đấy ông xem. Ông vẫn còn thì giờ mà. - Schwarz nói và đề nghị đi ra căng uống cà phê.

Gã uống vội tách cà phê nóng, hai tay ôm lấy cái tách như để sưởi ấm lòng bàn tay.

— Máy giờ rồi, ông?

— Bảy giờ rưỡi.

— Một tiếng đồng hồ. - Hấn nói thảm, - Trong một tiếng nữa họ sẽ đến. - Hấn lại nhìn lên. - Tôi không có ý muốn kể ông nghe một câu chuyện thương cảm. Nghe ra nó giống như thế chứ gì, phải không ông?

— Không đâu.

— Thế thì giống gì?

— Giống một câu chuyện tình.

Nét mặt hấn giãn ra, dịu hấn xuống.

— Cảm ơn ông. - Hấn nói. Hấn thu hết can đảm kể tiếp, - Phần khủng khiếp của câu chuyện bắt đầu từ Biarritz[\*]. Tôi nghe nói có một chiếc tàu nhỏ khởi hành từ cảng Saint Jean de Luz. Nhưng thật ra đó chỉ là tin đồn. Khi trở về phòng trọ, tôi thấy Helen nằm ngay ra sàn nhà. Mặt nàng co giật lại.

“Bị cơ bắp rút đấy thôi mà.” Nàng nói thảm, “Sẽ qua thôi. Anh cứ để em yên.”

“Để anh đi kiếm bác sĩ.”

“Không cần mời bác sĩ.” Nàng hỏn hển đáp, “Em không cần bác sĩ đâu. Rồi sẽ qua thôi mà. Năm phút nữa trở lại. Bây giờ hãy để em yên. Cứ làm theo lời em đi. Đừng gọi bác sĩ. Anh đi đi.” Nàng thét lên, “Em biết việc em làm mà. Mười phút nữa trở lại. Rồi thì anh...”

Nàng xoa tay bảo tôi đi. Nàng không nói được. Nhưng đôi mắt nàng chứa chan cả một lời cầu xin bi thiết và khó hiểu, tôi đành phải bỏ đi. Tôi đứng trước nhà nhìn ra đường phố. Rồi tôi hỏi tìm bác sĩ và được biết có bác sĩ Dubois sống cách đó vài con phố. Tôi chạy đến chỗ ông ta ngay. Ông thu dọn ít dụng cụ rồi đi theo tôi.

Khi chúng tôi trở về. Helen đang nằm trên giường. Mặt nàng ướt đầm mồ hôi, song nàng có vẻ tỉnh táo hơn.

“Anh lại đưa bác sĩ đến.” Nàng nói giọng trách móc như thể tôi là kẻ thù độc địa nhất của nàng.

Bác sĩ bước từng bước rón rén đến giường.

“Tôi chẳng đau ốm gì đâu.” Nàng nói.

“Thưa bà,” Dubois nói với một nụ cười, “Thì ta hăng cứ để cho bác sĩ quyết định xem bà có bệnh hay không đã nào.”

Ông mở túi lấy đồ dụng cụ ra.

“Anh hãy để em một mình với bác sĩ.” Helen bảo tôi.

Tôi rời khỏi phòng trong tâm trạng rối bời. Tôi nhớ lại những điều bác sĩ ở trại đã nói. Tôi đi lên đi xuống dọc con phố, nhìn lên bảng quảng cáo vỏ ruột xe ô tô hiệu Michelin treo ở xưởng chữa xe bên kia đường. Hình nhân kết bằng vỏ lốp xe biến thành một biểu tượng buồn thảm, do những khúc ruột và những côn trùng trắng toát kết thành. Tôi nghe tiếng búa đập chan chát từ bên nhà chữa xe dội qua, như có ai đang đóng một cỗ áo



quan bằng sắt và bỗng nhiên tôi có ý thức ra nỗi đe dọa này bám sát chúng tôi từ lâu, tạo nên một hậu cảnh xám xịt trên đó cuộc sống chúng tôi nổi bật lên với những đường nét sắc cạnh hơn, như khu rừng ngập nắng nổi bật trên tầng mây bão bùng.

Tôi không nhớ rõ phải chờ bao lâu đến lúc Dubois trở ra. Ông có chòm râu dê ở cằm và tôi đoán vốn liếng chuyên môn của ông chủ yếu là kê những đơn thuốc nhẹ cho bệnh ho, những chứng hậu bệnh khác cho đám người đến đây nghỉ mát. Dáng đi uốn éo của ông làm tôi thất vọng. Lúc ấy tại Biarritz đã hết mùa nghỉ mát; nên ông ta chắc chắn là rất vui mừng gặp được bệnh nhân mắc bất cứ chứng bệnh gì.

“Bà nhà...” Ông nói đến đấy rồi ngưng.

Tôi nhìn ông ta.

“Xin cho tôi biết sự thực hoặc đừng nói gì cả.”

Trong một lúc nụ cười yếu ớt, cảm động thay đổi hẳn nét mặt của ông.

“Ông cầm lấy cái này.” Ông vừa nói, vừa rút ra cuốn sổ đơn thuốc ghi ghi chép chép gì vào đó bằng một thứ chữ không đọc ra, “Ông cứ ra hiệu thuốc bảo người ta theo đó mà bào chế cho. Nhớ lấy lại đơn thuốc đấy. Ông có thể dùng lại bất cứ lúc nào cần đến. Tôi có ghi rõ rồi.”

Tôi cầm lấy mảnh giấy trắng.

“Cái gì thế này?” Tôi hỏi.

“Ông chẳng cần biết làm gì.” Ông ta đáp, “Xin ông nhớ cho điều đó. Ông biết cũng chẳng ích gì đâu.”

“Cái gì thế này? Xin ông đừng bí mật nữa. Tôi muốn biết sự thật.”

Ông ta không trả lời.

“Khi nào ông cần, ông cứ ra hiệu thuốc,” Ông bảo thế. “Họ sẽ bán cho ông ngay thôi.”

“Nhưng gì thế này?”

“Một thứ thuốc làm dịu cơn đau rất mạnh. Ông chỉ có thể mua thứ thuốc đó với toa bác sĩ thôi.”

Tôi cầm đơn thuốc.

“Thưa bác sĩ, tiền khám bao nhiêu?”

“Chả phải trả gì cả.”

Ông ta lại uốn éo bỏ đi. Đến góc phòng ông quay lại.

“Ông đi mua đi và để nó đâu đó mà bà nhà có thể tìm thấy được. Đừng nói gì với bà nhà. Bà ấy biết. Bà thật là tuyệt vời.”

“Helen.” Tôi nói với nàng, “Như thế nghĩa là thế nào? Em đau. Tại sao em không cho anh hay?”

“Đừng tra vấn em nữa.” Nàng đáp lại giọng rất yếu, “Cứ để em sống theo cách của riêng em.”

“Em không muốn cho anh biết sao?”

Nàng lắc đầu.

“Chẳng có gì phải nói cả.”

“Anh không giúp gì được cho em sao?”

“Không, anh yêu quý.” Nàng đáp, “Lần này anh không giúp được em đâu. Nếu được, em sẽ cho anh biết.”

“Anh vẫn giữ bức tranh nhỏ của họa sĩ Degas. Anh có thể bán nó đi. Tại Biarritz này có lắm kẻ rất giàu. Sẽ có đủ tiền đưa em vào bệnh viện.”

“Và để người ta bắt em? Và lại cũng chẳng ích lợi gì đâu. Anh cứ tin em đi.”

“Bệnh nặng thế cơ à?”

Ánh mắt nàng lộ vẻ buồn phiền khôn khổ đến mức tôi không hỏi thêm gì. Tôi quyết định lại qua Dubois hỏi lại lần nữa.

Schwarz lại im lặng.

— Bà nhà bị ung thư? - Tôi hỏi.

Hắn gật đầu.

— Đáng lẽ tôi phải nghĩ ra trước đó từ lâu. Tại Thụy Sĩ người ta bảo nàng có thể giải phẫu lần thứ hai nhưng không ích gì. Trước kia nàng đã chịu một cuộc phẫu thuật rồi. Tôi có trông thấy vết sẹo. Bác sĩ chuyên đã cho nàng biết sự thật. Nàng vẫn có thể lựa chọn giữa vài lần phẫu thuật vô ích nữa nhưng phải ở mãi trong bệnh viện và một cuộc sống ngăn ngủi bên ngoài. Ông ấy cũng có nói thẳng cho nàng hay không có gì bảo đảm nàng sống lâu hơn trong bệnh viện. Thế là nàng quyết định không giải phẫu.

— Bà nhà không muốn cho ông biết?

— Không. Nàng cảm thù chứng bệnh của nàng. Nàng cố làm như không biết đến nó. Người nàng đã nghe thấy mùi đất rồi, như thể dò bọ rúc khắp nơi bên trong người nàng. Chắc nàng ngại rằng tôi sẽ kinh tởm nếu tôi hay được chuyện. Cũng có lẽ nàng còn hy vọng cứ làm như không biết đến nó thì chứng ung thư sẽ biến đi.

— Và ông chẳng khi nào nói với bà nhà về điều ấy?

— Rất ít khi. Nàng có nói với Dubois và về sau tôi làm cho Dubois phải nói sự thật. Ông đưa thêm thuốc cho tôi, và có cho tôi biết chứng bệnh có thể trầm trọng hơn, nhưng cũng có thể, ông ấy bảo, là cuộc kết thúc sẽ nhanh chóng nhẹ nhàng. Tôi chẳng nói gì với Helen. Nàng không muốn tôi làm như thế. Nàng dọa sẽ tự tử nếu tôi không chịu để nàng yên. Sau đó, tôi làm ra vẻ tin nàng, tin rằng đó chỉ là chứng co rút cơ bắp vô hại mà thôi.

Chúng tôi phải rời Biarritz. Chúng tôi đánh lừa lẫn nhau. Helen nhìn tôi và tôi lại nhìn nàng. Nhưng không bao lâu sự đánh lừa nhau ấy có một mãnh lực lạ lùng. Trước tiên nó hủy diệt điều mà tôi sợ nhất: ý niệm về thời gian. Ý niệm về tuần tháng phai nhạt hẳn đi. Nó vẫn còn làm chúng tôi khiếp sợ khi nghĩ còn thật quá ít thời gian phía trước chúng tôi, nhưng nỗi sợ hãi ấy trở nên trong suốt như thủy tinh. Nó không còn như đám mây bao trùm lên tháng ngày của chúng tôi, mà biến thành tấm lá chắn làm lệch hướng những suy tư nhiễu loạn đi: chúng không còn kéo đến nữa. Tôi gặp những lúc thất vọng nào nê khi Helen ngủ thiếp đi. Tôi nhìn xuống khuôn mặt nàng còn nàng thì nằm đấy, hơi thở nhẹ nhàng và trong tầm tay khỏe mạnh của tôi. Và tôi nhận thức rõ nỗi cô đơn khủng khiếp mà thân xác ta giam hãm ta trong đó, cái vịnh mà ta không thể nào bắc cầu qua được. Dòng máu khỏe mạnh của tôi bắt lực không chữa trị được dòng máu bệnh hoạn của người tôi yêu dấu. Nó vượt quá tầm hiểu biết. Và cái chết cũng thế.

Cái khoảnh khắc hiện tại biến thành đủ mọi thứ. Ngày mai là cõi vô biên xa tít mù. Khi Helen thức, khi ngày lại bắt đầu, lúc nàng ngủ và tôi cảm thấy nàng bên cạnh, những suy tư của tôi lơ lửng giữa hy vọng và thất vọng. Tôi ôm ấp những dự tính ngông cuồng dựa trên phép màu, hoặc vẽ nên một thứ triết lý

tùy thời, đui mù trước mọi sự khác chung quanh. Nhưng tất cả những ước mơ điên dại ấy của tôi bị ánh sáng đầu ngày xua tan đi, bị làn sương sớm nuốt chửng mất.

Thời tiết trở lạnh. Tôi lang thang với bức tranh Degas. Đúng ra nó sẽ cho tôi đủ tiền tàu qua Hoa Kỳ, và tôi cũng hài lòng bán được nó đi. Nhưng tại những thành phố lẻ và những làng mạc tôi đi qua, chẳng ai chịu trả mua với giá phải chăng, thỉnh thoảng tôi kiếm việc làm tạm bợ. Tôi tập lao động ngoài đồng. Tôi đào, tôi cuốc. Tôi vui mừng được có việc làm. Không phải chỉ có chúng tôi đâu. Tôi đã gặp các giáo sư cưa gỗ và ca sĩ Opéra đào củ cải. Nông dân thì có cách đối xử của riêng họ, họ lợi dụng sức lao động rẻ tiền. Có người thì trả chút đỉnh tiền công, có người lại cho thức ăn và chỗ ngủ qua đêm. Cũng có người xua đuổi ta đi ngay. Ấy, chúng tôi tìm đường đến Marseille như vậy đó. Ông đã đến đó lần nào chưa?

— Có ai mà chưa đến đó? - Tôi nói, - Đó là khu vực làm ăn của hiến binh và bọn Gestapo. Chúng vây quanh đám dân tị nạn như đàn thỏ bên ngoài các tòa lãnh sự.

— Suýt tí nữa là chúng bắt chúng tôi đấy. - Schwarz nói, - Viên quận trưởng trông coi Sở ngoại kiều ở Marseille làm đủ cách trong chức năng của ông để cứu người tị nạn. Tôi vẫn bị ám ảnh bởi ý nghĩ phải xin cho được hộ chiếu Hoa Kỳ. Một hộ chiếu Hoa Kỳ, tôi cứ nghĩ thế, có thể chặn đứng được chúng ung thư nữa. Muốn có được hộ chiếu, ông cũng rành quá rồi mà, ta phải chứng minh là đang gặp hoàn cảnh cực kỳ nguy hiểm hoặc có tên trong danh sách những nghệ sĩ, khoa học gia hoặc nhà trí thức nổi tiếng, danh sách đã lập sẵn tại Hoa Kỳ. Làm cứ như cả bọn chúng tôi chẳng ai gặp nguy hiểm cả, và cứ như là mạng người này không bằng mạng người kia vậy! Cái lỗi phân biệt giữa con người tầm thường với con người có giá trị chẳng có chút bà con xa gần với cái quan niệm siêu nhân đối lập với lũ người sâu bọ của bọn Quốc xã đó sao?

— Người ta đâu có khả năng lấy hết tất cả mọi người được. - Tôi nói.

— Không à? - Schwarz hỏi vặn lại.

Tôi không trả lời. Mà trả lời như thế nào đây? Có và không thì cũng thế thôi.

— Tại sao không lấy kẻ bị số phận hẩm hiu nhất, bị bạc đãi nhất? - Schwarz hỏi, - Những kẻ vô danh không tiếng tăm?

Tôi chẳng nói gì. Schwarz đã có hai hộ chiếu Hoa Kỳ, hẳn còn muốn gì hơn nữa? Hẳn há không biết rằng người Hoa Kỳ chỉ cấp hộ chiếu cho bất cứ ai có người ở bên ấy đứng ra bảo lãnh, y sẽ không trở thành gánh nặng công cộng đó sao?

Lúc sau hẳn cũng huyền thuyên như thế.

— Bên đó tôi chẳng quen biết ai cả. Nhưng có người cho tôi cái địa chỉ ở New York. Tôi viết thư đến địa chỉ đó. Tôi cũng có viết vài người khác nữa. Tôi nói rõ hoàn cảnh của chúng tôi. Thế rồi có người bạn cho tôi biết tính toán như thế là sai hoàn toàn. Người tàn phế không được nhận qua Hoa Kỳ. Những người mắc chứng nan y cũng không được xét đến. Thế tức là tôi phải bảo đảm Helen hoàn toàn đầy đủ sức khỏe. Helen nghe trộm được một phần câu chuyện. Điều đó không tránh khỏi. Ở Marseille chẳng ai nói chuyện với ai cả. Trông thật chẳng khác gì một đàn ong điên.

Tối hôm ấy chúng tôi ngồi tại tiệm ăn xa đại lộ Canebière. Ngoài đường gió thổi quét từng đợt. Tôi không nản. Tôi hy vọng gặp được một bác sĩ nhân đạo nào đó chịu cấp cho Helen giấy chứng nhận sức khỏe. Chúng tôi vẫn chơi cái trò chơi cũ, nghĩa là cứ giả vờ tin lẫn nhau, giả vờ như tôi chẳng hay biết gì cả. Tôi viết thư cho viên quản đốc trại nàng để xin giấy chứng nhận rằng chúng tôi đang gặp nguy khốn. Chúng tôi mượn một căn phòng nhỏ. Tôi cũng xin được giấy phép cư trú hạn một tuần lễ và kiếm được một chỗ làm bất hợp pháp về đêm, chân rửa bát đĩa. Chúng tôi có chút ít tiền, và một tay dợc sĩ bán cho tôi mười ống chích moóc phin theo đơn thuốc của Dubois. Vậy là chúng tôi có đủ thứ cần dùng.

Chúng tôi ngồi vào bàn gần cửa sổ, nhìn ra đường phố, “vớ chúng tôi đây là một thứ xa xỉ ít có, vì trong suốt cả tuần lễ chẳng cần phải trốn tránh gì cả. Đột nhiên Helen giật mình và nắm chặt bàn tay tôi. Nàng nhìn đăm đăm vào bóng đêm lộng gió.

“Georg!” Nàng bảo thầm.

“Ở đâu?”

“Trong chiếc xe mui trần. Hắn vừa lái qua đây.”

“Em chắc không?”

Nàng gật đầu.

Tôi kinh ngạc quá đỗi. Tôi cố gắng phân biệt những người chạy xe qua nhưng thấy là không thể được. Tôi không an tâm chút nào.

“Tại sao trong số bao nhiêu là nơi hắn lại có mặt ngay tại Marseille này?” Tôi hỏi.

Nhưng ngay lát sau tôi sực hiểu rằng Marseille là nơi thích hợp nhất trên thế giới mà hắn cần có mặt, nơi ẩn náu cuối cùng của tất cả những người tị nạn tại Pháp.

“Chúng ta lại phải rời Marseille thôi.” Tôi nói.

“Ta có thể đi đâu?”

“Tây Ban Nha.”

“Không phải bên ấy lại còn nguy hiểm hơn sao?”

Có tin đồn tại Tây Ban Nha bọn Gestapo tự nhiên coi như ở nhà, và những người tị nạn bị cảnh sát Tây Ban Nha bắt, sẽ bị giao lại cho nhà chức trách Đức. Nhưng vào những ngày ấy đủ thứ tin đồn lan truyền đi khắp nơi, ta không thể tin tất cả được.

Tôi thử một lần nữa với cái trò đuổi bắt quá xưa này: người ta chỉ cấp cho bạn hộ chiếu quá cảnh Tây Ban Nha nếu bạn có hộ chiếu Bồ Đào Nha, đến lượt hộ chiếu này lại tùy thuộc hộ chiếu một nước khác nữa. Đây là chưa nói đến cái hệ thống giấy tờ quan liêu lắc léo tệ hại nhất: hộ chiếu xuất cảnh Pháp.

Vào một đêm chúng tôi gặp một dịp may mắn thật bất ngờ: một thanh niên Hoa Kỳ bắt chuyện với chúng tôi. Anh ta hơi say và đang kiếm một người để nói tiếng Anh. Ít phút sau, anh ngồi vào bàn chúng tôi, gọi thức uống mời chúng tôi. Anh ta khoảng hai mươi lăm tuổi và đang chờ tàu trở về lại Hoa Kỳ.

“Tại sao hai ông bà không cùng đi luôn thế?” Anh ta hỏi.

Tôi ngồi im một lúc chẳng nói gì. Câu hỏi ngây ngô ấy tưởng chừng như làm cái bàn giữa chúng tôi phải nứt đôi. Anh ta đang sống trên một hành tinh khác. Điều mà đối với anh ta dễ dàng

như uống ngụm nước thì đối với chúng tôi lại xa xôi như chòm sao Thất tinh không tài nào với tới được.

“Không có dấu nhập cảnh.” Mãi sau tôi mới nói.

“Đó đâu phải là trở ngại. Ở Marseille này ta có tòa lãnh sự mà. Nhân viên ở đấy thật tử tế hết sức.”

Tôi cũng từng biết những người tử tế ấy. Họ là những đáng á thản. Bạn chờ đợi hàng giờ ngoài đường để rồi chỉ được gặp thư ký của họ thôi. Sau đó chúng tôi được phép chờ đợi dưới hầm rượu, vì người tị nạn thường bị nhân viên Gestapo chặn bắt ngoài phố.

“Ngày mai tôi sẽ đưa ông bà đến đó.” Anh thanh niên Hoa Kỳ nói.

“Tốt thôi!” Tôi nói mà trong bụng chẳng tin lời anh ta tí nào.

“Nào ta hãy uống mừng đi.”

Chúng tôi uống rượu. Khuôn mặt tươi mát, chân thật của anh là điều vượt quá mức chịu đựng của tôi. Anh ta kể cho chúng tôi nghe về cái biển ánh sáng ở khu Broadway. Toàn là những chuyện cổ tích giữa một thành phố âm u. Tôi nhìn lên khuôn mặt Helen khi anh ta tuôn ra hàng tràng những tên tuổi các diễn viên, các vở kịch, những hộp đêm, khi anh ta gọi cảnh huyền ảo vô hại của một thành phố chẳng bao giờ biết đến chiến tranh là gì. Tôi cảm thấy khốn khổ nhưng đồng thời lại vui mừng thấy nàng chịu lắng tai nghe, vì mãi đến lúc bảy giờ nàng chỉ nghe đề cập đến Hoa Kỳ một cách thờ ơ lạnh nhạt đến lạ lùng. Mặt nàng rạng rỡ lên, mỉm cười qua làn khói thuốc và hứa sẽ để anh thanh niên này đưa nàng đi xem vở kịch anh ta thích nhất. Chúng tôi tiếp tục uống và tin rằng cả câu chuyện hôm nay ngày mai sẽ quên đi hết không còn gì.

Nhưng chúng tôi làm. Người thanh niên Hoa Kỳ ghé chỗ chúng tôi đúng mười giờ. Sau buổi đêm hôm trước đầu tôi còn nhức, miệng tôi còn đắng, và Helen không chịu đi theo tôi. Trời mưa. Như thường lệ, một nhóm người tị nạn tụ tập bên ngoài tòa lãnh sự. Thật như là một giấc mơ. Đám đông rẽ tạt sang hai bên cho chúng tôi vào như Biển đỏ đã rẽ sang hai bên trước đoàn dân Do Thái chạy trốn vua Ai Cập<sup>[1]</sup>. Tám thông hành màu

xanh lá cây của chàng thanh niên Hoa Kỳ là chiếc chìa khóa vàng mở được mọi cánh cửa.

Điều không thể tin được đã xảy ra. Khi chúng tôi giải thích rõ hoàn cảnh cho anh ta, bằng giọng rất thản nhiên anh bảo sẽ bảo đảm cho chúng tôi. Điều này nghe ra trái với lẽ thường vì anh ta quá trẻ. Tôi thấy dường như muốn bảo đảm cho tôi anh ta phải lớn tuổi hơn tôi mới được. Chúng tôi mất gần một tiếng đồng hồ tại tòa lãnh sự. Trước đó vài tuần, tôi có làm tờ khai nói rõ lý do vì sao chúng tôi đang gặp nguy hiểm. Nhờ những trung gian tại Thụy Sĩ, tôi đã phải mất bao nhiêu lo nghĩ, công sức, tôi có nhận được thư chứng minh rằng tôi có ở trại tập trung của Đức. Tôi cũng đã đưa bằng chứng là Georg đang tìm kiếm chúng tôi để đưa trở về Đức. Người ta bảo một tuần nữa trở lại. Ra ngoài, anh chàng Hoa Kỳ bắt tay tôi, chia tấm danh thiếp cho tôi và nói:

“Ông cầm lấy cái này. Và nhớ ghé thăm tôi khi qua bên đó.”

Anh vẫy tay chào tôi và sắp sửa bỏ đi. Tôi hỏi:

“Nếu có chuyện gì trục trặc thì sao? Nếu tôi cần đến anh thì sao?”

Anh ta bật cười.

“Ai cũng biết ông cụ tôi. Tôi nghe nói ngày mai có tàu đi Oran<sup>[\*]</sup>. Tôi nghĩ chắc tôi sẽ bay qua đó trước khi trở lại đây. Ai mà biết được chừng nào tôi mới có thể trở lại? Tốt hơn ngay bây giờ nên suy tính kỹ.”

Nói xong, anh ta biến mất. Năm sáu người tị nạn vây quanh lấy tôi, hỏi thăm tên và địa chỉ anh ta; họ áng chừng là có chuyện gì đã xảy ra và muốn tham gia vào. Đến lúc tôi bảo tôi chẳng biết anh ta ở đâu tại Marseille thì họ bèn gọi tôi bằng đủ thứ tên nghe chẳng tốt đẹp gì. Mà thật tình tôi không biết. Tôi đưa họ xem tấm danh thiếp với cái địa chỉ Hoa Kỳ của anh ta. Họ vội chép liền. Tôi bảo họ chẳng ích gì đâu, người đàn ông ấy đi Oran thôi. Họ bảo sẽ đợi anh ta trên cầu tàu trước khi tàu rời bến. Tôi về nhà với mớ suy nghĩ lộn xộn. Có lẽ tôi đã làm hỏng mọi công việc khi đưa ra tấm danh thiếp, nhưng nỗi hoang mang trước sự thể ấy khiến tôi mất hết cả tỉnh táo. Và dấu sao



cứ mỗi bước chân tôi đi tôi lại càng tin chắc hoàn cảnh thật là vô vọng.

Tôi thuật lại tất cả cho Helen nghe. Nàng cười. Tối hôm ấy nàng rất hòa nhã dễ thương. Chúng tôi mượn lại căn phòng nhỏ hẹp của một chủ mượn khác, “ông cũng rõ có những địa chỉ truyền miệng cho nhau ấy mà. Con chim yến màu xanh mà chúng tôi hứa chăm sóc đang hót như điên trong lồng, nó hót không ngừng. Đôi lúc một chú mèo từ mái nhà bên cạnh bước vào ngồi ở bực cửa sổ, đôi mắt vàng nhìn hau háu vào con chim. Trời rét, nhưng Helen muốn để cửa sổ mở. Nàng vẫn làm như thế mỗi khi nàng thấy đau.

Mãi đến khuya ngôi nhà mới được yên tĩnh.

“Anh còn nhớ cái lâu đài nhỏ dạo ấy không?” Helen hỏi.

“Anh còn nhớ rõ như thể có ai đó kể nó lại cho anh vậy.” Tôi đáp, “Như thể không phải chính anh mà là người nào khác đã sống ở đó.”

Nàng nhìn tôi.

“Mà có lẽ như thế thật.” Nàng nói, “Bên trong ta ai cũng có rất nhiều con người. Và đôi khi một trong những nhân vật đó đứng tách riêng hẳn ra và chiếm ưu thế trong một lúc. Thế là ta trở thành một người nào đó khác, một người mà ta chưa bao giờ quen biết. Nhưng rồi ta trở về với cái ta.”

Nàng quay lại tôi vẽ khăn khăn.

“Có phải không anh?”

“Anh chưa bao giờ có nhiều người khác bên trong anh cả.” Tôi đáp, “Anh lúc nào cũng chỉ như thế này một cách tẻ ngắt.”

Nàng lắc đầu thật mạnh.

“Anh nói không đúng đâu. Một ngày nào đó anh sẽ tự khắc thấy thôi.”

“Em muốn nói gì đấy?”

“Thôi, quên chuyện ấy đi. Kìa, anh hãy nhìn con mèo trên cửa sổ. Rồi nhìn lại con chim quá quắt kia. Chẳng chút nghi ngờ gì cả! Một nạn nhân vui vẻ!”

“Con mèo không bao giờ bắt nó được đâu. Nó được an toàn ở trong lồng.”

Helen bật cười lớn.

“Hừm, an toàn ở trong lồng.” Nàng lặp lại, “Có ai lại muốn được an toàn trong lồng?”

Mãi đến sáng rõ chúng tôi mới thức giấc. Người gác cổng đang hò hét, nguyên rửa. Mặc quần áo nghiêm chỉnh, tôi vội chạy ra mở cửa nhưng chẳng thấy bóng dáng cảnh sát.

“Có máu!” Bà gác cổng thét lên, “Bà ấy không còn cách nào khác sao chứ? Thật bê bối dơ bẩn quá chừng? Giờ thì phải gọi cảnh sát thôi. Ấy đấy, tốt bụng tốt dạ thì hậu quả như thế đấy! Người ta chỉ biết lợi dụng thôi. Lại còn thiếu năm tuần tiền mướn phòng nữa chứ!”

Những khách trọ khác tụ lại trong khoảng sáng xám ngoài hành lang và nhìn vào căn phòng kề sát phòng chúng tôi. Một bà lục tuần tự tử bằng cách cắt mạch máu ở cổ tay. Máu chảy xuống theo cạnh giường bà ta nằm.

“Gọi ngay bác sĩ.” Lachmann nói.

Lachmann là một người tị nạn gốc Frankfurt sống ở Marseille bằng nghề bán chuỗi hạt và tượng ảnh thánh.

“Bác sĩ!” Bà gác cổng điên tiết nói, “Bà ấy đã chết cả mấy tiếng đồng hồ rồi. Mấy người không thấy à? Đấy, cứ nhận mấy người vào ở là như thế đấy! Giờ thì phải mời cảnh sát lại. Họ cứ việc bắt cả lũ mấy người đi, tôi đếch cần. À mà còn cái giường. Làm sao tôi chùi rửa nó sạch đây?”

“Chúng tôi sẽ lau chùi nó thôi.” Lachmann nói, “Nhưng bà đừng để cảnh sát dấy vào chuyện này.”

“Thế còn tiền trọ? Tiền trọ của bà ấy thì sao đây?”

“Chúng tôi sẽ quỳn góp.” Một bà già mặc áo kimono nói, “Chúng tôi còn đi đâu được nữa? Xin bà hãy thương giùm chúng tôi.”

“Tôi đã thương xót bà ấy, thế mà bà ấy lại lợi dụng lòng tốt của tôi. Phải chi bà ấy có chút đỉnh của cải có giá trị!”

Bà gác cổng lục lợi moi móc khắp nơi. Chiếc bóng điện trần độc nhất tỏa ra một thứ ánh sáng vàng nhợt nhạt. Bên dưới giường người chết có một cái va li bằng sợi rẻ tiền. Bà gác cổng quỳ xuống phía cuối giường sắt, phía chân không có máu và kéo nó ra. Bên dưới lớp áo vải sọc mặc trong nhà, bà phô ra

một bộ móng to lớn thô tục của con côn trùng đang chực vồ mồi. Bà mở va li ra.

“Chẳng có gì cả! Toàn đồ giẻ rách, giày cũ.”

“Này, nhìn đây xem!” Người đàn bà mặc kimono vừa nói, vừa chỉ vào cái hộp nhỏ, “Tên người chết là Lucie Lowe, làm nghề bán tất vớ cũ chợ đen và hàn đồ sành sứ bẽ.”

Bà gác cổng mở chiếc hộp ra. Trên lớp vải màu hồng là một sợi dây chuyền nhỏ và một chiếc nhẫn nạm hạt đá nhỏ.

“Vàng hả?” Bà gác cổng hỏi, “Chắc là mạ vàng.”

“Vàng.” Lachmann nói.

“Nếu là vàng.” Bà gác cổng nói, “Bà ấy có thể bán nó đi trước khi làm việc này chứ!”

“Đâu có phải lúc nào cũng vì đói mà ta làm chuyện ấy đâu.” Lachmann điềm tĩnh nói, “Đúng là vàng thật đấy. Và viên đá nhỏ là hồng ngọc. Đáng giá ít nhất cũng là bảy tám trăm franc.”

“Thôi đi, đừng đùa nữa. Không cười được đâu.”

“Thật đó. Tôi có thể bán lại nếu bà thích.”

“Rồi lừa tôi để cuỗm hết tiền ấy hả? Thôi đi ông bạn ơi, bạn đến nhằm địa chỉ chỉ rồi.”

Bà ta phải gọi cảnh sát. Không thể tránh thủ tục này được. Trong khi đó, những khách trọ tị nạn cũng đã mỗi người mỗi ngã rồi. Số đông bắt đầu những sinh hoạt thường ngày của họ, chờ đợi ở tòa lãnh sự, hoặc tìm cách bán lại một món đồ gì đó hoặc chạy kiếm việc làm. Những người còn lại thì đi đến nhà thờ gần nhất. Chúng tôi đặt một người cảnh giác ở góc đường để báo chúng tôi biết lúc nào bờ biển vắng người.

Buổi lễ ở nhà thờ đang tiến hành. Trong những lối đi ở hành lang các phụ nữ vận đồ đen phủ phục như những mô đất tối thẫm. Mấy ngọn nến bập bùng cháy một cách thản nhiên, nhạc oóc gan trỗi lên, và ánh đèn bập bùng lấp lánh trên cốc rượu lễ vàng được nâng lên hứng lấy máu Chúa Giê-xu hiến dâng để cứu rỗi thế gian. Nhưng rồi máu ấy đưa đến đâu? đến những cuộc thánh chiến đẫm máu, đến sự cuồng tín tôn giáo, những tra tấn của tòa án Dị giáo thời trung cổ, những cuộc săn đuổi phù thủy và hỏa thiêu những người dị giáo, tất cả đều nhân danh Đức bác ái.

“Tại sao ta không ra ga?” Tôi hỏi Helen, “Ở đây ấm hơn.”

“Được thôi. Nhưng anh đợi cho chút.”

Nàng bước đến chiếc ghế dài bên dưới bục giảng và quỳ xuống. Tôi không rõ có phải nàng cầu nguyện hay không và cầu nguyện cho ai, nhưng tôi chợt nhớ đến cái ngày tôi chờ đợi nàng trong thánh đường ở Osnabruck. Đạo ấy, tôi như gặp một phụ nữ tôi từng quen biết và mỗi ngày qua nàng vừa xa lạ vừa gần gũi hơn. Giờ đây nàng có vẻ như cũng trượt khỏi tôi lần nữa để đi vào vùng nơi mọi tên tuổi đều bị lãng quên, nơi chỉ còn bóng tối cùng với những quy luật lạ lùng của bóng tối. Nàng xưa đuổi vùng âm u đó; nàng trở lại với tôi, nhưng nàng không còn là của tôi như tôi vẫn cố tin như vậy. Có lẽ chưa bao giờ nàng là của tôi cả. Mà nói cho cùng, có ai thuộc về ai đâu? Mà thuộc về người nào đó là nghĩa gì? Thuộc về lẫn nhau là nghĩa gì? Phải chăng đó chỉ là một ảo giác vô vọng, một quy ước vụng về? Mãi mãi nàng quay về, như nàng vẫn thường gọi, trong một giờ, trong một khoảnh khắc của một cái nhìn, trong một đêm. Và lúc nào tôi cũng cảm thấy mình như là một nhân viên kế toán mà không có quyền kiểm tra sổ sách. Tôi chỉ được quyền chấp nhận mà không thắc mắc bất cứ điều gì mà người tôi yêu dấu, con người bị đầy đọa, khốn khổ và khó hiểu thích làm và chịu vui lòng cho tôi biết. Tôi cũng thừa biết có những tên khác để gọi hiện tượng này, những tên gọi rẻ tiền, dễ dãi, miệt thị, song những tên gọi này dùng trong những trường hợp khác và cho những người làm tưởng sử dụng vị kỷ của mình là của dưng hiến. Cảnh ngộ cô đơn đòi hỏi có người đồng hành mà không cần hỏi người đó là ai. Nếu ta không nhận thức được như thế, thì ta có thể là cô độc, chứ chưa bao giờ là cô đơn.

“Em cầu nguyện gì vậy?” Hỏi xong tôi lại ân hận đã hỏi nàng như thế.

Nàng nhìn tôi bằng cái nhìn lạ lùng.

“Em cầu nguyện để có dấu nhập cảnh Hoa Kỳ đó.” Helen trả lời, và tôi biết nàng nói dối.

Có thể là để cầu xin điều ngược lại thì đúng hơn. Tôi suy nghĩ hồi lâu, tôi thường bị xúc động bởi thái độ chống đối lạng lẽ của nàng trước những dự tính Hoa Kỳ của tôi. Có đêm nàng hỏi tôi:

“Hoa Kỳ hả? Anh sẽ sẽ làm gì ở Hoa Kỳ? Tại sao lại phải chạy đi xa như vậy? đến đó rồi, lại sẽ có một Hoa Kỳ khác để chạy theo, rồi lại một Hoa Kỳ khác nữa, anh không thấy điều đó sao?”

Nàng không muốn có sự đổi thay gì nữa. Nàng đã từ bỏ mọi tin tưởng ở tương lai. Cái chết đang gặm nhấm nàng như không muốn buông tha nàng. Nó không chế nàng giống như nhà phẫu thuật sống quan sát xem những gì sẽ xảy ra khi một bộ phận này tiếp theo bộ phận khác, khi tế bào này tiếp theo tế bào kia, bị biến đổi và tiêu hủy. Nó chơi cái trò mặt nạ tàn bạo với nàng, không khác nhiều lắm cái buổi dạ vũ hóa trang vô hại ở lâu đài dạo họ. Qua từng phút, người đàn bà này bằng ánh mắt lung linh, thể hiện, khi là thù hận khi thì hiến dâng. Có lúc nàng như con bạc chấp nhận thua cuộc bằng cả lòng can đảm nẫu ruột, có lúc nàng lại là khao khát tuyệt vọng cùng cực. Nhưng luôn luôn nàng vẫn là con người chỉ có tội làm cái bển để trở về từ vùng u tối, lòng tràn ngập biết ơn trong nỗi phẫn khích kinh hãi, dững cảm và tối hậu của nàng.

Người bạn canh chừng trở vào cho biết cảnh sát đã đi rồi.

“Chúng ta nên đến viện bảo tàng.” Lachmann nói, “Ở đây có lò sưởi.”

“Ở đây có hả?” Một phụ nữ gù lưng hỏi. Bà này đợi chồng bị cảnh sát bắt đã sáu tuần nay.

“Dĩ nhiên.”

Tôi không thể không nghĩ đến ông Schwarz trước kia.

“Em muốn đi không?” Tôi hỏi Helen.

“Bây giờ thì không. Ta trở về phòng trọ thôi.”

Tôi không muốn cho nàng trông thấy lại người đàn bà chết, song nàng cứ nằng nặc muốn thế. Lúc tôi trở về bà gác cổng đã nguôi cơn giận rồi. Có lẽ bà ta đã được đền công bằng sợi dây chuyền và chiếc nhẫn.

“Bà lão đáng thương thật!” Nàng nói, “Bây giờ đến cái tên, bà ấy cũng không có.”

“Bà ấy không có giấy tờ gì sao?”

“Bà ấy có giấy thông hành an toàn. Trước khi cảnh sát đến, người ta bỏ thăm để dành lấy nó. Bà tóc đỏ trúng thăm.”

“Thế thì tốt. Bà tóc đỏ chẳng có giấy tờ gì cả. Anh nghĩ chắc người chết cũng chẳng phiền gì đâu.”

“Anh có muốn đến thăm bà ấy không?”

“Không.” Tôi đáp.

“Em thì muốn.” Helen nói.

Tôi cùng đi với nàng. Người chết đã ngưng chảy máu. Khi chúng tôi bước vào thì đã có hai phụ nữ tội nạn đang tắm rửa thi hài. Họ lật qua lật lại như tắm ván trắng. Tóc rũ xuống sàn nhà.

Một trong hai người hét bảo tôi:

“Bước ra khỏi đây.”

Tôi bỏ đi. Helen ở lại. Một lát sau tôi trở lại đón nàng. Nàng đứng một mình ở chân giường trong gian phòng chật hẹp, nhìn đăm đăm vào khuôn mặt nhợt nhạt trũng xuống, trên đó một con mắt chưa nhắm hẳn.

“Thôi, đi đi em!” Tôi nói.

“À, chết rồi thì trông như thế đấy.” Nàng nói khẽ, “Người ta sẽ chôn bà ấy ở đâu nhỉ?”

“Anh không biết. Nơi mà người ta thường chôn những người nghèo ấy mà. Nếu có phí tổn chắc bà gác cổng sẽ tổ chức quyên góp.”

Helen không đáp lại. Gió lạnh lùa vào qua cửa sổ mở.

“Chừng nào chôn bà ta?” Nàng hỏi.

“Ngày mai hoặc ngày kia. Có thể họ muốn mổ xác để khám nghiệm.”

“Sao thế? Họ không tin là tự tử sao?”

“Ồ, họ tin chứ.”

Bà gác cổng đi vào.

“Ngày mai họ đưa bà ta vào bệnh viện để mổ khám nghiệm. Nhờ đó các y sĩ trẻ mới học tập giải phẫu chứ. Còn đối với bà ta thì cũng thế thôi. Và như thế thì chôn cất khỏi phải tốn kém gì cả. Bà dùng tách cà phê nhé?”

“Không ạ.” Helen đáp.

“Còn tôi thì cần một tách.” Bà gác cổng nói. “Tôi thì cứ bán loạn lên thế này, cũng chẳng hiểu tại sao nữa. Tất cả chúng ta ai cũng phải có ngày qua đó.”

“Vâng.” Helen nói. “Nhưng chẳng có ai muốn tin như thế cả.”

Tôi thức giấc vào lúc nửa đêm. Nàng vẫn ngồi trong giường và như đang lắng tai nghe.

“Anh có nghe thấy mùi gì không?” Nàng hỏi.

“Gì?”

“Cái xác chết. Em đánh mũi thấy nó. Đóng cửa sổ lại đi anh.”

“Có mùi gì đâu, Helen. Bốc mùi đâu mà nhanh thế.”

“Em có nghe thấy mùi mà.”

“Có lẽ là mùi lá đấy thôi. Những người mượn phòng trọ đặt một ít cành nguyệt quế và cây nến cạnh giường người chết đấy.”

“Phòng có ích gì đâu?” Helen nói, “Ngày mai bà ấy sẽ bị mổ ra từng mảnh. Lúc xong xuôi, họ lại quẳng vào trong xô rồi mang bán cho vườn bách thú.”

“Họ chẳng bán chác gì đâu.” Tôi nói, “Sau cuộc giải phẫu, họ đem thi hài đi hỏa thiêu hoặc đưa đi chôn.”

Tôi đưa tay choàng lên vai Helen, nhưng nàng đẩy tôi ra.

“Em không muốn người ta cắt em ra từng khúc như thế.” Nàng nói.

“Tại sao người ta lại cắt em?”

Nàng không nghe tôi nói.

“Hứa với em là anh không để người ta cắt vụn em ra nghe anh.”

“Anh hứa.”

“Anh đóng cửa sổ lại đi, anh. Em lại đánh hơi thấy mùi.”

Tôi đứng dậy đóng cửa sổ. Vàng trắng vằng vặc, sáng ngời và con mèo còn ngồi trên bậc cửa. Nó kêu lên the thé rồi nhảy đi chỗ khác khi cánh cửa sổ sượt qua người nó.

“Gì thế anh?” Helen đứng sau lưng tôi hỏi.

“Con mèo.”

“Anh thấy không, nó cũng đánh hơi nữa đấy.”

Tôi quay lại.

“Đêm nào nó cũng ngồi đấy chờ con chim yến tung lòng bay ra. Thôi ngủ lại đi, Helen. Em mơ đó thôi. Chẳng có mùi gì từ phòng bà ấy cả.”

“Thế thì chắc là em rồi.”

Tôi nhìn nàng.

“Người ai lại bốc mùi? Helen, em lại mơ đấy thôi.”

“Nếu không phải thi hài đó, thì là em thôi. Anh đừng dối em nữa.” Nàng giận dữ đáp lại.

“Lạy chúa tôi! Helen ạ, người ta ai lại bốc mùi bao giờ. Nếu có mùi thì đó là mùi tởm ở tiệm ăn tầng lầu dưới đó thôi. Đây, nước hoa đây.”

Tôi cầm lọ nước hoa Cologne, một trong những mặt hàng tôi buôn bán chợ đen, rắc vài giọt lên giường.

“Đấy, em thấy không, bây giờ cái gì cũng nghe thơm.”

Nàng vẫn giữ thế ngồi thẳng người.

“À thế là anh cũng công nhận điều đó,” Nàng nói, “Nếu không thì anh đã chẳng rắc nước hoa làm gì.”

“Anh chẳng công nhận điều gì cả. Anh làm thế để em được dễ chịu thôi.”

“Em biết anh nghĩ gì rồi,” Nàng nói, “Anh nghĩ em bốc mùi. Như cái xác chết kia vậy. Đừng dối em nữa. Cứ trông cách anh nhìn em là cũng nhận ra ngay. Em thấy rõ điều đó cả mấy tuần nay rồi. Anh có nghĩ em chẳng để ý cách anh nhìn em khi anh nghĩ là em không nhìn không? Em cảm nhận điều đó, ngày nào cũng thế. Em biết anh nghĩ gì. Anh không tin lời các bác sĩ nói. Anh cứ nghĩ em mắc phải chứng bệnh gì khác đó, và anh nghĩ anh có thể đánh mùi nó được. Em làm anh nhòm tởm. Sao anh không chịu thừa nhận điều đó?”

Tôi đứng yên lặng hoàn toàn. Nếu nàng muốn nói gì thêm nữa, cứ để nàng nói hết. Nhưng nàng thôi. Tôi có thể thấy được nàng đang run rẩy. Nàng chống lên hai tay ngoài người ra phía trước, một bóng dáng xanh xao nhạt nhòa. Trong hốc mắt đôi mắt nàng quá to và đôi môi nàng tô son quá đậm. Nàng đã quen đánh phấn trước khi đi ngủ. Nàng nhìn tôi giống như con thú bị thương sẵn sàng nhảy lên ngoạm lấy cổ tôi.

Lâu lắm nàng mới nguôi lắng xuống được. Sau cùng tôi gõ cửa phòng ông Baum trên tầng lầu hai để mua một chai cô nhắc bỏ túi. Chúng tôi ngồi trên giường vừa uống vừa chờ sáng. Người ta đến đem xác chết đi. Chúng tôi nghe tiếng giày bốt



trên bậc cầu thang, và cái cồng va vào tường ở ngoài hành lang chật hẹp. Những câu đùa bốn cửa họ có thể nghe mơ hồ qua bức vách ngăn mỏng. Khoảng một giờ sau có những người khách trọ mới dọn đến.

## CHƯƠNG 17

**T**rong một thời gian tôi làm nghề bán dạo dụng cụ nấu ăn, bàn xát, dao, dao gọt vỏ, nghĩa là các thứ không cần đến chiếc va li khả nghi. Hai lần tôi về nhà sớm hơn thường lệ và thấy Helen đã đi đâu rồi. Tôi đợi, mỗi lúc càng thêm lo lắng hơn, nhưng người gác cổng bảo đảm với tôi chẳng có ai đến tìm nàng, nàng đi ra vài giờ trước đó, và nàng thường ra đi như thế.

Lúc nàng về thì trời đã tối. Về mặt nàng hờn dỗi. Nàng không nhìn tôi. Tôi chẳng biết phải làm gì, nhưng không hỏi han gì đến nàng càng có vẻ lạ lùng hơn là hỏi nàng dăm ba câu.

“Helen, em đi đâu nãy giờ?” Sau cùng tôi hỏi.

“Đi dạo một vòng.”

“Vào thời tiết này?”

“Vâng, vào thời tiết này. Thôi, đừng có mà cứ canh chừng em mãi thế.”

“Anh nào có kiếm cách theo dõi em đâu,” Tôi đáp, “Anh chỉ lo cảnh sát đến bắt em thôi.”

Nàng cười gay gắt.

“Cảnh sát không bao giờ bắt em đâu.”

“Ước gì anh có thể tin được như thế.”

Nàng nhìn tôi.

“Nếu anh cứ lục vấn em mãi em lại đi nữa đấy. Em không chịu nổi cảnh lúc nào cũng bị canh chừng, anh không hiểu được điều đó sao? Máy dây nhà ngoài kia đâu có trông chừng em. Em có gì đáng cho chúng quan tâm đến đâu. Và với những người ngoài đường phố em cũng chẳng có gì phải quan tâm. Họ chẳng hỏi em này nọ mà họ cũng chẳng theo dõi em.”

Tôi hiểu nàng muốn nói gì rồi. Ngoài kia chẳng ai biết đến chứng bệnh của nàng. Ngoài kia, nàng không phải là con bệnh, mà là một người đàn bà. Và nàng muốn tiếp tục làm đàn bà như thế mãi. Nàng muốn sống; làm một con bệnh có nghĩa là chết dần chết mòn.

Về đêm nàng thường thét lên trong giấc ngủ. Sáng ra nàng lại quên hết tất cả. Chính bóng tối là điều nàng không chịu nổi. Nó giăng mắc ra đó như màng nhện nhiễm độc bao trùm lên con tim kinh hãi của nàng. Tôi hiểu nàng cần thêm nhiều thuốc giảm đau hơn nữa. Tôi hỏi ý kiến Lewisohn, trước là bác sĩ, nay làm nghề đi xem tử vi đạo. Anh bảo tôi giờ có làm gì đi nữa thì cũng quá muộn rồi. Đúng như Dubois đã cho tôi biết.

Về sau nàng vẫn thường về trễ. Nàng sợ tôi lại hỏi nàng. Nhưng tôi không hỏi. Có một lần người ta mang đến giao một bó hoa hồng tại nhà, lúc ấy chỉ có mình tôi. Tôi đi ra phố, và lúc tôi trở về không thấy bó hoa hồng ở đó nữa. Nàng bắt đầu uống rượu. Bạn bè thấy cần cho tôi biết họ bắt gặp nàng trong các quán nhậu, mà không phải một mình. Tôi bám vào hy vọng cuối cùng: tòa lãnh sự Hoa Kỳ. Đến giai đoạn này tôi được phép đợi trong hành lang. Nhưng ngày lại ngày qua, chẳng có gì xảy đến.

Rồi sau đó tôi bị bắt. Tôi đứng cách tòa lãnh sự khoảng hai mươi bước thì cảnh sát lập vòng đai. Tôi tìm cách vượt qua và điều đó khiến họ sinh nghi. Ta được an toàn chừng nào ta ở trong nội vi tòa lãnh sự. Thấy Lachmann biến mất qua ô cửa, tôi lẩn trốn để cố tìm cách theo anh ta, nhưng một viên hiến binh đưa chân ra ngăn lại. “Giữ chặt tên này lại,” Một tên trẻ tuổi mặc thường phục mỉm cười nói, “Hắn có vẻ vội vàng quá.”

— Người ta xét giấy tờ chúng tôi. Chúng tôi có sáu người bị giữ lại. Cảnh sát rút đi, giao chúng tôi trong tay một nhóm người thường phục, đưa lên chiếc xe tải bí bùng chở đến một căn nhà ở ngoại vi thành phố. Ngôi nhà này đứng một mình ở giữa khu vườn rộng bao quanh. Nghe giống như bộ phim loại B. - Schwarz nói, - Nhưng mấy năm vừa rồi chẳng phải là cả một bộ phim khát máu ngu xuẩn đó sao?

— Bọn mật vụ Gestapo phải không? - Tôi hỏi.

Schwarz gật đầu.

— Đến hôm nay kể cũng là một phép màu rằng họ đã không tóm lấy tôi trước đó. Tôi biết Georg vẫn không ngừng lùng sục tìm kiếm chúng tôi. Gã thanh niên mỉm cười nhắc đến tên Georg khi hắn xem giấy tờ của tôi. Có điều không may là lúc

bây giờ tôi có mang theo cả thông hành của Helen nữa, vì tôi nghĩ có thể cần đến nó ở tòa lãnh sự.

“Rốt cuộc rồi chúng tao cũng tóm được chú cá non,” - Gã thanh niên nói, “Con mái rồi cũng đến đây thôi.”

Hắn cười và đấm vào mặt tôi. Hình như tất cả mấy ngón tay hắn đều đeo nhẫn.

“Anh đồng ý với tôi chứ, anh Schwarz?”

Tôi chùi máu rỉ ở môi. Trong phòng còn có hai tên khác nữa, cũng mặc thường phục.

“Khôn ngoan hơn hết là nói cho bọn này biết địa chỉ đi, phải không nào?” Tên trẻ tuổi nói.

“Tôi không biết,” Tôi đáp, “Chính tôi cũng đang tìm vợ tôi đây mà. Chúng tôi cãi nhau cách đây một tuần rồi cô ấy bỏ đi.”

“Cãi nhau hả? Sao hư thế?” Tên trẻ tuổi lại đấm vào mặt tôi, “Đấy, cãi lộn với vợ là như thế đấy.”

“Ta cho hắn đi ‘tàu bay’ chứ, sếp?” Một trong hai tên đười ươi hỏi.

Tên trẻ tuổi với bộ mặt lại cái mỉm cười.

“Giải nghĩa cho hắn hiểu ‘Đi tàu bay’ là gì đi, Moller.”

Moller cắt nghĩa là lấy dây điện thoại buộc vào bộ phận sinh dục của tôi rồi cho tôi đu đưa trong không.

“Biết như thế nào rồi chứ?” Tên trẻ tuổi lại hỏi, “Dẫu sao thì anh cũng đã từng ở trại rồi mà.”

“Tôi không biết.”

“Do tôi sáng chế đấy.” Hắn nói, “Nhưng ta có thể bắt đầu bằng một trò đơn giản hơn. Chúng tôi thắt chặt ngọc hành của anh lại, chặt đến mức chẳng một giọt máu nào vào được. Trong khoảng tiếng đồng hồ anh sẽ hét inh lên cho mà xem. Để giúp anh dịu cơn đau, chúng tôi sẽ đổ mật cưa đầy miệng anh vậy.”

Mắt hắn màu xanh nhạt và trông giống thủy tinh một cách lạ lùng.

“Bọn này có những sáng kiến vật lý thú lắm đấy.” Hắn nói tiếp, “Có bao giờ anh chịu nghĩ người ta có thể làm gì được với một chút lửa không?”

Hai tên cốt đột cười.

“Vói một khúc dây nung đỏ,” Tên trẻ tuổi hay cười nói, “Kết quả rất khả quan nếu cho khúc dây ấy xuyên qua lỗ tai hoặc ngược lên lỗ mũi, ông Schwarz ạ. Chúng tôi rất may được gặp ông ở đây để giúp chúng tôi thực hiện cuộc thí nghiệm.”

Hắn bước mạnh lên bàn chân tôi. Tôi nghe được cả mùi nước hoa của hắn. Tôi không nhúc nhích. Tôi biết có kháng cự lại hay chỉ tỏ ra đôi chút can đảm thôi cũng vô ích. Mấy tên tra khảo tôi sẽ rất khoái chí mà bóp nát sức đề kháng của tôi. Cây gậy giáng xuống đầu tôi thế là tôi ngất luôn, tiếp theo là tiếng ầm ứ vô nghĩa. Cả ba cười lên hô hố.

“Làm cho nó tỉnh dậy đi, Moller,” Tên trẻ tuổi nhẹ nhàng nói.

Moller hít mạnh một hơi thuốc rồi giở đầu điều thuốc vào mí mắt tôi. Tưởng như có lửa rót vào trong mắt tôi. Cả ba cùng cười lên rũ rượi.

“Dậy đi cưng,” Tên có nụ cười nói.

Tôi loạng choạng đứng dậy. Đứng chưa vững thì tôi lại bị đánh tiếp.

“Đấy chỉ là bài tập hồi tỉnh thôi,” Hắn giải thích, “Bọn này có đủ thời gian mà, thời gian của cả một cuộc đời, cuộc đời của bạn đấy. Bạn sau mà bạn cứ tính chuyện giả vờ ốm như thế thì bọn này sẽ có một món quà ngạc nhiên tuyệt vời dành cho bạn đó. Bạn sẽ đứng lên đến trần nhà luôn.”

“Tôi không giả vờ ốm. Có điều là tim tôi yếu. Rất có thể là bạn sau tôi không dậy nổi, dẫu các ông có làm gì đi chăng nữa.”

Tên có nụ cười quay lại nói với lũ đười ươi của hắn:

“Anh bạn chúng ta đây bảo tim yếu. Ta tin được chẳng?”

Hắn lại đánh tôi, nhưng tôi cũng thấy được là tôi cũng có ít nhiều tác động đến hắn. Hắn không thể giao cho Georg cái xác chết của tôi.

“Sao, bây giờ đã nhớ ra cái địa chỉ ấy chưa?” Hắn hỏi, “Bây giờ còn được dăm ba cái răng thì liệu mà khai đi.”

“Tôi không rõ địa chỉ ấy. Tôi cũng muốn biết lắm.”

“Quả thật anh bạn ta đây là anh hùng. Cảm động làm sao! Thì ra, chỉ có chúng ta đây may ra mới biết được thôi.”

Hắn đấm đá tôi túi bụi mãi đến lúc hắn mệt nhoài. Tôi nằm sóng soài ra sàn nhà, cố gắng che mặt và bộ phận sinh dục.

“Giờ thì thế cũng đủ rồi,” Sau cùng hắn nói, “Đem nhốt nó dưới hầm rượu. Ăn tối xong ta mới thật sự bắt đầu. Những màn ban đêm sao mà hấp dẫn hồi hộp thế!”

Tôi từng quen với những chuyện như thế này rồi. Đó là một bộ phận trong nền văn hóa Đức cũng như Goethe và Schiller thế thôi, và trong trại tôi cũng đã trải qua rồi. Nhưng tôi vẫn còn giữ viên thuốc độc trong người. Chúng có lục soát, song không kỹ lắm nên không tìm thấy. Tôi còn cả lưỡi dao cạo nhét giữa lớp bác may hờ trong gấu quần; chúng cũng không tìm ra.

Tôi nằm trong bóng tối. Tất nhiên là tôi thất vọng. Nhưng có điều lạ đáng nói là điều làm tôi chán nản thực tình chẳng phải là những viễn tưởng tối tăm mà lại là cái ý nghĩ tôi đưa mình vào rọ một cách ngu xuẩn quá.

Lachmann trông thấy chúng bắt tôi, nhưng không biết đó là bọn Gestapo, vì sự cố hình như chỉ liên can đến cảnh sát Pháp thôi. Nhưng nếu trễ lắm là trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa mà không thấy tôi trở về, Helen sẽ tìm cách liên lạc với tôi qua cảnh sát và có lẽ phăng ra kẻ đã bắt tôi. Nhưng liệu tên có nụ cười kia có để cho việc ấy xảy đến không? Tôi đoán Georg được báo cáo ngay rồi. Nếu Georg ở lại Marseille, hắn sẽ “phỏng vấn” tôi ngay đêm đó.

Hắn đang ở Marseille. Đôi mắt nàng không lừa dối nàng. Hắn đến và đích thân hắn quan tâm đến tôi. Tôi không kể hết mọi chi tiết sợ ông phiền. Lúc tôi bất tỉnh, chúng xối nước lên người tôi và kéo lê tôi xuống trở lại hầm rượu. Chỉ có liều thuốc độc tôi giữ trong người giúp tôi chịu đựng nổi. Rất may là Georg không đủ kiên nhẫn với những đòn tra tấn tinh vi mà tên Nụ Cười hứa mang ra dùng với tôi; nhưng theo cách của hắn thì hắn cũng không phải là tay vụng về đâu.

Lát sau cùng đêm ấy hắn trở lại. Hắn mang theo chiếc ghế đầu, hắn ngồi đấy, ngực ưỡn ra đầy vẻ tự cao tự đại, biểu tượng của một thứ quyền lực tuyệt đối mà ta tưởng đã để lại đằng sau lưng ta ở thế kỷ mười chín. Thế nhưng, hay có lẽ chính vì lý do đó, nó đã biến thành dấu hiệu chuẩn của thế kỷ

hai mươi. Tối hôm ấy tôi chứng kiến hai lối hiện thân của điều ác, tên có Nụ cười và Georg, điều ác nguyên chất và sự hung bạo ở dạng thuần khiết nhất. Nếu cần phải so sánh để phân biệt thì tên có Nụ cười độc ác nhất trong hai tên, hẳn tra tấn để tìm khoái cảm trong tra tấn còn Georg tra tấn để buộc nạn nhân phải theo ý hắn. Giữa lúc đó, tôi phác họa ra một kế hoạch. Tôi cần phải thoát khỏi ngôi nhà đó. Đến lúc Georg trở lại, tôi cứ làm như hắn sẽ bỏ qua mà buông tha tôi. Hắn có cái nụ cười toe toét đầy khinh mạn của một người được ăn uống đầy đủ nhưng chưa từng rơi vào hoàn cảnh như thế, và do đó hắn nghĩ nếu gặp phải tình huống ấy thì hắn sẽ hành động đúng như một vị anh hùng trong sách giáo khoa. Nhưng sự thật mẫu người như hắn sẽ tiêu tán ra từng mảnh ngay thôi.

— Tôi biết lắm, - Tôi nói, - Có một dạo tôi nghe một tên sĩ quan Gestapo thét lên chỉ vì ngón tay cái của hắn bị chẹt trong sợi dây xích sắt hắn dùng đánh nạn nhân cho đến chết. Người đàn ông bị tra khảo lại chẳng hé răng.

— Georg đá vào người tôi, - Schwarz kể tiếp, - Hắn nói: “À há, bây giờ ta lại tìm cách mặc cả với nhau đấy phỏng?”

“Tôi chẳng tìm cách mặc cả gì ráo,” Tôi đáp lại, “Nhưng nếu anh đưa Helen trở về Đức, nàng bỏ trốn ngay hoặc sẽ tự tử.”

“Vô lý!” Georg rít lên.

“Với Helen cuộc đời đâu còn ý nghĩa gì nữa,” Tôi nói, “Nàng biết nàng bị ung thư và đó là bệnh nan y.”

Hắn nhìn tôi.

“Nói láo, đồ lợn. Cô ấy chẳng bị ung thư gì cả. Đó chỉ là bệnh thông thường của phụ nữ đấy thôi.”

“Nàng bị ung thư đấy. Bệnh được phát hiện lần đầu tiên người ta giải phẫu cho nàng tại Zurich. Ngay lúc đó cũng đã muộn quá rồi. Bác sĩ bảo vậy.”

“Bác sĩ nào?”

“Bác sĩ phẫu thuật đã giải phẫu cho nàng. Vì nàng muốn biết sự thật.”

“Tên súc sinh vô nhân đạo,” Georg gào lên, “Nhưng rồi ta cũng sẽ bắt hắn. Một năm nữa Thụy Sĩ cũng sẽ là của Đức thôi.”

“Tôi cũng muốn Helen trở về đó,” Tôi nói, “Nhưng nàng từ chối. Song tôi nghĩ nàng sẽ chịu đi nếu tôi dứt khoát hẳn với nàng.”

“Nghe buồn cười quá.”

“Tôi có thể cư xử với nàng như súc vật đến mức nàng sẽ căm thù tôi suốt đời nàng.”

Tôi thấy Georg đang suy nghĩ lung lăm. Tôi tì đầu vào tay và nhìn hắn. Tôi thấy nhức giữa hai con mắt vì tập trung ý chí để tác động đến hắn.

“Bằng cách nào?” Sau cùng hắn hỏi.

“Nàng nghĩ tôi sẽ ghê tởm nàng nếu tôi biết được chứng bệnh của nàng. Đó là nỗi sợ hãi lớn nhất của nàng. Nếu tôi bảo thẳng điều đó với nàng, nàng sẽ dứt khoát với tôi ngay.”

Georg cân nhắc. Tôi có thể theo dõi những suy nghĩ của hắn. Hắn nhận thấy rằng gợi ý của tôi giúp cho hắn dịp may tốt nhất. Cho dầu hắn dùng tra tấn mà biết được địa chỉ của Helen, nàng vẫn tiếp tục căm thù hắn. Nhưng nếu tôi cư xử như một tên khốn nạn, nàng sẽ quay lại căm thù tôi và hắn chỉ có bước lên như người đã giải thoát nàng và nói: “Đây, em xem, anh đã bảo trước mà.”

“Cô ấy hiện ở đâu?” Hắn hỏi.

Tôi cho hắn địa chỉ láo.

“Nhưng có cả năm sáu lối thoát ra,” Tôi nói, “Qua ngã hầm hoặc các đường phố khác. Nếu cảnh sát tìm cách bắt, nàng sẽ trốn thoát một cách dễ dàng. Nàng sẽ không chạy trốn nếu biết tôi đi một mình.”

“Hoặc tôi,” Georg nói.

“Nếu ông đi một mình với nàng về bên đó, nàng sẽ nghĩ là ông đã giết tôi. Nàng có giữ thuốc độc trong người.”

“Vô lý!”

Tôi chờ đợi hắn phản ứng.

“Thế anh muốn gì để đáp lại,” Georg hỏi.

“Muốn ông để tôi cùng đi.”

Hắn mỉm cười một lúc, răng nhe ra như con thú săn mồi. Tôi nghĩ hắn chẳng bao giờ chịu để tôi đi.



“Được,” Hấn đồng ý, “Đi với tôi. Cách đó thì anh chả giỏi trò gì được với tôi đâu. Anh sẽ nói hết cho cô ấy nghe trước mặt tôi.”

Tôi gật đầu.

“Nào thì đi,” Hấn bảo. Hấn đứng dậy, “Đi ra vòi nước kia mà rửa ráy đi.”

“Tôi đưa hấn ta đi với tôi.” Hấn bảo với một trong hai tên thuộc hạ của hấn đang thờ thẩn trong căn phòng trang hoàng bằng gạch nai. Tên thuộc hạ đưa tay chào và hộ tống chúng tôi ra xe của Georg.

“Lên xe đi và ngồi cạnh tôi,” Georg ra lệnh, “Anh biết đường không?”

“Từ đây thì không biết. Từ Canebière<sup>[\*]</sup> thì biết.”

Xe chạy vào vùng đêm đầy gió lạnh. Tôi tính thò ra khỏi xe lúc xe chạy chậm hoặc ngừng lại, nhưng Georg đã khóa cửa xe phía bên tôi. La hét dọc đường cũng chẳng ích gì; chẳng ai nghĩ đến việc ứng cứu tiếng la hét phát ra từ chiếc xe Đức và trước khi tiếng kêu cứu của tôi tan loãng đi thì Georg có đủ thời gian đánh tôi bất tỉnh rồi.

“Tốt hơn anh nên nói thật đi,” Georg rít lên. “Nếu không tôi sẽ lột da anh bóp muối ớt đấy.”

Tôi ngồi thu mình trên ghế. Khi Georg đạp thắng để tránh một chiếc xe ngựa không đèn hiệu, tôi ngã người ra phía trước.

“Đồ khốn khiếp,” Georg chụp nhanh lấy tôi, “Đây không phải là lúc vờ ốm.”

“Tôi ngất đi đấy thôi,” Tôi giải thích, từ từ ngồi thẳng người lên.

“Đồ sên!”

Tôi đã rút được đường chỉ may ở gấu quần. Lần sau lợi dụng lúc hấn phải thắng xe tôi đã tìm ra chỗ tôi nhét lưỡi dao cạo. Lần thứ ba, đầu tôi va vào kính chắn gió. Lúc ngồi lại ngay ngắn, lưỡi dao cạo đã nằm trong tay tôi.

Schwarz ngẩng nhìn lên. Trán hấn ướt đẫm mồ hôi.

— Đáng lẽ hấn không bao giờ nên để tôi đi, - Hấn nói, - Ông tin tôi không?

— Tất nhiên tôi tin ông.

— Khi xe chạy bọc một khúc quanh, tôi lấy hết sức bình sinh la lớn: “Coi chừng bên trái”. Tiếng thét bất ngờ khiến Georg mất bình tĩnh. Đầu hắn quay sang phải như một cái máy, hắn đạp thắng và nắm chặt tay lái. Tôi quát mạnh vào mặt hắn. Lưỡi dao không lớn, nhưng nó cũng cắt đúng vào một bên cổ. Tôi kéo lưỡi dao thật mạnh ngang qua khí quản. Hắn buông tay lái ra và giữ chặt lấy cổ họng. Rồi hắn ngã khụy xuống, người dựa vào cửa. Tay hắn chạm phải quả đấm cửa. Chiếc xe lủi mạnh vào lùm cây. Cánh cửa bật tung, Georg té ra ngoài, thở khò khè và máu chảy rất nhiều.

Tôi leo ra khỏi xe và lắng nghe. Tôi chỉ nghe thấy tiếng máy xe nổ ran. Tôi tắt máy. Gió như gào thét trong im lặng, nhưng đó chỉ là máu dồn lên tai tôi. Tôi nhìn lại Georg và kiểm lại lưỡi dao cùng với mảnh bấc. Nó lấp lánh trên bậc cấp lên xe. Tôi cúi xuống nhặt lên rồi chờ đợi. Tôi cứ sợ Georg có thể vùng nhảy dậy bất cứ lúc nào. Nhưng chân hắn giãy giãy lên một hồi rồi hắn nằm im. Tôi ném lưỡi dao ra xa rồi nhặt lên lại và giúi xuống đất. Tôi tắt đèn xe và lắng tai nghe. Chẳng động tĩnh gì. Tôi đã không tính toán sau đó phải làm gì; bây giờ phải hành động thật nhanh mới được vì mỗi phút trôi qua là mỗi phút quyết định.

Tôi lột áo quần Georg ra bó lại thành một bó. Rồi tôi kéo xác chết vào trong bụi. Phải một thời gian mới phát hiện ra nó, rồi lại phải mất một thời gian nữa mới nhận diện nó được. Nếu tôi còn may mắn thì người ta sẽ ghi hắn vào danh sách xác chết vô thừa nhận. Tôi kiểm tra chiếc xe. Nó chẳng hư hại gì. Tôi lái đưa nó lên đường cái. Tôi phát nôn mưa. Trong xe tôi tìm thấy một cây đèn bấm. Máu vấy lên ghế ngồi và cửa làm bằng da nên cũng dễ chùi rửa. Gần đó có một mương nước, và tôi dùng áo sơ mi của Georg làm giẻ lau. Tôi cũng chùi cả bậc cấp lên. Tôi kiểm tra toàn bộ chiếc xe bằng đèn bấm và lau chùi cho kỳ sạch. Sau đó tôi rửa ráy tay chân và bước lên xe. Ngồi vào chỗ của Georg khiến tôi buồn nôn; tôi có cảm giác như từ trong bóng tối hắn bò đến chỗ tôi. Tôi lái xe đi.

Tôi bỏ chiếc xe ở một con đường phụ cách nhà không xa lắm. Trời bắt đầu đổ mưa. Tôi băng qua đường, thở thật sâu. Dần dần tôi mới cảm thấy toàn thân tôi đau nhức. Tôi dừng lại

bên ngoài cửa tiệm bán cá. Bên cạnh quầy có một tấm kính. Trong lớp bạc mờ đục tôi trông chẳng được rõ lắm, nhưng vẫn thấy được mặt tôi sưng vù. Tôi hít một hơi thật dài cái không khí ẩm thấp. Tôi không thể nào tin được rằng trong cùng một buổi chiều tôi lại trở về được nơi ấy.

Tôi lên vào nhà không để người gác cổng trông thấy. Bà ta đang ngủ, miệng lẩm bẩm điều gì đó. Việc tôi về muộn cũng không có gì là lạ. Tôi vội vã bước lên cầu thang.

Helen không có nhà. Tôi nhìn lên giường và tủ áo quần. Bị ánh sáng đánh thức, con chim yến cất tiếng hót. Chú mèo bước vào cửa sổ, đôi mắt lân tinh rực sáng nhìn vào bên trong như một linh hồn bị đày đọa. Tôi chờ một lúc. Rồi tôi khẽ bước qua phòng của Lachmann gõ nhẹ vào cửa.

Anh ta thức giấc ngay. Kẻ chạy trốn bao giờ cũng tỉnh ngủ.

“Anh là...” Anh ấp úng hỏi.

Rồi anh ta nhìn kỹ tôi và đứng lặng yên.

“Anh thấy nhà tôi không?” Tôi hỏi.

Anh lắc đầu:

“Chị ấy đi vắng. Cách đây khoảng một giờ thì chị ấy vẫn chưa về.”

“Cảm ơn Chúa.”

Anh nhìn tôi như thể tôi đã phát điên rồi vậy.

“Tạ ơn Chúa,” Tôi nhắc lại, “Thế thì có lẽ nàng không bị bắt. Nàng chỉ đi đâu đó thôi.”

“Chỉ đi đâu đó thôi, “Lachmann lặp lại, “Thế còn anh, có chuyện gì không?” Anh ta hỏi tiếp.

“Chúng ta hỏi tôi. Tôi bỏ đi.”

“Cảnh sát?”

“Bọn Gestapo.”

“Bọn chúng có biết anh ở đâu không?”

“Nếu chúng biết thì tôi đã không có mặt ở đây. Tôi phải đi trước lúc trời sáng.”

“Anh chờ chút.”

Lachmann lục lọi đây đó rồi trở ra với vài xâu chuỗi hạt và ít bức tượng ảnh thánh.

“Đây anh cầm lấy. Đôi khi những cái này cũng làm nên được chuyện lạ đấy. Chúng đã tóm được Hirsch ở biên giới rồi đấy. Dân ở miền núi Pyrénées sùng đạo lắm. Những thứ này đã được giáo hoàng đích thân ban phép rồi.”

“Thật à?”

Nụ cười của anh thật dễ thương.

“Nếu nó cứu được chúng ta,” Anh ta nói, “Tức là chính Chúa đã ban phép cho. Thôi, tạm biệt Schwarz.”

Tôi trở về phòng thu vén đồ đạc. Tôi cảm thấy hoàn toàn trống rỗng, nhưng rất căng, giống như cái trống bên trong chẳng có gì. Trong ngăn kéo của Helen tôi tìm thấy một xấp thư gửi cho nàng nhờ tổng công ty giao hàng chuyển giúp. Tôi nhét nó vào túi xách của Helen mà chẳng suy tính gì. Tôi cũng nhét vào đó chiếc áo dạ hội mua ở Paris. Rồi tôi ngồi xuống cạnh bể nước rửa mặt và mở nước. Mấy móng tay bị bong làm tôi đau dữ dội và tôi thở cũng đau. Tôi nhìn ra ngoài lên những mái nhà dầm nước mưa, đầu óc chẳng nghĩ ngợi gì.

Sau cùng chờ đợi mãi tôi nghe tiếng bước chân của Helen. Nàng đứng ở lối cửa ra vào như bóng ma kiêu diễm và tiều tụy.

“Anh làm gì thế?” Nàng hỏi, chẳng hay biết chuyện gì hết. “Có chuyện gì trục trặc phải không anh?”

“Chúng ta phải đi khỏi Marseille,” Tôi nói. “Và ngay lập tức.”

“Georg hả?”

Tôi gật đầu. Tôi định bụng chỉ cho nàng biết càng ít càng tốt.

“Chúng đã làm gì anh?” Nàng đâm hoảng hỏi tôi, và bước lại gần hơn.

“Chúng bắt anh. Anh trốn thoát. Chúng sẽ đi lùng tìm anh.”

“Ta đi đâu bây giờ?”

“Tây Ban Nha.”

“Bằng cách nào?”

“Bằng xe, chừng nào có thể được. Em có thể thu xếp nhanh được không?”

“Vâng.”

Nàng rúm người lại.

“Em đau hả?” Tôi hỏi.

Nàng gật đầu. Ai đứng ở lối ra vào cửa thế kia? Tôi thắc mắc. Ai thế? Bà ta trông lạ hoắc.

“Em còn thuốc tiêm không?”

“Không nhiều lắm.”

“Ta sẽ mua thêm một ít nữa.”

“Anh để em yên một lúc đi,” Nàng nói.

Tôi đứng ở lối đi hành lang. Cửa hé mở. Những bộ mặt ẩn hiện với những cặp mắt vượn cáo. Những bộ mặt một mắt với những cái miệng méo xệch. Lachmann mặc quần đùi xám phóng như bay lên cầu thang như con châu chấu và nhét nửa chai rượu cognac vào tay tôi.

“Để có khi dùng đến,” Anh bảo nhỏ, “Rượu hảo hạng đấy.”

Tôi làm một hớp ngay tại chỗ.

“Có thể để cho tôi thêm chai nữa không?” Tôi hỏi, “Đây, tôi còn nhiều tiền mà.”

Lúc đầu tôi muốn vứt ngay cái cặp của Georg đi, song tôi liền đổi ý. Trong cặp tôi tìm thấy một số tiền rất lớn, và còn hơn thế nữa là thông hành của hắn cùng với của Helen và cả của tôi.

Tôi buộc áo quần của Georg vào cục đá rồi ném nó xuống cảng. Sau đó, tôi dùng đèn bấm xem xét kỹ lưỡng tấm thông hành của Georg. Tôi qua phòng Gregorius đánh thức anh ta dậy, hỏi có thể sửa tấm thông hành ấy với ảnh của tôi không. Lúc đầu anh ta hoảng kinh hồn vía và từ chối thẳng thừng. Nghề của anh là “điều chỉnh” thông hành của dân tị nạn và trong việc này anh tự cho mình còn đúng đắn hơn cả Thượng đế nữa, vốn bị anh trút hết trách nhiệm trong cái cảnh hỗn độn này. Nhưng trước đó anh chưa bao giờ đặt con mắt vào tấm hộ chiếu của một viên chức Gestapo thuộc loại cao cấp. Tôi cam đoan với anh ta là anh khỏi phải ký vào công trình của mình như ký vào bức họa, rằng tất cả trách nhiệm là của tôi hết và chẳng ai biết anh có dính líu đến việc này.

“Nhưng nếu chúng tra tấn anh thì sao?”

Tôi cho anh ta xem bàn tay và mặt tôi.

“Trong một tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ ra đi,” Tôi nói, “Là người tị nạn, tôi không thể đi quá mười dặm với bộ mặt như thế này. Mà tôi phải trốn khỏi nước Pháp. Đây là cơ hội độc nhất của tôi.

Hộ chiếu của tôi đây. Chụp lại tám ảnh rồi dán lên tám hộ chiếu của Gestapo. Anh tính bao nhiêu, cứ cho biết. Tôi có tiền.”

Sau cùng Gregorius đồng ý nhận.

Lachmann mang ra chai cognac thứ hai. Tôi trả tiền và trở về phòng. Helen đang đứng cạnh bàn ngủ. Ngăn kéo có xấp thư đã kéo ra. Nàng đóng sập lại và bước lại bên tôi.

“Georg làm thế này hả?” Nàng hỏi.

“Có cả một ủy ban đấy,” Tôi đáp.

“Chúa đọa linh hồn hấn đi!”

Nàng đi đến cửa sổ. Chú mèo bỏ chạy. Nàng mở cánh cửa chớp.

“Chúa đọa linh hồn hấn đi!” Nàng nhắc lại với niềm tin sâu sắc cuồng nhiệt của thầy bùa ngải đang xua đuổi tà ma khỏi bộ lạc mình, “Chúa hãy đọa linh hồn hấn đi! Cả trong thế giới này và ở cõi mai sau nữa...”

Tôi nắm lấy nắm tay siết chặt của nàng và kéo nàng khỏi cửa sổ.

“Ta phải đi thôi, em ạ.”

Chúng tôi đi xuống cầu thang. Từ các cửa khép hờ những cặp mắt theo dõi chúng tôi. Một cánh tay thò ra vẫy:

“Schwarz! Đừng mang ba lô. Cảnh sát để ý đến những ai mang ba lô đó. Tôi có một chiếc va li da nhân tạo đây. Rẻ và rất sang...”

“Cảm ơn,” Tôi nói, “Tôi không cần va li. Tôi cần may mắn.”

“Thôi, chúng ta hãy cầu chúc cho nhau được may mắn.”

Helen đi trước. Tôi nghe tiếng một người đi bộ ướt sũng nước mưa nấp ở lối ra vào cửa khuyen nàng nên ở lại nhà, mưa như thế này ta chẳng làm ăn gì được đâu. Tốt, tôi nghĩ thế. Riêng về phần tôi, tôi thấy đường phố không vắng vẻ lắm.

“Cái ấy ở đâu ra thế?” Helen hỏi khi thấy chiếc xe.

“Xe đánh cắp.” Tôi trả lời, “Nó sẽ đưa ta đi một đoạn đường. Lên xe đi em.”

Trời vẫn còn tối. Nước mưa chảy thành dòng theo kính chắn gió. Nếu ở bậc cấp lên xuống xe còn chút máu nào thì mưa

cũng đã rửa sạch rồi. Tôi đỗ xe cách ngôi nhà nơi Gregorius ở không xa lắm.

“Đứng vào bên dưới đây nghe em,” Tôi vừa bảo Helen, vừa chỉ vòm kính che lối ra vào của một cửa hiệu buôn bán đồ nghề đánh cá.

“Em không ngồi lại trong xe được sao?”

“Không. Nếu có ai đến, cứ làm như em đang đợi chờ khách hàng. Anh sẽ trở ra ngay thôi.”

Gregorius đã làm xong. Nỗi lo sợ của anh ta đã nhường chỗ cho niềm tự hào của nghệ sĩ.

“Khó khăn duy nhất là ở bộ quần phục,” Anh ta giải thích, “Trên ảnh của anh, anh lại mặc thường phục. Thế là tôi cắt ngay cái đầu của hắn.”

Anh đã gỡ ảnh của Georg ra, cắt đầu và cổ đi, để chồng bộ quần phục lên ảnh của tôi, rồi chụp lại khi đã tạo xong.

“Trung tá Schwarz,” Anh tự hào nói.

Anh đã sấy khô và dán ảnh vào.

“Con dấu cũng nổi khá rõ nét. Nếu chúng nhìn kỹ vào, tôi phải thừa nhận như thế là xong đời anh thôi. Nhưng dấu là của thật đi chẳng nữa, thì anh cũng chả khá hơn gì. Đây, thông hành cũ của anh đây. Còn nguyên đấy.”

Anh trao lại cho tôi cả hai tấm hộ chiếu và chỗ còn lại trong bức ảnh của Georg. Tôi xé nát vụn tấm ảnh lúc bước xuống cầu thang và ném nó vào nước đang chảy xối xả xuống ống máng.

Helen vẫn đứng đợi. Tôi kiểm tra lại xăng. Thùng chứa còn đầy. Nếu may mắn nó có thể đưa chúng tôi qua biên giới. Trong ngăn hộc đựng bao tay, tôi tìm thấy cuốn carnet, một thứ giấy tờ cần phải có để đưa xe qua biên giới; cuốn carnet này đã được dùng đến hai lần. Tôi quyết định tránh không đi qua nơi mà đã hai lần người ta có trông thấy chiếc xe. Tôi còn tìm thấy tám bản đồ do hãng Michelin thiết lập, và tám bản đồ châu Âu dùng cho người lái xe ô tô.

Chúng tôi lái xe dưới cơn mưa. Còn vài tiếng đồng hồ nữa trời mới sáng. Và chúng tôi chạy về hướng Perpignan<sup>[\*]</sup>. Tôi quyết định cứ giữ con đường chính cho đến khi trời sáng hẳn.

“Anh để em nắm tay lái một lúc nhé?” Helen gợi ý sau một hồi im lặng, “Tay anh còn đau.”

“Em lái được không? Em đã ngủ tí nào đâu?”

“Anh cũng thế.”

Tôi nhìn nàng. Nàng lộ vẻ tươi mát, điềm tĩnh, mặc dầu tôi không nghĩ ra nàng làm cách nào mà được như vậy.

“Em dùng chút cognac nhé?”

“Không. Em cứ lái cho đến lúc nào kiếm được tí cà phê.”

“Lachmann có để lại cho anh thêm một chai cognac nữa.”

Tôi lấy chai trong túi áo ra. Helen lắc đầu. Nàng vừa chích thuốc.

“Chốc nữa vậy,” Nàng nói với tôi giọng rất dịu dàng, “Anh cố mà ngủ đi. Chúng ta sẽ thay nhau lái.”

Helen là tay lái xe hay hơn tôi. Một lát sau, nàng cất tiếng hát; những bài hát đơn điệu, trẻ con. Tôi bị căng thẳng đầu óc quá chừng. Giờ đây tiếng kêu o o của máy xe và giọng hát nhẹ nhàng của nàng bắt đầu đưa tôi vào giấc ngủ. Tôi biết tôi cần phải ngủ, song vẫn cứ thức mãi. Hai bên xe, cảnh đồng quê xám ngắt lướt trôi nhanh, và chúng tôi bật đèn xe sáng, không kể gì đến quy định phải che đèn.

“Anh đã giết hấn?” Bỗng nhiên Helen hỏi.

“Phải.”

“Anh cần phải làm thế sao?”

“Phải, em ạ.”

Chúng tôi tiếp tục lái. Tôi nhìn xuống đường cái; đủ thứ chuyện lớn vờn trong trí óc tôi, rồi tôi mê thiếp đi. Khi tôi tỉnh dậy, cơn mưa đã dứt. Trời đã sáng, máy xe vẫn kêu o o, Helen vẫn ngồi ở tay lái. Còn tôi, tôi cứ ngỡ là tôi đang mơ trong cảnh thực.

“Điều anh nói lúc nãy không đúng đâu,” Tôi nói.

“Em biết,” Nàng đáp lại.

“Đó là một người khác nào đó.”

“Em biết.”

Nàng nói mà không nhìn tôi.



## CHƯƠNG 18

Tôi quyết định kiếm cho Helen giấy nhập cảnh Tây Ban Nha tại thành phố sau cùng trước khi qua biên giới. Thiên hạ bên ngoài tòa lãnh sự đông khủng khiếp. Tôi biết có lẽ cảnh sát đã để mắt truy lùng chiếc xe, nhưng tôi đành phải liều vậy. Không còn cách nào khác. Hộ chiếu của Georg thì đã có dấu nhập cảnh rồi.

Tôi cho xe chạy chậm lại. Thiên hạ chỉ giãn ra khi thấy bảng số xe của Đức. Họ tách ra chừa lối cho chúng tôi qua. Một số người tị nạn bỏ chạy. Qua đại lộ cấm hờn chúng tôi đi về phía cổng vào. Một viên hiến binh đưa tay chào. Từ bao lâu nay chuyện này chưa từng xảy đến với tôi. Tôi chào trả lại một cách lơ đãng và bước vào. Viên hiến binh bước bên cạnh tôi để hướng dẫn. Tôi phải trở thành tên sát nhân, tôi chua chát nghĩ thầm, mới được đối xử một cách trọng vọng thế này.

Lúc tôi đưa hộ chiếu của tôi ra là dấu nhập cảnh được cấp ngay cho Helen. Ông phó lãnh sự nhìn mặt tôi. Ông không trông thấy tay tôi. Tôi mang đôi găng tìm thấy trong xe lúc đầu.

“Một kỷ niệm thời chiến tranh,” Tôi bảo, “Cận chiến đấy.”

Ông gật đầu tỏ vẻ thiện cảm.

“Chúng tôi đây cũng thế. Chúng tôi cũng đã qua những năm chiến đấu. Hitler muôn năm! Thật là một vĩ nhân. Như lãnh tụ của chúng tôi thôi[\*].”

Tôi bước ra khỏi tòa lãnh sự. Bao quanh chiếc xe là một khoảng trống. Một cậu bé mười một, mười hai tuổi, vẻ mặt hoảng hốt ngồi ở băng ghế sau. Cậu ngồi thu mình lại trong góc xe, đôi tay che lấy miệng. Và tất cả những gì tôi thấy được trên khuôn mặt cậu bé là đôi mắt.

“Ta phải đem nó theo chúng ta,” Helen nói.

“Tại sao thế?”

“Giấy tờ của nó trong hai ngày nữa là hết hạn. Nếu chúng bắt được nó, nó sẽ bị đưa về Đức ngay.”

Tôi nghe mồ hôi chảy dọc theo sống lưng dưới làn áo sơ mi. Helen nhìn tôi. Nàng rất điềm tĩnh.

“Chúng ta đã lấy đi một mạng sống,” Helen nói với tôi bằng tiếng Anh, “Ta có nghĩa vụ phải cứu lấy một mạng sống khác.”

“Đưa tôi xem giấy tờ của cháu nào,” Tôi bảo cậu bé.

Cậu bé chẳng nói chẳng rằng lấy đưa cho tôi tám giấy phép cư trú. Tôi cầm lấy và trở vào tòa lãnh sự. Con đường trở vào thật là cam go. Chiếc xe của Georg tưởng như đang gào lên cái bí ẩn của nó từ cả trăm chiếc loa phóng thanh. Về hững hờ tôi bảo với viên thư ký rằng tôi quên còn một dấu nhập cảnh nữa, nằm trong chức năng của tôi trong một vụ điều tra bên kia biên giới. Y do dự một lúc khi xem tám giấy, mỉm cười với vẻ đồng lõa rồi sau cùng chịu cấp nhập cảnh cho tôi.

Tôi bước lên xe. Đám đông càng tỏ vẻ thù nghịch hơn trước. Có lẽ họ tưởng tôi chở đưa bé đưa đến một trại tập trung nào đó.

Tôi rời thành phố, mong rằng vận may vẫn còn theo tôi. Tay lái nóng bỏng trong tay tôi. Tôi nghĩ có lẽ phải vứt bỏ chiếc xe này đi bất cứ lúc nào không biết chừng, nhưng khổ nỗi tôi chưa nghĩ ra lúc đó mình sẽ phải làm gì. Helen thì không thể nào vượt núi qua những lối mòn lừa đi dưới thời tiết tệ hại như hôm ấy, nàng quá yếu. Mà vứt bỏ chiếc xe này đi tức là chúng tôi chối bỏ luôn sự che chở lạ đời vì do chính kẻ thù của chúng tôi đứng ra bảo đảm. Chúng tôi không ai có giấy xuất cảnh khỏi nước Pháp. Như vậy, đi bộ lại còn nguy hiểm hơn là đi bằng xe ô tô sang trọng.

Chúng tôi tiếp tục cho xe chạy. Hôm ấy là một ngày quái gở. Thực tại như chìm sâu vào vực thẳm. Chúng tôi chạy xe dọc theo dãy đỉnh núi cao hẹp bên dưới tầng mây trĩu thấp, như ngồi trong toa tàu leo núi. Thật giống như trong tranh mực Tàu cổ, với đoàn khách lữ hành lần bước buồn tẻ giữa đỉnh núi, mây trời và thác nước. Đứa bé ngồi ru rú ở ghế sau, hầu như không cử động. Tất cả những gì nó học được trong quá trình của một cuộc đời ngắn ngủi là chẳng tin vào ai mà cũng chẳng tin vào bất cứ cái gì. Ngoài ra nó chẳng còn nhớ gì nữa. Lúc vệ binh của nền văn hóa Quốc xã đập lên đầu ông nó, nó mới ba tuổi;

được bảy tuổi thì cha của nó bị treo cổ, và chín tuổi thì mẹ nó bị giết bằng hơi ngạt, đích thực là đứa con của thế kỷ hai mươi. Chẳng hiểu nhờ đâu mà nó thoát được khỏi trại tập trung và nó vượt biên giới là chỉ nhờ vào tài xoay xở của bản thân. Nếu bị bắt, nó sẽ bị người ta tống vào trại tập trung lần nữa rồi treo cổ nó lên. Giờ đây nó tìm cách đến Lisbon, nơi đây nó có người cậu làm nghề sửa đồng hồ, như lời mẹ nó cho biết vào đêm trước khi mẹ nó bị giết bằng hơi độc, lúc vừa chúc lành cho nó xong và dặn dò nó đôi câu.

Mọi sự diễn ra tốt đẹp. Tại biên giới Pháp, chẳng ai hỏi han gì đến dấu xuất cảnh. Tôi vẫn tắt xuất trình hộ chiếu và điền vào mấy tờ không chỉ dành cho chiếc xe. Hiến binh chào tôi, cây chắn cổng giở lên và chúng tôi rời nước Pháp. Ít phút sau nhân viên hải quan người Tây Ban Nha trầm trồ ngắm chiếc xe của chúng tôi và hỏi với một gallon xăng nó chạy được bao nhiêu dặm. Tôi nói với họ ba điều bốn chuyện rồi thế là họ huyền thuyên không ngớt về hiệu xe Hispano-Suiza của họ. Tôi bảo tôi cũng có một chiếc như thế và mô tả cái huy hiệu gắn trên bộ tản nhiệt của nó: con sếu đang bay. Họ tỏ ra rất tự hào. Tôi hỏi nơi đổ xăng. Họ bảo có chút dự trữ đặc biệt dành cho bạn bè của nước Tây Ban Nha. Tôi không có tiền Tây Ban Nha. Họ chịu đổi đồng franc cho tôi. Chúng tôi từ giã nhau trong nghi thức dạt dào.

Tôi ngả người vào lưng ghế. Núi cao mây trời mờ khuất phía sau. Trước mặt chúng tôi là một vùng đất nước xa lạ trải rộng ra, một vùng đất nước không còn giống gì với châu Âu nữa. Chúng tôi chưa được an toàn, nhưng ra khỏi nước Pháp cũng có khác đi rất nhiều. Tôi gặp đường phố, lừa ngựa, cư dân, trang phục, cảnh đồng nội lờm chờm đá, chúng tôi đang ở châu Phi. Vùng đất nước này bên kia dãy núi Pyrénées mới thật là phương Tây, tôi cảm thấy như thế. Rồi tôi thấy Helen bật khóc.

“Bây giờ anh đã được ở nơi anh muốn rồi đó,” Nàng nói.

Tôi không hiểu nàng muốn nói gì. Tôi vẫn còn quá đỗi kinh ngạc vì không ngờ lại thành công dễ dàng đến thế. Tôi chợt nghĩ đến cung cách lịch sự, những câu chào hỏi, những nụ cười, điều mà trong mấy năm nay không xảy đến với tôi, và tôi

đã phải xuống tay giết người mới được đối xử như là con người.

“Sao em lại khóc?” Tôi hỏi nàng, “Chúng ta chưa được an toàn hẳn đâu. Tây Ban Nha đầy rẫy những nhân viên Gestapo ra đây. Ta phải ra khỏi nơi này càng nhanh càng tốt.”

Chúng tôi ngủ lại trong một ngôi làng nhỏ bé. Tôi muốn bỏ chiếc xe lại ở một nơi nào đó và đón tàu lửa thì hơn. Nhưng tôi quyết định không làm như vậy. Tây Ban Nha chưa an toàn. Phương tiện di chuyển nhanh nhất vẫn là tốt nhất. Một điều khó hiểu là chiếc xe bỗng dưng trở thành một thứ bùa hộ mệnh u uẩn. Mức hoàn hảo về kỹ thuật của nó khiến tôi không còn sợ hãi nó nữa. Việc tôi cần đến chiếc xe giúp tôi quên đi câu chuyện về Georg. Hẳn ta đã là mối đe dọa treo lủng lẳng trên cuộc sống của tôi quá lâu. Giờ thì hẳn đã chết và tôi cảm thấy đó còn hơn là một sự khuấy khỏa nữa. Tôi nhớ lại tên cốt đột với nụ cười; hẳn vẫn còn sống và có lẽ đang tìm ra chỗ chúng tôi trú ngụ bằng đường điện thoại. Nước nào cũng có thủ tục dẫn độ vì tội giết người. Nhưng đó chỉ là trường hợp tự vệ, song tôi sẽ phải chứng minh điều đó tại thành phố nơi xảy ra tội ác.

Mãi tận khuya hôm sau chúng tôi mới đến biên giới Bồ Đào Nha. Trên đường đi tôi xin được nhập cảnh không khó khăn. Đến biên giới tôi để Helen ngồi lại trong xe, máy vẫn chạy đều. Nếu có gì trục trặc, nàng sẽ khởi động ngay, lái xe thẳng về phía tôi cho tôi nhảy lên, rồi thế là chúng tôi vượt qua phía bên Bồ Đào Nha. Chúng tôi sẽ không gặp phải nhiều trở ngại lắm đâu. Đây chỉ là một trạm kiểm soát nhỏ thôi, và trước khi lính biên phòng có đủ thì giờ nhắm bắn vào bóng đêm thì chúng tôi đã cao chạy xa bay rồi. Nhưng điều gì sẽ xảy đến tại Bồ lại là vấn đề khác.

Chẳng có gì xảy ra. Lính biên phòng mặc đồng phục đứng giữa bóng đêm đầy bão tố giống như những nhân vật trong bức họa của Goya<sup>[\*]</sup>. Họ đưa tay chào và chúng tôi lái xe thẳng qua trạm kiểm soát của Bồ Đào Nha, nơi đây chúng tôi được chấp nhận cho nhập cảnh cũng dễ dàng như thế. Vừa lúc chúng tôi cho xe chạy đi, một người lính biên phòng chạy đuổi theo, la với

theo bảo chúng tôi cho xe ngừng lại. Sau một lúc do dự tôi vẫn tuân thủ ngay vì nếu tôi cứ tiếp tục đi thì đến thành phố kế tiếp chúng tôi cũng bị chặn lại dễ dàng thôi. Thế nên tôi dừng xe lại, nín thở.

Người lính bước tới.

“Cuốn carnet của ông,” Y nói, “Ông bỏ quên nó trên bàn. Lúc trở về ông cần đến nó đấy.”

“Cảm ơn nhiều.”

Sau lưng tôi đưa bé buông ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Trong một lúc chính tôi cũng cảm thấy như không còn trọng lượng nữa.

“Bây giờ cháu đã đến Bồ Đào Nha rồi đó,” Tôi nói với đứa bé.

Nó từ từ lấy tay khỏi miệng và lần đầu tiên nó dựa ngửa người ra sau. Trong suốt cuộc hành trình, nó cứ thu gọn mình chồm tới trước.

Làng mạc vùn vụt lướt nhanh hai bên xe. Xa xa có tiếng chó sủa. Ngọn lửa ở lò rèn rực lên trong buổi sáng sớm; người thợ rèn đang đóng móng cho con ngựa trắng. Mưa đã tạnh. Tôi chờ đợi cái cảm giác thanh thản mà tôi ngóng đợi từ lâu song nó không đến. Cảnh tôi. Helen ngồi lặng yên. Tôi thêm muốn được cảm thấy mình hạnh phúc, nhưng tâm hồn tôi sao vẫn thấy trống rỗng.

Đến Lisbon tôi gọi điện thoại đến tòa lãnh sự Hoa Kỳ tại Marseille. Tôi thuật lại cho họ nghe những sự cố xảy ra cho đến lúc Georg xuất hiện. Người đàn ông ở đầu dây đằng kia nói thế thì tốt và tôi được an toàn rồi. Tôi chỉ được anh ta hứa nếu có hộ chiếu cấp cho tôi, thì anh ta sẽ gửi chuyển tiếp qua tòa lãnh sự tại Lisbon.

Chiếc xe đã che chở chúng tôi trong bao lâu nay cần phải vứt bỏ lại.

“Bán nó đi, anh ạ,” Helen đề nghị.

“Sao ta lại không lặn nó xuống biển tại một nơi nào đó cho rảnh.”

“Như thế cũng chẳng thay đổi được gì,” Nàng đáp, “Anh đang cần tiền. Bán nó đi.”

Nàng nói có lý. Bán nó đi rất dễ thôi. Người mua bảo sẽ trả mọi khoản thuế và cho người sơn xe lại màu đen. Y là tay buôn bán. Tôi lấy tên Georg đứng bán. Một tuần lễ sau tôi gặp lại nó mang bảng số Bồ Đào Nha. Tại Lisbon này có khá nhiều xe giống như thế; tôi nhận ra được là nhờ cái hình nổi dập trên cái chắn bùn bên trái. Tôi đốt giấy hộ chiếu của Georg đi.

Schwarz nhìn đồng hồ, rồi nói tiếp:

— Cũng chẳng còn gì nhiều để kể. Cứ mỗi tuần một lần tôi đến tòa lãnh sự. Có một thời gian chúng tôi ghé chân tại khách sạn bằng tiền bán xe. Tôi muốn cho Helen được hưởng thật nhiều tiện nghi. Tôi tìm ra được một bác sĩ chịu giúp nàng mua thêm thuốc giảm đau. Tôi lại còn đưa nàng đến sòng bạc nữa cơ đấy. Muốn đến đó tôi phải mượn một chiếc áo smoking. Helen vẫn giữ chiếc áo dạ hội mua ở Paris, và tôi mua thêm cho nàng đôi dép vàng. Các thứ khác của nàng tôi đã bỏ quên lại Marseille. Ông có biết sòng bạc chứ?

— Vâng, rủ thay cho tôi. Đêm qua tôi có đến đó. Đó là một sai lầm.

— Tôi muốn nàng vui chơi, - Schwarz nói, - Nàng được bạc luôn. Phải nói là nàng đang gặp vận may khó tin nổi. Nàng tung đại thẻ tiền ra và tiền cứ thế nàng lừa vào.

Những ngày sau cùng chẳng có liên quan gì đến thực tại. Như thể cuộc sống tại lâu đài trước kia diễn trở lại. Cả hai chúng tôi đều dựng lên một màn kịch nhỏ; song đây là lần đầu tiên tôi có cảm giác nàng hoàn toàn thuộc về tôi, tuy nàng vẫn trượt khỏi tay tôi từng giờ để ngã vào đôi cánh tay của người tình tàn nhẫn nhất. Nàng chưa tuân phục hẳn ta, song nàng thôi không phấn đấu nữa. Đã qua bao đêm rồi nàng khóc lóc thảm thiết trong nỗi giày vò ray rứt. Nhưng tiếp theo là những khoảnh khắc huyền ảo, lúc mà âu yếm, sâu thẳm, khôn ngoan, và yêu thương vượt ngoài giới hạn của thân xác đạt đến cường độ mãnh liệt khiến tôi không dám nhúc nhích sợ nó vỡ tan. Có một đêm nàng bảo tôi, và đó cũng là lần duy nhất nàng đề cập đến điều đó: “Chúng mình sẽ không cùng nhau thấy được vùng đất hứa của anh đâu.”

Chiều hôm ấy, tôi đưa nàng đến gặp bác sĩ. Giờ bỗng nhiên tôi bị tràn ngập ý thức về một sự chống đối bất lực của người không giữ được cái mình yêu dấu. Bằng giọng nghẹn ngào tôi nói: “Helen ạ, chúng mình sao phải thế này?”

Rồi đến cái ngày mà tòa lãnh sự báo cho tôi hay điều không thể tin được đã xảy đến. Hai hộ chiếu đã đến rồi. Một ý nghĩ ngông cuồng qua một cuộc gặp gỡ tình cờ đã làm nên việc mà bao nhiêu lời cầu khẩn vô vọng không thực hiện nổi. Tôi bật cười. Chứng động kinh đấy. Nếu bạn còn cười được, thì còn rất nhiều chuyện đáng cười trong cái thế giới ngày hôm nay. Ông đồng ý chứ?

— Có điều là đôi lúc chúng ta cũng phải ngừng cười, - Tôi nói.

— Điều lạ lùng trong câu chuyện là vào những ngày sau cùng chúng tôi cười thật nhiều, - Schwarz nói tiếp, - Chúng tôi có cảm tưởng như đứng trong cảng, khuất mọi luồng gió. Nỗi niềm cay đắng đã vơi cạn rồi, nước mắt không còn nữa, và nỗi đau khổ của chúng tôi trở nên trong suốt đến mức lắm khi nó không còn phân biệt được với cái vẻ tươi vui ảo não chua chát. Chúng tôi dọn đến một căn hộ nhỏ nhắn. Mù quáng đến độ không tin được tôi cứ tiến hành dự án trốn qua Hoa Kỳ. Đợi một thời gian khá lâu chẳng có tàu bè gì. Thế rồi sau cùng người ta thông báo có tàu đi. Tôi bán bức tranh Degas cuối cùng để mua vé. Tôi chứa chan hạnh phúc. Bất chấp mọi thứ! Bất chấp cả chẩn đoán của bác sĩ!

Tàu ra khơi được hoãn lại ít ngày. Rồi ngày hôm kia tôi trở lại văn phòng hàng hải. Ngày nhổ neo được định là ngày hôm nay. Tôi báo cho Helen biết và ra phố mua sắm vài thứ. Lúc tôi trở về, nàng đã chết. Tất cả những tấm kính trong phòng bị đập vỡ nát. Chiếc áo dạ hội của nàng bị xé rách bươm vương vãi trên sàn nhà. Nàng nằm sóng soài bên cạnh nó; nàng không nằm trên giường.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là nàng bị kẻ trộm giết. Rồi sau lại cho là nhân viên Gestapo giết, nhưng đúng ra là chúng phải giết tôi chứ không phải nàng. Chỉ đến lúc thấy trong phòng chẳng có gì hư hại ngoài mấy tấm kính soi mặt và chiếc áo dạ hội, tôi mới

hiểu ra. Tôi sực nhớ đến liều thuốc độc tôi đã giao cho nàng, mà nàng bảo đã đánh rơi mất. Tôi đứng nhìn sững một lúc rồi tìm kiếm thư để lại. Chẳng có thư nào cả. Chẳng có gì cả. Nàng ra đi chẳng có một lời để lại. Ông hiểu được điều đó chẳng?

— Vâng, tôi hiểu, - Tôi đáp.

— Ông hiểu à?

— Vâng, tôi hiểu chứ, - Tôi đáp lại, - Chị ấy có thể viết gì nào?

— Viết ít chữ gì đó. À mà... Hoặc là...

Hắn trở lại im lặng. Có lẽ hắn đang nghĩ đến những lời trời trăng sau cùng, đến kỷ vật sau cùng của tình yêu, đến một cái gì đó mà hắn có thể mang theo vào cõi cô đơn. Hắn đã vứt bỏ đi rất nhiều suy nghĩ thường tình, nhưng hình như không rút bỏ được ý nghĩ này.

— Một khi chị ấy đã bắt đầu viết, - Tôi giải thích thêm, - Chẳng bao giờ chị ấy ngưng lại được. Không viết mà chị ấy còn có thể nói với ông lại nhiều hơn là chị ấy nói thành lời.

Hắn trầm ngâm suy nghĩ.

— Ông có trông thấy thông báo ở Sở hàng hải chưa? - Hắn hỏi nhỏ, - Hoãn lại hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Phải chi nàng biết thì nàng đã sống thêm được một ngày rồi.

— Không đâu.

— Nàng không muốn đi mà. Chính vì thế mà nàng tự vẫn.

Tôi lắc đầu.

— Nàng không chịu nổi cơn đau được lâu hơn nữa. - Tôi nói.

— Tôi không thể tin như vậy được. - Hắn đáp lại, - Tại sao nàng lại làm việc ấy khi mà mọi sự đã thu xếp xong cho chuyến đi? Hay nàng nghĩ sẽ không được chấp nhận vào Hoa Kỳ với chứng bệnh của nàng?

— Ta cứ để cho một người đàn bà hấp hối tự quyết định lấy khi họ đã cùng đường rồi có hơn không? - Tôi nói, - Thiết tưởng ta chỉ có thể làm thế thôi.

Hắn nhìn tôi.

— Nàng đã chịu đựng tới mức hết chịu đựng được nữa rồi. - Tôi nói, - Vì lợi ích của chính ông, ông không chịu thấy điều đó



sao? Chỉ vì lợi ích của ông thôi. Một khi nàng biết ông được cứu thoát, nàng bỏ cuộc.

— Nhưng nếu tôi đã không đến nỗi mù quáng như vậy thì sao? Nếu tôi không cứ nằng nặc đòi sang Hoa Kỳ?

— Ông Schwarz ạ, - Tôi nói, - Như thế cũng chẳng chữa cho chị ấy khỏi bệnh được.

Hắn lúc lắc cái đầu trông đến là lạ kỳ.

— Nàng chết rồi. - Hắn thì thào, - Thế rồi đột nhiên tưởng như chẳng bao giờ có mặt nàng trên quả đất này. Tôi nhìn nàng và chẳng được lấy một câu trả lời. Tôi đã làm gì? Tôi đã giết nàng hay tôi đã mang hạnh phúc lại cho nàng? Nàng yêu tôi hay tôi chỉ là cái nạng chống nàng tì người lên đó khi nó vừa với nàng? Tôi không tìm được câu trả lời.

— Ông cần phải có câu trả lời sao?

— Không, - Hắn đáp, - Cho tôi xin lỗi. Có lẽ là không thật.

— Không có câu trả lời đâu. Không bao giờ có. Chỉ trừ câu trả lời tự ta tìm ra.

— Tôi vừa kể ông nghe xong câu chuyện, - Một lát sau hắn lại nói tiếp, - Vì tôi cần biết. Cuộc đời tôi là cái gì? Phải chăng nó là một cuộc đời trống rỗng, vô nghĩa, cuộc đời của anh chàng bị cấm sừng lại vô dụng, một tên sát nhân...?

— Tôi cũng không biết nữa, - Tôi nói, - Hay nếu ông thích hơn, thì đó cũng là cuộc đời của một kẻ đã yêu, hay là ông thấy từ này hấp dẫn ông, thì đó là cuộc sống của một loại thánh. Nhưng từ gọi thì phỏng có ích gì? Chỉ biết đó là cuộc sống của ông. Như thế chưa đủ sao?

— Trước kia thì đủ. Nhưng còn bây giờ?

— Nó vẫn còn sống mãi cùng với ông.

— Chỉ có chúng ta là kẻ gìn giữ nó, - Schwarz nói khẽ, - Ông và tôi, chẳng ai khác.

Hắn lại nhìn tôi:

— Xin đừng quên điều đó. Có người đã bảo tôi như thế. Cuộc sống ấy không được chết. Chỉ có ông và tôi. Với tôi nó không an toàn rồi. Nhưng nó không được chết. Nó phải sống tiếp. Với ông thì nó an toàn đấy.

Lòng băn khoăn hoài nghi, một cảm giác lạ lùng xâm chiếm lấy tôi. Người đàn ông này muốn gì? Gã muốn lưu truyền lại cho tôi cái quá khứ của mình cùng với thẻ thông hành chẳng? Gã đang tính chuyện tự vẫn nữa chẳng?

— Tại sao cuộc sống ấy trong ông lại phải chết? - Tôi hỏi, - Ông vẫn tiếp tục sống cho mà xem, ông Schwarz ạ.

— Tôi không tự tử đâu, - Schwarz điềm tĩnh nói, - Tôi sẽ không tự tử chừng nào tôi biết rằng tên sát nhân với nụ cười nọ vẫn còn sống. Nhưng tâm trí tôi sẽ cố hủy diệt kỷ niệm ấy, ngấu nghiến nó thành mảnh vụn, bóp nát nó, nghiền tạo nó đi, thuần hóa nó, biến nó thành cái gì đó mới để có thể tiếp tục sống với hình ảnh ấy được. Từ đây đến mấy tuần nữa thôi là tôi đã không thể nói những gì tôi nói với ông ngày hôm nay. Chính vì thế mà tôi muốn lắng nghe tôi. Ông không thể giả mạo câu chuyện được vì đối với ông nó chẳng có chút gì nguy hiểm cả. Và ở một nơi nào đó nó phải tồn tại.

Bỗng nhiên hắn lộ vẻ vô cùng tuyệt vọng:

— Ai đó phải giữ cho nó nguyên vẹn, ít ra cũng trong một thời gian.

Hắn rút trong túi ra hai tấm hộ chiếu rồi đặt xuống trước mặt tôi.

— Đây có cả hộ chiếu của Helen nữa. Vé thì ông đã có rồi. Giờ chỉ còn phải xin dấu nhập cảnh Hoa Kỳ cho cả hai người. Một thoáng cười nụ phớt lên khuôn mặt hắn rồi hắn lại rơi vào im lặng.

Tôi vờ lấy hai thẻ hộ chiếu. Và bằng một cố gắng tột bực tôi mới hỏi hắn được:

— Thật tình ông không còn cần đến chúng nữa chứ?

— Để trao đổi, ông cho tôi xin hộ chiếu của ông, - Hắn nói, - Tôi chỉ cần đến trong một hai ngày thôi. Chỉ dùng để qua biên giới thôi mà.

Tôi nhìn hắn sửng sốt.

— Trong đoàn quân chí nguyện họ không đòi hỏi thông hành. Tôi khỏi cần cho ông hay là họ chấp nhận người tị nạn. Và chừng nào những tên man rợ loại tên Nụ cười còn sống thì tự

vẫn đối với tôi là một tội ác. Việc gì phải phung phí một mạng sống có thể dùng để chiến đấu chống lại chúng?

Tôi lấy thông hành của tôi trong túi ra đưa cho hắn.

— Cảm ơn ông. - Tôi nói, - Cảm ơn ông đối với tất cả tấm lòng, ông Schwarz ạ.

— Lại còn một ít tiền đây. Tôi chẳng cần đến nhiều tiền nữa đâu.

Schwarz nhìn đồng hồ:

— Còn một việc nữa tôi muốn nhờ ông, chẳng hay có được không? Trong nửa tiếng nữa người ta sẽ đến lấy xác nàng. Ông vui lòng cùng đi với tôi nhé?

— Vâng.

Schwarz tính tiền trả. Chúng tôi bước vào buổi sáng ngợp nắng chói chang.

Ngoài kia con tàu nằm đợi, trắng bạc bập bềnh trên sông Tagus.

Tôi đứng trong phòng cạnh Schwarz. Khung kính vẫn còn trên tường trống rỗng. Mảnh kính vỡ đã được dọn dẹp.

— Tôi có nên sống với nàng đêm cuối cùng chẳng? - Schwarz hỏi.

— Thì ông đã sống với nàng rồi đấy.

Trong cổ áo quan, người đàn bà nằm như người chết vẫn thường nằm. Khuôn mặt nàng trông vô cùng xa vắng. Chẳng có gì khiến nàng phải suy tư lo lắng nữa, cả Schwarz, cả tôi và cả chính nàng nữa cũng thế thôi. Không còn có thể hình dung trước đây trông nàng như thế nào. Nằm kia chỉ là pho tượng, và chỉ có mình Schwarz còn giữ lại hình ảnh của nàng lúc nàng còn thở. Nhưng giờ đây Schwarz biết chắc tôi cũng chia sẻ với hắn.

— Chỉ còn lại ít lá thư... - Hắn chép miệng nói, - Mới chỉ hôm qua đây thôi...

Hắn lấy trong ngăn kéo ra vài lá thư.

— Tôi chưa đọc đến, - Hắn nói, - Ông lấy hết đi.

Tôi cầm lấy xấp thư và sắp sửa đặt vào quan tài. Sau tôi chợt nghĩ ra điều hay hơn. Giờ đây, rốt cuộc người chết chỉ thuộc về

một mình Schwarz, hay ít ra gã cũng đã nghĩ như vậy. Thư của người khác giữ thì không hợp. Gã không muốn nàng đem theo với nàng, nhưng mặt khác gã không muốn hủy chúng đi, bởi dẫu sao cũng là của nàng.

— Thôi, để tôi cất vậy. - Tôi nói và cho xấp thư vào túi, - Chúng đã mất hết ý nghĩa rồi, không bằng một tờ giấy bạc nhỏ đủ mua một đĩa xúp.

— Chỉ là những cặp nạng chống đỡ thôi. - Hấn đáp lại, - Tôi hiểu. Đã có lần nàng gọi mấy xấp thư là nạng chống nàng cần đến để mãi mãi được chung thủy với tôi. Ông hiểu ra điều đó chứ? Thật vô lý...

— Không vô lý đâu. - Tôi đáp. Và một cách rất thận trọng, bằng cả tấm lòng thương cảm, tôi nói, - Ông không để chị ấy yên được sao? Chị ấy đã yêu ông và đã sống cùng ông trọn cuộc đời mà.

Hấn gật đầu. Bỗng nhiên trông hấn suy nhược hẳn.

— Đây chính là điều tôi muốn biết, - Hấn khẽ nói.

Không khí trong phòng rất nóng, thi hài người chết, mùi bốc cay mũi, ruồi nhặng, những mẩu nến cháy dở, và ánh nắng bên ngoài. Schwarz bắt gặp ánh mắt nhìn tôi.

— Một người đàn bà giúp đỡ tôi, - Hấn kể lể, - Thật là khó sống trên một đất nước xa lạ. Bác sĩ. Cảnh sát. Chúng bắt nàng đi. Rồi đêm qua chúng đưa nàng về lại. Cuộc giải phẫu. Nguyên nhân cái chết.

Hấn nhìn tôi tuyệt vọng.

— Họ... Một phần của nàng đã đi rồi... Họ bảo tôi đừng cởi áo nàng ra.

Phu đám ma đến. Nấp áo quan được đậy lại. Schwarz hầu như ngất xỉu.

— Tôi sẽ đi cùng ông, - Tôi nói.

Nơi chôn cất không xa lắm. Buổi sáng rực rỡ ánh nắng và có gió thổi lùa như con chó chăn cừu đang đuổi theo đám mây bông bành. Tại nghĩa địa, Schwarz đứng lặng yên, dáng người thu nhỏ lại bơ vơ dưới vòm trời mênh mông.

— Ông có muốn trở về căn hộ của ông không? - Tôi hỏi hấn.

— Không.

Hắn có mang theo chiếc va li.

— Ông có quen ai cạo sửa được giấy thông hành không? - Tôi hỏi.

— Gregorius. Tuần trước y có đến đây.

Chúng tôi đến gặp Gregorius. Y nhanh chóng cạo sửa hộ chiếu của tôi cho Schwarz, công việc chẳng cần tỉ mỉ quá. Schwarz có mang theo người tắm thẻ do trạm tuyển mộ chí nguyện quân cấp. Hắn chỉ còn phải qua biên giới là xong. Một khi đã đến đồn quân chí nguyện, hắn có thể ném thẻ hộ chiếu của tôi được rồi. Liên đoàn quân chí nguyện không quan tâm đến quá khứ.

— Đứa bé mà ông mang đến Lisbon giờ ra sao rồi? - Tôi hỏi.

— Cậu nó chẳng ư gì nó, nhưng đứa bé vẫn thấy sung sướng. Nó nghĩ thà bị người trong gia đình ghét bỏ còn hơn là người ngoài.

Tôi nhìn vào người đàn ông hiện giờ đã mang tên tôi.

— Tôi chúc ông thật nhiều may mắn, - Tôi nói, cố tránh không gọi hắn bằng tên Schwarz nữa. Tôi chưa nghĩ ra được một tên nào khác để gọi.

— Chắc tôi sẽ không còn gặp lại ông nữa. - Hắn nói, - Thôi thế cũng được. Tôi đã kể ông nghe quá nhiều rồi nên chẳng phải gặp ông lại làm gì nữa.

Tôi không chắc như thế đâu. Có thể hắn còn muốn gặp lại tôi sau này cũng chính vì lý do đó. Chỉ có tôi, gã tin như thế, là giữ được hình ảnh nguyên vẹn về cuộc đời của hắn. Nhưng điều đó có thể khiến hắn ghét tôi. Có thể hắn nghĩ tôi đã tách vợ hắn ra khỏi hắn, và lần này không thể đảo ngược lại được. Nếu thực tình hắn tin như vậy thì đúng là trí nhớ hắn lừa gạt hắn và chỉ có ký ức của tôi là vẫn còn trong sáng.

Tôi thấy hắn đi lần xuống phố, tay xách va li, một hình ảnh thảm hại, một người mãi mãi bị cấm sừng và là một người tình dửng cảm. Nhưng chẳng phải là hắn đã chiếm hữu được người đàn bà hắn yêu một cách sâu đậm hơn tất cả những tay chinh phục ngu xuẩn kia sao? Mà thật ra chúng ta chiếm hữu được gì? Tại sao chúng ta lại phải nhặng xị lên về những điều mà suy

cho cùng chỉ cho ta vay mượn trong một thời gian thôi? Và tại sao lại có câu chuyện này về mức độ chiếm hữu, khi mà cái từ “chiếm hữu” viễn vông kia chỉ có nghĩa là ôm lấy không khí thôi?

Tôi có mang theo người tẩm ảnh hộ chiếu của vợ tôi. Những ngày ấy lúc nào ta cũng cần có sẵn ảnh cho những giấy tờ tùy thân. Gregorius bắt tay vào việc ngay. Tôi ngồi lại với y chờ đợi. Tôi sợ để thất lạc hai giấy thông hành của chúng tôi.

Đến trưa thì xong. Tôi chạy nhanh về cái xó nơi chúng tôi đang sống. Ruth ngồi bên cửa sổ, nhìn đám con ngư phủ chơi ngoài sân.

— Anh đánh mất rồi hả? - Nàng hỏi khi thấy tôi hiện ra ở bực cửa.

Tôi cầm đưa cao tẩm hộ chiếu lên.

— Ngày mai là chúng mình đi. Ta sẽ mang tên khác, mỗi người một tên, và chúng ta sẽ phải làm đám cưới lần nữa khi qua được Hoa Kỳ.

Tôi chẳng bận tâm gì lắm về việc lúc ấy tôi mang hộ chiếu của một người có thể đang bị truy lùng về tội sát nhân. Chúng tôi ra khơi vào chiều hôm sau và đến Hoa Kỳ không mấy khó khăn. Nhưng giấy hộ chiếu của cặp tình nhân không đem may mắn lại cho chúng tôi. Sáu tháng sau, Ruth phải ly dị với tôi. Để tạo vẻ bề ngoài hợp pháp, trước tiên chúng tôi lại phải làm đám cưới. Về sau, Ruth lấy một người Hoa Kỳ giàu có vốn đã chịu đứng ra bảo lãnh cho Schwarz. Cả câu chuyện khiến anh ta sửng sốt, vì quá buồn cười không nói nên lời được. Trong lễ cưới thứ hai của chúng tôi, anh ta là phù rể. Một tuần lễ sau, chúng tôi ly dị tại Mehico.

Thời gian chiến tranh còn lại tôi ở Hoa Kỳ. Điều khá lạ lùng là tôi bắt đầu thích hội họa, một ngành mà trước đây với tôi hầu như chẳng có ý nghĩa gì cả, chẳng qua chỉ là một di sản, tôi thấy thế, được thừa hưởng của ông Schwarz xa xôi kỳ dị nào đó nay đã chết rồi. Tôi cũng thường nghĩ tới gã Schwarz thứ hai nay chắc vẫn còn sống, và cả hai Schwarz hiện lên như bóng ma khuất sau lớp sương mù đôi khi tôi cảm thấy hiện diện bên mình. Dường như nó còn tác động đến tôi nữa kia, dù tôi biết những ý nghĩ ấy hoàn toàn là vô lý. Sau rồi tôi kiếm được chỗ

làm tại một cửa hàng mỹ nghệ, và trong phòng tôi treo khá nhiều ấn bản sao tranh của Degas mà sau này tôi đâm ra say mê.

Tôi thường nhớ đến Helen, mà tôi chỉ được trông thấy lúc chết thôi. Và trong một thời gian, dạo tôi sống một mình, tôi lại còn mơ đến nàng nữa. Đêm đầu tiên ngoài khơi, tôi ném xấp thư Schwarz đưa cho tôi xuống biển mà chẳng đọc qua. Trong một phong bì, tay tôi nắm thấy một vật cứng nhỏ. Tôi lấy nó ra trong bóng tối. Lát sau, dưới ánh đèn điện, mới biết đó là một miếng hổ phách bằng phẳng trong đó cách đây hàng ngàn năm có chú ruồi bé tí bị bắt nhốt và hóa đá. Tôi vẫn còn giữ nó, cuộc chiến đấu để sống còn của chú ruồi ấy mà, được bảo tồn trong chiếc lồng những giọt nước mắt vàng, trong khi đó đồng loại của nó đã đóng thành băng hoặc bị ăn, và bị đánh bại khỏi mặt trái đất.

Sau chiến tranh tôi trở về châu Âu. Tôi gặp ít nhiều khó khăn trong việc lập lại lý lịch của mình, vì lúc bấy giờ có cả hàng ngàn thành viên của cái chủng tộc thượng đẳng tại Đức đang tìm cách đánh mất lý lịch của chúng. Về phần Schwarz, tôi chẳng được tin tức gì thêm nữa. Có một lần tôi đến Osnabruck hỏi thăm về hắn, tuy tôi quên mất tên thật của hắn rồi. Song cả thành phố đang trong cảnh hoang tàn, chẳng có ai nghe nói đến hắn, mà cũng chẳng ai buồn quan tâm đến. Trên đường ra ga, tôi tưởng nhận ra gã. Tôi chạy theo. Nhưng đó chỉ là một nhân viên bưu điện tên là Jansen và có ba con.

**HẾT**

## • CHÚ THÍCH •

*\*Đỉnh Ararat: núi nằm ở phía đông Thổ Nhĩ Kỳ là nơi tàu cứu rỗi của ông Nôe đổ bộ vào, theo kinh Cựu ước. \*Lazarus: nhân vật trong Kinh thánh, được chúa Giê-xu làm phép sống lại, tuy hạ huyết đã ba ngày. \*Thỏa ước Munich: thỏa ước ký ngày 29-9-1938 tại Munich, giữa Anh, Pháp, Ý và Đức, theo đó Đức được quyền chiếm vùng Sudetenland ở đông bắc Tiệp Khắc. \*SS: tên gọi tắt chỉ đơn vị xung kích trong quân đội Đức quốc xã, chuyên bảo vệ thủ lĩnh đảng. \*Osnabruck: thành phố thuộc hạt Hanover, nay thuộc Tây Đức*

*\*Louvres: tên chỉ cung điện nhà vua Pháp. Từ năm 1791 Louvres được sung làm viện bảo tàng. \*Monet: họa sĩ người Pháp, tiêu biểu cho phái ấn tượng. \*Anschluss: vụ Đức quốc xã thôn tính nước Áo năm 1938. \*Ingres: họa sĩ người Pháp. \*Deas: họa sĩ người Pháp. \*Champs Elysées: một trong những đại lộ đẹp và lớn nhất của Paris. \*Renoir: danh họa người Pháp. \*Hai họa sĩ người Pháp. \*Ám chỉ đảng Quốc xã. \*Gestapo: tên gọi tắt cơ quan mật vụ Đức quốc xã. \*Luxembourg: tên công viên lớn ở Paris*

*\*La Concorde: quảng trường lớn ở Paris, đầu đại lộ Champs Elysées. \*Breslau: thành phố của Ba Lan. \*Sudelenland: lãnh thổ cận biên đông bắc khu tứ giác Bohemen thuộc Tiệp Khắc. \*Rhin: tên con sông lớn của châu Âu, nằm về phía tây bắt nguồn từ Thụy Sĩ, chảy qua Pháp, Đức. \*Lethe: tên con sông ở địa ngục, uống nước sông này, linh hồn người chết quên được hết mọi sự.*

*\*SA: tên gọi tắt của Sturmabteilung. \*Aryan: từ dùng chỉ các dân tộc thời cổ gốc miền đông địa Trung Hải tràn qua chiếm bắc Ấn độ. Nay được dùng để chỉ nhóm dân tộc da trắng nói chung, mà không dựa trên cơ sở khoa học nào. Từ đó Hitler dựng nên thuyết thuần chủng cực kỳ phản động. \*Goebbels: bộ trưởng tuyên truyền thông tin của Đức quốc xã. \*Hess: chính trị gia của Đức quốc xã.*

*\*Osnabruck: tên một thành phố Đức thuộc hạt Saxo Hạ, nơi kí hiệp ước Westphalia năm 1648. \*Munster: một thành phố Đức, nay thuộc CHLB Đức. \*Hòa ước Wesphalia: được ký kết năm 1648 tại Munster và Osnabruck giữa Đức, Pháp và Thụy điển để chấm dứt*



cuộc chiến tranh 30 năm. \*Prometheus: theo thần thoại Hy Lạp, là Thần Lửa, vị thần khởi xướng nền văn minh nhân loại. Sau khi lấy đất bùn nặn nên hình người, vị thần này đánh cắp lửa trời thả vào đáy biển tạo nên linh hồn cho con người. \*Quốc trưởng: chỉ Hitler

\*Mata Hari: tên một nữ gián điệp gốc Hà Lan, nổi tiếng trong đại chiến thứ nhất, sau bị Pháp xử bắn. \*Đế chế Ngàn năm: Hitler tin rằng đế tam đế chế của hắn sẽ tồn tại đến cả ngàn năm. \*Tòa án Dị giáo: Một hệ thống tòa án do giáo hội La Mã thời Trung cổ lập nên để truy tầm và trừng phạt những người theo giáo phái khác.

\*Truyện thần thoại Hy Lạp: Hero là nữ tư tế của nữ thần ái tình Aphrodite. Leander, người tình của nàng, đêm đêm lội qua sông Hellespont để gặp nàng. Đến một đêm nọ, chàng chết chìm. Hero cũng trầm mình xuống sông chết theo chàng. \*Moselle: tên con sông chảy qua vùng tây châu Âu, ranh giới giữa Pháp và Tây Đức. Cũng là một tỉnh nổi tiếng về rượu. \*Bourgogne: Rượu nổi tiếng của một tỉnh miền đông nước Pháp, nổi tiếng trong chế biến rượu chát đỏ và trắng. \*Achilles: một anh hùng theo thần thoại Hy Lạp, nhân vật trong trường ca Hiade của Homere. \*Chén thánh: theo Kinh thánh, là chén của chúa Ki-tô dùng trong bữa ăn sau cùng với các môn đệ và sau được dùng để hứng lấy máu nhỏ xuống từ vết thương lúc bị đóng đinh trên cây thập tự. \*Đám cưới vàng: ngày mừng kỷ niệm lần thứ năm mươi lễ cưới của hai vợ chồng. \*Bộ (foot): đơn vị đo chiều dài của Anh bằng 0,3048m. \*Van Gogh: họa sĩ người Hòa Lan, cuối đời mắc chứng thần kinh. \*Belfort: một tỉnh của Pháp, phía đông Paris. \*Mussolini: người sáng lập và thủ lĩnh đảng Phát xít Ý, đồng minh của Hitler. \*Locarno, Lugano: hai thành phố du lịch nghỉ mát thuộc tỉnh Ticino phía nam Thụy Sĩ, tiếp cận với Ý. \*Vệ nữ (Venus): Nữ thần Ái tình theo thần thoại La Mã. Theo thần thoại Hy Lạp là nữ thần Aphrodite. \*Les Halles: khu buôn bán lương thực thực phẩm ở quận 1 Paris. [\*]Don Quixote: tên nhân vật của nhà văn Tây Ban Nha nổi tiếng thế kỷ XVII Cervantes. Don Quixote đóng vai nghĩa hiệp, bệnh vực kẻ yếu kém, chống lại kẻ thù tưởng tượng. \*Pao (pound): đơn vị đo trọng lượng Anh, bằng 153 gram. \*Camembert: tên một loại phó mát đặc sắc

của Pháp. \*Vouvray: một địa phương nông nghiệp chuyên sản xuất rượu vang trắng và rượu vang sủi bọt. \*Provence: tỉnh miền đông nam nước Pháp, trên bờ địa Trung Hải. \*Pyrénées: dãy núi phía tây nam nước Pháp, tiếp giáp với Tây Ban Nha. \*100, 120, 140, 160 độ: nhiệt độ tính theo hệ thống Fahrenheit. Muốn tính độ Fahrenheit ra độ bách phân, ta trừ 32, nhân 5 chia 9. Vậy 100F: 37C (thân nhiệt). \*Thánh George: thánh tử đạo dưới thời hoàng đế Diocletien của La Mã vào cuối thế kỷ III đầu thế kỷ IV. \*Alsace: vùng miền đông nước Pháp nằm trên sông Rhin. Năm 1871 nhượng lại cho Đức theo hiệp ước Francfort; năm 1918 thuộc Pháp. Đế chế thứ Ba của Đức thôn tính từ 1940 đến 1944. Năm 1945 lại thuộc Pháp. \*Amazon: trong thần thoại Hy Lạp chỉ những chiến sĩ phụ nữ sống ở vùng Cappadoce. Theo nghĩa rộng, chỉ người phụ nữ cao lớn, khỏe mạnh, nam tính nhiều hơn nữ tính. \*Greta Garbo: nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng của Hoa Kỳ vào lúc bắt đầu có phim nói.

\*Pétain: Nguyên soái Pháp, thắng trận Verdun năm 1916. Chủ tịch nội các Pháp năm 1940, ký hiệp ước đình chiến với Đức năm 1940, lập chính phủ đông tại Vichy, thỏa hiệp với Đức. Bị kết án tử hình năm 1945, sau cải án thành cầm cố chung thân. \*Maginot: chiến lũy thiết lập tại biên giới miền đông nước Pháp từ 1927 đến 1936, lấy tên của tổng trưởng chiến tranh Pháp. Nước Pháp rất tự hào và tin tưởng vào chiến lũy này. \*Quốc ca của Đức. \*Nguyên văn tiếng Pháp trong bản tiếng Đức: *Quelle histoire d'amour!* \*Biển đỏ: Biển nằm giữa Ả Rập và Ai Cập, ăn thông qua địa Trung Hải bằng kênh đào Suez. Theo Kinh thánh (Cựu ước), dân Do Thái sau một thời gian qua đất Ai Cập lập nghiệp, trở về quê hương dưới sự dẫn dắt của Môise, theo lời Chúa phán. Đường về phải qua vùng hoang mạc Ai Cập và vượt Biển đỏ. \*Áo domino: áo choàng rộng có đính mặt nạ mặc trong những buổi khiêu vũ giả trang. \*Don Juan: nhân vật huyền thoại Tây Ban Nha, nổi tiếng về khoa tán gái, độc ác và kiêu ngạo. \*Minuet: điệu vũ nhịp  $\frac{3}{4}$ , nhảy thành nhiều cặp, du nhập vào Pháp thế kỷ XVII. \*Kiểu rococo: kiểu kiến trúc ở châu Âu cuối thế kỷ XVIII. \*Algiers: thủ đô Algeria, bắc châu Phi. \*Granada: thành phố miền nam Tây Ban Nha. \*Bayonne: thành phố cảng Tây Nam của Pháp, trên bờ đại Tây Dương. \*Calvaire:

nơi Chúa Giêxu thọ hình; ý nói con đường gian khổ đau thương.

*\*Babonnet: tên gọi một hiệu rượu nổi tiếng của Pháp. \*Pernod: tên gọi một hiệu rượu hồi cũng của Pháp.*

*\*Mười hai chặng đường thập tự giá: Theo kinh Tân Ước, trước khi lên đến núi So (Calvaire) để thọ hình, chúa Giêxu phải vác cây thập tự qua mười hai đoạn đường.*

*\*Biarritz: thành phố thuộc hạt Bayonne, tây nam nước Pháp, nơi nghỉ mát và chữa bệnh nằm trên bờ đại Tây Dương.*

*\*Theo kinh thánh Cựu Ước, dân Do Thái chạy trốn vua Ai Cập trở về quê hương phải vượt qua Biển đỏ. Lúc bấy giờ Chúa làm phép lạ, rẽ nước biển để họ đi qua bình yên.*

*\*Oran: thành phố thuộc nước Algérie, nằm trên bờ địa Trung Hải.*

*\*Canebière: đại lộ lớn ở Marseille dẫn ra cảng.*

*\*Perpignan: thành phố phía đông dãy núi Pyrénées miền tây nam nước Pháp, nằm trên bờ địa Trung Hải.*

*\*Ý chỉ nhà độc tài Franco của Tây Ban Nha thời đó.*

*\*Goya (Francisco de): họa sĩ nổi tiếng người Tây Ban Nha (1746 - 1828).*

# Table of Contents

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[• CHÚ THÍCH •](#)